

TS. NGUYỄN THÀNH NHÂN



HƯỚNG DẪN

**GIẢI CÁC DẠNG BÀI TẬP
TỪ CÁC ĐỀ THI QUỐC GIA**
(Tốt nghiệp - tuyển sinh...)

MÔN
LỊCH SỬ
**CỦA BỘ GIÁO DỤC
& ĐÀO TẠO**

- ✓ Dành cho HS lớp 12 chương trình chuẩn và nâng cao
- ✓ Biên soạn theo nội dung và định hướng ra đề thi mới của Bộ GD&ĐT



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS. NGUYỄN THÀNH NHÂN

HƯỚNG DẪN GIẢI CÁC DẠNG BÀI TẬP TỪ CÁC ĐỀ THI QUỐC GIA

(Tốt nghiệp - tuyển sinh...)

MÔN

LỊCH SỬ

CỦA BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

✓ Dành cho HS lớp 12 chương trình chuẩn và nâng cao.

✓ Biên soạn theo nội dung và định hướng ra đề thi mới của Bộ GD&ĐT

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Để giúp các em học sinh có thêm tài liệu ôn luyện tốt và có thể đạt kết quả cao trong kì thi quốc gia (tốt nghiệp, tuyển sinh...) do Bộ GD&ĐT tổ chức sắp đến, chúng tôi biên soạn cuốn *“Hướng dẫn giải các dạng bài tập từ các đề thi quốc gia môn Lịch sử”*.

Cuốn sách được biên soạn dựa vào kiến thức trọng tâm trong sách giáo khoa và chương trình chuẩn kiến thức Lịch sử lớp 12 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tham khảo hệ thống các đề thi tuyển sinh đại học – cao đẳng từ năm 2002 đến năm 2008. Việc biên soạn nhằm giúp học sinh nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản của từng bài, từng chương và cả khoá trình; biết cách trả lời các câu hỏi mang tính tổng hợp, câu hỏi mang tính phân hoá giúp các em có đủ tự tin khi bước vào phòng thi.

Sách được biên soạn thành 2 phần: Phần A: Hệ thống kiến thức cơ bản mà học sinh cần nắm và một số đề thi đại học và cao đẳng của Bộ GD&ĐT từ năm 2002 đến năm 2008, phần này chúng tôi hệ thống kiến thức cơ bản theo từng bài, từng giai đoạn. Cuối mỗi phần chúng tôi tổng hợp các đề thi đại học – cao đẳng có liên quan đến kiến thức cơ bản đã trình bày. Phần B: Một số câu hỏi tổng hợp giúp các em tham khảo.

Chúng tôi hi vọng quyển sách này sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho các thí sinh. Mặc dù biên soạn khá kĩ lưỡng nhưng cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi mong nhận được sự góp ý chân thành của quý đồng nghiệp và bạn đọc để cuốn sách hoàn thiện hơn.

Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ:

- **Trung tâm sách giáo dục Anpha**

225C Nguyễn Tri Phương, P.9, Q.5, Tp. HCM.

- **Công ty sách - thiết bị giáo dục Anpha**

50 Nguyễn Văn Sáng, Quận Tân Phú, TP.HCM

ĐT: 08.62676463, 38547464.

Email: alphabookcenter@yahoo.com

Tác giả

MỤC LỤC

A. Hệ thống kiến thức cơ bản học sinh cần nắm

và một số đề thi đại học và cao đẳng từ năm 2002 đến 2008..... 5

Phần lịch sử thế giới..... 5

I. Bối cảnh quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai..... 5

II. Liên xô và các nước đông âu (1945-1991), liên bang nga (từ 1991 đến nay) 7

III. Các nước Á, Phi và Mỹ la tinh (từ 1945 đến nay) 13

IV. Mĩ - Tây âu - Nhật bản (Từ 1945 đến nay) 30

V. Quan hệ quốc tế từ 1974 đến nay..... 41

VI. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa..... 46

Phần lịch sử việt nam từ 1919 đến năm 2000..... 53

I. Những kiến thức cơ bản của lịch sử việt nam từ năm 1918 đến năm 1930 53

II. Những kiến thức cơ bản của lịch sử việt nam từ năm 1930 đến năm 1945..... 76

III. Những kiến thức cơ bản của lịch sử việt nam từ năm 1945 đến năm 1954 .. 111

IV. Những kiến thức cơ bản của lịch sử việt nam từ năm 1954 đến năm 1975 .. 149

V. Việt nam từ năm 1975 đến nay..... 182

B. Một số câu hỏi tổng hợp..... 192

A. HỆ THỐNG KIẾN THỨC CƠ BẢN HỌC SINH CẦN NẮM VÀ MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN NĂM 2008

PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI

I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh

- Đầu năm 1945, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra trước các cường quốc Đồng minh:
 - + Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
 - + Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
 - + Phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.
- Trong bối cảnh đó, một hội nghị quốc tế được triệu tập tại I-an-ta (Liên Xô) từ ngày 04 đến ngày 11/02/1945 với sự tham dự của nguyên thủ ba cường quốc là Xta-lin (Liên Xô), Ru-đơ-ven (Mỹ) và Séc-sin (Anh). Hội nghị đưa ra những quyết định quan trọng:
 - + Xác định mục tiêu chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, trong thời gian từ 2 đến 3 tháng sau khi đánh bại nước Đức phát xít, Liên Xô sẽ tham gia chống Nhật ở châu Á.
 - + Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
 - + Thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.
- Toàn bộ những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, thường được gọi là Trật tự hai cực I-an-ta.

2. Sự thành lập Liên hợp quốc

a. Sự thành lập

- Từ ngày 25/4 đến ngày 26/6/1945, một hội nghị quốc tế lớn đã được triệu tập tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) với sự tham gia của đại biểu 50 nước để thông qua bản Hiến chương và tuyên bố thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- Ngày 24/10/1945, với sự phê chuẩn của Quốc hội các nước thành viên, bản Hiến chương chính thức có hiệu lực.

b. Mục đích và nguyên tắc hoạt động

- Là văn kiện quan trọng nhất của Liên hợp quốc, Hiến chương nêu rõ mục đích của tổ chức này là duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết định của các dân tộc.

- Để thực hiện các mục đích đó, Liên hợp quốc hoạt động theo những nguyên tắc sau:

+ Quyền bình đẳng giữa các quốc gia và quyền tự quyết định của các dân tộc.

+ Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

+ Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

+ Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

+ Chung sống hoà bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc).

c. Vai trò của Liên hợp quốc

- Liên hợp quốc đã trở thành một diễn đàn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới. Liên hợp quốc đã có nhiều cố gắng trong việc giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột ở nhiều khu vực, thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế, giúp đỡ các dân tộc về quốc tế, văn hoá, giáo dục, y tế, nhân đạo,...

- Đến năm 2008, Liên hợp quốc có 192 quốc gia thành viên.

- Tháng 9/1977, Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

- Ngày 16/10/2007, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã bầu Việt Nam là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kì 2008-2009.

3. Sự hình thành hai hệ thống - Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa

- Ngay sau chiến tranh, thế giới đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng với xu hướng hình thành hai phe - Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa - đối lập nhau gay gắt.

- Tại Hội nghị Potsdam, ba cường quốc đã thỏa thuận việc phân chia các khu vực chiếm đóng và kiểm soát nước Đức sau chiến tranh: Liên Xô chiếm đóng phía đông Đức, Anh chiếm đóng vùng tây bắc, Mỹ chiếm vùng nam Pháp một phần lãnh thổ phía tây. Sau đó, Anh, Mỹ và Pháp hợp nhất các khu vực chiếm đóng, lập ra nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức (9/1949) ở Tây Đức. Tháng 10/1949, được sự giúp đỡ của Liên Xô, nhà nước Cộng hòa dân chủ Đức được thành lập ở Đông Đức.

- Trong những năm 1945 - 1947, các nước Đông Âu đã tiến hành nhiều cách cách quan trọng. Liên Xô cùng các nước Đông Âu kí kết nhiều hiệp ước tại đòi về kinh tế.

- Năm 1949, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập. Mối quan hệ giữa Liên Xô và các nước Đông Âu ngày càng được củng cố, từng bước hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa.

- Sau chiến tranh, Mỹ đề ra "Kế hoạch phục hưng châu Âu", nhằm viện trợ các nước Tây Âu, khôi phục kinh tế tăng cường ảnh hưởng và sự khống chế của Mỹ đối với các nước này.

Như vậy, ở châu Âu đã xuất hiện sự đối lập về chính trị và kinh tế giữa hai khối nước: Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa.

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN 2008

Câu hỏi: Hoàn cảnh, mục đích, nguyên tắc hoạt động và các cơ quan chính của tổ chức Liên hợp quốc.

(Đề thi Trường CĐ Công đồng Trà Vinh – năm 2004, phần tự chọn).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

** Hoàn cảnh:*

Từ ngày 25/4 – 26/6/1945, Hội nghị đại biểu của 50 nước họp tại Xan Phan-xi-xcô (Mỹ) để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

** Mục đích:*

- Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.
- Thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các nước trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng giữa các quốc gia và nguyên tắc dân tộc tự quyết.

** Nguyên tắc hoạt động:*

- Quyền bình đẳng giữa các quốc gia và quyền dân tộc tự quyết.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
- Giải quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hoà bình.
- Nguyên tắc nhất trí giữa 5 cường quốc: Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào.

** Các cơ quan chính:*

- Đại hội đồng: Hội nghị của tất cả các nước thành viên, họp mỗi năm 1 lần để thảo luận những vấn đề có liên quan thuộc phạm vi Hiến chương đã quy định. Trong Hội nghị, những quyết định các vấn đề quan trọng phải được thông qua với 2/3 số phiếu, vấn đề ít quan trọng hơn thì thông qua với đa số phiếu.
- Hội đồng Bảo an: Cơ quan chính trị quan trọng nhất và hoạt động thường xuyên, mọi quyết định của Hội đồng Bảo an được thông qua với sự nhất trí của 5 uỷ viên thường trực. Hội đồng Bảo an không phục tùng Đại hội đồng.
- Ban Thư kí: Cơ quan hành chính của Liên hợp quốc đứng đầu là Tổng Thư kí do Đại hội đồng bầu ra 5 năm 1 lần theo sự giới thiệu của Hội đồng Bảo an. Ngoài ra, Liên hợp quốc còn có hàng trăm tổ chức chuyên môn khác.

II. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945-1991), LIÊN BANG NGA (TỪ 1991 ĐẾN NAY)

1. Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 1970

a. Liên Xô

** Công cuộc khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1950)*

- Liên Xô là nước chịu những tổn thất nặng nề trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Với tinh thần tự lực tự cường Liên Xô đã hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946-1950) trong vòng 4 năm 3 tháng.

** Liên Xô tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1950 - nửa đầu những năm 70)*

- Liên Xô đã thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội và thu được nhiều thành tựu lớn.

+ Công nghiệp: Liên Xô trở thành cường quốc đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ).

+ Nông nghiệp: Đạt nhiều thành tựu. Sản lượng tăng hàng năm là 16%.

+ Khoa học - kĩ thuật:

Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.

Năm 1961, Liên Xô đã phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái Đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

- Trong lĩnh vực xã hội có nhiều biến đổi:

+ Tỷ lệ công nhân chiếm hơn 55% số lượng lao động cả nước.

+ Xã hội luôn được ổn định tương đối về chính trị.

+ Trình độ học vấn được nâng cao, 3/4 số dân có trình độ trung học và đại học.

b. Các nước Đông Âu

** Việc thành lập nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu*

Trong những năm 1944 - 1945, các nước Đông Âu đã nổi dậy giành chính quyền, thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân Ba Lan, Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Tiệp Khắc, Liên bang Nam Tư, An-ba-ni, Bun-ga-ri.

** Các nước Đông Âu xây dựng chủ nghĩa xã hội*

- Trong những năm 1950 - 1975, các nước Đông Âu đã thực hiện nhiều kế hoạch 5 năm nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội trong tình hình khó khăn, phức tạp.

- Các nước Đông Âu đã tiến hành xây dựng nền công nghiệp dân tộc, điện khí hóa toàn quốc, nâng cao sản lượng công nghiệp lên hàng chục lần.

- Nông nghiệp phát triển nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu lương thực và thực phẩm của nhân dân.

- Trình độ khoa học - kĩ thuật được nâng cao rõ rệt.

Từ những nước nghèo, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã trở thành các quốc gia công - nông nghiệp.

c. Quan hệ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu

** Quan hệ kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật*

- Ngày 08/01/1949, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập.

Mục tiêu: Tăng cường sự hợp tác, thúc đẩy sự tiến bộ khoa học - kĩ thuật, thu hẹp dần sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các nước thành viên.

- Sau hơn 20 hoạt động, SEV đã đạt được một số thành tựu trong việc giúp đỡ các nước thành viên, thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế và kỹ thuật, không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân.

Tuy nhiên, SEV cũng đã bộc lộ một số thiếu sót: Không hòa nhập với đời sống kinh tế thế giới, chưa coi trọng việc áp dụng đầy đủ những tiến bộ khoa học và công nghệ, sự hợp tác gặp nhiều trở ngại do cơ chế quan liêu, bao cấp.

** Quan hệ chính trị - quân sự*

- Ngày 14/5/1955, Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va ra đời.

Mục tiêu: Thành lập liên minh phòng thủ về quân sự và chính trị của các nước chủ nghĩa xã hội giữa Liên Xô và Đông Âu nhằm chống lại âm mưu gây chiến, xâm lược của khối NATO do đế quốc Mỹ cầm đầu.

- Sau hơn 20 năm tồn tại, Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va có vai trò to lớn trong việc giữ gìn hoà bình, an ninh ở châu Âu và thế giới.

2. Liên Xô và các nước Đông Âu giữa những năm 1970 đến năm 1991

a. Sự khủng hoảng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô

- Năm 1973, cuộc khủng hoảng dầu mỏ đã tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh tế, chính trị, tài chính của nhiều nước trên thế giới. Liên Xô chậm đề ra những biện pháp sửa đổi để thích ứng với tình hình mới. Đến cuối những năm 70 – đầu những năm 80 của thế kỷ XX, nền kinh tế Liên Xô dần bộc lộ những dấu hiệu suy thoái.

- Tháng 3/1985, M. Góóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô, tiến hành công cuộc cải tổ đất nước.

- Sau 6 năm tiến hành cải tổ, do phạm nhiều sai lầm nên tình hình không được cải thiện, đất nước Xô viết lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện.

- Tháng 08/1991, một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước tiến hành đảo chính nhằm lật đổ Góóc-ba-chốp nhưng thất bại.

Ngày 21/12/1991, lãnh đạo 11 nước cộng hòa trong Liên bang đã kí Hiệp định thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG). Nhà nước Liên bang Xô viết tan rã.

- Ngày 25/12/1991, Tổng thống Góóc-ba-chốp từ chức, lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Krem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự chấm dứt chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sau 74 năm tồn tại.

b. Sự khủng hoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu

- Cuộc khủng hoảng dầu mỏ 1973 tác động mạnh đến nền kinh tế của các nước Đông Âu. Vào những năm cuối thập niên 70 – đầu thập niên 80, nền kinh tế Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ. Lòng tin của nhân dân các nước này ngày càng giảm, nổi bất bình tăng lên cùng với sự sa sút về mọi mặt trong cuộc sống.

- Các nước Đông Âu lần lượt xa rời chủ nghĩa xã hội, tuyên bố là nước cộng hòa.
- Ngày 03/10/1990, nước Đức đã thống nhất với tên gọi là nước Cộng hòa Liên bang Đức.

c. Nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu

- Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện. Thêm vào đó là sự thiếu dân chủ và công bằng đã khơi sâu bất mãn trong quần chúng.
- Không bắt kịp bước phát triển của khoa học - kĩ thuật tiên tiến, dẫn đến tình trạng về khủng hoảng kinh tế - xã hội.
- Khi tiến hành cải tổ lại phạm phải sai lầm trên nhiều mặt, làm cho chúng khủng hoảng thêm trầm trọng.
- Sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước.

3. Liên bang Nga trong thập niên 90 (1991-2000)

- Liên bang Nga là quốc gia kế tục Liên Xô trong các quan hệ quốc tế.
- Kinh tế:
 - + Năm 1990 – 1995, tốc độ tăng trưởng GDP/năm luôn là số âm.
 - + Từ năm 1996, kinh tế bắt đầu hồi phục.
 - + Năm 1997, tốc độ tăng trưởng 0,5%.
 - + Năm 2000, tốc độ tăng trưởng lên đến 9%.
- Chính trị: Tháng 12/1993, Hiến pháp Liên bang Nga được ban hành, quy định thể chế Tổng thống Liên bang.
- Đối nội: Sự tranh chấp giữa các đảng phái và xung đột sắc tộc là hai thách thức lớn.
- Đối ngoại: Một mặt nước Nga ngả về phương Tây, mặt khác lại khắc phục và phát triển mối quan hệ với các nước châu Á (Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN...).
- Năm 2002, Pu-tin lên làm Tổng thống, nước Nga có nhiều chuyển biến khả quan: kinh tế phát triển, chính trị - xã hội ổn định, vị thế quốc tế được nâng cao.

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN NĂM 2008

Câu hỏi: *Những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70.*
(Đề thi Trường CĐSP Trà Vinh - Trường CĐ Cộng đồng Trà Vinh, năm 2003 phần tự chọn).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

** Hoàn cảnh:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, uy tín chính trị và địa vị Liên Xô được nâng cao trên trường quốc tế. Tuy nhiên, Chiến tranh thế giới thứ hai đã tàn phá đất nước với những tổn thất nặng nề: khoảng 27 triệu người chết, 1.710 thành phố và hơn 70.000 làng mạc bị thiêu hủy, 32.000 nhà máy, xí nghiệp bị tàn phá, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.
- Bên ngoài: Các nước phương Tây (do Mỹ cầm đầu) đã thực hiện chính sách thù địch với Liên Xô, tiến hành “Chiến tranh lạnh”, tích cực chạy đua vũ trang, bao vây kinh tế nhằm chuẩn bị một cuộc chiến tranh tổng lực để tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

** Những thành tựu chủ yếu:*

- Để đưa đất nước vượt qua thời kì khó khăn, nhân dân Liên Xô đã khẩn trương tiến hành công cuộc hàn gắn các vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước, hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946-1950) trong vòng 4 năm 3 tháng.
- Từ năm 1950, Liên Xô đã thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn: kế hoạch 5 năm lần thứ năm (1951-1955), lần thứ sáu (1956-1960)... nhằm tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội và đã thu được nhiều thành tựu to lớn.
- Đến giữa những năm 70, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ), chiếm khoảng 20% tổng sản lượng công nghiệp thế giới. Tốc độ tăng trưởng bình quân của công nghiệp Liên Xô là 9,6%. Về sản xuất nông nghiệp, riêng năm 1970, Liên Xô đã đạt được sản lượng và năng suất ngũ cốc cao chưa từng có với 186 triệu tấn ngũ cốc, năng suất trung bình 15,6 tạ/hécta.
- Về khoa học - kĩ thuật: Liên Xô chiếm nhiều đỉnh cao ở các lĩnh vực vật lí, hóa học, điện tử, điều khiển học, khoa học vũ trụ...
- + 1949: Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- + 1957: Là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
- + 1961: Phóng con tàu vũ trụ Phương Đông bay vòng quanh Trái Đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người, dẫn đầu thế giới về chuyến bay dài ngày trong vũ trụ.
- Đứng đầu thế giới về trình độ học vấn của nhân dân với gần 3/4 dân số có trình độ đại học và trung học, trên 30 triệu người làm việc trí óc, công nhân chiếm 1/2 số người lao động trong cả nước.

- Đầu những năm 70, bằng việc kí kết với Mỹ các hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) và về một số biện pháp nhằm hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (SALT-1, SALT-2), Liên Xô đã đạt thể cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh lực lượng hạt nhân nói riêng với Mỹ và các nước phương Tây.

Câu hỏi: *Nêu những thành tựu nổi bật của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1945 đến giữa những năm 70. Ý nghĩa lịch sử của những thành tựu đó.*

(Đề thi Trường CDSP Hà Nam, năm 2006, dành cho thí sinh học chương trình không phân ban).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. *Mở đầu:* Nêu khái quát những khó khăn cơ bản của đất nước và hoàn cảnh quốc tế sau chiến tranh ảnh hưởng đến Liên Xô và nhiệm vụ đặt ra cho Liên Xô.

2. *Nội dung*

a. *Những thành tựu nổi bật của Liên Xô (1945 - 1970)*

Từ 1946 – 1950: Liên Xô thực hiện thắng lợi và vượt mức kế hoạch khôi phục kinh tế 5 năm. Từ năm 1950 trở đi, Liên Xô đã thực hiện hàng loạt kế hoạch 5 năm và đạt được những thành tựu to lớn về mọi mặt.

+ Về kinh tế: 1950, tổng sản lượng công nghiệp tăng 73% so với trước chiến tranh, một số ngành công nghiệp vượt mức trước chiến tranh.

Năm 1972, sản lượng công nghiệp tăng 321 lần so với năm 1922, chiếm 20% của thế giới, thu nhập bình quân tăng khoảng 120 lần đứng thứ 2 sau Mỹ và đi đầu trong một số ngành công nghiệp mới: vũ trụ, công nghiệp điện, nguyên tử.

+ Về khoa học - kĩ thuật:

Năm 1949, chế tạo thành công bom nguyên tử; 1957 là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo bay vào quỹ đạo Trái Đất, năm 1961 là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái Đất mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

+ Về quân sự: Từ 1972, qua một số hiệp ước, hiệp định về hạn chế vũ khí chiến lược, Liên Xô đã đạt được thể cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và vũ khí hạt nhân nói riêng.

b. *Ý nghĩa*

- Những thành tựu đó có ý nghĩa lớn lao về quân sự, chính trị: Làm đảo lộn toàn bộ chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ và đồng minh của chúng, tăng cường củng cố hoà bình và thúc đẩy cách mạng thế giới phát triển.

- Tuy nhiên, trong công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội Liên Xô cũng mắc phải một số sai lầm tác động xấu đến nền kinh tế Liên Xô.

III. CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MỸ LA-TINH (TỪ 1945 ĐẾN NAY)

I. Các nước Đông Bắc Á

a. Nét chung về khu vực Đông Bắc Á

- Đông Bắc Á là khu vực rộng lớn, đông dân nhất thế giới và có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Bắc Á (trừ Nhật Bản) đều bị chủ nghĩa thực dân nô dịch.
- Từ nửa sau thế kỉ XX, khu vực Đông Bắc Á đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế, đời sống nhân dân được cải thiện.

b. Trung Quốc

* Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc và thành tựu 10 năm xây dựng chế độ mới (1949-1959)

- Sự thành lập:

+ Sau chiến tranh chống Nhật kết thúc, từ năm 1946 đến năm 1949 ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến giữa Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản.

+ Cuối năm 1949, nội chiến kết thúc.

+ Ngày 01/10/1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập.

- Ý nghĩa:

+ Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Trung Quốc đã hoàn thành, chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc, xóa bỏ tàn dư phong kiến, đưa nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

+ Ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

- Thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới:

+ Nhiệm vụ hàng đầu của nhân dân Trung Quốc là đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và giáo dục.

+ Trên cơ sở thắng lợi của công cuộc khôi phục kinh tế, cải cách ruộng đất, cải tạo công thương nghiệp, phát triển văn hóa, giáo dục trong những năm 1950-1952, Trung Quốc đã thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên (1953-1957). Nhờ nỗ lực lao động của toàn dân và sự giúp đỡ Liên Xô, kế hoạch 5 năm đã hoàn thành thắng lợi. Bộ mặt đất nước có những thay đổi rõ rệt.

- Về đối ngoại:

+ Trung Quốc thi hành chính sách tích cực nhằm củng cố hòa bình và thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

+ Ngày 18/01/1950, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

b. Trung Quốc 20 năm không ổn định (1959-1978)

- Về đối nội

+ Từ năm 1959 đến 1978, Trung Quốc lâm vào tình trạng không ổn định về kinh tế, chính trị và xã hội. Với việc đề ra và thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng" từ năm 1958 ("Đường lối chung", "Đại nhảy vọt", "Công xã nhân dân"), các nhà lãnh đạo Trung Quốc hy vọng nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

+ Hậu quả là từ cuối năm 1958 đến đầu 1959, nạn đói diễn ra trầm trọng trong cả nước, đời sống nhân dân khó khăn, sản xuất ngừng trệ, đất nước không ổn định.

+ Những khó khăn về kinh tế đã dẫn đến biến động về chính trị. Năm 1959, Lưu Thiếu Kỳ được cử làm Chủ tịch nước, Mao Trạch Đông làm Chủ tịch Đảng Cộng sản. Trong nội bộ ban lãnh đạo Trung Quốc xảy ra sự bất đồng gay gắt về đường lối dẫn tới cuộc tranh giành quyền lực, đỉnh cao là cuộc "Đại cách mạng văn hóa vô sản" (1966-1968).

+ Trong những năm 1968-1978, trong nội bộ ban lãnh đạo Trung Quốc vẫn tiếp tục diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt thanh trừng, lật đổ lẫn nhau.

- Về đối ngoại

+ Trung Quốc ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ xâm lược của nhân dân Việt Nam cũng như cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Á, Phi và Mỹ La-tinh.

+ Cùng trong thời kì này, đã xảy ra cuộc xung đột biên giới giữa Trung Quốc với Ấn Độ (1962), giữa Trung Quốc với Liên Xô (1969).

+ Tháng 02/1972, Tổng thống Mỹ Ních-xon sang thăm Trung Quốc, mở đầu quan hệ mới theo hướng hòa dịu giữa hai nước.

** Công cuộc cải cách – mở cửa (từ năm 1978)*

+ Tháng 12/1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc vạch ra đường lối mới. Đường lối này nâng lên thành đường lối chung của Đại hội XII (9/1982), đặc biệt là Đại hội XIII (10/1987) của Đảng: lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa linh hoạt hơn, nhằm hiện đại hóa và xây dựng chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc, với mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

+ Từ khi thực hiện đường lối cải cách, đất nước Trung Quốc đã có những biến đổi căn bản. Sau 20 năm (1979-1998), nền kinh tế Trung Quốc tiến bộ nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

+ Nền khoa học - kĩ thuật, văn hóa, giáo dục Trung Quốc đạt những thành tựu khá cao.

- Về đối ngoại:

Chính sách của Trung Quốc có nhiều thay đổi, vai trò và địa vị quốc tế ngày càng được nâng cao.

Trung Quốc đã thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông (7/1997) và Ma Cao (12/1999). Đài Loan là một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc, nhưng đến nay vẫn nằm ngoài sự kiểm soát của nước này.

2. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ

a. Các nước Đông Nam Á

* Sự thành lập các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á

- Vài nét chung về quá trình đấu tranh giành độc lập

+ Khu vực Đông Nam Á rộng 4,5 triệu m², hiện nay gồm 11 quốc gia với số dân 536 triệu người (2002).

+ Đông Nam Á vốn là thuộc địa của các nước đế quốc Âu - Mỹ (trừ Thái Lan), trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á bị biến thành thuộc địa của Nhật Bản.

+ Tận dụng thời cơ Nhật đầu hàng Đồng minh, giữa tháng 8/1945, nhân dân Đông Nam Á đứng lên đấu tranh, nhiều nước đã giành được độc lập, hoặc đã giải phóng phần lớn lãnh thổ khỏi tay quân phiệt Nhật Bản.

+ Nhưng ngay sau đó, thực dân Âu - Mỹ quay trở lại tái chiếm Đông Nam Á. Nhân dân các nước lại phải tiến hành kháng chiến chống xâm lược.

+ Các nước lần lượt giành được độc lập: In-đô-nê-xi-a (1949), Phi-líp-pin (1946), Miến Điện (1948), Mã Lai (1957), Xin-ga-po (1959), Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia (1975), Bru-nây (1984), Đông Ti-mo (2002).

- Lào (1945-1975)

+ Giai đoạn 1945-1954: Kháng chiến chống Pháp

* Giữa tháng 8/1945, Nhật đầu hàng Đồng minh. Nắm bắt thời cơ, ngày 23/8/1945, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền. Ngày 12/10, Chính phủ Dân tộc ra mắt quốc dân và tuyên bố nền độc lập của Lào.

* Tháng 3/1946, thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào.

* Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào ngày càng phát triển.

* Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ (7/1954) đã công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào, thừa nhận địa vị hợp pháp của các lực lượng kháng chiến Lào.

+ Giai đoạn 1954-1975: Kháng chiến chống Mỹ

* Ngày 22-2-1955: Đảng Nhân dân cách mạng Lào thành lập lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ.

* Đầu những năm 60: Vùng giải phóng Lào chiếm 2/3 đất đai và hơn 1/3 dân số cả nước.

* 1964-1973: Đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" và "chiến tranh đặc biệt tăng cường" của Mỹ.

* 21-2-1973: Kí Hiệp định Viêng Chăn lập lại hoà bình, thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào.

* Từ tháng 5 đến tháng 12-1975: Nhân dân nổi dậy và giành chính quyền trong cả nước.

* 2-12-1975: Nước cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào thành lập, cách mạng Lào bước sang thời kì mới xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Cam-pu-chia (1945-1951)*

+ Giai đoạn 1945-1954: Kháng chiến chống Pháp

* Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược, nhân dân Cam-pu-chia phải đứng lên kháng chiến

* Tháng 4-1950: Mặt trận Dân tộc thống nhất và Chính phủ kháng chiến ra đời

* Tháng 6-1951: Lực lượng vũ trang thành lập

* Tháng 7-1951: Đảng Nhân dân cách mạng Cam-pu-chia ra đời.

* 1954: Phối hợp với quân đội Việt Nam, thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, lập lại hoà bình ở Đông Dương.

+ Giai đoạn 1954-1975

* Từ năm 1954 đến đầu năm 1970, Chính phủ Xi-ha-núc thực hiện đường lối hoà bình, trung lập, không tham gia bất cứ khối liên minh quân sự, chính trị nào; tiếp nhận viện trợ từ mọi phía miễn là không có điều kiện ràng buộc.

* Ngày 18/3/1970, Chính phủ Xi-ha-núc bị lật đổ bởi các thế lực tay sai Mỹ. Từ đây, nhân dân Cam-pu-chia sát cánh cùng nhân dân Việt Nam và Lào tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, từng bước giành thắng lợi.

* Ngày 17/4/1975, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Cam-pu-chia kết thúc.

- Giai đoạn 1975-1991

* Ngay sau đó, tập đoàn Kơ-me đỏ do Pôn Pốt cầm đầu đã phản bội cách mạng, thi hành các chính sách diệt chủng, tàn sát hàng triệu người dân vô tội.

* Nhân dân Cam-pu-chia được sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, đã nổi dậy đánh đuổi tập đoàn Kơ-me đỏ. Ngày 7/1/1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, Cộng hoà Nhân dân Cam-pu-chia được thành lập. Cam-pu-chia bước vào thời kì hồi sinh, xây dựng lại đất nước.

* Từ năm 1979, ở Cam-pu-chia diễn ra cuộc nội chiến kéo dài hơn một thập niên giữa lực lượng của Đảng Nhân dân cách mạng với các phe phái đối lập chủ yếu là lực lượng Kơ-me đỏ.

* Với sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, các bên Cam-pu-chia đã đi đến thoả thuận hoà giải, hoà hợp dân tộc. Ngày 23/10/1991, Hiệp định hoà bình về Cam-pu-chia được kí kết tại Pa-ri.

* Sau cuộc tổng tuyển cử tháng 9/1993, Quốc hội mới đã thông qua Hiến pháp, tuyên bố thành lập Vương quốc Cam-pu-chia do N.Xi-ha-núc làm Quốc vương. Từ đó đời sống chính trị và kinh tế của nhân dân Cam-pu-chia bước sang một thời kì phát triển mới.

b. Quá trình xây dựng và phát triển của các nước Đông Nam Á

Các nước Đông Nam Á sau khi giành độc lập đã bước vào thời kì phát triển kinh tế. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng đất nước, các nước trong khu vực đã thực hiện chiến lược phát triển kinh tế khác nhau.

- Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN

+ Sau khi giành được độc lập, nhóm 5 nước ASEAN (In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan) đều tiến hành công nghiệp hoá, thay thế nhập khẩu (chiến lược kinh tế hướng nội) với mục tiêu nhanh chóng xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.

+ Thực hiện chiến lược kinh tế hướng nội, các nước này đã đạt một số thành tựu bước đầu về kinh tế - xã hội.

+ Từ những năm 60-70 trở đi, chuyển sang chiến lược công nghiệp hoá, lấy xuất khẩu làm chủ đạo (chiến lược kinh tế hướng ngoại). Các nước này đều tiến hành "mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật của nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.

+ Sau khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại, bộ mặt kinh tế - xã hội của các nước này có sự biến đổi to lớn. Tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân cao hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.

- Nhóm các nước Đông Dương

+ Vào những năm 80-90 của thế kỉ XX, các nước này từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.

+ Lào đã đạt được một số thành tựu bước đầu, nhưng về căn bản Lào vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu. Từ cuối năm 1986, nước Lào thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế có sự khởi sắc, đời sống các bộ tộc được cải thiện.

+ Cam-pu-chia bước vào thời kì phục hồi kinh tế và đạt được một số thành tựu đáng kể nhưng Cam-pu-chia vẫn là một nước nông nghiệp.

- Các nước khác ở Đông Nam Á

+ Bru-nây: Hầu như toàn bộ thu nhập của nước này đều dựa vào nguồn dầu mỏ và khí tự nhiên. Lương thực, thực phẩm phải nhập đến 80%. Từ giữa những năm 80 của thế kỉ XX, chính phủ thi hành chính sách đa dạng hoá nền kinh tế để tiết kiệm nguồn năng lượng dự trữ, gia tăng các mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

+ Mi-an-ma: Tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm chạp. Từ cuối năm 1998, chính phủ tiến hành cải cách kinh tế và "mở cửa", do đó nền kinh tế có sự khởi sắc.

** Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN*

- Sự ra đời của tổ chức ASEAN

+ Sau khi giành được độc lập, bước vào một thời kì phát triển kinh tế trong điều kiện rất khó khăn, nhiều nước trong khu vực thấy cần có sự hợp tác với nhau để cùng phát triển.

+ Các nước Đông Nam Á muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực, nhất là khi thấy cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Đông Dương đang bị sa lầy và thất bại là không tránh khỏi.

+ Những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều, những thành công của Khối thị trường chung châu Âu (EEC) đã cổ vũ các nước Đông Nam Á tìm cách liên kết với nhau.

+ Ngày 8/8/1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.

- Sự phát triển

+ Trong giai đoạn đầu (1967-1975), ASEAN là một tổ chức non yếu, sự hợp tác trong khu vực còn lỏng lẻo, chưa có vị trí trên trường quốc tế. Sự khởi sắc của ASEAN được đánh dấu từ Hội nghị cấp cao lần thứ nhất họp tại Ba-li (In-đô-nê-xi-a). Tháng 2/1976, với Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (gọi tắt là Hiệp ước Ba-li).

+ Vào thời điểm này, quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN bước đầu được cải thiện. Hai nhóm nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao và bắt đầu có những chuyến viếng thăm lẫn nhau của các lãnh đạo cấp cao.

+ Năm 1984, Bru-nây gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN.

+ Từ đầu những năm 90, ASEAN tiếp tục mở rộng thành viên của mình trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều thuận lợi.

+ Ngày 22/7/1992, Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Ba-li. Tiếp đó, tháng 7/1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN. Tháng 9/1997, Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN, tháng 4/1999, Cam-pu-chia được kết nạp vào tổ chức này.

Như vậy, từ 5 nước sáng lập ban đầu, đến năm 1999, ASEAN đã phát triển thành 10 nước thành viên. Từ đây, ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định cùng phát triển.

b. Ấn Độ

* Các cuộc đấu tranh giành độc lập.

- Ấn Độ là một nước rộng lớn và đông dân thứ 2 ở châu Á.

- Sau chiến tranh thế giới thứ 2, cuộc đấu tranh chống thực dân Anh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại phát triển mạnh mẽ.

- Trước sức ép của phong trào đấu tranh, thực dân Anh buộc phải nhượng bộ chia nước này thành 2 quốc gia trên cơ sở tôn giáo: Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo và Pa-ki-xtan của người theo Hồi giáo. Ngày 15/8/1947, hai nước tự trị Ấn Độ và Pa-ki-xtan được thành lập.

- Đảng Quốc đại lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập hoàn toàn. Ngày 26/1/1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hoà.

- Sự thành lập nước cộng hoà Ấn Độ có ảnh hưởng quan trọng đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

* Công cuộc xây dựng đất nước

- Kinh tế

+ Đạt được nhiều thành tựu về công nghiệp và nông nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng, chế tạo máy, xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại.

+ Nhờ tiến hành cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã tự túc được lương thực. Từ năm 1995, Ấn Độ là nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ 3 trên thế giới.

- Khoa học, kĩ thuật và văn hoá giáo dục

+ Có những bước tiến nhanh chóng và hiện nay đang cố gắng vươn lên hàng các cường quốc về công nghiệp phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ.

+ Cuộc “cách mạng chất xám” đã đưa Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới.

- Về đối ngoại

+ Ấn Độ theo đuổi chính sách hoà bình, trung lập tích cực, luôn ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc.

+ Ngày 7/1/1972, Ấn Độ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

3. *Các nước Châu Phi Và Mỹ La-tinh*

1. *Các nước châu Phi*

* *Vài nét về cuộc đấu tranh giành độc lập*

- Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở châu Phi đặc biệt phát triển từ những năm 50 của thế kỉ XX, trước hết là ở khu vực Bắc Phi, sau đó lan ra các khu vực khác.

- Năm 1960 là “năm châu Phi” với 17 nước được trao trả độc lập. Năm 1975, chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa cơ bản bị tan rã.

- Từ sau năm 1975, nhân dân các nước thuộc địa còn lại ở châu Phi hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ, giành độc lập dân tộc và quyền sống của con người.

- Tại Nam Phi, trước áp lực đấu tranh của người da màu, tháng 2/1990, chế độ phân biệt chủng tộc “A-pác-thai” bị xoá bỏ. Tháng 4/1994, Nen-xon-Man-đê-la trở thành Tổng thống người da đen đầu tiên của Cộng hoà Nam Phi.

* *Tình hình phát triển kinh tế - xã hội*

- Công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội đã thu được những thành tựu bước đầu.

- Nhiều nước châu Phi vẫn còn tình trạng lạc hậu, không ổn định và khó khăn: Xung đột quân sự về sắc tộc và tôn giáo, đảo chính, nội chiến diễn ra liên miên; bệnh tật và mù chữ; sự bùng nổ về dân số; đói nghèo, nợ nần và phụ thuộc nước ngoài... Tất cả những điều đó đã và đang là thách thức lớn đối với châu Phi.

- Con đường đi tới tương lai tươi sáng của châu Phi còn phải trải qua nhiều khó khăn, gian khổ.

b. Các nước Mỹ La-tinh

* *Vài nét về quá trình đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc.*

- *Vài nét chung:*

+ Nhiều nước ở Mỹ La-tinh sớm giành được độc lập từ tay thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha vào đầu thế kỉ XIX, nhưng sau đó lại lệ thuộc vào Mỹ.

+ Sau chiến tranh thế giới thứ 2, Mỹ tìm cách biến khu vực Mỹ La-tinh thành "sân sau" của mình và xây dựng các chế độ độc tài thân Mỹ. Cũng vì thế, cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ bùng nổ và phát triển. Tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cu Ba.

- Cu ba

+ Tháng 3/1952, với sự giúp đỡ của Mỹ, Ba-ti-xta đã thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu Ba.

+ Nhân dân Cu Ba đã đứng lên đấu tranh chống chế độ độc tài dưới sự lãnh đạo của Phi-đen Ca-xt-rô, mở đầu bằng cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa của 135 thanh niên yêu nước do Phi-đen Ca-xt-rô chỉ huy (26/7/1953).

+ Ngày 1/1/1959, chế độ độc tài Ba-ti-xta sụp đổ, nước Cộng hoà Cu Ba ra đời do Phi-đen Ca-xt-rô đứng đầu.

+ Nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng Cu Ba, tháng 8/1961, Mỹ đề xướng việc tổ chức "Liên minh vì tiến bộ" để lôi kéo các nước Mỹ La-tinh. Từ thập niên 60-70, phong trào đấu tranh chống Mỹ và chế độ độc tài thân Mỹ giành độc lập ở khu vực càng phát triển và giành nhiều thắng lợi.

+ Cùng với những hình thức bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân đòi ruộng đất, đấu tranh nghị trường để thành lập các chính phủ tiến bộ cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Mỹ La-tinh đã biến châu lục này thành "Lục địa bùng cháy".

+ Kết quả là chính quyền độc tài ở nhiều nước Mỹ La-tinh đã bị lật đổ, các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.

* *Tình hình phát triển kinh tế - xã hội*

+ Các nước Mỹ La-tinh bước vào thời kì xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Một số nước đã trở thành các nước công nghiệp mới như: Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Mê-hi-cô.

+ Đến thập niên 80, các nước Mỹ La-tinh gặp nhiều khó khăn: Sự suy thoái nặng nề về kinh tế, lạm phát tăng nhanh, khủng hoảng cơ cấu trầm trọng nợ nước ngoài chồng chất, dẫn đến nhiều biến động về chính trị.

+ Bước sang thập niên 90, nền kinh tế Mỹ La-tinh có chuyển biến tích cực hơn: Lạm phát được hạ từ mức 4 con số xuống còn dưới 30%/năm. Một số nước đạt mức lí tưởng như: Mê-hi-cô 4,4%; Bô-li-vi-a 4,45%; Chi-lê 4,6%...

Tuy nhiên, tình hình kinh tế của nhiều nước Mỹ La-tinh còn gặp không ít khó khăn, mâu thuẫn xã hội là vấn đề nổi cộm, tham nhũng trở thành quốc nạn đã hạn chế sự phát triển kinh tế.

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN 2008

Câu hỏi: *Phong trào đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ (1945 - 1950).*

(Đề thi ĐH khối C năm 2002)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh chống thực dân Anh, giành độc lập của Ấn Độ diễn ra mạnh mẽ.

1. Ngày 19/2/1946, 2 vạn thủy quân trên 20 chiến hạm ở cảng Bom-bay khởi nghĩa với khẩu hiệu: “*Đả đảo đế quốc Anh!*”, “*Cách mạng muôn năm*”.
- 20 vạn công nhân, sinh viên và nhân dân Bom-bay bãi công, bãi khoá, bãi thị và tiến hành khởi nghĩa vũ trang (từ 21 đến 23/2/1946). Công nhân và nhân dân Can-cút-ta, Ca-ra-si, Ma-đơ-rát đấu tranh hưởng ứng.
- Nông dân đấu tranh đòi chỉ nộp 1/3 số thu hoạch cho địa chủ (Phong trào “*Te-pha-ga*”). Có nơi, nông dân tước đoạt tài sản của địa chủ.
2. Thực dân Anh phải đàm phán với Đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo về tương lai của Ấn Độ, thoả thuận theo “*Kế hoạch Maobattôn*”: Ấn Độ của những người theo Ấn Độ giáo và Pa-ki-xtan của những người theo Hồi giáo. Ngày 15/8/1947, hai quốc gia Ấn Độ và Pakixtan được hưởng quy chế tự trị, có chính phủ dân tộc riêng.

Đảng Quốc đại Ấn Độ tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh buộc thực dân Anh phải công nhận độc lập hoàn toàn. Ngày 26/1/1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và nước Cộng hoà Ấn Độ chính thức thành lập.

Câu hỏi: *Những thành tựu cơ bản của nhân dân Trung Quốc trong mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959)*

(Đề thi Trường CĐSP Nha Trang, năm 2002)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- a. Cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc thắng lợi, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập (1-10-1949) là điều kiện tiên quyết để xây dựng đất nước, đạt được những thành tựu.
b. Những thành tựu cơ bản:
- Từ 1950: Đã tiến hành những cải cách quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội đưa đất nước lên chủ nghĩa xã hội.
Cụ thể: Cải cách ruộng đất và hợp tác hóa nông nghiệp; cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh; tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; cách mạng văn hóa tư tưởng...
- Từ 1953-1957: Hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Dẫn chứng: Tổng sản lượng công - nông nghiệp tăng 11,8 lần; riêng công nghiệp tăng 10 lần; văn hóa, giáo dục đạt được những bước tiến vượt bậc.

- Về đối ngoại: Kí với Liên Xô "Hiệp ước hữu nghị, liên minh và tương trợ Trung - Xô (2-1950); giúp các nước (Triều Tiên, Việt Nam, Cu Ba...) trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- c. Ý nghĩa: Nâng cao địa vị Trung Quốc trên trường quốc tế và sức mạnh của phe xã hội chủ nghĩa.

Câu hỏi: *Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Trung Quốc (1946 - 1949).*

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Tình hình Trung Quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Tướng Giới Thạch được Mỹ giúp sức gây nội chiến chống Đảng Cộng sản, biến Trung Quốc thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ.

Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa lực lượng cách mạng phát triển lên tới 120 vạn quân, được sự giúp đỡ của hồng quân Liên Xô...

2. Diễn biến qua hai giai đoạn

- Giai đoạn phòng ngự tích cực (7/1946 – 6/1947): Tiêu diệt 1112000 quân chủ lực Quốc dân Đảng và phát triển lực lượng Quân giải phóng lên tới triệu người.

- Giai đoạn phản công (6/1947 – 4/1949): giải phóng Nam Kinh, tập đoàn Tưởng Giới Thạch chạy sang Đài Loan.

3. Sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa

Ngày 1/10/1949: Cách mạng Trung Quốc thành công - nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ra đời...

Cách mạng Trung Quốc thành công mở đầu kỉ nguyên độc lập, tiến lên chủ nghĩa xã hội; tăng cường lực lượng phe xã hội chủ nghĩa và tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc toàn thế giới.

Câu hỏi: *Cuộc nội chiến ở Trung Quốc sau năm 1945 diễn ra như thế nào? Sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và ý nghĩa lịch sử.*

(Đề thi Trường CĐSP Hà Nam, năm 2005)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Sau khi chiến tranh chống Nhật kết thúc thắng lợi, cách mạng Trung Quốc có những điều kiện thuận lợi và trên cơ sở vững chắc để phát triển mạnh mẽ. Trước sự lớn mạnh của cách mạng Trung Quốc, tập đoàn Tưởng Giới Thạch âm mưu phát động cuộc nội chiến nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản Trung Quốc và phong trào cách mạng Trung Quốc. Họ đã cấu kết chặt chẽ với Mỹ, dựa vào sự giúp đỡ mọi mặt của Mỹ để thực hiện mưu đồ này.

Ngày 20/7/1946, Tưởng Giới Thạch huy động toàn bộ lực lượng quân đội chính quy tấn công toàn diện vào các vùng giải phóng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cuộc nội chiến chính thức bùng nổ.

- Do so sánh lực lượng lúc đầu còn chênh lệch, từ tháng 7/1946 đến tháng 6/1947, Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực, không giữ đất đai mà chủ yếu nhằm tiêu diệt sinh lực địch và xây dựng lực lượng của mình. Qua một năm chiến đấu, Quân giải phóng tiêu diệt được 1.112.000 quân chủ lực Quốc dân Đảng và phát triển lực lượng chủ lực của mình tới 2 triệu người.

- Từ tháng 6/1947, Quân giải phóng chuyển sang phản công, tiến quân vào giải phóng các vùng do Quốc dân Đảng thống trị. Từ tháng 9/1948, Quân giải phóng lần lượt mở 3 chiến dịch, tiêu diệt 1.540.000 quân Quốc dân Đảng, làm cho lực lượng chủ lực của địch về cơ bản đã bị tiêu diệt. Tháng 4/1949, Quân giải phóng vượt sông Trường Giang. Ngày 24/4/1949, giải phóng Nam Kinh – trung tâm thống trị của tập đoàn Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch, nền thống trị của Quốc dân Đảng đến đây chính thức sụp đổ.

2. Ngày 1/10/1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tuyên bố chính thức thành lập do Mao Trạch Đông làm Chủ tịch.

Ý nghĩa lịch sử:

- Sự kiện trọng đại này đánh dấu thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc, giải phóng hàng trăm triệu dân Trung Quốc khỏi ách thống trị của tập đoàn tư sản – phong kiến Quốc dân Đảng, mở ra cho nhân dân Trung Quốc một kỉ nguyên mới - kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Với diện tích bằng 1/4 châu Á và chiếm gần 1/4 dân số thế giới, thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 đã tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới và có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của phong trào dân tộc thế giới.

Câu hỏi: *Hãy tóm tắt các giai đoạn phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc Lào từ năm 1945 đến năm 1975.*

(Đề thi Trường CĐSP Hà Nội, năm 2003)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- 23-8-1945: Nhân dân Lào nổi dậy, thành lập chính quyền cách mạng ở nhiều nơi.
- 12-10-1945: Nhân dân Viêng Chăn khởi nghĩa giành chính quyền. Chính phủ Lào ra mắt quốc dân, tuyên bố nền độc lập của Lào.
- 3-1946: Pháp trở lại xâm lược Lào. Nhân dân Lào tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp, thành lập các chiến khu.
- 20-1-1949: Thành lập Quân giải phóng Lào do Cay-xôn Phôm-vi-hản chỉ huy.
- 13-8-1950: Đại hội toàn quốc kháng chiến: Lập Mặt trận Lào tự do và Chính phủ kháng chiến Lào do Xu-pha-nu-vông đứng đầu.
- 7-1954: Hiệp định Giơ-ne-vơ công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

- 1955: Thông qua viện trợ kinh tế, quân sự, Mỹ điều khiển quân đội tay sai tiến công quân sự vào lực lượng cách mạng. Ngày 22-3-1955, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào thành lập, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- Đầu những năm 1960: vùng giải phóng Lào chiếm 2/3 đất đai và hơn 1/3 dân số cả nước.
- 1964-1973: Đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” và “Chiến tranh đặc biệt tăng cường” của Mỹ.
- 21-2-1973: Kí Hiệp định Viêng Chăn: lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào.
- Từ tháng 5 đến tháng 12-1975: Nhân dân nổi dậy và giành chính quyền trong cả nước.
- 2-12-1975: Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thành lập, cách mạng Lào bước sang thời kì mới – xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu hỏi: Nêu những sự kiện lịch sử tiêu biểu thể hiện tình đoàn kết chiến đấu giữa hai dân tộc Việt Nam và Lào trong thời kì chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975).

(Đề thi ĐH khối C năm 2005)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

a. Trong kháng chiến chống Pháp

- Tháng 4/1953, bộ đội Việt Nam phối hợp với bộ đội Pa-thét Lào mở chiến dịch Thượng Lào, giải phóng tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa Lì. Căn cứ kháng chiến Lào được mở rộng và nối liền với Tây Bắc Việt Nam.
- Tháng 12/1953, phối hợp với bộ đội Pa-thét Lào, bộ đội Việt Nam mở chiến dịch Trung Lào, giải phóng thị xã Thà Khẹt và toàn bộ tỉnh Khăm Muộn, uy hiếp Sê-nô...
- Những thắng lợi của quân dân Việt – Lào trong giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Pháp đã buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954), công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương...

b. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)

- Sau khi Mỹ giúp bọn tay sai làm đảo chính, xoá bỏ nền trung lập ở Cam-pu-chia, ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia họp Hội nghị cao cấp (từ 24 đến 25/4/1970) để biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mỹ.

Câu hỏi: Trình bày ngắn gọn các giai đoạn phát triển của cách mạng Cam-pu-chia từ năm 1945 đến năm 1991.

(Đề thi Trường CDSP Hà Nội, năm 2004).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- a. Từ 1945 – 1954: Kháng chiến chống Pháp
 - Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược, nhân dân Cam-pu-chia phải đứng lên kháng chiến. Tháng 4-1950, Mặt trận dân tộc thống nhất và Chính phủ kháng chiến ra đời. Tháng 6-1951, lực lượng vũ trang thành lập, tháng 7-1951, Đảng Nhân dân cách mạng Cam-pu-chia ra đời.
 - 1954: Phối hợp với quân đội Việt Nam, thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ đã dẫn đến việc kí Hiệp định Giơ-ne-vơ lập lại hòa bình ở Đông Dương.
- b. Từ năm 1954 – 1970: hòa bình và trung lập
 - Thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại tiến bộ, tích cực.
 - Đối nội: ổn định xây dựng đất nước.
 - Đối ngoại: không tham gia vào các khối quân sự, đặt quan hệ ngoại giao với nhiều nước, ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.
- c. Từ năm 1970 – 1975: kháng chiến chống Mỹ
 - Mỹ thực hiện Khơ-me hóa chiến tranh nhưng quân đội Cam-pu-chia đã đánh bại các cuộc hành quân càn quét, đoàn kết với nhân dân ba nước được tăng cường: Hội nghị cấp cao (4-1970).
 - 1975: Tổng tiến công, nổi dậy; 17-4-1975, giải phóng đất nước.
- d. Từ năm 1975 – 1979: chống chế độ diệt chủng Pôn Pốt
 - Chính quyền Pôn Pốt thực hiện chính sách diệt chủng.
 - Nhân dân Cam-pu-chia đứng lên chống lại. Tháng 12-1978, Mặt trận cứu nước thành lập. Ngày 7-1-1979: lật đổ chế độ Pôn Pốt.
- e. Từ năm 1979 – 1991: khôi phục, xây dựng đất nước.
 - Khôi phục lại những hậu quả do chế độ diệt chủng gây ra, ổn định đời sống, đưa xã hội vào hoạt động bình thường.
 - Ổn định hòa bình, an ninh. Được Liên hợp quốc giúp đỡ, năm 1991, Hội đồng Dân tộc tối cao được thành lập...

Câu hỏi: *Trình bày sự thành lập và hoạt động của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) từ khi ra đời đến năm 1999.*

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- a. Sự thành lập
 - Hoàn cảnh thành lập Hiệp hội các nước Đông Nam Á: do xu thế thời đại, để chống lại âm mưu thôn tính của các nước lớn, tăng cường hợp tác giữa các nước trong khu vực.
 - Sự thành lập: Ngày 8-8-1967, Hội nghị Băng Cốc (Thái Lan) họp, ra tuyên bố thành lập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).
- b. Hoạt động
 - Từ khi thành lập đến năm 1975, vai trò của Hiệp hội này còn mờ nhạt.

- Từ Hội nghị cấp cao lần thứ nhất (2-1976) ở Ba-li (In-đô-nê-xi-a) đã kí Hiệp ước hữu nghị hợp tác, trở thành liên minh kinh tế, chính trị vì mục tiêu hoà bình, ổn định, hợp tác và thịnh vượng. Năm 1984, kết nạp Bru-nây.
- Từ 1979-1989, quan hệ của ASEAN với ba nước Đông Dương diễn biến căng thẳng phức tạp và đối đầu.
- Từ khi vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết, quan hệ ASEAN với ba nước Đông Dương được cải thiện. Tháng 7-1995, kết nạp Việt Nam, tháng 7-1997 kết nạp Lào, Mi-an-ma, tháng 4-1999, kết nạp Cam-pu-chia.

Câu hỏi: *Anh (chị) hãy trình bày rõ mục tiêu của tổ chức Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN). Mối quan hệ giữa Việt Nam và tổ chức ASEAN.*

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Mục tiêu của tổ chức Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)
 - Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập tháng 8-1967 tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của các nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Thái Lan.
 - Mục tiêu của tổ chức ASEAN được nêu rõ tại hội nghị cấp cao ASEAN ở Ba-li (In-đô-nê-xi-a) tháng 12/1976 có nội dung là:
 - + Xây dựng những mối quan hệ hữu nghị, hoà bình và hợp tác giữa các nước trong khu vực, tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khu vực và thiết lập một khu vực hoà bình, tự do, trung lập Đông Nam Á.
 - + Như vậy, ASEAN là một tổ chức liên minh kinh tế - chính trị của khu vực Đông Nam Á.
- Quan hệ giữa Việt Nam và tổ chức ASEAN

Diễn biến phức tạp có lúc căng thẳng, lúc hoà dịu tùy theo tình hình khu vực, có thể chia thành các thời kì sau:

 - Từ 1967 đến 1972, ASEAN mới thành lập và thời điểm này một số nước ASEAN (Philippin, Thái Lan) có thể tham gia vào cuộc chiến tranh của Mỹ xâm lược Việt Nam... Vì thế, Việt Nam hạn chế quan hệ với ASEAN.
 - Từ 1972 đến 1986: Do tình hình khu vực có nhiều chuyển biến mạnh mẽ ASEAN điều chỉnh chính sách của mình với Việt Nam. Về phía Việt Nam Hiệp định Pa-ri 1973 được kí kết, đặc biệt năm 1975, ta thắng giặc Mỹ xâm lược, đất nước thống nhất, các nước ASEAN phải tính lại "Quan hệ với Mỹ". Nhưng quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN vẫn căng thẳng do "vấn đề Cam-pu-chia".
 - Từ năm 1986 đến nay khi "vấn đề Cam-pu-chia" được giải quyết và Việt Nam thi hành chính sách đối ngoại "Muốn làm bạn với tất cả các nước", thì quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN ngày càng được cải thiện, từ đối đầu sang đối thoại, thân thiện, hợp tác.

- Ngày 22/7/1992, Việt Nam tham gia Hiệp ước Ba-li và trở thành quan sát viên chính thức của ASEAN cùng Lào.
- Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lần thứ 27 tại Băng Cốc khẳng định sẵn sàng chấp nhận Việt Nam là thành viên chính thức của tổ chức ASEAN.
- Năm 1998, Việt Nam đăng cai Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 6.

Câu hỏi: *Trình bày quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi từ năm 1954 – 1975.*

(Đề thi Trường CĐ Văn hoá TP.Hồ Chí Minh – năm 2004).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cơn bão táp cách mạng giải phóng dân tộc bùng nổ ở châu Phi và biến nơi đây thành “lục địa mới trời dậy” trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân. Từ năm 1954 -1975, quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi trải qua hai giai đoạn sau đây:

- Từ năm 1954 – 1960:

+ Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954 đã làm rung chuyển hệ thống thuộc địa của Pháp ở Bắc Phi và Tây Phi, bắt đầu bằng cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân An-giê-ri bùng nổ tháng 11/1954, sau đó nhiều quốc gia đã giành được nền độc lập dân tộc: Tuy-ni-di (1956), Ma-rốc (1956), Xu-đăng (1956), Ga-na (1957), Ghi-nê (1958)...

+ Trong những năm 1954 – 1956, hầu hết các nước Bắc Phi và Tây Phi đã giành được độc lập.

- Từ 1960 – 1975:

+ Năm 1960 đã được lịch sử ghi nhận là “năm châu Phi” với việc 17 nước ở Tây Phi, Đông Phi và Trung Phi giành được độc lập dân tộc, mở đầu một giai đoạn phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.

+ Những thắng lợi có ý nghĩa to lớn, tiêu biểu, gây ảnh hưởng sâu rộng trong giai đoạn này là: thắng lợi của nhân dân An-giê-ri (tháng 3/1962), cách mạng Ê-ti-ô-pi-a (1974), cách mạng Mô-dăm-bích (1975), cách mạng An-gô-la (1973).

+ Sự kiện nước Cộng hoà Nhân dân An-gô-la thành lập ngày 11/11/1975 và thực dân Bồ Đào Nha phải hạ cờ, rút quân khỏi An-gô-la sau 5 thế kỉ thống trị nước này được coi như mốc sụp đổ về cơ bản của chủ nghĩa thực dân cũ, cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi.

Câu hỏi: *Trình bày những đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Phân tích những nét khác biệt cơ bản về đối tượng và mục tiêu đấu tranh giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi, châu Á với khu vực Mỹ La-tinh trong thời kì lịch sử này.*

(Đề thi Trường CĐSP Kon Tum, năm 2005)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi
 - a. Các nước châu Phi đã thành lập được Tổ chức thống nhất châu Phi (1963), tổ chức này giữ vai trò quan trọng trong việc phối hợp hành động và thúc đẩy sự nghiệp đấu tranh cách mạng của các nước châu Phi.
 - b. Lãnh đạo phong trào hầu hết là các chính đảng hoặc tổ chức chính trị của giai cấp tư sản dân tộc.
 - c. Hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu thông qua đấu tranh chính trị hợp pháp, thương lượng với các nước phương Tây để được công nhận độc lập.
 - d. Mức độ độc lập và sự phát triển của đất nước sau khi giành được độc lập không đồng đều (vùng châu Phi xích đạo còn đang chậm phát triển, vùng Bắc Phi phát triển nhanh chóng).
2. Nét khác biệt cơ bản giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi với khu vực Mỹ La-tinh.
 - a. Nhân dân châu Á, châu Phi đấu tranh chống lại bọn đế quốc, thực dân và tay sai để giải phóng dân tộc, giành lại độc lập, chủ quyền.
 - b. Khu vực Mỹ La-tinh đấu tranh chống lại các thế lực thân Mỹ để thành lập các chính phủ dân tộc, dân chủ, qua đó giành lại độc lập và chủ quyền thực sự cho dân tộc.

Câu hỏi: *Các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.*

(Đề thi Trường CDSP Hưng Yên, năm 2006, dành cho thí sinh học chương trình không phân ban).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cơn bão táp cách mạng giải phóng dân tộc bùng nổ ở châu Phi và biến nơi đây thành “lục địa mới trời dậy” trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân. Từ năm 1954 – 1975, quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi trải qua hai giai đoạn sau đây:
 - Từ 1945 – 1954: Phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ sớm nhất ở Bắc Phi với thắng lợi mở đầu ở Ai Cập, ngày 18/6/1953, nước Cộng hoà Ai Cập được thành lập.
 - Từ năm 1954 – 1960: Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954 đã làm rung chuyển hệ thống thuộc địa của Pháp ở Bắc Phi và Tây Phi, bắt đầu bằng cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân An-giê-ri bùng nổ tháng 11/1954, sau đó nhiều quốc gia đã giành được nền độc lập dân tộc: Tuy-ni-di (1956), Ma-rốc (1956), Xu-đăng (1956), Ga-na (1957), Ghi-nê (1958)... Trong những năm 1954 - 1956, hầu hết các nước Bắc Phi và Tây Phi đã giành được độc lập.

- Từ 1960 – 1975: Năm 1960, với 17 nước ở Tây Phi, Đông Phi và Trung Phi giành được độc lập dân tộc, đã được lịch sử ghi nhận là “năm châu Phi” mở đầu một giai đoạn phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi. Những thắng lợi có ý nghĩa to lớn, tiêu biểu, gây ảnh hưởng sâu rộng trong giai đoạn này là: thắng lợi của nhân dân An-giê-ri (tháng 3/1962), cách mạng Ê-ti-ô-pi-a (1974), đặc biệt là của cách mạng An-gô-la (1973) được coi là mốc sụp đổ về cơ bản của chủ nghĩa thực dân cũ, cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi.

- Từ năm 1975 – 1991: Đây là giai đoạn hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ để giành lại độc lập dân tộc, được đánh dấu bằng sự kiện thành lập nước Cộng hoà Na-mi-bi-a (1991). Sau khi giành được độc lập hầu hết các nước châu Phi đều phải đương đầu với những vấn đề hết sức khó khăn, nan giải như: Sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân kiểu mới; nợ nước ngoài; đói, rét, bệnh tật, nạn mù chữ, bùng nổ dân số, xung đột ... Các nước châu Phi đang phấn đấu hết sức để vượt qua những khó khăn này.

Câu hỏi: *Trình bày những nét chính về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ (1953-1959) ở Cu Ba.*

(Đề thi Trường CĐSP Phú Thọ, năm 2003).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- a. Tháng 3-1952, đế quốc Mỹ điều khiển cuộc đảo chính, thiết lập chế độ độc tài quân sự của Ba-ti-xta (giải tán Quốc hội, xóa Hiến pháp tiến bộ, cấm các đảng phái chính trị, tàn sát những người yêu nước...).
- b. Nhân dân Cu Ba vùng lên tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chống chế độ độc tài Ba-ti-xta tay sai của đế quốc Mỹ. Ngày 26-7-1953, nhóm thanh niên yêu nước (135 người) do Phi-đen Ca-xtô-rô chỉ huy tấn công vào trại lính Môn-ca-đa ở Xan-chia-gô nhằm cướp vũ khí, phát động nhân dân nổi dậy lật đổ chế độ độc tài. Tuy thất bại, nhiều người bị chết, bị cầm tù (trong đó có Phi-đen) nhưng mở ra giai đoạn mới – giai đoạn đấu tranh vũ trang và sự ra đời, đảm nhận vai trò lãnh đạo của “Phong trào 26-7”.
- c. Năm 1955, Phi-đen và các đồng chí của ông được trả tự do nhưng bị trục xuất sang Mê-hi-cô. Tại đây, Phi-đen tiếp tục chuẩn bị lực lượng. Tháng 11-1956, Phi-đen cùng 81 chiến sĩ xuống tàu Gramma vượt biển trở về Tổ quốc để tiếp tục đấu tranh nhưng bị quân đội Ba-ti-xta bao vây tấn công, gây nhiều tổn thất. 12 người (trong đó có Phi-đen) rút lên vùng rừng núi Xi-e-ra Ma-e-xtô-ra để xây dựng căn cứ địa, tiếp tục xây dựng, phát triển lực lượng, tiến hành chiến tranh du kích.

- d. Trong những năm 1957-1958, phong trào cách mạng ngày càng lan rộng trong toàn quốc. Cuối năm 1958, quân cách mạng chuyển sang tấn công trên các mặt trận, giải phóng nhiều vùng rộng lớn. Tháng 12-1958, quân cách mạng chiếm giữ pháo đài án ngữ thủ đô La Ha-ba-na. Ngày 30-12-1958, Ba-ti-xta bỏ chạy ra nước ngoài. Ngày 1-1-1959, quân cách mạng làm chủ thủ đô La Ha-ba-na, chế độ Ba-ti-xta bị lật đổ, cách mạng toàn thắng.
- e. Cách mạng Cu Ba lật đổ ách thống trị độc tài Ba-ti-xta tay sai của đế quốc Mỹ, mở ra thời kì mới cho nhân dân Cu Ba từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cu Ba trở thành "lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc" ở Mỹ La-tinh, cổ vũ nhân dân các nước trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giải phóng dân tộc.

IV. MỸ - TÂY ÂU - NHẬT BẢN (TỪ 1945 đến nay)

1. Nước Mỹ

a. Nước Mỹ từ năm 1945-1973

*** Về kinh tế - khoa học kĩ thuật**

- Về kinh tế

- + Sau Thế chiến 2, nền kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ.
- + Trong khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mỹ trở thành trung tâm kinh tế, tài chính lớn nhất thế giới.
- + Nguyên nhân của sự phát triển

* Lãnh thổ Mỹ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kĩ thuật cao, năng động, sáng tạo.

* Mỹ lợi dụng chiến tranh để làm giàu: thu lợi nhuận từ buôn bán vũ khí.

* Mỹ đã áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lí cơ cấu sản xuất.

* Các tổ chức công nghiệp - quân sự, các công ty, tập đoàn tư bản lũng đoạn Mỹ có sức sản xuất cạnh tranh lớn và có hiệu quả cả trong và ngoài nước.

* Các chính sách và biện pháp điều tiết của nhà nước đóng vai trò quan trọng thúc đẩy kinh tế Mỹ phát triển.

- Về khoa học - kĩ thuật

+ Mỹ là nước khởi đầu của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại và đã đạt được nhiều thành tựu lớn. Mỹ đi đầu trong chế tác công cụ sản xuất mới, vật liệu mới, năng lượng mới, chinh phục vũ trụ, cuộc "Cách mạng xanh"...

*** Về chính trị - xã hội**

- + Từ năm 1945 đến đầu những năm 70, nước Mỹ đã trải qua 5 đời tổng thống.
- + Chính sách đối nội chủ yếu của chính quyền Mỹ đều nhằm cải thiện tình hình xã hội.

- + Sự phát triển kinh tế không làm cho nước Mỹ hoàn toàn ổn định. Xã hội Mỹ vẫn chứa đựng nhiều mâu thuẫn giữa các tầng lớp xã hội.
- + Trong bối cảnh đó, cuộc đấu tranh của nhân dân vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức.

** Về đối ngoại*

- + Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới.
- + Chiến lược toàn cầu của Mỹ được thực hiện và điều chỉnh qua nhiều chiến lược cụ thể, dưới những tên gọi khác nhau, nhằm thực hiện 3 mục tiêu chủ yếu:
 - * Ngăn chặn và tiến tới tiêu diệt chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
 - * Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, phong trào chống chiến tranh, vì hoà bình, dân chủ trên thế giới.
 - * Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.
- + Tháng 2/1972, Tổng thống Ních-xon sang thăm Trung Quốc, mở ra thời kì mới trong quan hệ giữa 2 nước. Năm 1979, quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Trung Quốc được thiết lập.
- + Tháng 5/1972, Ních-xon tới thăm Liên Xô thực hiện mưu đồ hoà hoãn với 2 nước lớn để dễ bề chống lại phong trào đấu tranh cách mạng của các dân tộc.

b. Nước Mỹ từ năm 1973-1991

** Về kinh tế*

- + Năm 1973, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, kinh tế Mỹ lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái kéo dài tới năm 1982.
- + Từ năm 1983, kinh tế Mỹ bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại. Tuy vẫn là nước đứng đầu thế giới về sức mạnh kinh tế – tài chính, nhưng tỉ trọng của kinh tế Mỹ trong nền kinh tế thế giới giảm sút nhiều so với trước

** Về đối ngoại*

- + Sau những thất bại ở Việt Nam, Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri và rút quân về nước. Các chính quyền Mỹ tiếp tục triển khai “Chiến lược toàn cầu”, tăng cường chạy đua vũ trang.
- + Sự đối đầu Xô-Mỹ đã làm suy giảm vị trí kinh tế và tài chính của Mỹ trong khi Tây Âu và Nhật Bản lại có điều kiện vươn lên, cho nên từ giữa những năm 80, xu hướng đối thoại và hoà hoãn ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới.
- + Tháng 2/1989, Mỹ và Liên Xô đã chính thức tuyên bố chấm dứt “Chiến tranh lạnh”. Tình hình thế giới bớt căng thẳng, nhiều cuộc xung đột trên thế giới được giải quyết theo xu hướng hoà dịu.

c. Nước Mỹ từ năm 1991-2000

** Về kinh tế và khoa học kĩ thuật:*

- + Trong suốt thập niên 90, tuy có trải qua những đợt suy thoái ngắn, nhưng kinh tế Mỹ vẫn đứng đầu thế giới. Mỹ tạo ra 25% giá trị tổng sản phẩm của toàn thế giới, có vai trò chi phối hầu hết các tổ chức kinh tế - tài chính quốc tế như: WTO, WB, IMF, G7...

+ Khoa học kĩ thuật của Mỹ vận tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Tính chung, Mỹ chiếm tới 1/3 số lượng bản quyền phát minh, sáng chế của toàn thế giới.

*** Về chính trị - đối ngoại**

- Theo đuổi 3 mục tiêu của chiến lược “Cam kết và mở rộng” là:

+ Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

+ Tăng cường khôi phục tính sống động của nền kinh tế Mỹ.

+ Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác

- Sau khi “Chiến tranh lạnh” kết thúc và trật tự thế giới 2 cực lanta tan rã (1991), Mỹ có tham vọng vươn lên chi phối lãnh đạo toàn thế giới

- Vụ khủng bố ngày 11/9/2001 cho thấy, bản thân nước Mỹ cũng dễ bị tổn thương và chủ nghĩa khủng bố sẽ là một trong những yếu tố dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ khi bước vào thế kỉ XXI

2. Tây Âu

a. Tây Âu từ năm 1945- 1950

+ Thế chiến 2 đã để lại cho các nước Tây Âu nhiều hậu quả nặng nề

+ Giai đoạn 1945-1950, các nước tư bản Tây Âu với sự viện trợ của Mỹ đã cơ bản ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối chủ nghĩa xã hội Đông Âu vừa mới hình thành

b. Tây Âu từ năm 1950-1973

*** Về kinh tế**

+ Từ thập niên 50 đến đầu thập niên 70, nền kinh tế của các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu đều có sự phát triển nhanh.

+ Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới (cùng với Mỹ và Nhật Bản). Các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu đều có trình độ khoa học - kĩ thuật phát triển cao, hiện đại.

+ Nguyên nhân sự phát triển kinh tế:

* Các nước Tây Âu đã áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

* Nhà nước có vai trò rất lớn trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.

* Các nước Tây Âu đã tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài như nguồn viện trợ của Mỹ, tranh thủ được giá nguyên liệu rẻ từ các nước thuộc thế giới thứ 3, hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC)

* Sự nỗ lực phấn đấu của chính người dân lao động ở các nước này

* Về chính trị: Giai đoạn 1950-1973 đánh dấu sự tiếp tục phát triển của nền dân chủ tư sản ở Tây Âu.

- * Về đối ngoại: Từ năm 1950-1973, nhiều nước tư bản Tây Âu một mặt vẫn tiếp tục chính sách liên minh chặt chẽ với Mỹ; mặt khác, cố gắng đa dạng hoá, đa phương hoá hơn nữa quan hệ đối ngoại.

Trong giai đoạn 1950-1973, nhiều nước thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan tuyên bố độc lập, đánh dấu thời kì “Phi thực dân hóa” trên phạm vi thế giới.

c. Tây Âu từ năm 1973 đến năm 1991

* Về kinh tế

+ Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng, từ năm 1973, nhiều nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu lâm vào tình trạng suy thoái, khủng hoảng, phát triển không ổn định, kéo dài đến đầu thập niên 90.

+ Sự phát triển thường diễn ra xen kẽ với khủng hoảng, suy thoái, lạm phát và thất nghiệp. Tây Âu luôn vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ phía Mỹ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs). Quá trình nhất thể hoá Tây Âu trong khuôn khổ Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) vẫn còn nhiều trở ngại.

* Về chính trị - xã hội

+ Bên cạnh sự phát triển nền dân chủ tư sản ở Tây Âu vẫn tiếp tục bộc lộ những mặt trái của nó. Tình trạng phân hoá giàu nghèo ngày càng lớn.

+ Các tệ nạn xã hội thường xuyên xảy ra, trong đó tội phạm, ma-phi-a là điển hình ở I-ta-li-a.

- * Về đối ngoại: Tình hình Tây Âu dịu đi do hệ quả của việc kết thúc “Chiến tranh lạnh”, bức tường Béc-lin đã bị phá bỏ (11/1989) và sau đó không lâu nước Đức đã tái thống nhất (3/10/1990).

d. Tây Âu từ năm 1991-2000

* Về kinh tế

+ Bước vào thập niên 90, sau khi trải qua một đợt suy thoái ngắn, từ năm 1994 trở đi, kinh tế Tây Âu đã có sự phục hồi và phát triển.

+ Tây Âu vẫn là 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

* Chính trị - đối ngoại: Tình hình các nước Tây Âu cơ bản là ổn định

+ Anh vẫn duy trì liên minh chặt chẽ với Mỹ.

+ Pháp và Đức trở thành những đối trọng đáng chú ý với Mỹ trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng.

+ Các nước Tây Âu đều chú ý mở rộng quan hệ không chỉ với các nước tư bản phát triển khác mà còn với các nước đang phát triển ở khu vực Á, Phi, Mỹ La-tinh, các nước thuộc Đông Âu và SNG.

e. Liên minh châu Âu (EU)

- Ngày 18/4/1951, sáu nước Tây Âu (Pháp, CHLB Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan, Luc-xam-bua) đã thành lập Cộng đồng than – thép châu Âu. Ngày 25/3/1957, 6 nước này đã kí Hiệp ước Rô-ma, thành lập Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC). Đến ngày 1/7/1967, 3 tổ

chức trên được hợp nhất thành Cộng đồng châu Âu (EC). Ngày 7/12/1992 các nước thành viên EC đã kí Hiệp ước Ma-xtrích (Hà Lan), có hiệu lực từ ngày 1/1/1993, đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) với 15 nước thành viên.

- EU ra đời không chỉ nhằm hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn cả lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

- Tháng 6/1997, đã diễn ra cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu.

- Tháng 3/1995, 7 nước EU huỷ bỏ sự kiểm soát việc đi lại của công dân các nước này qua biên giới của nhau.

- Ngày 1/1/1999, đã phát hành đồng tiền chung châu Âu với tên gọi là đồng Ô-rô (EURO).

- Đến cuối thập niên 90, EU đã trở thành tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh, chiếm khoảng hơn 1/4 GDP của thế giới.

- Năm 1990, quan hệ EU - Việt Nam được chính thức thiết lập, mở ra một thời kì phát triển mới trên cơ sở hợp tác toàn diện giữa hai bên.

3. Nhật Bản

a. Nhật Bản từ 1945-1952

- Thất bại trong Thế chiến 2 đã để lại cho Nhật bản những hậu quả hết sức nặng nề.

- Sau chiến tranh, Nhật Bản đã bị quân đội Mỹ (với danh nghĩa lực lượng Đồng minh) chiếm đóng từ năm 1945 đến năm 1952, nhưng chính phủ Nhật Bản được phép tồn tại và hoạt động.

*** Về chính trị**

- Hiến pháp mới do Bộ chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh (SCAP) tổ chức soạn thảo, quy định Nhật Bản là nước Quân chủ lập hiến, nhưng thực tế theo chế độ dân chủ đại nghị tư sản.

- Nhật Bản cam kết từ bỏ việc tiến hành chiến tranh, không dùng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế; không duy trì quân đội thường trực, chỉ có lực lượng Phòng vệ dân sự đảm bảo an ninh, trật tự trong nước

*** Về kinh tế**

- SCAP đã thực hiện 3 cuộc cải cách lớn:

+ Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế, trước hết là giải tán các "Daibatsu" (các tập đoàn, công ti tư bản lũng đoạn mang tính chất phong kiến, dõn tộc)

+ Cải cách ruộng đất, quy định địa chủ chỉ được sở hữu không quá 3h ruộng, số còn lại chính phủ đem bán cho nông dân

+ Dân chủ hoá lao động

- Dựa vào nỗ lực của bản thân và viện trợ của Mỹ, đến khoảng năm 1950-1951, Nhật Bản đã khôi phục kinh tế đạt mức trước chiến tranh.

* Chính sách đối ngoại

Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mỹ. Nhật Bản chấp nhận đặt dưới ô bảo hộ hạt nhân của Mỹ, để cho Mỹ đóng quân và xây dựng căn cứ trên lãnh thổ Nhật Bản.

2. *Nhật Bản từ năm 1952-1973*

* Về kinh tế và khoa học kỹ thuật:

+ Giai đoạn 1952-1960, kinh tế Nhật Bản có bước phát triển nhanh, nhất là từ năm 1960-1973, thường được gọi là giai đoạn phát triển “thần kì”.

+ Từ đầu những năm 70 trở đi, Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới (cùng với Mỹ và Tây Âu)

+ Nhật Bản rất coi trọng giáo dục và khoa học kỹ thuật, luôn tìm cách đẩy nhanh sự phát triển bằng cách mua bằng phát minh, sáng chế.

+ Khoa học kỹ thuật và công nghệ Nhật Bản chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất và ứng dụng dân dụng, đạt được nhiều thành tựu lớn.

+ Nguyên nhân sự phát triển kinh tế:

* Ở Nhật Bản, con người được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.

* Vai trò lãnh đạo, quản lí của nhà nước.

* Chế độ làm việc suốt đời, chế độ hưởng lương theo thâm niên và chủ nghĩa nghiệp đoàn xí nghiệp được coi là 3 “kho báu thiêng liêng” làm cho các công ty Nhật Bản có sức mạnh và tinh cạnh tranh cao.

* Nhật Bản luôn áp dụng thành công các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm

* Chi phí quốc phòng của Nhật Bản thấp (không vượt quá 1% GDP), nên có điều kiện tập trung vốn cho kinh tế.

* Nhật Bản đã tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển như nguồn viện trợ của Mỹ, lợi dụng cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) và Việt Nam (1954-1975) để làm giàu...

- Hạn chế, khó khăn:

+ Lãnh thổ Nhật Bản không rộng, tài nguyên khoáng sản rất nghèo nàn, nền công nghiệp của Nhật Bản hầu như phụ thuộc vào các nguồn nguyên nhiên liệu nhập khẩu từ bên ngoài.

+ Cơ cấu vùng kinh tế của Nhật Bản thiếu cân đối, tập trung chủ yếu vào 3 trung tâm là Tô-ky-ô, Ô-sa-ka, Na-gôi-a; giữa công nghiệp và nông nghiệp cũng có sự mất cân đối.

+ Nhật Bản luôn gặp sự cạnh tranh quyết liệt của Mỹ, Tây Âu, các nước công nghiệp mới, Trung Quốc...

*** Về chính trị**

Từ năm 1955 đến năm 1993, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) liên tục cầm quyền ở Nhật Bản.

*** Chính sách đối ngoại**

Vẫn là liên minh chặt chẽ với Mỹ. Năm 1956, Nhật Bản bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Cùng năm đó, Nhật Bản là thành viên của Liên hợp quốc.

c. Nhật Bản từ năm 1973-1991

*** Kinh tế**

+ Từ năm 1973 trở đi, sự phát triển kinh tế của Nhật Bản thường đi đôi hoặc xen kẽ với giai đoạn khủng hoảng và suy thoái ngắn

+ Từ nửa sau những năm 80, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường tài chính số 1 thế giới với số lượng dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mỹ, gấp 1,5 lần của cộng hoà liên bang Đức. Nhật Bản cũng là chủ nợ lớn nhất thế giới.

*** Chính sách đối ngoại**

+ Tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.

+ Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 21/9/1973.

d. Nhật Bản từ năm 1991-2000

*** Về kinh tế:** Từ đầu thập niên 90, Nhật Bản lâm vào tình trạng suy thoái, nhưng Nhật Bản vẫn là 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới

*** Khoa học - kĩ thuật:** Nhật Bản vẫn tiếp tục phát triển ở trình độ cao. Tính đến năm 1992, Nhật Bản đã phóng 49 vệ tinh khác nhau và hợp tác có hiệu quả với Mỹ, Liên bang Nga trong các chương trình vũ trụ quốc tế.

*** Về văn hoá:** Tuy là một nước tư bản phát triển cao, nhưng Nhật Bản vẫn giữ được các giá trị truyền thống và bản sắc văn hoá của mình.

*** Về chính trị:** Từ năm 1993 đến năm 2000, chính quyền ở Nhật Bản thuộc về các đảng đối lập hoặc liên minh các đảng phái khác nhau, tình hình xã hội Nhật Bản có phần không ổn định.

*** Về đối ngoại**

+ Nhật Bản tiếp tục duy trì sự liên minh chặt chẽ với Mỹ

+ Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu, mở rộng hoạt động đối ngoại với các đối tác khác đến từ phạm vi toàn cầu và chú trọng phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á.

+ Từ những năm 90, Nhật Bản nỗ lực vươn lên thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế của mình.

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN 2008

Câu hỏi: *Những nét cơ bản về chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn 1945 – 1973?*

(Đề thi Trường CDSP Hưng Yên, năm 2006, dành cho thí sinh học chương trình phân ban).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ trở thành một siêu cường quốc trên thế giới. Với những ưu thế của mình, trong những năm 1945 – 1973, Mỹ đã đề ra chính sách đối ngoại mới.
2. Với tiềm lực kinh tế, quân sự to lớn, từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ triển khai Chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới. Tháng 3/ 1947, trong diễn văn đọc trước Quốc hội, Tổng thống H.Truman đã đề ra Chủ nghĩa Truman, đã công khai nêu “Sứ mạng của Mỹ là lãnh đạo thế giới tự do, chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản”.

Từ đó, Mỹ đã xúc tiến chạy đua vũ trang, thành lập các liên minh quân sự chuẩn bị một cuộc chiến tranh tổng lực chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, viện trợ kinh tế và quân sự cho các nước đồng minh để khống chế các nước đó với tên “Chiến lược toàn cầu”.

Chiến lược toàn cầu của Mỹ được triển khai qua nhiều học thuyết cụ thể như: Học thuyết Truman và chiến lược “Ngăn chặn”, Học thuyết Ai-xen-hao và “Chiến lược trả đũa ô ạt”.

- Mặc dù các chiến lược cụ thể mang những tên gọi khác nhau nhưng chiến lược toàn cầu của Mỹ nhằm thực hiện 3 mục tiêu chủ yếu: Một là, ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Hai là, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, phong trào chống chiến tranh vì hoà bình, vì dân chủ trên thế giới. Ba là, khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ. Để thực hiện các mục tiêu, các chiến lược trên, chính sách cơ bản của Mỹ là dựa vào sức mạnh, trước hết là sức mạnh quân sự và kinh tế.

- Mỹ đã khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh trên phạm vi thế giới dẫn tới tình trạng đối đầu căng thẳng và nguy hiểm với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Mỹ đã gây ra hoặc tiếp tay cho nhiều cuộc chiến tranh và bạo loạn, lật đổ chính phủ ở nhiều nơi trên thế giới tiêu biểu là cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954 - 1975) và dính líu vào cuộc chiến tranh ở Trung Đông.

Câu hỏi: *Chính sách đối ngoại của Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.*

(Đề thi Trường CDSP Trà Vinh - Trường CĐ Cộng đồng Trà Vinh, năm 2003, phần tự chọn).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ tiếp tục thực hiện "Chiến lược toàn cầu phản cách mạng". Tháng 3-1947, Tổng thống To-ru-man đề ra "chủ nghĩa To-ru-man", mở đầu thời kì bành trướng vươn lên bá chủ thế giới, công khai nêu lên sứ mạng của Mỹ là "lãnh đạo thế giới tự do", chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản, xúc tiến việc thành lập các liên minh quân sự... tiến hành chiến tranh tổng lực tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
2. Mục tiêu của chiến lược toàn cầu:
 - Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.
 - Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và phong trào hòa bình thế giới.
 - Khống chế, nô dịch các nước đồng minh của Mỹ.
3. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, qua các đời tổng thống tuy khác nhau về biện pháp thực hiện như "chủ nghĩa lấp chỗ trống" của Ai-xen-hao, "chiến lược hòa bình" của Ken-nơ-đi, "học thuyết Níchxon", "học thuyết Ri-gân"... nhưng tất cả đều nhằm thực hiện mục tiêu trên.
4. Trong việc thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, Mỹ đã làm được một số việc:
 - Gây chiến tranh xâm lược ở các nước Đông Dương, Triều Tiên...
 - Lập ra các khối quân sự ở các khu vực trên thế giới: khối NATO, SEATO...
 - Bao vây, cấm vận các nước xã hội chủ nghĩa, viện trợ kinh tế cho các nước đồng minh và các nước chậm phát triển...
 - Góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.
5. Tuy vậy, Mỹ cũng gặp nhiều thất bại: ở Trung Quốc (1949), Cu Ba (1959) Việt Nam (1975)...
6. Chính sách đối ngoại của Mỹ với Việt Nam:
 - Từ năm 1954 đến năm 1975: Mỹ đã trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam bằng việc thực hiện các chiến lược chiến tranh xâm lược thụ dân kiểu mới...
 - Bằng thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, quân và dân ta đã đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược của Mỹ, góp phần làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng.
 - Hiện nay, chính sách đối ngoại của Đảng ta là "là bạn của tất cả các nước với Mỹ ta chủ trương "khép lại quá khứ, hướng tới tương lai". Thực hiện chủ trương này, quan hệ Việt – Mỹ từng bước được cải thiện.

Câu hỏi: *Trình bày sự phát triển của kinh tế Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991 và nguyên nhân của sự phát triển đó.*

(Đề thi Trường CDSP Kon Tum – năm 2004)

áp án và hướng dẫn trả lời:

- Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Nhật Bản:

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản là nước bại trận và bị chiến tranh tàn phá, nền kinh tế Nhật Bản những năm 1945 – 1950 phát triển chậm chạp, phụ thuộc chặt chẽ vào nền kinh tế Mỹ.

+ Từ 6/1950, sau khi Mỹ phát động cuộc chiến tranh xâm lược Triều Tiên, công nghiệp Nhật Bản phát triển mạnh lên nhờ những đơn đặt hàng quân sự của Mỹ...

+ Năm 1951, Nhật Bản phục hồi được sức sản xuất trước chiến tranh, bước vào thời kì tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế (1953 -1971), đuổi kịp rồi vượt các nước Tây Âu, vượt lên đứng hàng thứ 2 (sau Mỹ) trong thế giới tư bản. Trong thời gian 20 năm (1950-1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng gấp 20 lần.

+ Công nghiệp Nhật Bản đã đạt được những bước phát triển nhanh nhất, giành ưu thế về sản xuất các mặt hàng: tàu biển, ô tô, xe máy, máy điện tử (máy tính, máy thu thanh, máy thu hình...), máy khâu, máy ảnh, đồng hồ...

+ Nông nghiệp: phát triển theo hướng thâm canh với trình độ cơ giới hoá, hoá học hoá, thủy lợi hoá và điện khí hoá cao. Những năm 1967 – 1969, sản lượng lương thực đủ cung cấp hơn 80% nhu cầu trong nước. Ngành chăn nuôi tự giải quyết được 2/3 nhu cầu thịt, sữa, ngành đánh cá rất phát triển.

+ Từ những năm 70 trở đi, Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới (Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản), dự trữ vàng và ngoại tệ của Nhật đã vượt Mỹ, hàng hoá của Nhật xâm nhập, cạnh tranh khắp các thị trường thế giới trên các lĩnh vực ô tô, máy móc điện tử, máy ghi hình, máy thu thanh...

- Nguyên nhân của sự phát triển.

+ Nhờ những điều kiện kinh tế thuận lợi, sự tiến bộ của khoa học - kĩ thuật, nhờ cung cấp vũ khí, phương tiện chiến tranh cho hai cuộc chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam...

+ Những yếu tố trong nước đóng vai trò quyết định.

+ Nhật Bản biết lợi dụng vốn của nước ngoài để tập trung những ngành công nghiệp then chốt.

+ Sử dụng có hiệu quả những thành tựu của khoa học - kĩ thuật để phát triển sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, trong khi ít phải chi phí về quân sự (có Mỹ gánh vác).

+ Có khả năng xâm nhập thị trường quốc tế.

+ Những cải cách dân chủ sau chiến tranh thúc đẩy kinh tế phát triển.

+ Truyền thống tự lực, tự cường của nhân dân và khả năng điều hành nền kinh tế của giới kinh doanh cũng như các nhà lãnh đạo Nhật Bản.

Câu hỏi: Sự phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Nguyên nhân của sự phát triển đó?

(Đề thi Trường CDSP Bến Tre, năm 2002).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

a. Sự phát triển thần kì

Là nước chiến bại mất hết thuộc địa và sau chiến tranh bị Mỹ chiếm đóng theo chế độ quân quản, nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

- Từ 1945 đến 1950 kinh tế phát triển chậm chạp và phụ thuộc chặt chẽ vào kinh tế Mỹ.

- Từ 1950, nền kinh tế Nhật phát triển nhanh, đặc biệt từ khi Mỹ phát động cuộc chiến tranh xâm lược Triều Tiên (tháng 6-1950).

Bước sang những năm 60, khi Mỹ gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam thì kinh tế Nhật Bản có điều kiện phát triển để đuổi kịp và vượt các nước Tây Âu vươn lên đứng hàng thứ hai (sau Mỹ) trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

- Tổng sản phẩm quốc dân năm 1950 đạt 20 tỉ đôla, đến năm 1973 đạt 402 tỉ đôla, tăng 20 lần.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 1990 đạt 23.769 đôla.

- Trong công nghiệp: giá trị sản lượng năm 1950 là 4,1 tỉ đôla đến năm 1969 đạt 56,4 tỉ đôla, đứng đầu thế giới về sản lượng tàu biển, thép, xe máy, điện tử.

- Về nông nghiệp, phát triển theo hướng thâm canh cơ giới hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa...

Từ những năm 70 trở đi, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế, tài chính của thế giới và trở thành một siêu cường kinh tế. Đó là hiện tượng “thần kì Nhật Bản”.

b. Nguyên nhân của sự phát triển

- Điều kiện quốc tế thuận lợi và sự phát triển của khoa học kĩ thuật thế giới, Nhật Bản tận dụng được những thành tựu đó một cách có hiệu quả trong việc tăng năng suất, cải tiến kĩ thuật, hạ giá thành hàng hóa.

- Lợi dụng vốn nước ngoài hiệu quả nhất trong việc đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt như cơ khí, luyện kim, hóa chất, điện tử. Giảm gánh nặng quân sự (do Mỹ gánh vác) do vậy có điều kiện tập trung đầu tư phát triển.

- Biết “luồn lách”, xâm nhập vào thị trường thế giới. Các cuộc chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam là hai ngọn gió thần “thổi vào nền kinh tế Nhật Bản”.

- Thực hiện nhiều cải cách dân chủ (cải cách ruộng đất, xóa bỏ những tàn tích phong kiến).

- Truyền thống “tự lực, tự cường” và con người Nhật Bản – nhân tố quyết định cho sự phát triển kinh tế của Nhật Bản.

V. QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ 1947 ĐẾN NAY

1. *Mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của “Chiến tranh lạnh”*

Từ liên minh cùng nhau chống phát xít, sau chiến tranh hai cường quốc Xô – Mỹ nhanh chóng chuyển quan thế đối đầu và đi tới tình trạng “Chiến tranh lạnh”.

- *Một là*, sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc: Liên Xô chủ trương duy trì hòa bình, an ninh thế giới, bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh phong trào cách mạng thế giới. Ngược lại, Mỹ ra sức chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào cách mạng nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.

- Sự kiện được xem là sự khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô, gây nên tình hình “Chiến tranh lạnh” của Mỹ là thông điệp của Tổng thống Tru-man tại Quốc hội Mỹ ngày 12/3/1947. Trong đó, Tổng thống Mỹ khẳng định: sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mỹ và đề nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho hai nước Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.

- *Hai là*, sự ra đời của “Kế hoạch Mác-san” (06/1947). Với khoản viện trợ khoảng 17 tỉ USD, Mỹ đã giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh. Mặt khác, qua kế hoạch này, Mỹ còn nhằm tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

Kế hoạch Mác-san đã tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa.

- *Ba là*, việc Mỹ và 11 nước phương Tây thành lập tổ chức quân sự Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) (1949). Tháng 01/1949, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV). Tháng 05/1955, Liên Xô và các nước Đông Âu đã thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va, một liên minh chính trị - quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Như vậy, sự ra đời của NATO và Tổ chức Vác-sa-va đã đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe. “Chiến tranh lạnh” bao trùm cả thế giới.

2. *Sự đối đầu Đông – Tây và những cuộc chiến tranh cục bộ ác liệt*

- Chiến tranh lạnh là cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai phe: phe đế quốc chủ nghĩa (do Mỹ đứng đầu) và phe xã hội chủ nghĩa (do Liên Xô làm trụ cột).

Chiến tranh lạnh đã diễn ra trên hầu hết các lĩnh vực, từ chính trị, quân sự đến kinh tế, văn hóa – tư tưởng,... ngoại trừ sự xung đột trực tiếp bằng quân sự. Trong gần nửa thế kỉ của Chiến tranh lạnh, thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng.

- Một số cuộc chiến tranh cục bộ đã diễn ra ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Triều Tiên, trung Đông,...

a. *Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Đông Dương (1945-1954)*

- Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai, thực dân Pháp quay trở lại tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội nghị Giơ-ne-vơ được triệu tập để bàn về việc chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương. Hiệp định Giơ-ne-vơ (07/1945) đã công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

- Đại biểu Mỹ ra tuyên bố không chịu sự ràng buộc của Hiệp định nhằm chuẩn bị cho sự xâm lược này.

b. Cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950-1953)

- Đến cuối năm 1948, ở hai miền Nam và Bắc, hai chính quyền được thành lập riêng rẽ là Đại Hàn Dân quốc (Hàn Quốc) và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

- Sau hơn ba năm (từ 25/6/1950) chiến tranh diễn ra khốc liệt giữa miền Bắc được Trung Quốc chi viện và miền Nam có Mỹ giúp sức. Ngày 27/5/1953, Hiệp định đình chiến được kí kết.

Cuộc chiến tranh Triều Tiên là một “sản phẩm” của Chiến tranh lạnh và là sự đụng đầu trực tiếp giữa hai phe.

3. Cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ ở Việt Nam (1954-1975)

- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, Mỹ đã nhanh chóng hất cẳng Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ.

- Chiến tranh Việt Nam đã trở thành cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe.

- Nhưng cuối cùng, mọi chiến lược chiến tranh của Mỹ đều bị phá sản.

- Tháng 01/1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết. Theo đó, Mỹ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản, tôn trọng độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và rút khỏi Việt Nam, cam kết không dính líu về quân sự hoặc can thiệp về chính trị đối với Việt Nam.

Tóm lại, trong thời kì Chiến tranh lạnh hầu như mọi cuộc chiến tranh hoặc xung đột quân sự ở các khu vực trên thế giới, với những hình thức và mức độ khác nhau, đều liên quan tới sự đối đầu giữa hai cực Xô – Mỹ.

3. Xu thế hòa hoãn Đông – Tây và “Chiến tranh lạnh” chấm dứt

- Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, xu hướng hòa hoãn Đông – Tây đã xuất hiện với những cuộc gặp gỡ thương lượng Xô – Mỹ, mặc dù còn những diễn biến phức tạp.

- Trên cơ sở những thỏa thuận Xô – Mỹ, ngày 09/11/1972, hai nước Đức (Cộng hòa Dân chủ và Cộng hòa Liên bang) đã kí kết tại Bon Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

- Cũng trong năm 1972, hai siêu cường quốc Liên Xô và Mỹ đã thảo luận về việc hạn chế vũ khí chiến lược và kí Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) ngày 26/5, sau đó là nhiều hiệp định, hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược và các vũ khí thông thường khác.

- Đầu tháng 08/1975, 33 nước châu Âu cùng hai nước Mỹ và Ca-na-đa đã kí kết Định ước Hen-xinh-ki. Định ước Hen-xinh-ki đã tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hoà bình, an ninh ở châu lục này.
- Từ đầu những năm 1970, hai siêu cường Xô – Mỹ đã tiến hành những cuộc gặp cao cấp, nhất là từ khi Gioóc-ba-chốp lên cầm quyền ở Liên Xô năm 1985. Nhiều văn kiện hợp tác về kinh tế, khoa học – kĩ thuật đã được kí kết giữa hai nước, nhưng trọng tâm là những thỏa thuận về thủ tiêu các tên lửa tầm trung ở châu Âu, cắt giảm vũ khí chiến lược cũng như hạn chế cuộc chạy đua vũ trang giữa hai nước.
- Tháng 12/1989, trong cuộc gặp không chính thức tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải), hai nhà lãnh đạo Gioóc-ba-chốp và Bu-sơ đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- Chiến tranh lạnh chấm dứt đã mở ra chiều hướng và những điều kiện giải quyết hoà bình các vụ tranh chấp, xung đột đang diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới như Áp-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Na-mi-bi-a,...

4. Thế giới sau “Chiến tranh lạnh”

- Sau nhiều năm trì trệ và khủng hoảng kéo dài, đến những năm 1989-1991, chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị tan rã ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết. Thế “hai cực” của hai siêu cường không còn nữa và Mỹ là cực duy nhất còn lại.
- Năm 1991, tình hình thế giới đã diễn ra những thay đổi to lớn và phức tạp, phát triển theo các xu hướng sau đây:
 - + Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đa cực”, với sự vươn lên của các cường quốc như Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Nga và Trung Quốc.
 - + Sau Chiến tranh lạnh, hầu như các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế để xây dựng sức mạnh thực sự của mỗi quốc gia.
 - + Sự tan rã của Liên Xô đã tạo ra cho Mỹ một lợi thế tạm thời, giới cầm quyền Mỹ ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực” để Mỹ làm bá chủ thế giới. Nhưng trong tương quan lực lượng, Mỹ không dễ gì thực hiện được tham vọng đó.
 - + Sau Chiến tranh lạnh, hoà bình thế giới được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực tình hình lại không ổn định với những cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài như ở bán đảo Ban-căng, ở một số nước châu Phi và Trung Á.
- Sự kiện ngày 11/9 đã đặt các quốc gia dân tộc đứng trước những thách thức của chủ nghĩa khủng bố với những nguy cơ khó lường.
- Ngày nay, các quốc gia dân tộc vừa có những thời cơ phát triển thuận lợi, vừa phải đối mặt với những thách thức vô cùng gay gắt.

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN 2008

Câu hỏi: Sự sụp đổ của “Trật tự hai cực I-an-ta” được thể hiện như thế nào?

(Đề thi ĐH khối C năm 2007)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

Sau những biến động lớn ở Liên Xô và các nước Đông Âu trong những năm 1988 – 1991, “Trật tự hai cực I-an-ta” đã bị phá vỡ. Sự sụp đổ đó thể hiện ở các mặt:

- Khối Đông Âu, phạm vi ảnh hưởng chủ yếu của Liên Xô tan vỡ, kéo theo sự giải thể của liên minh chính trị - quân sự (khối Hiệp ước Vác-xa-va) và liên minh kinh tế (Hội đồng Tương trợ kinh tế).
- Mỹ và Liên Xô đều suy giảm vị trí kinh tế và chính trị, thế hai cực của hai siêu cường Mỹ và Liên Xô bị phá vỡ. Liên Xô tan vỡ từ góc độ một nhà nước. So với từng nước thì Mỹ vẫn đứng đầu thế giới về cả kinh tế và quân sự nhưng so với cả Tây Âu và Nhật Bản thì về nhiều mặt, Mỹ bị sút kém hoặc đứng hàng thứ hai.
- Cả Liên Xô và Mỹ đều không đủ sức “bao cấp” như trước, phải rút dần sự “có mặt” ở nhiều khu vực trên thế giới...
- Đức và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ và đang đòi hỏi trở thành “hai cực nữa”, là mối lo ngại của các cường quốc Mỹ, Liên Xô, Anh, Pháp...

Câu hỏi: Nêu những nội dung chủ yếu và những đặc điểm chính của lịch sử thế giới hiện đại trong thời kì nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991.

(Đề thi Trường CĐSP Quảng Ngãi, năm 2002)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. *Những nội dung chủ yếu:*

- a. Thời kì sụp đổ của “Trật tự hai cực I-an-ta” và một trật tự thế giới mới đang dần được hình thành.
- b. Chủ nghĩa xã hội dần lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng dẫn tới sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô.
- c. Một số nước thuộc thế giới thứ ba cũng lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị.
- d. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật phát triển sang giai đoạn mới với nội dung cách mạng công nghệ được nâng lên vị trí hàng đầu.

2. *Những đặc điểm chính:*

- a. Sự khủng hoảng toàn diện của chủ nghĩa xã hội nói chung và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đã và đang tác động nghiêm trọng đến cục diện thế giới. Sự sụp đổ đó chỉ là sự sụp đổ của một mô hình chưa đúng đắn, một bước lùi, một thất bại mang tính tạm thời.

- b. Sau nhiều năm lâm vào những cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị, các nước tư bản nhờ cải cách cơ cấu kinh tế, đi sâu vào cách mạng khoa học và công nghệ, thích nghi về chính trị, xã hội và đạt được bước phát triển mới về kinh tế, ổn định về chính trị và mức sống của người dân được nâng cao. Trước mắt, chủ nghĩa tư bản đạt được những thành tựu to lớn và chiếm ưu thế về nhiều mặt so với chủ nghĩa xã hội, song trong lòng nó vẫn tồn tại những mâu thuẫn, những hạn chế không thể khắc phục được.
- c. Cuộc “Chiến tranh lạnh” kéo dài trên 40 năm đã chấm dứt. Trong quan hệ quốc tế, từ xu thế đối đầu dần dần chuyển sang xu thế đối thoại hợp tác trên cơ sở hai bên cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau trong cùng tồn tại hòa bình, tình hình thế giới trở nên hòa dịu hơn, các cuộc tranh chấp xung đột đã và đang trở nên dần dần được giải quyết. Tuy vậy, vẫn không loại trừ những cuộc tranh chấp và những xung đột mới.
- d. Với sự sụp đổ của trật tự cũ, một trật tự thế giới mới đang dần dần hình thành và một thời kì phát triển mới của lịch sử thế giới hiện đại đã bắt đầu.

Câu hỏi: Những nhân tố tác động đến sự hình thành trật tự thế giới mới từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX đến nay và xu thế phát triển của trật tự đó.

(Đề thi Trường CĐ Văn hóa TP.Hồ Chí Minh, năm 2005).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Những nhân tố tác động

- Sự phát triển thế lực kinh tế, quân sự, chính trị của các cường quốc (Mỹ, Nga, Trung, Nhật, Anh, Pháp, Đức) trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp.
- Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới, cụ thể là công cuộc cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa, sự phát triển của các nước Á - Phi - Mỹ La-tinh sau khi giành độc lập, phong trào đấu tranh vì hoà bình dân chủ, tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.
- Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật tạo ra những đột phá và chuyển biến cục diện thế giới.

2. Những xu thế phát triển

- Xu thế đối thoại, hợp tác trên cơ sở các bên cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau và cùng tồn tại hoà bình.
- Các nước lớn (Nga, Mỹ, Anh, Pháp, tức các nước Ủy viên Thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc) thương lượng thoả hiệp với nhau để duy trì trật tự thế giới mới.
- Một thời kì mới trong quan hệ quốc tế đã mở ra, trong đó tất cả các quốc gia dân tộc đều đứng trước những thử thách và thời cơ mới để phát triển.

Câu hỏi: *Hãy nêu những nội dung chủ yếu và những đặc điểm chính của lịch sử thế giới từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991.*

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

a. Nội dung chủ yếu

- “Trật tự hai cực I-an-ta” dần dần sụp đổ.
- Chủ nghĩa xã hội khủng hoảng rồi sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu.
- Một số nước thuộc thế giới thứ ba cũng lâm vào khủng hoảng.
- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật phát triển sang một giai đoạn mới.

b. Đặc điểm chính

- Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu tác động nghiêm trọng đến cục diện thế giới.
- Các nước tư bản đạt được bước phát triển mới.
- Quan hệ quốc tế chuyển dần từ đối đầu sang đối thoại nhưng vẫn còn những cuộc chiến tranh cục bộ.
- Một trật tự thế giới mới dần dần được hình thành.

VI. CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

I. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ

1. Nguồn gốc và đặc điểm

* Nguồn gốc: Do những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người, nhất là trong tình hình bùng nổ dân số thế giới và sự cạn kiệt nghiêm trọng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

* Đặc điểm

- Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Mọi phát minh khoa học đều bắt đầu từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật. Kĩ thuật lại đi trước mở đường cho sản xuất. Khoa học đã tham gia trực tiếp vào sản xuất, đã trở thành những nguồn gốc chính của những tiến bộ kĩ thuật và công nghệ hàng ngày.

- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật phát triển qua hai giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: đầu những năm 40 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

+ Giai đoạn 2: Từ năm 1973 đến nay. Cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra về công nghệ (cách mạng khoa học – kĩ thuật).

b. Những thành tựu

* Thành tựu

- Trong lĩnh vực khoa học cơ bản, loài người đã đào tạo được những thành tựu hết sức to lớn, những bước nhảy vọt chưa từng thấy trong lịch sử các ngành Toán học, Vật lí học, Hóa học, Sinh học... Dựa vào những phát minh lớn của các ngành khoa học cơ bản, con người đã ứng dụng kĩ thuật vào sản xuất, phục vụ cuộc sống của mình.

- Trong lĩnh vực công nghệ, đã xuất hiện những phát minh quan trọng, đào tạo được những thành tựu to lớn: những công cụ sản xuất mới, những nguồn năng lượng mới, những vật liệu mới, công nghệ sinh học, với những đột phá phi thường trong công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh, công nghệ enzym và dẫn tới cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp, những tiến bộ thần kì trong thông tin liên lạc và giao thông vận tải, chinh phục vũ trụ.

* Ý nghĩa

- Tác động tích cực về nhiều mặt như tăng năng suất lao động, không ngừng nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người.

- Dẫn đến những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, những đòi hỏi mới về giáo dục và đào tạo nghề nghiệp, sự hình thành một thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hóa.

* Hạn chế

- Tình trạng ô nhiễm môi trường, hiện tượng Trái Đất nóng dần lên...

- Những tai nạn lao động và giao thông, các loại dịch bệnh mới...

- Việc chế tạo những loại vũ khí hiện đại có sức công phá và hủy diệt khủng khiếp có thể tiêu diệt nhiều lần sự sống trên hành tinh.

2. Xu thế toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó

- Một hệ quả quan trọng của cách mạng khoa học – công nghệ là từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX, nhất là từ sau Chiến tranh lạnh, trên thế giới đã diễn ra xu thế toàn cầu hóa.

- Những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa hiện nay là:

+ Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

+ Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

+ Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn, nhất là các công ty khoa học – kĩ thuật, nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Làn sóng sáp nhập này tăng lên nhanh chóng vào những năm cuối thế kỉ XX.

+ Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực. Các tổ chức này có vai trò ngày càng quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.

- Là kết quả của quá trình tăng tiến mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, toàn cầu hóa là xu thế khách quan, là xu thế không thể nào đảo ngược được, nó có mặt tích cực và tiêu cực, nhất là đối với các nước đang phát triển.

Như vậy, toàn cầu hóa là thời cơ lịch sử, là cơ hội rất to lớn cho các nước phát triển mạnh mẽ, đồng thời cũng tạo ra những thách thức to lớn. Việt Nam cũng nằm trong xu thế đó, “nắm cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kì mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta”.

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN 2008

Câu hỏi: Anh (chị) hãy trình bày những thành tựu (từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991) của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai của nhân loại.

(Đề thi ĐH khối C năm 2004).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. *Trước hết*, trong lĩnh vực khoa học cơ bản, con người đã thu được những thành tựu hết sức to lớn, đánh dấu những bước nhảy vọt chưa từng có trong lịch sử toán học, vật lí học, hoá học, sinh vật học, tiêu biểu như phát minh ra sóng điện từ, tia Rơn-ghe-n và hiện tượng phóng xạ, khởi thảo thuyết lượng tử và thuyết tương đối...
2. *Thứ hai*, các nhà khoa học đã có những phát minh lớn về công cụ sản xuất mới, đặc biệt là sự ra đời của máy tính, máy tự động và hệ thống tự động, “người máy” (rôbốt). Ngày nay, rôbốt đã đảm nhiệm những công việc mà con người không thể hoặc không nên làm.
3. *Thứ ba*, con người đã tìm ra những nguồn năng lượng mới hết sức phong phú và vô tận như năng lượng nguyên tử, năng lượng nhiệt hạch, năng lượng mặt trời,... Năng lượng nguyên tử và năng lượng mặt trời đang được con người sử dụng ngày càng phổ biến và trong một tương lai không xa, nó sẽ thay thế dần dần nhiệt điện và thủy điện.
4. *Thứ tư*, sáng chế ra những vật liệu mới trong tình hình vật liệu tự nhiên đang cạn kiệt dần trong thiên nhiên, tiêu biểu như chất pôlime (chất dẻo) đang có một vị trí rất quan trọng trong đời sống và sản xuất công nghiệp.
5. *Thứ năm*, là cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp. Nhờ tác động tổng hợp của các ngành khoa học, nhất là sinh vật học, hoá học, nông nghiệp đang tiến những bước nhảy vọt. Nhờ cuộc “cách mạng xanh” này, con người đã tìm ra những phương hướng để có thể khắc phục được nạn đói ăn, thiếu thực phẩm kéo dài nhiều thế kỉ.
6. *Thứ sáu*, con người đã đạt những tiến bộ thần kì trong các lĩnh vực giao thông vận tải và thông tin liên lạc (máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hoả chạy tới 300 km/giờ, tàu hoả chở 1 triệu tấn, vệ tinh nhân tạo, những thông tin liên lạc và phát sóng truyền hình hiện đại...).
7. Ngoài ra, con người còn có thành tựu kì diệu trong chinh phục vũ trụ, phục vụ cuộc sống con người (thăm hiểm mặt Trăng, tàu con thoi, nhận những thông tin về Sao kim, Sao hoả...).

Câu hỏi: Nguồn gốc, vị trí, ý nghĩa của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

(Đề thi Trường CDSP Kon Tum, năm 2003)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

a. Nguồn gốc

- Do nhu cầu vật chất và tinh thần của con người, cụ thể là yêu cầu của kĩ thuật và sản xuất, trở thành động lực và nguồn gốc sâu xa dẫn tới cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện nay.
- Do sự bùng nổ dân số và nhu cầu sinh hoạt của con người ngày càng cao, càng phức tạp, tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt.
- Để phục vụ cho việc tiến hành cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai nên các bên tham chiến phải đi sâu nghiên cứu khoa học – kĩ thuật.
- Thành tựu của khoa học – kĩ thuật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã tạo tiền đề và thúc đẩy sự bùng nổ cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

b. Vị trí và ý nghĩa

Mặt tích cực:

- Làm thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất, tạo ra một khối lượng hàng hóa đồ sộ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.
- Đưa loài người bước sang nền văn minh mới với nhiều tên gọi: “văn minh hậu công nghiệp”, “văn minh truyền tin”, “văn minh trí tuệ”.
- Làm cho nền kinh tế thế giới ngày càng được quốc tế hóa cao, đang hình thành một thị trường thế giới vừa đấu tranh, vừa hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình...

Mặt hạn chế:

Gây ra những hậu quả tiêu cực như sản xuất vũ khí giết người hàng loạt, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động, tai nạn giao thông...

Câu hỏi: Đặc điểm, vị trí và ý nghĩa của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.

(Đề thi Trường CD Cộng đồng Trà Vinh – năm 2004, phần tự chọn).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

a. Đặc điểm, vị trí và ý nghĩa của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai

- Đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai là khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật. Vì vậy, trong cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật này, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

- Trong cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai, thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng nó vào sản xuất rất ngắn. Vì vậy, cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay cho thấy hiệu quả kinh tế ngày càng cao của công tác nghiên cứu khoa học.

b. Vị trí và ý nghĩa

- Cách mạng khoa học - kĩ thuật đã dẫn tới thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất như công cụ, công nghệ, nguyên liệu, năng lượng, thông tin. Nhờ đó, con người đã tạo ra một khối lượng hàng hoá đồ sộ, những sản phẩm mới, thiết bị, tiện nghi mới... đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của con người.

- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần hai đã đưa lịch sử loài người bước sang nền văn minh mới với nhiều tên gọi: “văn minh hậu công nghiệp”, “văn minh truyền tin”, “văn minh trí tuệ”... trong đó con người có khả năng phát triển hơn nữa sự sáng tạo của mình.

- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần hai làm cho nền kinh tế thế giới ngày càng được quốc tế hoá cao, hình thành một thị trường toàn thế giới bao gồm tất cả các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, vừa hợp tác vừa đấu tranh với nhau, cùng chung sống hoà bình, tạo điều kiện cho sự giao lưu, trao đổi về văn hoá, du lịch, văn học nghệ thuật, thể dục, thể thao. Sự hợp tác với nhau trên lĩnh vực y tế, dân số, giáo dục, khoa học - kĩ thuật và bảo vệ môi trường giữa các quốc gia, dân tộc trên hành tinh ngày càng phát triển và gắn bó chặt chẽ với nhau.

- Bên cạnh những ý nghĩa tích cực thì cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai cũng gây ra những hậu quả tiêu cực như: sản xuất vũ khí giết người hàng loạt, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, bệnh tật hiểm nghèo, tai nạn giao thông, tai nạn lao động do những tiến bộ của khoa học kĩ thuật mang lại.

Câu hỏi: Thành tựu, vị trí và ý nghĩa của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai

(Đề thi Trường CDSP Hà Nội, năm 2005)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Thành tựu

- Về khoa học cơ bản có những thành tựu lớn:

+ Toán học: nhiều phát minh lớn và thâm nhập vào các ngành khoa học khác.

+ Hóa học: nhiều thành tựu tác động vào kĩ thuật, sản xuất.

+ Vật lí: lí thuyết hạt nhân, sóng điện từ, chế tạo các công cụ mới, vật liệu mới...

+ Sinh học: làm biến đổi lớn lao trong nông nghiệp, đưa tới sự ra đời của công nghệ sinh học...

- Phát hiện những nguồn năng lượng mới, phong phú, vô tận: năng lượng mặt trời, năng lượng nguyên tử, năng lượng gió...

- Phát minh ra những công cụ sản xuất mới: máy tính, máy tự động, người máy (rôbốt), hệ điều khiển tự động...

- Chế tạo ra vật liệu mới: vật liệu tổng hợp (pôlime composit).

- Cuộc cách mạng xanh trong nông nghiệp, cách mạng sinh học.

- Nhiều phát minh trong lĩnh vực giao thông vận tải và thông tin liên lạc (máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hoả tốc độ cao, hệ thống phát sóng truyền hình hiện đại qua vệ tinh).

- Thành tựu chinh phục vũ trụ (tàu vũ trụ, tàu con thoi, con người đặt chân lên Mặt trăng...).

2. *Vị trí và ý nghĩa:*

- Đã làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn, đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước gộp lại; sản xuất khối lượng hàng hóa đồ sộ, làm thay đổi đời sống vật chất và tinh thần của con người.

- Đưa loài người bước sang nền văn minh thứ ba, văn minh sau thời kì công nghiệp hóa lấy vi tính, điện tử, thông tin và công nghệ sinh học làm cơ sở.

- Làm cho sự giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật... ngày càng quốc tế hóa cao.

- Gây ra những hậu quả chưa khắc phục được: vũ khí huỷ diệt, ô nhiễm môi sinh, bệnh tật, tai nạn gắn liền với kĩ thuật mới.

Câu hỏi: *Nêu những đặc điểm nổi bật và tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai đối với sự phát triển của xã hội loài người.*

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. *Đặc điểm nổi bật*

- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai có sự kết hợp chặt chẽ và gắn bó giữa cách mạng khoa học và cách mạng. Hầu hết tất cả các khuynh hướng chủ yếu của khoa học cơ bản đều gắn liền với lĩnh vực sản xuất như khoa học vật lí hạt nhân và năng lượng nguyên tử, điều khiển học và tự động hoá...

- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần này phát triển với tốc độ nhanh chóng, quy mô rộng lớn và đạt được những thành tựu kì diệu chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại.

2. *Tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đối với sự phát triển của xã hội loài người*

- Nhờ có những thành tựu kì diệu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đã tạo ra bước phát triển nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng suất lao động. Con người đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của các thế hệ trước cộng lại.

- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần hai đã đưa lịch sử loài người bước sang nền văn minh mới, sau nền văn minh công nghiệp và nền văn minh mới hiện nay là văn minh trí tuệ (hay nền văn minh hậu công nghiệp, văn minh truyền tin...). Nền văn minh này tạo điều kiện cho con người phát triển hơn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, nhưng cũng đòi hỏi con người phải sáng tạo, năng động, thông minh hơn.

- Những thành tựu to lớn của cách mạng khoa học - kĩ thuật đã làm cho nền kinh tế thế giới ngày càng “quốc tế hoá” cao, đang hình thành thị trường toàn thế giới bao gồm những nước có chế độ chính trị khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình.

- Mặt khác, cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật cũng tạo sự giao lưu, trao đổi về văn hoá, du lịch, văn học nghệ thuật, thể dục, thể thao. Sự hợp tác với nhau trên lĩnh vực y tế, dân số, giáo dục, khoa học – kĩ thuật và bảo vệ môi trường giữa các quốc gia, dân tộc trên hành tinh ngày càng phát triển và gắn bó chặt chẽ với nhau.

- Cuộc cách mạng đã dẫn đến những thay đổi lớn lao về cơ cấu dân cư với hai xu hướng dân số lao động trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp giảm đi, dân số trong ngành dịch vụ tăng lên.

- Bên cạnh những ý nghĩa tích cực thì cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai cũng gây ra những hậu quả tiêu cực như: sản xuất vũ khí giết người hàng loạt, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, bệnh tật hiểm nghèo, tai nạn giao thông, tai nạn lao động...

PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

I. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN CỦA LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1930

1. *Những chuyển biến mới về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất*

a. *Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nước Pháp bị thiệt hại nặng nề nhất về người và vật chất.
- Ở Đông Dương, chủ yếu là ở Việt Nam, thực dân Pháp thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai.

Nội dung:

- Thực dân Pháp đã đầu tư với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế ở Việt Nam.
- Vốn đầu tư vào nông nghiệp nhiều nhất, chủ yếu là cho đồn điền cao su.
- Tư bản Pháp rất coi trọng việc khai thác mỏ, trước hết là mỏ than.
- Thương nghiệp, trước hết là ngoại thương, có bước phát triển mới.
- Giao thông vận tải được phát triển.
- Ngân hàng Đông Dương nắm trọng quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương, nắm quyền phát hành giấy bạc và cho vay lãi.
- Thực dân Pháp còn thi hành các biện pháp cụ thể.

b. *Chính sách chính trị, văn hóa, giáo dục của thực dân Pháp*

- Bộ máy đàn áp, cảnh sát, nhà tù, được tăng cường và hoạt động ráo riết.
- Thi hành một vài cải cách chính trị - hành chính, đưa thêm người Việt vào làm việc trong các công sở.
- Văn hóa, giáo dục: hệ thống giáo dục Pháp - Việt được mở rộng gồm các cấp tiểu học, trung học, cao đẳng và đại học.
- Pháp đã ưu tiên và khuyến khích xuất bản các sách báo cổ vũ chủ trương "Pháp - Việt đề huề".
- Các trào lưu tư tưởng, khoa học - kĩ thuật, văn hóa, nghệ thuật phương Tây cũng có điều kiện tràn vào Việt Nam.

c. *Những chuyển biến mới về kinh tế và giai cấp xã hội ở Việt Nam*

** Chuyển biến về kinh tế*

- Nền kinh tế tư bản Pháp ở Đông Dương có bước phát triển mới. Thực dân Pháp có đầu tư kĩ thuật và nhân lực, song rất hạn chế.
- Cơ cấu kinh tế Việt Nam vẫn mất cân đối. Sự chuyển biến có tính chất cục bộ ở một số vùng.
- Kinh tế Đông Dương vẫn bị cột chặt vào kinh tế Pháp và Đông Dương vẫn là thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

** Chuyển biến về giai cấp xã hội*

- Giai cấp địa chủ phong kiến tiếp tục phân hóa. Một bộ phận không nhỏ tiểu và trung địa chủ tham gia phong trào dân tộc dân chủ chống thực dân Pháp và thế lực phản động tay sai.
- Giai cấp nông dân bị đế quốc, phong kiến thống trị tước đoạt ruộng đất, bóc lột cùng, phá sản không có lối thoát. Mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam với đế quốc Pháp và phong kiến tay sai hết sức gay gắt. Nông dân là một lực lượng cách mạng to lớn của dân tộc.
- Giai cấp tiểu tư sản phát triển nhanh chóng về số lượng. Họ có tinh thần dân tộc, chống thực dân Pháp và tay sai.
- Tư sản dân tộc Việt Nam là một giai cấp có khuynh hướng dân tộc và dân chủ.
- Giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng phát triển. Đến năm 1929, giai cấp công nhân có trên 22 vạn người. Giai cấp công nhân Việt Nam có quan hệ gần bó với nông dân, có truyền thống yêu nước, sớm chịu ảnh hưởng của phong trào cách mạng vô sản, nên đã nhanh chóng vươn lên thành một động lực của phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại.

Mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam tiếp tục diễn ra sâu sắc, trong đó chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân ta với thực dân Pháp và phản động tay sai.

2. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ 1919 - 1925

a. Hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam sống ở nước ngoài

** Hoạt động của Phan Bội Châu*

- Sau những năm bôn ba hoạt động ở Nhật Bản và Trung Quốc không thành công, Phan Bội Châu bị giới quân phiệt ở Quảng Đông (Trung Quốc) bắt giam năm 1913 và đến cuối năm 1917 mới được thả tự do.
- Tháng 06/1925, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt tại Thượng Hải (Trung Quốc), kết án tù rồi bị đưa về an trí ở Huế, Phan Bội Châu không thể tiếp tục cuộc đấu tranh mới của dân tộc.

** Hoạt động của Phan Châu Trinh*

- Năm 1922, nhân dịp Khải Định sang Pháp, Phan Châu Trinh viết "Thất điều thư" vạch ra 7 tội đáng chém của ông ta.
- Ông thường tổ chức diễn thuyết, lên án chế độ quân chủ và quan trường Việt Nam; tiếp tục hô hào "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh",...
- Tháng 6/1925, Phan Châu Trinh về nước. Ông tiếp tục hoạt động, đả phá chế độ quân chủ, đề cao dân quyền....

Mùa xuân năm 1923, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Công Viễn... lập ra tổ chức Tâm tâm xã. Ngay 19/6/1924, Phạm Hồng Thái thực hiện mưu sát Toàn quyền Đông Dương Méc-lanh ở Sa Diện (Quảng Châu – Trung Quốc), song không thành nhưng có ý nghĩa mở màn cho thời đại đấu tranh mới của dân tộc.

Nhiều Việt kiều tại Pháp đã tham gia hoạt động yêu nước, chuyển tài liệu, sách báo tiến bộ về nước.

b. Hoạt động của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam

** Hoạt động của tư sản*

- Tư sản Việt Nam đã tổ chức cuộc tẩy chay tư sản Hoa kiều, vận động người Việt Nam chỉ mua hàng của người Việt Nam, “chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa”.
- Năm 1923, địa chủ và tư sản Việt Nam đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo tại Nam Kỳ của tư bản Pháp.
- Một số tư sản và địa chủ lớn trong Nam đã tập hợp thành một tổ chức có tên là Đảng Lập hiến (1923). Đảng này đã đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ. Nhưng khi được thực dân Pháp nhượng bộ một số quyền lợi họ lại thỏa hiệp.
- Nhóm Nam phong cổ vũ thuyết “quân chủ lập hiến”, nhóm Trung Bắc tân văn đề cao tư tưởng “trực trị”.

** Hoạt động của tiểu tư sản*

- Tiểu tư sản trí thức sôi nổi đấu tranh đòi những quyền tự do, dân chủ. Một số tổ chức chính trị như Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên được lập với nhiều hoạt động phong phú và sôi động.
- Nhiều tờ báo tiến bộ lần lượt ra đời. Báo tiếng Pháp có các tờ Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê; báo tiếng Việt có Hữu thanh, Tiếng dân, Đông Pháp thời báo, Thực nghiệp dân báo,...
- Những nhà xuất bản tiến bộ như Nam Đồng thư xã (Hà Nội), Cường học thư xã (Sài Gòn), Quan hải tùng thư (Huế)... đã phát hành nhiều loại sách báo tiến bộ.
- Một số sự kiện nổi bật là cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp trả tự do cho Phan Bội Châu (1925); cuộc truy điệu, lễ tang Phan Châu Trinh (1926).

** Phong trào công nhân*

- Các cuộc đấu tranh của công nhân ngày càng nhiều hơn tuy vẫn còn lẻ tẻ và tự phát. Ở Sài Gòn - Chợ Lớn đã thành lập Công hội (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu.
- Tháng 08/1925, thợ máy xưởng Ba Son tại cảng Sài Gòn đã bãi công. Sự kiện này đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam.

c. **Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc**

- Sau những năm bôn ba hầu khắp các châu lục trên thế giới, cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành đã trở lại Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919).
- Ngày 18/6/1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Tất Thành (với tên gọi mới là Nguyễn Ái Quốc) gửi đến Hội nghị Véc - xai *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* đòi Chính phủ Pháp và các nước Đồng minh thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.
- Giữa năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lê-nin, được đăng trên báo Nhân đạo của Đảng Xã hội Pháp. Luận cương của Lê-nin đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường giành độc lập và tự do của nhân dân Việt Nam là đi theo cách mạng vô sản.
- Ngày 25/12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Xã hội Pháp họp tại thành phố Tua. Người đã đứng về đa số đại biểu Đại hội bỏ phiếu gia tán thành việc nhập Quốc tế Cộng sản và tuyên bố thành lập Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc trở thành người đảng viên cộng sản và là một trong những người tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.
- Năm 1921, cùng với một số người yêu nước An-giê-ri, Ma-rốc, Tuy-ni-di..., Nguyễn Ái Quốc lập ra *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* ở Pa-ri để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân. Báo *Người cùng khổ* do Người làm chủ nhiệm kiêm chủ bút là cơ quan ngôn luận của Hội. Người có có bài viết cho các *báo Nhân đạo* (của Đảng Cộng sản Pháp), *Đời sống công nhân* (của Tổng Liên đoàn Lao động Pháp),... và đặc biệt là *cuốn Bản án chế độ Thực dân Pháp*.
- Tháng 06/1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân (10/1923) và dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924).
- Ngày 11/11/1924, Nguyễn Ái Quốc về đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp tuyên truyền, giáo dục lý luận, xây dựng tổ chức cách mạng giải phóng dân tộc cho nhân dân Việt Nam.

3. **Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cách mạng**

a. **Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên**

- Về đến Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện, đào tạo thanh niên thành các chiến sĩ cách mạng. Họ học làm cách mạng, học cách hoạt động bí mật. Phần lớn số học viên đó sau khi “học xong, học lại bí mật về nước truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân”.
- Một số người được gửi sang học tại Trường Đại học Phương Đông ở Mát-xcơ-va (Liên Xô) hoặc Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).

- Tháng 06/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, đấu tranh để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu lấy mình.
- Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Tổng bộ, trụ sở của Tổng bộ đặt tại Quảng Châu.
- Báo Thanh niên của Hội do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, ra số đầu tiên ngày 21/6/1925.
- Đầu năm 1927, tác phẩm Đường Cách mệnh được xuất bản.
- Tại Quảng Châu, ngày 09/7/1925, Nguyễn Ái Quốc đã cùng một số nhà yêu nước Triều Tiên, In-đô-nê-xi-a... thành lập ra Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông. Tôn chỉ của Hội là liên lạc với các dân tộc bị áp bức để cùng làm cách mạng, đánh đổ đế quốc.
- Cuối năm 1928, thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, nhiều cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đi vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, cùng sinh hoạt và lao động với công nhân để tuyên truyền vận động cách mạng, nâng cao ý thức chính trị cho giai cấp công nhân.
- Phong trào công nhân ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn và trở thành nòng cốt của phong trào dân tộc trong cả nước. Đấu tranh của công nhân đã nổ ra tại các trung tâm kinh tế, chính trị và bắt đầu có sự liên kết thành phong trào chung.
- Các cuộc đấu tranh của nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh diễn ra một số nơi.

b. Tân Việt Cách mạng Đảng

- Ngày 14/7/1945, một số tù chính trị cũ ở Trung Kỳ cùng một nhóm sinh viên Trường Cao đẳng ở Hà Nội lập ra Hội Phục Việt, sau đó đổi thành Hội Hưng Nam. Đến ngày 14/7/1928, Hội tiến hành đại hội tại Huế, quyết định đổi thành Tân Việt Cách mạng Đảng (Đảng Tân Việt).
- Đảng chủ trương lãnh đạo quần chúng ở trong nước và liên lạc với các dân tộc bị áp bức trên thế giới để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, nhằm thiết lập xã hội bình đẳng bác ái.
- Đảng Tân Việt ra đời và hoạt động trong điều kiện Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát triển mạnh, nên tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và đường lối của Hội có sức cuốn hút nhiều đảng viên trẻ, tiên tiến của Đảng Tân Việt.
- Một số đảng viên tiên tiến đã sớm chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Số đảng viên tiên tiến còn lại đã tích cực chuẩn bị để tiến tới thành lập một chính đảng cách mạng theo tư tưởng Nguyễn Ái Quốc và học thuyết Mác – Lê-nin.

3. *Việt Nam Quốc dân Đảng*

- Ngày 25/12/1927, Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính đã thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng.
- Bản chương trình hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng nêu nguyên tắc của đảng là: “Tự do – Bình đẳng – Bác ái”.
- Quốc dân Đảng chủ trương tiến hành cách mạng bằng bạo lực, chú trọng lấy lực lượng binh lính người Việt trong quân đội Pháp giác ngộ làm lực lượng chủ lực. Tổ chức cơ sở của Quốc dân Đảng trong quân chúng rất ít.
- Địa bàn hoạt động của Quốc dân Đảng chỉ bó hẹp trong một số địa phương Bắc Kỳ, còn ở Trung Kỳ và Nam Kỳ không đáng kể.
- Tháng 02/1929, Việt Nam Quốc dân Đảng tổ chức vụ ám sát tên trùm mộ phu Ba-danh ở Hà Nội. Nhân sự kiện này thực dân Pháp tiến hành một cuộc khủng bố dã man.
- Đêm 02/3/1930, cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân Đảng nổ ra ở Yên Bái. Tiếp theo là Lâm Thao (Phú Thọ), Phả Lại và Vĩnh Bảo (Hải Dương), Kiến An và Phụ Dực (Thái Bình)... Ở Hà Nội, quân khởi nghĩa ném bom vào Sở Cảnh sát, nhà tên Giám đốc Sở Mật thám Ác-nu để phối hợp.
- Vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân Đảng vừa mới xuất hiện đã chấm dứt cùng với sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái và đó cũng là sự thất bại của phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng tư sản.

4. *Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời*

a. *Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929*

- Năm 1929, phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác đã phát triển.
- Cuối tháng 03/1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Bắc Kỳ họp tại nhà 5D, phố Hàm Long (Hà Nội) đã thành lập ra Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Chi bộ có 7 đảng viên. Chi bộ đã mở ra cuộc vận động thành lập một đảng cộng sản nhằm thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- Từ ngày 01 đến ngày 09/5/1929, Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp tại Hương Cảng (Trung Quốc). Tại Đại hội, đoàn đại biểu Bắc Kỳ đặt vấn đề thành lập ngay đảng cộng sản để thay thế hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, song không được chấp nhận nên đoàn bỏ Đại hội về nước.
- Ngày 17/6/1929, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở Bắc Kỳ họp Đại hội tại nhà số 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội) quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ Đảng, ra báo Búa liềm làm cơ quan ngôn luận và cử ra Ban Chấp hành Trung ương của Đảng.

- Khoảng tháng 8/1929, các cán bộ lãnh đạo tiên tiến trong Tổng bộ và Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Kỳ cũng đã quyết định thành lập An Nam Cộng sản Đảng. Tờ báo Đỏ là cơ quan ngôn luận của Đảng. Vào khoảng tháng 11/1929, An Nam Cộng sản Đảng họp tại Đại hội để thông qua đường lối chính trị và bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Tháng 9/1929, những người giác ngộ cộng sản trong Tân Việt tuyên bố Đông Dương Cộng sản Liên đoàn chính thức thành lập.

- Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản là một xu thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam. Nhưng các tổ chức này đều hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau, làm cho phong trào cách mạng trong nước có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ lớn.

- Giữa lúc đó Nguyễn Ái Quốc được tin báo: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân liệt thành hai nhóm, mỗi nhóm tổ chức thành một đảng cộng sản. Người liền rời khỏi Xiêm, sang Trung Quốc để thống nhất các tổ chức cộng sản.

b. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

** Hội nghị thành lập Đảng*

- Với cương vị là phái viên của Quốc tế Cộng sản, có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan tới phong trào cách mạng ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập đại biểu của các tổ chức cộng sản đến Cửu Long để bàn việc hợp nhất.

- Hội nghị hợp nhất các tổ chức đảng cộng sản bắt đầu họp ngày 06/01/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.

+ Nguyễn Ái Quốc phê phán những quan điểm sai lầm của các tổ chức cộng sản riêng lẻ và nêu rõ chương trình Hội nghị.

+ Hội nghị đã thảo luận và nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất có tên Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng... do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

** Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam*

- Xác định đường lối chiến lược cách mạng của Đảng là tiến hành “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

- Nhiệm vụ của cuộc cách mạng là: đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập, tự do; lập chính phủ công, nông, binh, tổ chức quân đội công nông, tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất...

- Lực lượng cách mạng là: công nông, tiểu tư sản, trí thức; còn phú nông, tiểu địa chủ và tư sản thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.
- Đảng Cộng sản Việt Nam – đội tiên phong của giai cấp vô sản – sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

** Nhận xét:*

+ Cương lĩnh chính trị đầu tiên tuy còn vắn tắt, song đây là một cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

+ Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

** Ý nghĩa của sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam*

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp quyết liệt của nhân dân Việt Nam, là sự sàng lọc nghiêm khắc của lịch sử trên con đường đấu tranh trong mấy thập niên đầu của thế kỉ XX.
- Đảng ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam trong thời đại mới.
- Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ đây, cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, một đảng có đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo, có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ cán bộ đảng viên kiên trung, nguyện suốt đời hy sinh cho lí tưởng của Đảng, cho độc lập của dân tộc, cho tự do của nhân dân.
- Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN 2008

Câu hỏi: Phong trào yêu nước của các tầng lớp tiểu tư sản trí thức ở Việt Nam trong những năm 1919 – 1926.

(Đề thi ĐH khối C năm 2007)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Các tầng lớp tiểu tư sản trí thức Việt Nam đều bị thực dân Pháp bạc đãi khinh rẻ, có ý thức dân tộc, có điều kiện tiếp xúc với các trào lưu tư tưởng văn hóa tiến bộ từ bên ngoài, có tinh thần hăng hái cách mạng và là một lực lượng quan trọng trong cách mạng giải phóng dân tộc.

Hoạt động tiêu biểu:

- Thành lập các tổ chức chính trị: Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Đảng Thanh niên... với những hoạt động phong phú, sôi nổi như mít tinh, biểu tình, bãi khóa...

- Lập ra các nhà xuất bản: Cường học thư xã (Sài Gòn), Quan hải tùng thư (Huế), Nam Đồng thư xã (Hà Nội)... ra báo chí tiến bộ: Chuông rè, An Nam, Người nhà quê, An Nam trẻ...
- Một số phong trào đấu tranh tiêu biểu như: đòi thả cụ Phan Bội Châu (1925), đám tang Phan Châu Trinh (1926)...

Phong trào trên đây mang tính dân chủ công khai với những hình thức tổ chức hoạt động phong phú, diễn ra tập trung trong những năm 1925 – 1926, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta và góp phần chuẩn bị điều kiện cho những phong trào đấu tranh mới sau này.

Câu hỏi: Khái quát phong trào công nhân Việt Nam (từ năm 1919 đến năm 1925).

(Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn - Năm 2003)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển trong quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất có khoảng 10 vạn công nhân, đến năm 1929, lên tới 22 vạn. Họ sống tại các vùng mỏ, đồn điền cao su và các thành phố như: Hà Nội, Sài Gòn - Chợ Lớn, Hải Phòng, Nam Định, Vinh.
- Ngoài các đặc điểm chung (tiêu biểu cho lực lượng sản xuất tiến bộ, điều kiện lao động và sinh sống tập trung...), giai cấp công nhân Việt Nam còn có đặc điểm riêng: Bị ba tầng áp bức của đế quốc, phong kiến, tư bản người Việt; có quan hệ tự nhiên, gắn bó với nông dân; sớm kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc; ra đời khi phong trào cách mạng thế giới đang trên đà phát triển dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác – Lê-nin
- Cùng với cuộc vận động yêu nước đòi tự do dân chủ, phong trào đấu tranh của công nhân cũng có bước phát triển mới. Những năm đầu, các cuộc đấu tranh tuy còn lẻ tẻ, tự phát nhưng ý thức giác ngộ giai cấp đang trên đà phát triển, làm cơ sở cho các tổ chức và phong trào chính trị cao hơn về sau. Năm 1920, công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn đã thành lập Công hội (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu.
- Các cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ Pháp cũng như của công nhân và thủy thủ Trung Quốc tại các cảng lớn như Hương Cảng, Áo Môn, Thượng Hải dội về cũng góp phần cổ vũ, động viên công nhân Việt Nam hăng hái đấu tranh.
- Mở đầu là cuộc đấu tranh của công nhân viên chức các sở công thương của tư nhân ở Bắc Kỳ, đòi chủ phải cho nghỉ ngày chủ nhật trả lương (1922). Cùng năm đó, còn có cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm Chợ Lớn (11/1922). Sang năm 1924, có nhiều cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, rượu, xay gạo ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương... Quan trọng hơn là cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son – Sài Gòn để ngăn cản tàu chiến Pháp chở lính sang tham gia đàn áp cách mạng Trung Quốc (8/1925).

- Cuộc bãi công của công nhân Ba Son đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam. Giai cấp công nhân nước ta, từ đây đã bắt đầu đi vào đấu tranh tự giác.

Qua cuộc bãi công này, thấy rõ tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn một bước vào giai cấp công nhân Việt Nam và bắt đầu biến thành hành động của công nhân Việt Nam.

Câu hỏi: *Những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất? (2 điểm)*

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm TP. Hồ Chí Minh- Năm 2006).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Sau chiến tranh, nền kinh tế Việt Nam vẫn bị kìm hãm nặng nề, do phương thức bóc lột phong kiến vẫn được duy trì được một phần. Bên cạnh đó, để phục vụ bọn thực dân, nền kinh tế Việt Nam nói chung mang tính chất tư bản thực dân.

- Các mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam đều do tính chất trên chi phối:

+ Mâu thuẫn vốn có trong lòng xã hội Việt Nam vẫn tồn tại giữa nhân dân – trước hết là nông dân với địa chủ phong kiến.

+ Mâu thuẫn mới: Toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân Pháp. Mâu thuẫn này ngày càng gay gắt khiến cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc diễn ra quyết liệt.

- Cách mạng Việt Nam thực hiện 2 nhiệm vụ:

+ Đánh đuổi đế quốc giành độc lập.

+ Đánh đổ phong kiến địa chủ, giành lại ruộng đất cho nông dân.

Trước hết, đánh đổ đế quốc và tay sai phản động giành độc lập tự do là nhiệm vụ chủ yếu, hàng đầu của cách mạng Việt Nam.

Câu hỏi: *Hãy nêu những nét chính của tình hình thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến giữa những năm 20 của thế kỉ XX đã ảnh hưởng tới cách mạng Việt Nam.*

Trình bày phong trào yêu nước dân chủ công khai của tư sản và tiểu tư sản Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1926. (4 điểm)

(Trường Cao đẳng Sư phạm Phú Thọ - Năm 2003).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. *Tình hình thế giới ảnh hưởng tới cách mạng Việt Nam giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất*

+ Cách mạng tháng Mười Nga thành công năm 1917 đã lật đổ ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản và chế độ phong kiến tồn tại lâu đời ở đất nước Nga (chiếm 1/6 diện tích thế giới). Lần đầu tiên trong lịch sử, lực lượng công - nông đã giành được chính quyền, bắt tay vào việc xây dựng chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa, góp phần cổ vũ cho cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam.

+ Dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước tư bản phương Tây hướng tới sự gắn bó mật thiết, tác động lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

+ Sau Cách mạng tháng Mười, làn sóng đấu tranh cách mạng đã dâng cao trên toàn thế giới. Từ cao trào đó, giai cấp vô sản các nước đã bước lên vũ đài chính trị, tỏ rõ sức mạnh và sự mạng lịch sử của mình (Cách mạng 1918-1923). Nhiều chính đảng cộng sản thành lập, đặc biệt là sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919), sự ra đời của Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921), Luận cương của Lê-nin... đã ảnh hưởng tới Việt Nam.

+ Tình hình đó đã mở ra một xu thế mới – con đường mới cho cách mạng thế giới, có tác động thuận lợi cho việc truyền bá tư tưởng Mác – Lê-nin vào Việt Nam, con đường đúng cho cách mạng Việt Nam, con đường cách mạng vô sản, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp; mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, cách mạng ở thuộc địa và chính quốc.

2. Phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 -1926)

Do ảnh hưởng của các luồng tư tưởng dân chủ tư sản, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước dân chủ ở nước ta đang trên đà phát triển mạnh mẽ, sôi nổi với lực lượng tham gia chủ yếu là tư sản và tiểu tư sản

- Phong trào của tư sản

+ Phát động các phong trào chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá, chống độc quyền thương cảng Sài Gòn, chống độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ... Đây là những phong trào mang đậm màu sắc kinh tế của tư sản Việt Nam chống tư sản Pháp.

+ Dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho mình. Đồng thời, một số tư sản và địa chủ lớn ở miền Nam (Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long...) tổ chức Đảng Lập hiến, đưa ra những khẩu hiệu đòi tự do dân chủ nhằm tập hợp lực lượng, tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng để làm áp lực đối với Pháp, đòi một số quyền lợi cho mình.

+ Xuất phát từ bản chất và địa vị của mình, khi được thực dân Pháp nhượng bộ cho một ít quyền lợi (tham gia Hội đồng quản hạt) thì họ đi tới cải lương, thoả hiệp nên bị phong trào quần chúng vượt qua.

- Phong trào của tiểu tư sản

+ Tiểu tư sản, trí thức (sinh viên Cao đẳng Hà Nội, giáo viên, nhà văn, nhà báo, học sinh...) đã tập hợp nhau trong các tổ chức chính trị: Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Đảng Thanh niên... tổ chức đấu tranh.

+ Thành lập các nhà xuất bản tiến bộ như: Cường học thư xã, Nam Đồng thư xã..., xuất bản nhiều tờ báo tuyên truyền những tư tưởng tiến bộ như: Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê...

+ Nổi bật và tiêu biểu nhất là phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925), đưa tang Phan Châu Trinh (1926) đã tập hợp được đông đảo quần chúng. Đồng thời, tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái (Quảng Châu) báo hiệu sự phát triển mạnh mẽ, sôi nổi của phong trào yêu nước dân chủ trong thời gian đó.

- Nhìn lại, phong trào yêu nước dân chủ thời gian này diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ, hình thức phong phú, góp phần thức tỉnh tinh thần dân tộc yêu nước. Phong trào sẽ được tiếp nối trong thời gian sau này, trở thành một trong ba nhân tố kết hợp dẫn đến sự ra đời của Đảng ta năm 1930

Câu hỏi: *Trình bày sự phân hoá xã hội và khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. (4,5 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên - Năm 2005).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, các giai cấp trong xã hội Việt Nam bị phân hoá sâu sắc hơn. Cùng với sự phân hoá của các lực lượng xã hội cũ, một số giai cấp mới ra đời và ngày càng phát triển. Mọi giai cấp có địa vị và quyền lợi khác nhau nên cũng có thái độ chính trị và khả năng khác nhau trước sự nghiệp giải phóng dân tộc

- *Giai cấp địa chủ phong kiến:* Vốn là giai cấp thống trị cũ đã đầu hàng, được đế quốc nuôi dưỡng để làm tay sai, chúng ôm chân đế quốc, phản bội dân tộc, là chỗ dựa của chủ nghĩa đế quốc, câu kết với chúng để cướp đoạt ruộng đất và đàn áp nông dân, nên sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, địa chủ phong kiến được tăng cường về cả thế và lực. Đây là đối tượng của cách mạng, chỉ có một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước, sẵn sàng tham gia phong trào yêu nước khi có điều kiện

- *Giai cấp nông dân:* Chiếm trên 90% dân số, là nạn nhân chủ yếu của công cuộc khai thác thuộc địa. Họ bị áp bức, bóc lột nặng nề, dẫn đến bán cùng hoá, phá sản. Chỉ một số ít được tiếp nhận vào các đồn điền, hầm mỏ, xí nghiệp, đại bộ phận sống bán cùng trên chính quê hương mình. Họ có truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, chống áp bức thống trị nhưng không có tổ chức vững mạnh, ít học thức... nên không thể lãnh đạo cách mạng. Nếu có một lực lượng tiên tiến dẫn dắt, họ sẽ trở thành động lực chính của cách mạng.

- *Giai cấp tiểu tư sản thành thị*: Cũng tăng lên về số lượng. Thành phần bao gồm những người buôn bán nhỏ, công chức, học sinh, sinh viên, dân nghèo thành thị... Do bị khinh miệt, đời sống bấp bênh nên họ rất hăng hái cách mạng nhưng dễ dao động nên không thể lãnh đạo cách mạng. Tuy nhiên, một bộ phận có tri thức trong giai cấp này có điều kiện tiếp xúc với các trào lưu tư tưởng văn hoá tiến bộ nên họ rất hăng hái cách mạng, trở thành lực lượng quan trọng trong cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta.

- *Giai cấp tư sản*: Ra đời sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, phần đông họ là những tiểu chủ đứng trung gian làm thầu khoán, đại lý hàng hoá, số vốn ít ỏi, bị thực dân Pháp chèn ép nên thế lực kinh tế nhỏ yếu (chỉ bằng 5% số vốn của tư bản nước ngoài). Phát triển đến một mức nào đó, tư sản Việt Nam bị phân hoá thành hai bộ phận:

+ Tầng lớp tư sản mại bản có quyền lợi gắn liền với đế quốc nên cấu kết chặt chẽ với chính quyền thực dân và là lực lượng cần phải đánh đổ.

+ Tư sản dân tộc có lòng yêu nước, muốn phát triển chủ nghĩa tư bản Việt Nam, có khuynh hướng kinh doanh độc lập, có tinh thần chống đế quốc và phong kiến, tán thành độc lập dân tộc nhưng thế lực kinh tế nhỏ yếu, không kiên định, dễ thoả hiệp nên không lãnh đạo được cách mạng, chỉ là một lực lượng trong cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta.

- *Giai cấp công nhân*: Ra đời trong khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Sau chiến tranh giai cấp công nhân phát triển nhanh cả về số lượng lẫn chất lượng (trước chiến tranh có 10 vạn, năm 1929 là 22 vạn). Ngoài những đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế (tinh triệt để cách mạng, đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến nhất, có tính kỉ luật cao), giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng (bị 3 tầng áp bức là đế quốc, phong kiến, tư sản mại bản; có quan hệ tự nhiên và gắn bó với nông dân; sớm kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc; sớm tiếp xúc với tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và phong trào cách mạng thế giới,... Chính vì vậy, chỉ có họ mới có đủ khả năng lãnh đạo cách mạng Việt Nam và nhanh chóng trở thành lực lượng chính trị độc lập, làm cơ sở vững chắc cho phong trào dân tộc theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa.

Sự phân hoá giai cấp, đặc biệt là sự ra đời và phát triển của các lực lượng xã hội mới đã tạo tiền đề cho việc tiếp thu các trào lưu tư tưởng mới làm cơ sở để hình thành và phát triển các khuynh hướng cách mạng mới ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu hỏi: *Hãy nêu những hoạt động chính của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình đi tìm đường cứu nước và chuẩn bị để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. (4 điểm)*

(Trương Cao đẳng sư phạm Hà Nội- Năm 2003).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Năm 1919, Người gửi yêu sách 8 điểm tới Hội nghị Vec-xai để đòi những quyền dân tộc cơ bản của dân tộc Việt Nam.
- Tháng 7/1920, đọc Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đăng trên báo Nhân đạo, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc là con đường cách mạng vô sản.
- Tháng 12/1920, Dự Đại hội Tua bỏ phiếu tán thành thành lập Đảng Cộng sản Pháp và gia nhập Quốc tế Cộng sản.
- Năm 1921, lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pa-ri, ra báo “Người cùng khổ”, viết “Bản án chế độ thực dân Pháp” và tìm cách bí mật chuyển các sách báo nói trên về Việt Nam.
- Tháng 6/1923, Người rời Pháp sang Liên Xô, tham dự Hội nghị Quốc tế nông dân và được bầu vào Ban Chấp hành.
- Năm 1924, Tham dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản và làm việc ở Quốc tế Cộng sản.
- Tháng 11/1924, Người về Quảng Châu (Trung Quốc), tiếp xúc với Tâm tâm xã.
- Tháng 6/1925, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, mở các lớp huấn luyện chính trị, ra báo Thanh niên làm cơ quan ngôn luận.
- Năm 1927, xuất bản cuốn sách “Đường Cách mệnh”.
- Tháng 12/1929, Người đến Thượng Hải, chuẩn bị cho hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam
- Từ ngày 3 đến ngày 7/2/1930: Người chủ trì Hội nghị thành lập Đảng ở Cửu Long (Hương Cảng – Trung Quốc). Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Câu hỏi: Trình bày những hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian từ năm 1920 đến năm 1930. Đánh giá sự đóng góp của những hoạt động đó đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong thời gian này. (4 điểm)

(Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội- Năm 2005)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Những hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian từ năm 1920 đến năm 1930.
- + Tháng 7/1920, đọc Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đăng trên báo Nhân đạo, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.
- + Tháng 12/1920, dự Đại hội Tua bỏ phiếu tán thành thành lập Đảng Cộng sản Pháp và gia nhập Quốc tế Cộng sản.
- + Năm 1921, lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pa-ri, ra báo “Người cùng khổ”, viết “Bản án chế độ thực dân Pháp” và tìm cách bí mật chuyển các sách báo nói trên về Việt Nam.

- + Tháng 6/1923, Người rời Pháp sang Liên Xô, tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và được bầu vào Ban Chấp hành.
- + Năm 1924, Tham dự Đại hội V của Quốc tế Công sản và làm việc ở Quốc tế Cộng sản.
- + Tháng 11/1924, Người về Quảng Châu (Trung Quốc), tiếp xúc với Tâm Tâm xã.
- + Tháng 6/1925, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, mở các lớp huấn luyện chính trị, ra báo Thanh niên làm cơ quan ngôn luận.
- + Năm 1927, xuất bản cuốn sách “Đường Cách mệnh”.
- + 1928 – 1929, Người hoạt động ở một số nước Đông Nam Á.
- + Tháng 2/1930, triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Đánh giá sự đóng góp của những hoạt động đó đối với cách mạng Việt Nam.
- + Là người tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.
- + Là người tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, dày công đào tạo đội ngũ cán bộ cách mạng, chuẩn bị chu đáo về mặt tổ chức, đưa tới sự ra đời của 2 tổ chức cách mạng, sau đó là 3 tổ chức cộng sản và là người sáng lập Đảng ta.
- + Xây đắp mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng Pháp và cách mạng thế giới.
- + Vạch ra những vấn đề cốt tử trong đường lối cứu nước, đặt nền móng tư tưởng để Đảng Cộng sản xây dựng đường lối chiến lược cách mạng.

âu hỏi: *Chúng minh: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là một cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo. (4 điểm)*

Trường Cao đẳng sư phạm Kon Tum - Năm 2002

áp án và hướng dẫn trả lời:

- Tính đúng đắn, sáng tạo của Cương lĩnh thể hiện ở những vấn đề sau:
 - + Về cơ sở lí luận: Cương lĩnh đã dựa trên nền tảng lí luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, một hệ thống lí luận tiến bộ, đúng đắn và sáng tạo
 - + Cương lĩnh khẳng định cách mạng Việt Nam phải trải qua 2 giai đoạn: Cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn này kế tiếp nhau và không có bức tường nào ngăn cách. Cương lĩnh chủ trương: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Qua đó, ta thấy rằng: Ngay từ đầu, Đảng ta đã nhận thức rõ con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là điều hoàn toàn đúng đắn vì nó phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của đất nước ta. Đồng thời, chúng ta cũng thấy được sự vận dụng hợp lí và sáng tạo lí luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

+ Cương lĩnh khẳng định nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là chống đế quốc và chống phong kiến. Điều này cũng thể hiện tính đúng đắn và sáng tạo của Cương lĩnh. Tính đúng đắn và sáng tạo thể hiện ở chỗ Cương lĩnh đã giải quyết đúng 2 mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam. Mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc đó là: Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược; mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến. Cách mạng Việt Nam muốn đi đến thắng lợi phải giải quyết thành công 2 mâu thuẫn đó, nghĩa là hoàn thành 2 nhiệm vụ mà Cương lĩnh đã đề ra.

+ Về mối quan hệ giữa 2 nhiệm vụ trên, Cương lĩnh đã đề cao vấn đề dân tộc lên trên vấn đề đấu tranh giai cấp và chống phong kiến là đúng đắn sáng tạo. Vì xã hội Việt Nam lúc đó có 2 mâu thuẫn như vừa nêu trên nhưng mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp là mâu thuẫn bao trùm, chi phối các mâu thuẫn khác, vấn đề giải phóng dân tộc là vấn đề bức xúc nhất.

+ Về lực lượng cách mạng, Cương lĩnh xác định, ngoài giai cấp công nhân thì cách mạng Việt Nam “phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức và trung nông... để kéo họ về phía vô sản giai cấp. Còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản An Nam mà chưa lộ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng làm cho trung lập”. Như vậy, ngoài công nhân và nông dân là 2 lực lượng chính của cách mạng, Cương lĩnh chủ trương phải tranh thủ các lực lượng khác: Tư sản dân tộc, tiểu tư sản, trung, tiểu địa chủ... Điều đó hoàn toàn phù hợp với thực tế của lịch sử Việt Nam vì các giai cấp khác ngoài công nhân và nông dân, có một số bộ phận khác cũng có tinh thần yêu nước như tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ yêu nước... Vì thế, cần phải tranh thủ kéo họ về phe cách mạng. Đó cũng là vấn đề thể hiện ưu tiên hơn cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc của Cương lĩnh, điều hoàn toàn hợp lý và đúng đắn.

+ Cương lĩnh đã xác định đúng đắn vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam: Cách mạng muốn thắng lợi phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chính Đảng của giai cấp công nhân.

+ Cương lĩnh khẳng định, cách mạng Việt nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Đây cũng là một nội dung thể hiện tính đúng đắn và sáng tạo của Cương lĩnh. Vì giai cấp tư sản ở các nước, trong thực tế đã câu kết với nhau để đàn áp phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Cho nên cách mạng ở các nước thuộc địa muốn thắng lợi thì nhà dân các nước thuộc địa phải đoàn kết lại với nhau và đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới.

Tóm lại, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta là một cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và nhân văn sâu sắc

Câu hỏi: *Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.*

(Đề thi ĐH khối C năm 2008)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu, tiếp xúc với Tâm tâm xã...; tháng 6/1925, sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chuẩn bị điều kiện cho sự ra đời của một đảng cộng sản ở Việt Nam.

- Nguyễn Ái Quốc mở các lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu, từ năm 1925 đến năm 1927 đã đào tạo được 75 người... Số lượng hội viên tăng nhanh, nhất là từ khi có phong trào “vô sản hoá” (1928)... Hội có cơ sở trong cả nước.

- Ra báo Thanh niên và xuất bản tác phẩm Đường Cách mệnh để phục vụ công tác huấn luyện, tuyên truyền. Tác phẩm Đường Cách mệnh vạch ra những vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam... Việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin được đẩy mạnh qua phong trào “vô sản hoá”.

Đến năm 1929, đáp ứng yêu cầu của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập tại Hà Nội (3/1929). Sau Đại hội lần thứ nhất (5/1929), Hội phân hoá thành hai tổ chức: Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929) và An Nam Cộng sản Đảng (8/1929).

Câu hỏi: *Sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng.*

(Đề thi ĐH khối C năm 2007)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Ngày 25/12/1927, Việt Nam Quốc dân Đảng được thành lập trên cơ sở của tổ chức Nam Đồng thư xã, theo khung hướng cách mạng dân chủ tư sản. Lãnh tụ của Đảng là Nguyễn Thái Học... Lúc mới thành lập, Đảng chưa có mục đích, tôn chỉ rõ rệt, mà chỉ nêu chung chung là: “trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng”.

- Chương trình hành động nêu nguyên tắc của Đảng là: “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”. Chương trình hoạt động của Đảng chia thành 4 thời kì. Thời kì cuối là bất hợp tác với giặc, “đánh đuổi giặc Pháp, xoá bỏ ngôi vua, thiết lập dân quyền”; tiến hành “cách mạng bằng sắt và máu”...

- Tổ chức ám sát tên trùm mộ phu Ba-danh ở Hà Nội (2/1929). Thực dân Pháp khủng bố dã man, Việt Nam Quốc dân Đảng bị tổn thất nặng nề. Các lãnh tụ của Đảng bị truy lùng, nội bộ chia rẽ.

Trong tình thế bị động, Việt Nam Quốc dân Đảng quyết định dốc toàn bộ lực lượng tiến hành cuộc khởi nghĩa Yên Bái (3/1930) với ý tưởng “không thành công cũng thành nhân!”. Bị thực dân Pháp đàn áp, cuộc khởi nghĩa thất bại, kết thúc vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân Đảng và cũng đánh dấu sự thất bại của phong trào giải phóng dân tộc, theo khuynh hướng tư sản.

Câu hỏi: *Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam dẫn đến Hội nghị hợp nhất tháng 2/1930. Tại sao nói Hội nghị hợp nhất có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng?*

(Trường Cao đẳng sư phạm Văn hoá TP.Hồ Chí Minh - Năm 2005)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

a. *Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam dẫn đến Hội nghị hợp nhất tháng 2/1930*

- Từ cuối năm 1928 đầu năm 1929, phong trào yêu nước và phong trào công nhân ở Việt Nam đã quy về một mối theo con đường cách mạng vô sản, yêu cầu phải có sự lãnh đạo của một đảng cộng sản. Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 3/1929, chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam đã ra đời nhằm thúc đẩy việc thành lập một đảng cộng sản.

- Tháng 5/1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tiến hành Đại hội lần thứ nhất. Đoàn đại biểu Bắc Kỳ đưa ra kiến nghị về việc thành lập đảng cộng sản, nhưng không được chấp nhận, họ bỏ Đại hội về nước. Sau đó, tháng 6/1929, Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời ở Bắc Kỳ.

- Sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng đáp ứng yêu cầu cuộc đấu tranh ở Bắc Kỳ và tác động đến các bộ phận còn lại của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nhất là bộ phận ở Nam Kỳ. Vì thế, tháng 7/1929, An Nam Cộng sản Đảng ra đời ở Nam Kỳ.

- Sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản đảng tác động đến sự phân hoá của Tân Việt Cách mạng Đảng. Bộ phận tiên tiến của đảng này đã tách ra và thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929).

- Đến cuối năm 1929, sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh trong nước ở cả 3 miền. Nhưng 3 tổ chức này lại hoạt động riêng rẽ, công kích, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, làm hạn chế thắng lợi của phong trào cách mạng nước ta.

Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải có một đảng cộng sản thống nhất lãnh đạo. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc là phái viên phương Đông của Quốc tế Cộng sản đã triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất từ ngày 3 đến ngày 7/2/1930 để thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

b. *Tại sao nói Hội nghị hợp nhất có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng?*

- Tại Hội nghị, đại biểu các tổ chức cộng sản đã xoá bỏ mọi hiềm khích, nhất trí tán thành chủ trương thành lập một chính đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Hội nghị đã thông qua Chính cương, Sách lược văn tăt, Điều lệ văn tăt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là cương lĩnh đầu tiên của Đảng – Cương lĩnh giải phóng dân tộc Việt Nam.
- Những nội dung chủ yếu trên cùng với việc Nguyễn Ái Quốc ra Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng, cho thấy Hội nghị hợp nhất có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng.

Câu hỏi: *Tại sao nói Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam? (3 điểm)*

(Trường Đại học Sài Gòn - Hệ Cao đẳng – Năm 2007).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Đảng ra đời đã chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam...
- Từ khi Đảng ra đời, cách mạng Việt Nam đã thuộc quyền lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản đã xây dựng được lực lượng mới cho cách mạng, chủ yếu là liên minh công nông
- Đảng ra đời đã vạch ra phương pháp cách mạng đúng đắn. Đó là phương pháp cách mạng bằng bạo lực của quần chúng theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin...
- Kể từ khi Đảng ra đời, cách mạng Việt Nam thực sự trở thành bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới...
- Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu, đầu tiên, có tính quyết định cho bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam. Sau 15 năm, Đảng đã lãnh đạo thành công Cách mạng tháng Tám; 9 năm kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1945-1954), thắng Mỹ xâm lược (1954-1975), giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc...

Câu hỏi: *Chứng minh quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1920 đến năm 1930. (4 điểm)*

(Trường Cao đẳng sư phạm Kon Tum - Năm 2005).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- *Quá trình chuẩn bị về tư tưởng, chính trị:*

+ Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, khẳng định lập trường kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Từ đó, Người hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế Cộng sản.

+ Tháng 12/1920, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp ở Tua, Người bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đi theo con đường cách mạng vô sản của Nguyễn Ái Quốc.

+ Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp sáng lập ra Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pa-ri để đoàn kết các lực lượng cách mạng, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin đến các nước thuộc địa nhằm chống chủ nghĩa thực dân.

+ Tờ báo Người cùng khổ do Người làm chủ biên, chủ nhiệm cùng với tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp và nhiều bài báo khác đã lên án, vạch trần bản chất thâm độc của thực dân Pháp.

+ Tháng 6/1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và được bầu vào Ban Chấp hành. Sau đó, Người ở lại Liên Xô và làm việc trong Quốc tế Cộng sản. Trong khoảng thời gian đó, Nguyễn Ái Quốc đã học tập, tích lũy được nhiều kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, hoàn thiện về lý luận cách mạng, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào nước ta, chuẩn bị cho thành lập chính đảng vô sản.

- *Chuẩn bị về tổ chức:*

+ Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên: Tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc), người tập hợp thanh niên Việt Nam yêu nước ở đây để thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên vào tháng 6/1925, có tổ chức Cộng sản đoàn làm nòng cốt, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam, chuẩn bị điều kiện để thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

+ Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện chính trị để đào tạo một số thanh niên Việt Nam trở thành cán bộ cách mạng, cho xuất bản tờ báo Thanh niên, xuất bản cuốn Đường Cách mệnh (1927) để vạch ra phương hướng cơ bản về chiến lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam.

+ Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930)

Nhận thấy rõ yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải có một Đảng cộng sản duy nhất trong cả nước, Nguyễn Ái Quốc đại diện cho Quốc tế Cộng sản đứng ra thống nhất các lực lượng cộng sản ở Việt Nam để thành lập một Đảng cộng sản duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Các bản Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo đã được Hội nghị thông qua. Nó chính là cương lĩnh đầu tiên của Đảng.

Kết luận: Như vậy, những hoạt động cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ 1920 đến 1930 gắn liền với quá trình chuẩn bị những điều kiện tất yếu dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu hỏi: Hoàn cảnh lịch sử và nội dung của Hội nghị thành lập Đảng (3/2/1930). (3 điểm)

(Trương Cao đẳng sư phạm Quảng Bình- Năm 2002).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

a. Hoàn cảnh lịch sử

- Đến năm 1929, phong trào công nhân Việt Nam phát triển mạnh, ý thức chính trị ngày càng rõ rệt. Phong trào công nhân đã cùng với phong trào yêu nước kết thành làn sóng mạnh mẽ, trong đó, giai cấp công nhân trở thành lực lượng tiên phong. Nhưng phong trào công nhân cần có một chính đảng của giai cấp công nhân, trở thành yêu cầu cấp thiết.
- Đáp ứng yêu cầu đó, trong vòng không đầy 4 tháng (từ tháng 6 đến tháng 9/1929), ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Điều này thể hiện bước tiến mới của phong trào cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, do ba tổ chức hoạt động riêng rẽ, không tránh khỏi hiện tượng công kích, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, ảnh hưởng xấu đến phong trào
- Trước tình hình đó, được sự uỷ nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị đại biểu các tổ chức cộng sản trong nước ở Cửu Long (Hương Cảng) từ ngày 3 đến ngày 7/2/1930 để thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất.

b. Nội dung Hội nghị

- Sau 5 ngày làm việc khẩn trương, Hội nghị đã đi tới nhất trí tán thành thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Thông qua Chính cương, Sách lược văn tắt, Điều lệ văn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và coi đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, xác định một cách ngắn gọn những nét chính về những vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam.
 - + Đảng chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản.
 - + Nhiệm vụ cách mạng là đánh đổ đế quốc – phong kiến, tư sản phản cách mạng, dựng chính phủ công – nông – binh...
 - + Lực lượng cách mạng chủ yếu là công - nông, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân...
 - + Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

Với những nội dung trên, hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam mang tầm vóc như một Đại hội thành lập Đảng.

Câu hỏi: *Nêu nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (3/2/1930). (2 điểm)*

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Từ ngày 3 đến ngày 7/2/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng), Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản do Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã tán thành việc thành lập một chính đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã thông qua chính chương, Sách lược vắn tắt... do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

- *Nội dung cơ bản của cương lĩnh:*

+ Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để tiến tới xã hội cộng sản...

+ Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên chính phủ công – nông – binh và tổ chức quân đội công – nông; tịch thu sản nghiệp lớn của bọn đế quốc, ruộng đất của bọn đế quốc và bọn tư sản phản cách mạng chia cho dân cày nghèo... Trong đó, quan trọng nhất là nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai, giành độc lập tự do cho nhân dân.

+ Lực lượng cách mạng chủ yếu là công – nông, ngoài ra phải liên kết với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, tranh thủ hoặc ít ra là trung lập phú nông trung - tiểu địa chủ và tư sản Việt Nam chưa ra mặt phản cách mạng.

+ Lãnh đạo cách mạng là Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin là nền tảng tư tưởng, là nhân tố thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

+ Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, đứng cùng mặt trận với các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân trên toàn thế giới...

- *Ý nghĩa:* Cương lĩnh tuy vắn tắt nhưng thể hiện tư tưởng cách mạng đáng dẫn, sáng tạo, thấm đượm tính dân tộc và tính nhân văn, thấu suốt con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Câu hỏi: Anh (chị) hãy phân tích nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (3/2/1930). (4 điểm).

(Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh - Năm 2004)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam (tiến hành từ ngày 3 đến ngày 7/2/1930 tại Cửu Long - Hương Cảng), Hội nghị hợp nhất các tổ do Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã tán thành việc thành lập một chính đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã thông qua Chính chương, Sách lược vắn tắt... do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

- Cương lĩnh vạch ra con đường của cách mạng Việt Nam cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng chủ nghĩa xã hội. Hai giai đoạn này kế tiếp nhau và không có bức tường nào ngăn cách.

Như vậy, ngay từ đầu, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thấu suốt con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là con đường kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, con đường tất yếu và duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam.

- Cương lĩnh chỉ rõ nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên chính phủ công – nông – binh và tổ chức quân đội công – nông; tịch thu sản nghiệp lớn của bọn đế quốc, ruộng đất của bọn đế quốc và bọn tư sản phản cách mạng chia cho dân cày nghèo... Trong đó, quan trọng nhất là nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai, giành độc lập tự do cho nhân dân.

Các nội dung trên bao hàm cả 2 nội dung cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta là dân tộc và dân chủ (chống đế quốc và chống phong kiến). Đặc biệt, cương lĩnh đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc ở vị trí hàng đầu.

- Cương lĩnh cũng chỉ ra rằng, lực lượng cách mạng chủ yếu là công – nông, ngoài ra phải liên kết với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, tranh thủ hoặc ít ra là trung lập phú nông trung - tiểu địa chủ và tư sản Việt Nam chưa ra mặt phản cách mạng.

Cương lĩnh đã phản ánh đúng đắn động lực của cách mạng Việt Nam, phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc. Từ đó, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân nhằm thực hiện nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta là giành độc lập dân tộc.

- Cương lĩnh khẳng định: sự lãnh đạo cách mạng là Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin là nền tảng tư tưởng, là nhân tố thắng lợi của cách mạng Việt Nam...

Đây là nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Bởi vì, trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta, chỉ có giai cấp công nhân, thông qua chính đảng của nó là đảng cộng sản lãnh đạo mới có đủ điều kiện và khả năng lãnh đạo cách mạng đi đến thắng lợi hoàn toàn.

- Cương lĩnh khẳng định: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, đứng cùng mặt trận với các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân trên toàn thế giới...

Điều này phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, thấm nhuần quan điểm giai cấp của chủ nghĩa Mác – Lê-nin; qua đó kết hợp được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam.

Kết luận: Cương lĩnh chính trị của Đảng ta do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo, nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, thấm đượm tính dân tộc và nhân văn. Trong đó, độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi. Nó đặt cơ sở cho Đảng ta kế thừa và hoàn chỉnh đường lối lãnh đạo cách mạng nước ta trong các giai đoạn tiếp theo.

II. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN CỦA LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

1. Việt Nam trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933)

a. Tình hình kinh tế

- Từ năm 1930, kinh tế Việt Nam bước vào thời kì suy thoái. Khủng hoảng bắt đầu từ nông nghiệp.
- Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Việt Nam rất nặng nề so với các thuộc địa khác của Pháp, cũng như so với các nước trong khu vực.

b. Tình hình xã hội

- Hậu quả lớn nhất mà cuộc khủng hoảng kinh tế gây ra đối với xã hội là làm trầm trọng thêm tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân lao động.
- Nhiều công nhân bị sa thải, số người có việc làm thì đồng lương ít ỏi.
- Nông dân phải chịu cảnh thuế cao, vay nợ nặng lãi, nông phẩm làm ra phải bán với giá thấp, ruộng đất bị địa chủ người Pháp và người Việt thâm tóm. Nông dân ngày càng bị bần cùng hóa.
- Các tầng lớp nhân dân lao động khác cũng không tránh khỏi tác động xấu của khủng hoảng kinh tế.
- Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, trong đó có hai mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.
- Đầu năm 1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái do giai cấp tư sản lãnh đạo đã bị thất bại. Chính quyền thực dân đã tiến hành một chiến dịch khủng bố tàn khốc Việt Nam Quốc dân Đảng và những người yêu nước Việt Nam. Điều đó càng làm căng thẳng thêm những mâu thuẫn và tình trạng bất ổn trong xã hội.

2. Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh

a. Phong trào cách mạng 1930-1931

- Ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng công – nông rộng khắp cả nước.
- Từ tháng 02 đến tháng 4/1930, nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân. Mục tiêu đấu tranh là đòi cải thiện đời sống, bên cạnh đó cũng xuất hiện những khẩu hiệu chính trị.

- Tháng 5, trên phạm vi cả nước bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 01/5.
- Trong các tháng 6, 7 và 8 liên tiếp nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác trên phạm vi cả nước.
- Sang tháng 9/1930, phong trào đấu tranh dâng cao, nhất là ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Nông dân biểu tình (có vũ trang) được công nhân Vinh – Bến Thủy hưởng ứng.
- Hệ thống chính quyền thực dân, phong kiến bị tê liệt, tan rã ở nhiều thôn xã. Nhiều lí trưởng và chánh tổng bỏ trốn.
- Trong tình hình đó, nhiều cấp ủy Đảng ở thôn, xã đã lãnh đạo nhân dân đứng lên tự quản lí đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương, làm chức năng của các chính quyền, gọi là “Xô viết”.

b. Xô viết Nghệ - Tĩnh

- Tại Nghệ An, Xô viết ra đời tháng 9/1930. Các Xô viết đã thực hiện quyền làm chủ của quần chúng, điều hành mọi mặt đời sống.
- Về chính trị: quần chúng được tự do tham gia hoạt động trong các đoàn thể cách mạng, tự do hội họp. Các đội tự vệ đỏ và tòa án nhân dân được thành lập.
- Về kinh tế: thi hành các biện pháp tịch thu ruộng đất công chia cho dân cày; bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối; xóa nợ cho người nghèo; chúng trọng đắp đê phòng chống lụt, tu sửa cầu cống, đường giao thông; lập các hình thức tổ chức sản xuất để nông dân giúp đỡ nhau sản xuất.
- Về văn hóa – xã hội: các tệ nạn của xã hội cũ bị xóa bỏ, như mê tín, dị đoan, rượu chè, cờ bạc... Trật tự an ninh được giữ vững. Tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau được xây dựng.

Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931. Tuy chỉ tồn tại 4 - 5 tháng, nhưng nó là nguồn cổ vũ mạnh mẽ quần chúng nhân dân trong cả nước.

Từ năm 1931, phong trào cách mạng trong cả nước dần dần lắng xuống.

c. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1930).

- Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng cộng sản Việt Nam họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) vào tháng 10/1930.
- Hội nghị đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, cử ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức do Trần Phú làm Tổng bí thư và thông qua Luận cương chính trị của Đảng.

– *Nội dung Luận cương chính trị 10/1930:*

+ Xác định những vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Đông Dương. Cách mạng Đông Dương lúc đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền. Sau đó sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa.

+ Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh phong kiến và đánh đế quốc. Hai nhiệm vụ có quan hệ khăng khít với nhau.

+ Động lực của cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân.

+ Lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân với đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

+ Luận cương chính trị cũng nêu rõ hình thức và biện pháp đấu tranh, mối quan hệ giữa cách mạng Đông Dương và cách mạng thế giới.

– Hạn chế:

+ Chưa nêu được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương, không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

+ Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, khả năng chống đế quốc và chống đế quốc ở mức độ nhất định của giai cấp tư sản dân tộc, khả năng lôi kéo một bộ phận trung, tiểu địa chủ tham gia Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc và tay sai.

d. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930-1931

– *Ý nghĩa lịch sử:*

+ Phong trào khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng Đông Dương.

+ Từ phong trào, khối liên minh công nông được hình thành, công nhân và nông dân đoàn kết trong đấu tranh cách mạng.

+ Phong trào cách mạng 1930-1931 được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Quốc tế Cộng sản đã công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là phân bộ độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

- Bài học kinh nghiệm:

+ Phong trào để lại cho Đảng ta nhiều bài học quý báu về công tác tư tưởng, về xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất, về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

+ Phong trào có ý nghĩa như cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

3. Phong trào cách mạng trong những năm 1932-1935

a. Cuộc đấu tranh phục hồi phong trào cách mạng

- Cuộc khủng bố của thực dân Pháp đã làm cho lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề:

- + Hàng vạn người bị bắt bớ, tù đày. Các trại giam, nhà tù chật ních tù chính trị.
 - + Từ những năm 1931 đến giữa năm 1932, hầu hết các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Xứ ủy Bắc kì, Trung Kì, Nam Kì bị bắt.
 - Những thủ đoạn mị dân, lừa bịp cũng được thực dân Pháp thi hành để lôi kéo các tầng lớp quan lại, địa chủ, tư sản, trí thức, để mê hoặc một bộ phận nhân dân.
 - Trong hoàn cảnh đó, những người cộng sản kiên cường đấu tranh. Những đảng viên trong tù đấu tranh kiên trì bảo vệ lập trường, quan điểm cách mạng của Đảng, tổng kết bài học kinh nghiệm chỉ đạo phong trào, tổ chức vượt ngục. Những đảng viên không bị bắt đã tìm cách gây dựng lại tổ chức Đảng và quần chúng.
 - Một số đảng viên đang hoạt động ở Trung Quốc và Thái Lan trở về nước hoạt động.
 - Năm 1932, Lê Hồng Phong cùng một số đồng chí nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản tổ chức Ban lãnh đạo Trung ương Đảng.
 - Tháng 6/1932, Ban lãnh đạo Trung ương thảo ra Chương trình hành động của Đảng.
 - Phong trào đấu tranh của quần chúng được nhen nhóm trở lại với các tổ chức hội cấy, hội cày, hội hiếu, hội hỉ, hội đọc sách báo,...
 - Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân cũng đã nổ ra.
 - Cuối năm 1933, các tổ chức của Đảng dần dần được xây dựng và củng cố.
 - Đầu năm 1934, Ban lãnh đạo Hải ngoại được thành lập do Lê Hồng Phong đứng đầu.
 - Cuối năm 1934 đầu năm 1935, các Xứ ủy Bắc Kì, Trung Kì và Nam Kì được lập lại.
- Như vậy, đến đầu năm 1935, các tổ chức Đảng và phong trào quần chúng được hồi phục.

b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương (3/1935)

- Từ ngày 27 đến ngày 31/3/1935, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc). Tham dự Đại hội có 13 đại biểu, thay mặt cho hơn 500 đảng viên.

*** Nội dung của Đại hội Đảng lần thứ nhất:**

- Đại hội xác định ba nhiệm vụ chủ yếu của Đảng trong thời gian trước mắt là: củng cố và phát triển Đảng, tranh thủ quần chúng rộng rãi, chống chiến tranh đế quốc.
- Đại hội thông qua Nghị quyết Chính trị, Điều lệ Đảng, các vấn đề về vận động công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, phụ nữ về công tác trong các dân tộc thiểu số, về đội tự vệ và cứu tế đỏ.

- Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 13 người do Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư. Nguyễn Ái Quốc được cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản.

** Ý nghĩa:*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng đã đánh dấu một mốc quan trọng: Đảng đã khôi phục được hệ thống tổ chức từ trung ương đến địa phương cũng như khôi phục các tổ chức quần chúng.

4. Phong trào dân chủ 1936-1939

a. Việt Nam trong những năm 1936-1939

** Tình hình chính trị*

- Từ đầu những năm 1930 của thế kỉ XX, các thế lực phát xít cầm quyền ở một số nước như: Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới.

- Tháng 7/1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII tại Mát-xcơ-va (Liên Xô).

Đại hội xác định kẻ thù là chủ nghĩa phát xít và nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân là chống chủ nghĩa phát xít, mục tiêu đấu tranh là giành dân chủ, bảo vệ hòa bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương đã tham dự đại hội

- Ở Pháp: tháng 6/1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền. Chính phủ mới đã cho thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa.

- Ở Đông Dương: Chính phủ Pháp cử phái viên sang điều tra tình hình, cử toàn quyền mới, sửa đổi đôi chút luật bầu cử vào Viện Dân biểu, ân xá một số tù chính trị, nới rộng quyền tự do báo chí,...

- Ở Việt Nam: nhiều đảng phái chính trị hoạt động, trong đó có đảng cách mạng, đảng theo xu hướng cải lương, đảng phản động... Các đảng đẩy mạnh hoạt động, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng nhưng chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương là đảng mạnh nhất, có tổ chức chặt chẽ và có chủ trương rõ ràng.

** Tình hình kinh tế - xã hội*

- Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933), thực dân Pháp ở Đông Dương tập trung đầu tư khai thác thuộc địa để bù đắp sự thiếu hụt cho kinh tế "chính quốc".

- Những năm 1936-1939 là giai đoạn phục hồi và phát triển của kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, sự phát triển chỉ tập trung vào một số ngành đáp ứng cho nhu cầu chiến tranh. Nền kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu và lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

- Đời sống của đa số nhân dân khó khăn, cực khổ. Chính vì thế họ hăng hái tham gia phong trào đấu tranh đòi tự do, cơm áo dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

b. Phong trào dân chủ 1936-1939

** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 7/1936*

- Tháng 7/1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong chủ trì ở Thượng Hải (Trung Quốc). Hội nghị xác định:

+ Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương là chống đế quốc và chống phong kiến; nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hoà bình.

+ Phương pháp đấu tranh là kết hợp các hình thức công khai, bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

- Chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất Nhân dân Phản đế Đông Dương.

- Tháng 7/1936, Đảng Cộng sản Đông Dương kêu gọi các đảng phái chính trị, các tổ chức quần chúng và nhân dân Đông Dương hành động, đấu tranh cho dân chủ. Phong trào quần chúng đã lan rộng trong cả nước.

- Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, tháng 3/1938, Mặt trận thống nhất Nhân dân Phản đế Đông Dương đổi thành Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương gọi tắt và Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

b. Những phong trào đấu tranh tiêu biểu

- Đấu tranh đòi các quyền tự do dân sinh, dân chủ:

+ Phong trào Đông Dương Đại hội (1936).

+ Phong trào đón Gô-đa và Toàn quyền Brê-vi-e (1937).

+ Trong những năm 1937-1939, các cuộc mít tinh, biểu tình đòi quyền sống của các tầng lớp nhân dân vẫn tiếp tục diễn ra. Đặc biệt là cuộc đấu tranh nhân ngày 01/5/1938.

- Đấu tranh nghị trường:

+ Trong cuộc bầu cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ (1937), Viện Dân biểu Bắc Kỳ, Hội đồng Kinh tế lí tài Đông Dương (1938) và Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ (1939), Đảng đã vận động để đưa người của Đảng và của Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra ứng cử.

+ Đồng thời, Đảng sử dụng báo chí để tuyên truyền, vận động cử tri bỏ phiếu cho những ứng cử viên này nhằm mục đích mở rộng lực lượng Mặt trận Dân chủ Đông Dương, vạch trần chính sách phản động của bọn thực dân và tay sai, bênh vực quyền lợi nhân dân.

- Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí:

+ Đảng đã xuất bản nhiều tờ báo công khai ở các thành phố lớn trong nước như: Tiền phong, Dân chúng, Lao động, Tin tức,...

+ Nhiều sách chính trị, lý luận, các tác phẩm văn học hiện thực phê phán, thơ cách mạng đã được xuất bản.

** Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936-1939*

- Ý nghĩa lịch sử:

+ Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là phong trào quần chúng rộng lớn, có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

+ Phong trào dân chủ 1936-1939 đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể trước mắt về dân sinh, về dân chủ.

+ Quần chúng được giác ngộ về chính trị đã tham gia vào Mặt trận Dân tộc thống nhất và trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng; cán bộ được tập hợp thành đội ngũ đông đảo ngày càng trưởng thành.

- Bài học kinh nghiệm:

+ Đảng Cộng sản Đông Dương đã tích lũy nhiều bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, kinh nghiệm tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp, kinh nghiệm đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng và với các đảng phái chính trị phản động.

+ Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc,...

Phong trào dân chủ 1936-1939 như một cuộc tập dượt, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

5. Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai 1939-1945

a. Tình hình chính trị

** Tình hình thế giới.*

- Đầu tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ ở châu Âu, quân đội phát xít Đức kéo vào nước Pháp. Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức.

- Ở Đông Dương, Đô đốc G. Đờ-cu được cử làm toàn quyền thay G. Ca-tơ-ru. Chính quyền mới thực hiện một loạt chính sách nhằm vơ vét sức người, sức của ở Đông Dương để dốc vào cuộc chiến tranh.

b. Tình hình trong nước

- Cuối tháng 9/1940, quân Nhật tiến vào miền Bắc Việt Nam. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng.

- Phát xít Nhật giữ nguyên bộ máy thống trị của Thực dân Pháp, dùng nó để vơ vét kinh tế phục vụ cho nhu cầu chiến tranh và đàn áp phong trào cách mạng. Việt Nam bị đặt dưới sách thống trị của Nhật – Pháp.

- Ở trong nước lúc này không chỉ có những đảng phái chính trị thân Pháp mà còn có cả những đảng phái thân Nhật như Đại Việt, Phục Quốc,...
- Quân Nhật và tay sai ra sức tuyên truyền lừa bịp về văn minh và sức mạnh của Nhật Bản, về thuyết Đại Đông Á, dọn đường cho việc hất cẳng Pháp.
- Bước vào năm 1945, ở châu Âu, phát xít Đức bị thất bại nặng nề. Trên mặt trận Châu Á - Thái Bình Dương, quân Nhật thua to ở nhiều nơi. Ở Đông Dương, ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp. Lợi dụng cơ hội đó, các đảng phái chính trị ở Việt Nam tăng cường hoạt động. Quần chúng nhân dân sục sôi khí thế cách mạng, sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa.

b. Tình hình kinh tế - xã hội

** Chính sách của Pháp của Đông Dương*

- Đầu tháng 9/1939, Toàn quyền Ca-tơ-ru ra lệnh tổng động viên.
- Thực dân Pháp thi hành chính sách "Kinh tế chỉ huy" tăng mức thuế cũ, đặt thêm thuế mới,... đầu thầu sa thải bớt công nhân, viên chức, giảm tiền lương, tăng giờ làm,... Chúng kiểm soát gắt gao việc sản xuất và phân phối, ấn định giá.

** Chính sách của Nhật ở Đông Dương*

- Khi quân Nhật tiến vào Đông Dương, Pháp bắt buộc phải để cho Nhật sử dụng phương tiện giao thông, kiểm soát hệ thống đường sắt và các tàu biển.
 - Hằng năm, Nhật bắt chính quyền thực dân Pháp nộp cho chúng một khoản tiền lớn.
 - Quân Nhật còn cướp ruộng đất của nông dân, bắt nhổ lúa, ngô để trồng đay, thầu dầu phục vụ cho nhu cầu chiến tranh.
 - Nhật yêu cầu chính quyền thực dân Pháp xuất cảng các nguyên liệu chiến lược sang Nhật Bản như than, sắt, cao su, xi măng,....
 - Một số công ti của Nhật đã đầu tư vào ngành phục vụ cho nhu cầu quân sự.
- Chính sách vơ vét, bóc lột của Pháp - Nhật đã đẩy nhân dân ta tới chỗ cực cùng. Hậu quả là cuối năm là 1944 - đầu năm 1945, có tới 2 triệu đồng bào ta chết đói.

6. Phong trào giải phóng dân tộc từ 6/1939 đến tháng 3/1945

a. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11/1939

- Tháng 11/1939, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng được triệu tập tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì.

** Nội dung:*

- Xác định nhiệm vụ, mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

- Chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi nhân dân, chống tô cao, lãi nặng. Khẩu hiệu lập Chính phủ Xô viết công – nông – binh được thay thế bằng khẩu hiệu Chính phủ dân chủ cộng hòa.

- Về phương pháp đấu tranh, Đảng quyết định chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp.

- Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

* *Ý nghĩa:* Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939 đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng về chỉ đạo chiến lược, thể hiện sự nhạy bén về chính trị và năng lực sáng tạo của Đảng.

b. Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới

* *Khởi nghĩa Bắc Sơn (27/9/1940)*

- Ngày 22/9/1940, quân Nhật đánh chiếm Lạng Sơn, ném bom Hải Phòng, đổ bộ lên Đồ Sơn.

- Ở Lạng Sơn, quân Pháp bị tổn thất nặng nề. Phần lớn quân Pháp đầu hàng, số còn lại rút chạy về Thái Nguyên qua châu Bắc Sơn.

- Đêm 27/9/1940, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Bắc Sơn đã nổi dậy chặn đánh quân Pháp, chiếm đồn Mỏ Nhài.

- Chính quyền địch ở Bắc Sơn tan rã, nhân dân làm chủ châu lỵ và các vùng lân cận. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập.

- Pháp và Nhật tuy mâu thuẫn với nhau nhưng đều hoảng sợ trước lực lượng cách mạng, đã nhanh chóng cấu kết với nhau, Nhật thả tù binh Pháp và cho quân Pháp trở lại đóng các đồn bốt ở Lạng Sơn.

- Thực dân Pháp tiến hành khủng bố phong trào cách mạng ở Bắc Sơn.

* *Ý nghĩa:*

- Khởi nghĩa Bắc Sơn chỉ tồn tại trong 1 tháng, diễn ra trong phạm vi một huyện, nhưng có ý nghĩa lịch sử quan trọng, mở đầu phong trào đấu tranh vũ trang giải phóng dân tộc.

- Giúp cho Đảng ta rút ra những bài học quý báu về khởi nghĩa vũ trang chọn thời cơ, quyết tâm giành thắng lợi.

* *Khởi nghĩa Nam Kỳ (23/11/1940)*

- Tháng 11/1940, xảy ra cuộc xung đột giữa thực dân Pháp và Xiêm. Chính quyền thực dân bắt thanh niên Việt Nam và Cao Miên đi làm bia đỡ đạn. Nhân dân Nam Kỳ và binh lính đấu tranh phản đối việc đưa binh lính ra mặt trận.

- Xứ ủy Nam Kỳ chuẩn bị phát động nhân dân khởi nghĩa và cử đại biểu ra Bắc xin chỉ thị của Trung ương.

- Người mang chỉ thị hoãn khởi nghĩa Nam Kỳ của Trung ương Đảng khi về đến Sài Gòn thì bị bắt, lệnh hoãn khởi nghĩa của Xứ ủy đã đến các địa phương nên cuộc khởi nghĩa vẫn xảy ra đúng thời gian quy định vào đêm 22 rạng sáng 23/11/1940.

- Khởi nghĩa bùng nổ từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ. Chính quyền cách mạng đã được thành lập ở nhiều nơi. Trong cuộc khởi nghĩa lần đầu tiên xuất hiện lá cờ đỏ sao vàng. Do bị lộ, thực dân Pháp đã kịp thời đối phó. Chúng cho máy bay tàn sát nhân dân, lực lượng nghĩa quân còn lại rút về Đồng Tháp và U Minh.

* *Ý nghĩa*: Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ chứng tỏ tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân Nam Bộ, sẵn sàng đứng lên chiến đấu chống quân thù.

* *Bình biến Đô Lương (13/01/1941)*

- Tại Trung Kỳ, những binh lính người Việt trong quân đội Pháp làm binh biến phản đối việc họ bị Pháp đưa sang Lào để đánh nhau với quân Xiêm.

- Ngày 13/01/1941, binh lính đồn Chợ Rạng (Nghệ An) dưới sự chỉ huy của Đội Cung (Nguyễn Văn Cung) đã nổi dậy. Quân khởi nghĩa đánh chiếm vùng Đô Lương rồi lên ô tô tiến về Vinh để phối hợp với binh lính ở đây chiếm thành. Nhưng kế hoạch không thực hiện được do quân Pháp đã kịp thời đối phó. Chiều hôm sau, toàn binh lính tham gia nổi dậy bị bắt. Ngày 11/02/1941, Đội Cung cũng bị sa vào tay giặc.

Các cuộc nổi dậy thất bại vì điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi, nhưng “đó là những tiếng súng báo hiệu cho những cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương”.

c. *Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5/1941)*

- Ngày 21/01/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Sau một thời gian chuẩn bị, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương tại Pắc Bó (Hà Quảng, Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941.

* *Nội dung*:

- Khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc, tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm thuế, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng.

- Chỉ rõ sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp – Nhật sẽ thành lập chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Quyết định thay tên các Hội Phản đế thành Hội Cứu quốc, thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh thay cho các Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế quốc Đông Dương và giúp đỡ việc lập mặt trận ở các nước Lào, Cam-pu-chia.

- Xác định hình thức của cuộc khởi nghĩa ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và nhấn mạnh: chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng toàn dân.

* Ý nghĩa:

- Đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược nhằm giải quyết mục tiêu số 1 của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra chủ trương sáng tạo để thực hiện mục tiêu ấy.

- Ngày 19/5/1941, Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) ra đời. Chương trình cứu nước của Việt Minh được đông đảo các tầng lớp nhân dân ủng hộ.

d. Công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

* *Bước đầu xây dựng lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang*

- Xây dựng lực lượng chính trị:

+ Cao Bằng là nơi thí điểm cuộc vận động xây dựng các Hội Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942, khắp các châu ở Cao Bằng đều có Hội Cứu quốc, trong đó có ba châu "hoàn toàn".

+ Tiếp đó, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh lâm thời liên tỉnh Cao -- Bắc -- Lạng được thành lập.

+ Ở nhiều tỉnh Bắc Kỳ, thành phố Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh Trung Kỳ, hầu hết các Hội phản đế chuyển thành các Hội Cứu quốc, đồng thời nhiều Hội Cứu quốc mới được thành lập.

+ Năm 1943, Đảng đề ra bản Đề cương Văn hóa Việt Nam, vận động thành lập Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam và Đảng Dân chủ Việt Nam, đứng trong Mặt trận Việt Minh (6/1944).

+ Đảng tăng cường công tác vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp, những ngoại kiều ở Đông Dương đấu tranh chống phát xít.

- Xây dựng lực lượng vũ trang

+ Sau khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại, một bộ phận lực lượng vũ trang khởi nghĩa chuyển sang xây dựng thành những đội du kích, hoạt động ở căn cứ địa Bắc Sơn -- Võ Nhai. Bước sang năm 1941, những đội du kích Bắc Sơn lớn mạnh lên và thống nhất thành Trung đội Cứu quốc quân I (14/02/1941).

+ Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7/1941 đến tháng 02/1942), sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để chấn chỉnh lực lượng xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng.

+ Ngày 15/9/1941, Trung đội Cứu quốc quân II ra đời.

+ Cuối năm 1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định thành lập đội tự vệ vũ trang. Người còn tổ chức các lớp huấn luyện chính trị, quân sự như cách đánh du kích, kinh nghiệm du kích Nga, Tàu.

– Xây dựng căn cứ địa:

+ Vùng Bắc Sơn – Võ Nhai, được xây dựng thành căn cứ địa cách mạng.

+ Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa dựa trên cơ sở lực lượng chính trị được tổ chức và phát triển.

** Gấp rút chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền*

- Từ đầu năm 1943, Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công quân Đức.

- Từ ngày 25 đến ngày 28/02/1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh – Phúc Yên). Hội nghị đã vạch ra kế hoạch cụ thể về việc chuẩn bị toàn diện cho cuộc khởi nghĩa vũ trang.

+ Công tác chuẩn bị khởi nghĩa:

– Ở Bắc Kỳ: Các đoàn thể Việt Minh, các Hội Cứu quốc được xây dựng và củng cố. Nhiều cuộc bãi công của công nhân được nổ ra.

– Ở Trung Kỳ: Phong trào Việt Minh phát triển mạnh.

– Ở Nam Kỳ: Việt Minh có cơ sở ở Sài Gòn, Gia Định, Tây Ninh và một số tỉnh khác.

– Ở căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai: Cứu quốc quân hoạt động mạnh, tuyên truyền vũ trang, gây dựng cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ. Trung đội Cứu quốc quân III ra đời (25/02/1944).

– Ở căn cứ Cao Bằng: Những đội tự vệ vũ trang, đội du kích được thành lập.

– Năm 1943, Ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng lập ra 19 ban “xung phong Nam tiến” để liên lạc với căn cứ địa Bắc Sơn – Võ Nhai và phát triển lực lượng xuống các tỉnh miền xuôi.

– Ngày 07/5/1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị cho các cấp sửa soạn khởi nghĩa và Trung ương Đảng kêu gọi nhân dân “sắm vũ khí đuổi thù chung”.

– Ngày 22/12/1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập. Chỉ hai ngày sau khi ra đời, Đội đã đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng). Căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng được củng cố và mở rộng.

7. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

a. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945)

** Hoàn cảnh lịch sử*

- Đầu năm 1945, Hồng quân Liên Xô tiến đánh Béc-lin. Một loạt nước Trung Âu và Đông Âu được giải phóng.

- Ở mặt trận châu Á – Thái Bình Dương, quân Đồng minh giáng cho quân Nhật những đòn nặng nề.

- Ở Đông Dương, lực lượng Pháp theo phái Đờ Gôn ráo riết hoạt động, chờ thời cơ phản công quân Nhật. Mâu thuẫn Nhật – Pháp càng trở nên gay gắt.

Trước tình hình đó, quân Nhật ra tay trước. Vào lúc 2h00 ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp. Quân Pháp chống cự yếu ớt ở một vài nơi rồi nhanh chóng đầu hàng. Nhật dựng nên Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim và đưa Bảo Đại lên làm “Quốc trưởng”.

** Chủ trương mới của Đảng*

- Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Đình Bảng (Từ Sơn – Bắc Ninh). Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Bản Chỉ thị nhận định: Cuộc đảo chính đã tạo nên sự khủng hoảng chính trị sâu sắc, song những điều kiện tổng khởi nghĩa chưa chín muồi. Phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương. Khẩu hiệu “Đánh đuổi Pháp – Nhật” được thay thế bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật”.
- Hình thức đấu tranh từ bất hợp pháp, bãi công, bãi thị đến biểu tình, thị uy, vũ trang du kích và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.
- Hội nghị quyết định “phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa”.

** Khởi nghĩa từng phần*

- Ở căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện. Những nơi này chính quyền cách mạng được thành lập, các Hội Cứu quốc được củng cố và phát triển.
- Ở Bắc Kì, nạn đói diễn ra trầm trọng, Đảng ra khẩu hiệu “Phá kho thóc giải quyết nạn đói”. Khẩu hiệu đã đáp ứng nguyện vọng cấp bách của nông dân, tạo thành phong trào đấu tranh mạnh mẽ chưa từng có.
- Việt Minh lãnh đạo quần chúng nổi dậy ở Tiên Du (Bắc ninh, ngày 10/3), Bần Yên Nhân (Hưng Yên, ngày 11/3).
- Ở Quảng Ngãi, tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ nổi dậy, thành lập chính quyền cách mạng (ngày 11/3), tổ chức đội du kích Ba Tơ.
- Hàng nghìn đảng viên, cán bộ cách mạng bị giam trong các nhà tù Nghĩa Lộ, Sơn La, Hòa Lò, Hội An, Buôn Ma Thuột đấu tranh đòi tự do hoặc nổi dậy phá nhà giam vượt ngục ra ngoài hoạt động.
- Ở Nam Kì, phong trào Việt Minh hoạt động mạnh, nhất là ở Mỹ Tho và Hậu Giang.

b. Công việc cuối cùng trước ngày tổng khởi nghĩa

- Từ ngày 15 đến ngày 20/4/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì. Hội nghị quyết định:
 - + Thống nhất các lực lượng vũ trang, phát triển hơn nữa các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang.
 - + Mở rộng đào tạo cấp tốc cán bộ quân sự và chính trị.
 - + Tích cực phát triển chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ kháng Nhật, chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

+ Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ được thành lập, có nhiệm vụ chỉ huy các chiến khu Bắc Kỳ và giúp đỡ cả nước về quân sự.

- Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam và Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp.

- Ngày 15/5/1945, Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân.

- Bảy chiến khu của Trung ương và nhiều căn cứ của địa phương được xây dựng.

- Trong tháng 5/1945, Hồ Chí Minh rời Pắc Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang). Người chọn Tân Trào làm trung tâm chỉ đạo cách mạng cả nước.

- Ngày 04/6/1945, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, Khu giải phóng chính thức được thành lập, gọi là Khu giải phóng Việt Bắc gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng thuộc các tỉnh lân cận Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Tân Trào được chọn làm thủ đô của Khu giải phóng. Ủy ban lâm thời Khu giải phóng được thành lập. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa chính của cách mạng các nước và là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

Công cuộc chuẩn bị được gấp rút hoàn thành. Toàn dân sẵn sàng đón chờ thời cơ vùng dậy tiến hành tổng khởi nghĩa.

c. *Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945*

* *Nhật đầu hàng đồng minh, lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố*

- Nhật đầu hàng đồng minh:

+ Đầu tháng 8/1945, quân Đồng minh tiến công quân đội Nhật Bản ở châu Á – Thái Bình Dương.

- Ngày 06 và 09/8/1945, Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki của Nhật Bản, hủy diệt hai thành phố này và đã giết hại nhiều dân thường.

+ Ngày 08/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản.

+ Ngày 09/8/1945, quân đội Xô viết mở màn chiến dịch tổng công kích đội quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.

+ Ngày 15/8/1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh trên làn sóng phát thanh của Nhật Bản.

+ Quân đội Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim cùng tay sai của Nhật hoang mang. Điều kiện khách quan có lợi cho tổng khởi nghĩa.

- Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố:

+ Từ ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập tức thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. 23h00 cùng ngày, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Từ ngày 14 đến ngày 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Sơn Dương – Tuyên Quang), thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

- Từ ngày 16 đến ngày 17/8/1945, Đại học Quốc dân được triệu tập ở Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội quyết định lấy lá cờ đỏ sao vàng năm cánh làm Quốc kì, bài hát Tiến quân ca làm Quốc ca.

** Diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa*

- Từ ngày 14/8/1945, một số cán bộ Đảng và tổ chức Việt Minh, tuy chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa do thông tin liên lạc khó khăn, nhưng căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương và vận dụng Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, đã phát động nhân dân khởi nghĩa. Khởi nghĩa đã nổ ra ở nhiều xã, huyện thuộc các tỉnh đồng bằng châu thổ sông Hồng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa,...

- Chiều ngày 16/8/1945, theo lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

- Ngày 18/8/1945, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong cả nước.

- Ở Hà Nội, khởi nghĩa giành chính quyền vào ngày 19/8/1945.

- Ở Huế, giành chính quyền vào ngày 23/8. Chiều ngày 30/8, Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chế độ phong kiến Việt Nam sụp đổ.

- Tại Sài Gòn, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh và ngày 25/8/1945.

- Từ rừng núi, nông thôn đến thành thị nối tiếp nhau khởi nghĩa.

- Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là những địa phương giành chính quyền muộn nhất, vào ngày 28/8.

Như vậy, trừ một số thị xã do lực lượng của Tưởng Giới Thạch và tay sai chiếm đóng từ trước (Móng Cái, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Vĩnh Yên), cuộc Tổng khởi nghĩa đã giành được thắng lợi trên cả nước trong vòng nửa tháng từ ngày 14 đến ngày 28/8/1945.

8. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập (ngày 02/9/1945)

a. Ý nghĩa lịch sử

- Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta. Nó đã phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm và ách thống trị của phát xít Nhật gần 5 năm, lật nhào ngai vàng phong kiến ngự trị ngót chục thế kỉ ở nước ta, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ.
- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do; kỉ nguyên nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.
- Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm suy yếu chúng, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc đấu tranh tự do giải phóng “có ảnh hưởng trực tiếp và rất to lớn đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào”.

b. Nguyên nhân thắng lợi

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh phát cao cờ cứu nước thì toàn dân nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.
- Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn dựa trên cơ sở lí luận Mác - Lê-nin được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam.
- Đảng ta đã có quá trình chuẩn bị trong suốt 15 năm, qua các phong trào cách mạng đã đúc rút được những bài học kinh nghiệm qua những thành công và thất bại, nhất là trong quá trình xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa thời kì vận động giải phóng dân tộc 1939-1945.
- Toàn Đảng, toàn dân nhất trí, đồng lòng, không sợ hy sinh, gian khổ, quyết tâm giành độc lập, tự do. Các cấp bộ Đảng và Việt Minh từ trung ương đến địa phương đã linh hoạt, sáng tạo chỉ đạo khởi nghĩa, chớp thời cơ phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

*** Nguyên nhân khách quan**

Chiến thắng của Hồng quân Liên Xô và Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít, nhất là chiến thắng phát xít Đức và quân phiệt Nhật Bản, đã cổ vũ tinh thần, củng cố niềm tin cho nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tạo thời cơ để nhân dân ta đứng lên tổng khởi nghĩa.

c. Bài học kinh nghiệm

- Đảng phải có đường lối đúng đắn, trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin và thực tiễn cách mạng Việt Nam; nắm bắt tình hình thế giới và trong nước để đề ra chủ trương, biện pháp cách mạng phù hợp.
- Đảng tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước rộng rãi trong Mặt trận dân tộc thống nhất – Mặt trận Việt Minh, trên cơ sở khối liên minh công – nông; phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù để tiến lên đánh lại chúng.
- Trong chỉ đạo khởi nghĩa, Đảng linh hoạt kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành khởi nghĩa từng phần, chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN 2008

Câu hỏi: Chủ trương tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận thống nhất do Hội nghị lần thứ 6 (tháng 11 năm 1939) và Hội nghị lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra như thế nào?

(Đề thi ĐH khối C năm 2003)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Để giành độc lập, phải tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, Hội nghị lần thứ 6 (11-1939) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương.

Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, các giai cấp, các dân tộc, kể cả các cá nhân yêu nước ở Đông Dương, chia mũi nhọn vào kẻ thù trước mắt là chủ nghĩa đế quốc phát xít, giành lại độc lập dân tộc hoàn toàn cho các dân tộc ở Đông Dương.

2. Hội nghị lần thứ 8 (5-1941) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc, tập hợp lực lượng, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất cho từng nước ở Đông Dương. Ở Việt Nam, Đảng ta thành lập Việt Nam Độc lập Đồng minh hội (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh).

Mặt trận Việt Minh liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn.

Câu hỏi: *Trình bày rõ sự khác biệt trong chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng thời kì 1939-1945 so với thời kì 1936-1939. (3 điểm)*

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương- Năm 2006)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Thời kì 1936-1939

- Căn cứ vào tình hình cụ thể của Việt Nam và dựa vào Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, Đảng đã chuyển hướng đấu tranh.
- Trước hết, xác định kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương không phải là thực dân Pháp nói chung mà là bọn phản động của Pháp cùng bè lũ tay sai không thi hành chính sách của Mặt trận Nhân dân Pháp.
- Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, Đông Dương là chống đế quốc và phong kiến; nhiệm vụ trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, cơm áo và hòa bình.
- Tập hợp lực lượng: Đảng chủ trương, thành lập Mặt trận Thống nhất Nhân dân Phản đế Đông Dương (Mặt trận Dân chủ Đông Dương), tập hợp tất cả các giai cấp, các tầng lớp, đảng phái, cá nhân, kể cả những người Pháp có xu hướng dân chủ, tiến bộ ở Đông Dương. Các tổ chức quần chúng trong Mặt trận cũng thay đổi cho phù hợp: Công hội, Nông hội thay bằng các Hội tương tế, Hội ái hữu, Đoàn Thanh niên Cộng sản thay bằng Đoàn Thanh niên Dân chủ...
- Phương pháp đấu tranh: kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp,...

2. Thời kì 1939-1945

- Chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng thể hiện qua các Hội nghị lần thứ 6, thứ 7 và thứ 8.
- Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng: đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tập trung đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.
- Khẩu hiệu: tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phân phối quyền lợi dân tộc chia cho dân cày nghèo, giảm tô, giảm tức. Khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công – nông – binh được thay thế bằng khẩu hiệu chính quyền dân chủ cộng hòa.
- Tập hợp lực lượng: Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất Phản đế Đông Dương (11/1939) thay thế cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Hội nghị Trung ương lần 8 (05/1941) chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất riêng cho mỗi nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia để giải quyết vấn đề dân tộc trong từng nước, thành lập Việt Nam Độc lập Đồng minh; các đoàn thể của Mặt trận đều mang tên cứu quốc,...

- Phương pháp đấu tranh: chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp. Đến Hội nghị Trung ương lần 8, Đảng coi chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân.

- Kết luận: Do tình hình thế giới và trong nước thay đổi, nội dung chuyển hướng đấu tranh của Đảng trong thời kì 1939-1945 cũng thay đổi, so với thời kì 1936-1939. Sự thay đổi đó biểu hiện rõ nhất trong việc giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là chống đế quốc và chống phong kiến nhằm xác định mục tiêu cụ thể của cách mạng, đề ra hình thức tập hợp lực lượng sát hợp và việc xác định phương pháp của cách mạng.

Câu hỏi: Hoàn cảnh lịch sử và sự phát triển của cao trào kháng Nhật cứu nước. Ý nghĩa của cao trào cách mạng đó đối với Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

(Đề thi ĐH khối C năm 2003).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

a. Hoàn cảnh lịch sử và sự phát triển của cao trào kháng Nhật cứu nước.

- Từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941), Mặt trận Việt Minh phát triển mạnh, các đội Cứu quốc quân, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ra đời.

- Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, phe phát xít đứng trước nguy cơ thất bại gần kề.

- Đêm 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương nhằm rảnh tay đối phó với quân Đồng minh.

- Sự kiện này thúc đẩy cách mạng Đông Dương bước sang thời kì mới - thời kì tiền khởi nghĩa.

- Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng, đề ra chủ trương mới (Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngày 12-3-1945) và phát động phong trào “Kháng Nhật cứu nước”.

b. Sự phát triển của cao trào kháng Nhật cứu nước

- Cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra với quy mô lớn và nhiều hình thức đấu tranh phong phú, quyết liệt, thích ứng với thời kì tiền khởi nghĩa.

- Phong trào đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa từng phần liên tục diễn ra, chính quyền nhân dân được thành lập ở nhiều địa phương (căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng, Ba To).

- Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ (4-1945) quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân và phát triển hơn nữa lực lượng vũ trang, bán vũ trang, xây dựng căn cứ địa kháng Nhật.

- Tháng 6-1945, Khu giải phóng Việt Bắc ra đời, Ủy ban lâm thời Khu giải phóng thực hiện 10 chính sách của Việt Minh, Khu giải phóng trở thành căn cứ địa của cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.
- Phong trào phá kho thóc Nhật để giải quyết nạn đói đã đáp ứng được nhu cầu bức thiết của quần chúng, thu hút hàng triệu người tham gia, báo trước giờ hành động sắp tới.

c. *Ý nghĩa của cao trào kháng Nhật cứu nước*

- Qua cao trào kháng Nhật cứu nước, lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang được củng cố, phát triển vượt bậc, kẻ thù hoang mang, suy yếu.
- Cao trào kháng Nhật cứu nước đã tập dượt cho quần chúng nhân dân đấu tranh, sẵn sàng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Câu hỏi: *Phân tích “thời cơ ngàn năm có một” của Cách mạng tháng Tám năm 1945. (3 điểm)*

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn - Năm 2006).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. *Thời cơ của Cách mạng tháng Tám chín mươi khi:*

- Điều kiện khách quan vô cùng thuận lợi: Liên Xô và quân Đồng minh đánh bại chủ nghĩa phát xít Đức, chủ nghĩa quân phiệt Nhật, đã tạo điều kiện khách quan thuận lợi cho các dân tộc đứng lên tự giải phóng. Quân Nhật ở Đông Dương và bọn tay sai thân Nhật hoang mang, rệu rã đến cực điểm. Kẻ thù của cách mạng nước ta suy yếu đến cực độ.

- Điều kiện chủ quan cho cuộc cách mạng nổ ra và giành được thắng lợi rất đầy đủ.

+ Đảng Cộng sản Đông Dương đã có quá trình chuẩn bị chu đáo cho thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám trong suốt 15 năm so với ba cao trào cách mạng: 1930-1931, 1936-1939 và 1939-1945. Trong cao trào giải phóng dân tộc 1939-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân ta chuẩn bị đầy đủ, chu đáo về mặt đường lối, lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng và bước đầu tập dượt cho quần chúng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

+ Khi phát xít Nhật đầu hàng không điều kiện quân Đồng minh, Đảng ta kịp thời chớp thời cơ, chuẩn bị chu đáo hơn nữa và dũng cảm phát động toàn dân nổi dậy Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân Tân Trào. Hội nghị toàn quốc của Đảng đã quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc để giành chính quyền. Đại hội Quốc dân Tân Trào hưởng ứng mệnh lệnh Tổng khởi nghĩa của Đảng và quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

2. Đây là thời cơ ngàn năm có một

- Chưa có thời điểm nào như thời điểm này, cách mạng nước ta hội đủ được cả điều kiện khách quan, điều kiện chủ quan đầy đủ và thuận lợi như thế.
- Nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng lên làm Tổng khởi nghĩa giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào nước ta để tước khí giới quân đội Nhật. Từ đó, nhân dân ta trở thành người làm chủ nước nhà để chủ động “đón tiếp” quân Đồng minh. Các kẻ thù mới vào nước ta khó có thể xóa bỏ những thành quả cách mạng mà nhân dân ta giành được.

Câu hỏi: Chủ trương khởi nghĩa vũ trang được Đảng ta đề ra tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941) như thế nào? (2 điểm)

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình - Năm 2002)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

*** Mở bài:**

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 họp từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941 tại Pắc Pó (Cao Bằng) đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cho cách mạng Việt Nam bằng việc đề ra nhiều chủ trương, trong đó quan trọng nhất là khởi nghĩa vũ trang.

*** Nội dung:**

- Dự kiến xu thế phát triển của cách mạng, quyết định xúc tiến chuẩn bị mọi mặt để tiến tới khởi nghĩa vũ trang, coi chuẩn bị vũ trang là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân.
- Nhấn mạnh khởi nghĩa vũ trang muốn giành được thắng lợi phải có đủ những điều kiện khách quan và chủ quan (điều kiện bên trong và bên ngoài) Nghĩa là phải có sự chuẩn bị đầy đủ về lực lượng và nổ ra đúng thời cơ.
- Về nguyên tắc khởi nghĩa vũ trang, Hội nghị chỉ rõ: Với lực lượng đã chuẩn bị, phát động quần chúng đứng lên khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận để rồi tiến tới tổng khởi nghĩa trong phạm vi toàn quốc.

*** Kết luận:**

Hội nghị Trung ương 8 đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng, có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam.

Câu hỏi: Quá trình khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong toàn quốc của nhân dân Việt Nam năm 1945:

- Nêu đặc điểm nổi bật.
- Trình bày những nét chính về diễn biến của quá trình đó. (5 điểm)

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình - Năm 2002)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

* Mở bài:

Khởi nghĩa vũ trang đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền...

* Nội dung:

1. Đặc điểm

Cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền ở Việt Nam năm 1945, bắt đầu từ sau khi Đảng có Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” và phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước”, kết thúc cuối tháng 8/1945 có nhiều đặc điểm nhưng nổi bật nhất là phát triển từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa.

2. Những nét chính của quá trình

a. Khởi nghĩa từng phần trong cao trào “Kháng Nhật cứu nước”

- Cuộc đảo chính của Nhật (09/3/1945) đã gây nên cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc; trong bối cảnh đó, thực hiện chủ trương của Đảng, cao trào “Kháng Nhật cứu nước” diễn ra mạnh mẽ.

- Cao trào này diễn ra sôi nổi, phong phú cả về nội dung lẫn hình thức, kết hợp hỗ trợ lẫn nhau, trong đó nổi bật là chiến tranh du kích và khởi nghĩa từng phần, lập chính quyền bộ phận.

- Tại Việt Bắc, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân đã phối hợp với nhân dân nổi dậy giải phóng hàng loạt tổng, châu, huyện ở các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn,... Tháng 6/1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập, thực hiện 10 chính sách của Việt Minh. Đây là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

- Cùng với Việt Bắc, những cuộc khởi nghĩa từng phần đã liên tiếp nổ ra trong nhiều địa phương và ngày càng được mở rộng: Ba Tơ (Quảng Ngãi), Đông Triều (Quảng Ninh) dẫn tới sự ra đời các chiến khu du kích trên phạm vi cả nước.

- Cùng với khởi nghĩa từng phần, các phong trào đấu tranh của quần chúng cũng diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi: phong trào phá kho thóc giải quyết nạn đói, phong trào vũ trang tuyên truyền ở thành thị cũng gây thanh thế lớn...

Tóm lại, qua phong trào đấu tranh, cách mạng nước ta có bước phát triển vượt bậc, tạo điều kiện cho tổng khởi nghĩa thắng lợi.

b. Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945

- Ngày 14/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện, chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim không có chỗ dựa cũng tan rã.

- Cao trào kháng Nhật cứu nước phát triển rộng rãi đưa hàng chục triệu quần chúng... tiến lên trận tuyến, sẵn sàng đứng lên khởi nghĩa.

- Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết tâm lãnh đạo quần chúng đứng lên giành chính quyền. Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội họp tại Tân Trào (8/2945) đã phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Cơ hội giành độc lập đã chín muồi.
- Từ khởi nghĩa từng phần đã chuyển sang Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên cả nước trong vòng 15 ngày.
- Chớp thời cơ, nhân dân cả nước đã đồng loạt nổi dậy nhanh chóng giành chính quyền ở cả nông thôn và đô thị, trong đó tiêu biểu là thắng lợi của khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài gòn.
- Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 là cuộc khởi nghĩa vũ trang của toàn dân nổ ra khi thời cơ lịch sử ngàn năm có một.
- Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do trong lịch sử dân tộc.

Câu hỏi: Trình bày quá trình phát triển của cách mạng nước ta từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp (09/3/1945) đến Cách mạng tháng Tám 1945 thành công trong cả nước. (4 điểm)

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi - Năm 2002).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Đêm 09/3/1945, Nhật tiến hành đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương, tạo ra tình hình khủng hoảng chính trị sâu sắc.
Đảng ta sau khi phân tích, nhận định tình hình mới đã ra Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12/3/1945) và quyết định phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.
2. Từ giữa tháng 3/1945, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới. Phong trào đấu tranh vũ trang và những cuộc khởi nghĩa từng phần diễn ra liên tiếp ở các địa phương. Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị quần chúng giải phóng hàng loạt châu, huyện, xã ở khu căn cứ Cao – Bắc – Lạng. Ở Quảng Ngãi nổ ra cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, thành lập chính quyền cách mạng, tổ chức đội du kích Ba Tơ. Phong trào kháng Nhật cứu nước dâng lên mạnh mẽ trong cả nước với nhiều hình thức đấu tranh phong phú như mít tinh, biểu tình, diễn thuyết xung phong, cảnh cáo và trừng trị bọn tay sai, chặn đánh quân Nhật; hàng ngàn tù chính trị đã vượt ngục ra ngoài hoạt động, phong trào “Phá kho thóc giải quyết nạn đói” lôi cuốn hàng triệu người tham gia.

3. Cuộc cuộc chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa tiếp tục được đẩy mạnh; thành lập Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân, phát triển lực lượng vũ trang và nửa vũ trang, xây dựng căn cứ địa, thành lập Khu giải phóng Việt Bắc. Một bầu không khí tiền khởi nghĩa sôi sục khắp cả nước.
4. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện (8/1945), thời cơ của cuộc tổng khởi nghĩa đã chín muồi. Đảng ta đã kịp thời chớp lấy thời cơ phát động, toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền (Hội nghị toàn quốc của Đảng) và được toàn thể dân tộc hưởng ứng (Đại hội Quốc dân Tân Trào).
5. Cách mạng nước ta từ khởi nghĩa từng phần đã phát triển thành Tổng khởi nghĩa. Chiều ngày 16/8/1945, một đội quân giải phóng tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Chỉ trong vòng 15 ngày, cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước. Bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất ở tỉnh lỵ là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam. Thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn có tác dụng vô cùng quan trọng và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám trong phạm vi cả nước. Ngày 02/9/1945, Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu hỏi: *Điều kiện lịch sử, diễn biến và ý nghĩa của cao trào “Kháng Nhật cứu nước” (từ tháng 3 đến tháng 8/1945). (4 điểm)*

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Bến Tre khối C, N, H - Năm 2002)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Điều kiện lịch sử

- Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc khiến cho mâu thuẫn giữa hai tên đế quốc Nhật, Pháp trở nên gay gắt, dẫn đến kết quả Nhật làm đảo chính hất cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương (09/3/1945).

- Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và ra Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Bản Chỉ thị nêu rõ kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật. Thường vụ Trung ương quyết định phát động một cao trào “Kháng Nhật cứu nước” làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa và sẵn sàng chuyển qua tổng khởi nghĩa khi có thời cơ.

2. Diễn biến của cao trào

- Từ sau khi Nhật đảo chính Pháp, cách mạng chuyển sang cao trào, đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

Ở căn cứ địa Cao – Bắc – Lạng, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và cứu quốc quân đã phối hợp với lực lượng chính trị của quân chúng giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện.

- Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, diễn thuyết diễn ra trên khắp cả nước. Quân chúng cách mạng đã tiến hành cảnh cáo bọn cường hào, trừng trị bọn Việt gian và tay sai.
- Ngày 13/3/1945, tù chính trị ở nhiều nhà lao khắp cả nước như: Nghĩa Lộ, Sơn La, Buôn Ma Thuột, Hỏa Lò,... nổi dậy phá nhà lao đòi tự do.
- Phong trào phá kho thóc của Nhật giải quyết nạn đói ở nhiều nơi đã biến thành cuộc biểu tình vũ trang ủng hộ Việt Minh, trừng trị ác ôn, chống đàn áp khủng bố. Không khí khởi nghĩa sôi nổi khắp cả nước.
- Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp (từ ngày 15 đến ngày 20/4/1945) quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân; phát triển lực lượng vũ trang nửa vũ trang, xây dựng căn cứ kháng Nhật để chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa; đẩy mạnh chiến tranh du kích.
- Thành lập Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ; Khu giải phóng Việt Bắc ra đời (04/6/1945). Đây là căn cứ của cả nước, hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

3. Ý nghĩa

Cao trào: “Kháng Nhật cứu nước” có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

- Là thời kì xúc tiến chuẩn bị mọi điều kiện, mọi mặt, tiếp tục phát triển lực lượng.
 - Vừa tích cực chuẩn bị cơ sở vật chất và lực lượng, vừa tăng cường thống nhất về tư tưởng và hành động nhằm tạo ra sự chuyển biến để tiến tới tổng khởi nghĩa.
 - Qua cao trào, Đảng rèn luyện khả năng tổ chức quần chúng. Quần chúng được tôi luyện và thử thách, do vậy khi bước vào Tổng khởi nghĩa với tư thế chủ động và vững tin vào thắng lợi.
- Qua cao trào “Kháng Nhật cứu nước” làm cho kẻ thù ngày càng yếu đi, đưa thời cơ cách mạng mau chóng chín muồi.

Câu hỏi: Dựa vào điều kiện lịch sử nào mà Đảng ta phát động Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945? (1 điểm)

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Trà Vinh - Năm 2003).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Điều kiện chủ quan

- Đảng và nhân dân ta trải qua một quá trình chuẩn bị lâu dài và gian khổ về mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (tháng 5/1941) chỉ rõ việc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng và toàn dân ta. Hội nghị này đánh dấu sự hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (tháng 11/1939).

- Đảng ra sức xây dựng, phát triển lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, mở rộng căn cứ địa cách mạng (từ năm 1941 đến tháng 3/1945).
- Sự chuẩn bị đầy đủ hơn sau cao trào “Kháng Nhật cứu nước”. Cao trào đã lôi cuốn hàng triệu quần chúng vào trận tuyến đấu tranh với nhiều hình thức phong phú, quyết liệt. Qua cao trào, lực lượng cách mạng ở nông thôn và thành thị, lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, nửa vũ trang đều phát triển vượt bậc. Lực lượng vũ trang được thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân, trở thành mũi nhọn trong các cuộc đấu tranh, phong trào khởi nghĩa từng phần, sự ra đời khu giải phóng,... cao trào kháng Nhật cứu nước đã tạo tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

2. Điều kiện khách quan

- Ngày 07/8/1945, Liên Xô đánh bại 1 triệu quân Quan Đông của phát xít Nhật ở Đông Bắc - Trung Quốc.
- Ngày 15/8/1945, Nhật tuyên bố đầu hàng Liên Xô và quân Đồng minh vô điều kiện.
- Quân Nhật ở Đông Dương rất hoang mang, khủng hoảng tinh thần đến tan rã, chính phủ bù nhìn tay sai Trần Trọng Kim hoàn toàn tê liệt.
- Quân Đồng minh chưa kịp kéo vào Đông Dương.

3. Điều kiện chủ quan và khách quan trên đã đưa thời cơ của cuộc Tổng khởi nghĩa đi tới chín muồi hoàn toàn. Đó là thời cơ ngàn năm có một cho nhân dân ta đứng lên giành độc lập, trong đó điều kiện chủ quan là yếu tố quyết định để Đảng ta chuyển từ khởi nghĩa từng phần sang Tổng khởi nghĩa. Nhờ chớp đúng thời cơ, phân tích đúng điều kiện chủ quan, khách quan, Đảng và nhân dân ta đã tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay mình trong toàn quốc một cách nhanh chóng, ít đổ máu.

Câu hỏi: Hoàn cảnh ra đời và sự phát triển của Mặt trận Việt Minh từ tháng 5/1941 đến trước ngày Tổng khởi nghĩa. Vai trò của Mặt trận đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945). (3,5 điểm)

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội - Năm 2004)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Hoàn cảnh ra đời (1,5 điểm)

- Đến năm 1941, Chiến tranh thế giới thứ hai bước sang năm thứ ba, tình hình thế giới, trong nước ngày càng khẩn trương. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta là một bộ phận của các lực lượng dân chủ.
- Tháng 02/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.
- Tháng 5/1941, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 8 họp chủ trương thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh).

- Ngày 19/5/1941, tại căn cứ địa Cao Bằng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đứng ra thành lập Mặt trận Việt Minh. Mặt trận gồm các tổ chức quần chúng lấy tên là Hội Cứu quốc.

2. *Sự phát triển (2 điểm)*

- Cao Bằng được chọn làm nơi thí điểm xây dựng Mặt trận Việt Minh, các Hội Cứu quốc ra đời.

- Năm 1942: Trong 9 châu ở Cao Bằng có 3 châu “hoàn toàn” dẫn tới Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng thành lập.

- Năm 1943: Lập 19 ban xung phong “Nam tiến”, Mặt trận Việt Minh phát triển về các thành thị... Đảng đề ra Đề cương Văn hóa và Hội Văn hóa cứu quốc ra đời.

- Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, Đảng ta quyết định phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước”. Mặt trận Việt Minh ra lời “hịch” kêu gọi nhân dân cả nước đẩy mạnh cao trào...

- Tháng 6/1945, hầu hết 6 tỉnh (Cao – Bắc – Lạng – Hà – Tuyên – Thái) được giải phóng. Ủy ban lâm thời Khu giải phóng được thành lập và thi hành 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

- Cho đến ngày ngày Tổng khởi nghĩa, phong trào quần chúng sôi sục khắp cả nước. Ở nông thôn, hàng vạn quần chúng mít tinh, biểu tình, phá kho thóc Nhật... Ở thành thị, cán bộ Việt Minh công khai rải rác truyền đơn diễn thuyết trên trường phố... báo hiệu cơn bão táp cách mạng sắp nổ ra.

3. *Vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với cách mạng tháng Tám*

- Cô lập kẻ thù, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang phát huy tác dụng.

- Góp phần chủ yếu quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

Câu hỏi: *Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương và Đại hội Quốc dân ở Tân Trào (Tuyên Quang) tháng 8/1945. (3 điểm)*

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương 1 - Năm 2004)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. *Hoàn cảnh lịch sử (1 điểm)*

- Điều kiện chủ quan: Lực lượng cách mạng được chuẩn bị chu đáo, quần chúng được tập dượt đấu tranh và đã sẵn sàng vùng lên, cao trào kháng Nhật đã tạo tiền đề cho Tổng khởi nghĩa.

- Điều kiện khách quan: Chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn cuối, Đức đầu hàng quân Đồng minh (tháng 5/1945), Liên Xô tuyên chiến với Nhật (08/8/1945), Nhật đầu hàng; quân Nhật ở Việt Nam và Đông Dương hoảng loạn. Chính phủ Trần Trọng Kim mất chỗ dựa, suy yếu rõ rệt.

2. Nội dung (2 điểm)

- Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương: họp từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945 chủ trương Tổng khởi nghĩa giành chính quyền toàn quốc trước khi quân Đồng minh vào, thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, thông qua Quân lệnh số 1.
- Đại hội Quốc dân: Từ ngày 16 đến ngày 17/8/1945, thông qua chủ trương của Đảng, quyết định quốc kì, quốc ca, thành lập Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh đứng đầu, quyết định các chính sách đối nội, đối ngoại sau Tổng khởi nghĩa.
- Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân thể hiện sự lãnh đạo tài tình, sáng tạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, góp phần to lớn vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

Câu hỏi: *Tại sao Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941) của Đảng Cộng sản Đông Dương lại đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh? (4 điểm).*

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum - Năm 2004).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

*** Tại sao Đảng ta đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?**

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và nhanh chóng lan rộng ra nhiều nước. Phát xít Đức ráo riết chuẩn bị tấn công Liên Xô. Nhật Bản mở rộng xâm lược Trung Quốc và tiến công xuống phía Nam.

- Tháng 9/1940, Nhật nhảy vào Đông Dương, Pháp đầu hàng và cầu kết với Nhật áp bức bóc lột nhân dân ta. Nhân dân Việt Nam phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”. Mâu thuẫn dân tộc càng trở nên gay gắt, vận mệnh dân tộc nguy vong không lúc nào bằng.

- Nhân dân ta đã nhiều lần đứng dậy chống lại ách áp bức, bóc lột, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (09/1940), khởi nghĩa Nam Kỳ (11/1940), binh biến Đô Lương (01/1941).

- Các cuộc nổi dậy vũ trang đó đã chứng tỏ ý thức quật cường, tinh thần anh dũng, bất khuất của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, do kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được chuẩn bị đầy đủ... nên trước sau đều bị thất bại.

- Trước tình hình trên, ngày 28/01/1941, sau 30 năm bôn ba ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã về nước, đặt chân lên mảnh đất Cao Bằng. Tại đây, người trực tiếp chỉ đạo cách mạng, thí điểm xây dựng lực lượng, huấn luyện cán bộ, triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941.

- Hội nghị phân tích những mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam và chỉ ra bằng mâu thuẫn cấp bách phải giải quyết là mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với bọn đế quốc phát xít Pháp – Nhật. Hội nghị chủ trương trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách Pháp – Nhật (đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu). Bởi vì, “Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”.

** Tại sao Đảng ta chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh?*

- Do tình hình thế giới và trong nước có những biến đổi sâu sắc. Trong lúc này, nhiệm vụ giải phóng dân tộc phải được đặt lên hàng đầu.

- Trước tình hình đó, đòi hỏi mọi dân tộc trên bán đảo Đông Dương phải tự mình giải quyết nhiệm vụ giải phóng dân tộc mình, mà không được trông chờ, ỷ lại bên ngoài. Cụ thể là mỗi dân tộc phải có một mặt trận riêng để đoàn kết toàn thể nhân dân trong nước đứng lên chống thực dân, phát xít Pháp – Nhật, giành độc lập.

- Để đáp ứng yêu cầu trên, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8, theo sáng kiến của Nguyễn Ái Quốc, Đảng ta chủ trương thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh), bao gồm các tổ chức quần chúng lấy tên là Hội Cứu quốc nhằm “Liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn”.

- Mặt trận Việt Minh là hình thức thích hợp để động viên mọi tầng lớp, mọi giai cấp đấu tranh cho độc lập dân tộc; thực hiện sách lược cô lập và phân hóa kẻ thù; đoàn kết với nhân dân Lào, Cam-pu-chia để chống lại kẻ thù chung.

Câu hỏi: *Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Hội nghị trung ương lần thứ 8 của Đảng (5/1945). (4 điểm)*

Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Vĩnh Phúc - Năm 2005

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Hoàn cảnh lịch sử

- Chiến tranh thế giới thứ hai lan rộng ra khắp nhiều nước. Phát xít Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô; Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc và tiến xuống phía nam.

- Nhật nhảy vào Đông Dương. Pháp đầu hàng Nhật và cấu kết với Nhật áp bức bóc lột nhân dân, làm cho mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với Pháp – Nhật trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết.

- Ngày 28/01/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Từ ngày 10 đến 19/5/1941, Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Pắc Pó (Cao Bằng) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.

2. Nội dung

- Hội nghị vạch rõ mâu thuẫn đòi hỏi phải giải quyết cấp bách ở Việt Nam lúc nay là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc phát xít Pháp – Nhật.

- Xác định nhiệm vụ cấp bách là phải giải phóng các dân tộc Đông Dương khỏi ách thống trị của Pháp – Nhật. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

- Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”, thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện “người cày có ruộng”.

- Căn cứ tình hình cụ thể của cách mạng mỗi nước ở Đông Dương, Hội nghị chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước. Song các dân tộc ở Đông Dương phải đoàn kết cùng nhau chống kẻ thù chung là Pháp - Nhật, đồng thời liên hệ mật thiết với Liên Xô và các lực lượng dân chủ chống phát xít.

- Quyết định thành lập ở Việt Nam một mặt trận lấy tên là “Việt Nam độc lập đồng minh” (gọi tắt là Việt Minh) bao gồm các tổ chức quần chúng lấy tên là Hội Cứu quốc, nhằm tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng nhân dân yêu nước chống kẻ thù chính là Pháp – Nhật và tay sai giành độc lập dân tộc.

- Sau khởi nghĩa thắng lợi sẽ lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ của Tổ quốc.

- Hội nghị chủ trương dùng phương pháp bạo lực cách mạng để giành chính quyền. Coi chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân.

3. Ý nghĩa

- Hội nghị đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chiến lược và sách lược cách mạng được đề ra từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11/1939) của Đảng.

- Giải quyết một cách khéo léo giữa nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ dân chủ.

- Thể hiện sự tài tình, sáng tạo của Đảng trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam.

- Có tác dụng quyết định trong việc vận động toàn Đảng, toàn dân ta tích cực chuẩn bị tiến tới Cách mạng tháng Tám.

Hỏi: Trong những năm 1930 – 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương và nhân dân Việt Nam đã chuẩn bị lực lượng cho Cách mạng tháng Tám năm 1945 như thế nào?(3 điểm)

(Đề thi vào Trường Cao đẳng văn thư lưu trữ Trung ương 1 - Năm 2006).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. *Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc*

- Hội nghị Trung ương 6 (11/1939), Hội nghị Trung ương 7 (11/1940), Hội nghị Trung ương 8 (5/1941): Nhiệm vụ cần thiết phải đặt lên hàng đầu giành độc lập dân tộc.
- Tam giác khẩu hiệu “Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”.
- Thành lập Mặt trận Việt Minh.

2. *Chuẩn bị lực lượng chính trị*

- Các hội cứu quốc phát triển. Đảng Dân chủ tham gia Mặt trận Việt Nam.
- Xuất bản báo chí để tuyên truyền.

3. *Xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, căn cứ địa*

- Căn cứ địa Cao Bằng “Căn cứ địa Bắc Sơn – Võ Nhai”.
- Năm 1944 chủ trương “Sấm vũ khí đuổi thù chung”. Ngày 22/12/1944, E Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ra đời.
- Lực lượng Cứu quốc quân phát triển.
- Tháng 3/1945, Đảng phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước”, Đội kích Ba Tư ra đời.
- Tháng 5/1945, họp nhất Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với Cứu quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân.
- Tháng 6/1945, Khu Giải phóng Việt Bắc ra đời.

4. Nhờ chuẩn bị chu đáo nên khi thời cơ đến, Đảng đã lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa.

Câu hỏi: Anh (chị) hãy trình bày bài học kinh nghiệm về chuẩn bị lực lượng chớp thời cơ của Cách mạng tháng Tám 1945.(2 điểm)

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nam - Năm 2000)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Mở bài: Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 của nhân dân ta một điển hình thành công về nghệ thuật chuẩn bị lực lượng lâu dài và nắm bắt thời cơ.
2. Nội dung:
 - a. *Chuẩn bị lực lượng*
 - Muốn giành thắng lợi cho cách mạng phải chuẩn bị chu đáo, lâu dài, không nóng vội.
 - Công cuộc chuẩn bị lực lượng để tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân ta đã diễn ra suốt 15 năm qua các cao trào cách mạng của cuộc diễn tập lớn.
 - Tích cực chuẩn bị lực lượng là một nguyên tắc của phương pháp cách mạng, của khởi nghĩa vũ trang.

b. Chớp thời cơ

- Trên cơ sở chuẩn bị lực lượng chu đáo, phải biết dự kiến chiều hướng phát triển của tình hình, dự kiến các điều kiện, thời cơ để phát động khởi nghĩa.
- Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương tháng 5/1941 và Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng tháng 3/1945, đã bắt mạch đúng tình hình, chớp thời cơ phát động khởi nghĩa giành chính quyền.

3. Kết luận: Khẳng định vấn đề.

Câu hỏi: Tại sao năm 1941 Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh)? Vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945. (2 điểm)

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên - Năm 2006).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (05/1941), Đảng Cộng sản Đông Dương đã chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là mặt trận Việt Minh). Sở dĩ Đảng chủ trương như vậy là do:

- Đến năm 1941, ở Việt Nam, mâu thuẫn đòi hỏi phải giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc phát xít Pháp – Nhật. Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết của cách mạng Việt Nam và quyền lợi của tất cả các giai cấp bị cướp nước, vận mệnh dân tộc nguy vong không lúc nào bằng.
- Để phát huy sức mạnh toàn dân tộc nhằm giải quyết vấn đề dân tộc, cách mạng Việt Nam cần phải thay đổi hình thức mặt trận dân tộc thống nhất. Do vậy, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh).
- Mặt trận Việt Minh bao gồm các tổ chức quần chúng, lấy tên là Hội Cứu quốc nhằm “Liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, tôn giáo và xu hướng chính trị, tập trung sức mạnh vào giải quyết vấn đề độc lập dân tộc”. Đồng thời, Mặt trận Việt Minh còn có tác dụng triệt để trong việc phân hóa cô lập kẻ thù.
- Mặt khác, Mặt trận Việt Minh tạo điều kiện cho nhân dân ta góp sức lực vào phe Đồng minh chống phát xít, bảo vệ hòa bình trên thế giới. Ngược lại, nhân dân ta còn có thể nhận được sự ủng hộ giúp đỡ của các nước trong phe Đồng minh chống phát xít.

Mặt trận Việt Minh đã tập hợp được đông đảo quần chúng, hình thành nền lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặt trận động viên được sức mạnh của toàn dân tộc, thực hiện chính sách đại đoàn kết, triệt để phân hóa cô lập kẻ thù.

- Trên cơ sở các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, lực lượng vũ trang từng bước được hình thành và phát triển, cùng với lực lượng chính trị hùng hậu tạo nên sức mạnh tổng hợp để nổi dậy giành chính quyền khi thời cơ đến.
- Mặt trận Việt Minh còn thực hiện chức năng chính quyền, chỉ đạo toàn dân chuẩn bị mọi mặt cho Tổng khởi nghĩa như: chuẩn bị về lực lượng, về căn cứ, tập dượt cho quần chúng đấu tranh.
- Với những vai trò nêu trên, Mặt trận Việt Minh góp phần quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

Câu hỏi: *Công cuộc chuẩn bị trực tiếp về lực lượng cách mạng của Đảng và nhân dân ta để tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8 năm 1945. (3,5 điểm)*

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Hải Dương - Năm 2006)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Sự chuyển hướng nhiệm vụ chiến lược của Đảng
 - Hội nghị 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11/1939).
 - + Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
 - + Thành lập Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương.
 - + Đánh dấu sự chuyển hướng nhiệm vụ chiến lược của Đảng.
 - Hội nghị 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (05/1941).
 - + Đề cao hơn nữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc.
 - + Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng quốc gia, chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh.
 - + Quyết định đường lối khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền và xác định nhiệm vụ trọng tâm, trước mắt của Đảng là xúc tiến công tác chuẩn bị toàn diện cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.
 - + Hội nghị 8 đã hoàn chỉnh chủ trương, chuyển hướng nhiệm vụ chiến lược của Đảng.
 - Ý nghĩa chuyển hướng chiến lược của Đảng.
 - + Hoàn thiện đường lối chiến lược đúng đắn, đưa cách mạng vào thời kỳ chuẩn bị trực tiếp về mọi mặt để sẵn sàng đón đợi chớp thời cơ.
 - + Đặt nền tảng quyết định sự thành công của cách mạng tháng Tám.
2. Công cuộc chuẩn bị về lực lượng chính trị
 - Sự thành lập Mặt trận Việt Minh, vai trò, chính sách và chương trình hoạt động của Mặt trận Việt Minh.
 - Quá trình phát triển của Mặt trận Việt Minh.
 - Từ Việt Bắc đến các thành thị nông thôn, các Hội Cứu quốc không ngừng phát triển lớn mạnh, tạo nên lực lượng chính trị hùng hậu.

+ Ở Việt Bắc: từ năm 1942 các châu ở Cao Bằng đều có Hội Cứu quốc, đưa đến sự thành lập của Ủy ban Việt Minh Cao – Bắc – Lạng. Lực lượng Việt Minh nhanh chóng phát triển ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

+ Ở thành thị: Tháng 02/1943, trong Hội nghị Vòng La, Đảng chủ trương đưa lực lượng Việt Minh phát triển trong các thành thị, nhiều Hội Cứu quốc mới được thành lập, lực lượng chính trị đã phát triển rộng ở thành thị.

+ Ở nông thôn: lực lượng nhanh chóng lan rộng, đặc biệt trong năm 1941 qua 2 chỉ thị của Tổng bộ Việt Minh.

3. Công cuộc chuẩn bị về lực lượng vũ trang

- Hội nghị 7 (tháng 11/1940) đã quyết định duy trì và phát triển đội du kích Bắc Sơn làm lực lượng vũ trang cách mạng. Qua quá trình huấn luyện, hoạt động, lực lượng vũ trang ngày càng phát triển: ngày 15/9/1941 Đội Cứu quốc quân ra đời; ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập, đây là lực lượng vũ trang chính quy đầu tiên của cách mạng; ngày 11/3/1945 Đội du kích Ba Tư được thành lập.

- Tháng 4/1945, trước xu thế xuất hiện của thời cơ cách mạng, Hội nghị Quân sự Bắc Kỳ đã họp quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang Việt Nam thành Việt Nam Giải phóng quân; thành lập Ủy ban Quân sự Bắc Kỳ, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa phong trào khởi nghĩa vũ trang.

- Tháng 5/1945 các lực lượng vũ trang chính thức thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân. Ta thống nhất lực lượng vũ trang thành một khối duy nhất, sẵn sàng Tổng khởi nghĩa.

4. Xây dựng căn cứ địa cách mạng

- Hội nghị 7 (tháng 11/1940) đã quyết định duy trì Bắc Sơn – Vũ Nhai làm căn cứ địa cách mạng. Tiếp đó, năm 1941 sau khi về nước, Bác đã chọn Cao Bằng. Đây là hai căn cứ địa đầu tiên của nước ta. Năm 1943, hai căn cứ này thống nhất thành khu căn cứ địa: Cao – Bắc – Lạng.

- Cùng với quá trình phát triển của lực lượng vũ trang và phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ, căn cứ địa cách mạng ngày càng mở rộng ra các tỉnh Hà – Tuyên – Thái. Tháng 6/1945, Khu Giải phóng Việt Bắc được thành lập. Việt Bắc trở thành hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam độc lập.

- Ở các địa phương, nhân dân ta cũng tích cực xây dựng các căn cứ cách mạng từ Trung ương đến địa phương, sẵn sàng Tổng khởi nghĩa.

5. Song song với công tác chuẩn bị trên, Đảng và nhân dân ta còn đẩy mạnh chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức; lãnh đạo cho quần chúng tập dượt đấu tranh giành chính quyền.

- Chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức.

- Tập dượt đấu tranh giành chính quyền.

- + Thắng lợi Phay Khắt và Nà Ngần (ngày 25 và 26/12/1944).
- + Phong trào khởi nghĩa nhà tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ (11/3/1945).
- + Phong trào phá kho thóc của địch.

Câu hỏi: *Phân tích ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945. (3 điểm)*

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Văn hóa và Du lịch Hạ Long - Năm 2006).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám 1945 (1,5 điểm)

- Là sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, mở ra bước ngoặt trong lịch sử dân tộc. Cuộc cách mạng đó đã phá tan xiềng xích nô lệ thực dân... lật đổ ngai vàng phong kiến... lập nên nhà nước của nhân dân lao động Việt Nam.
- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do, kỉ nguyên nhân dân lao động làm chủ, kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội...
- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc thuộc địa trên thế giới.

2. Nguyên nhân thắng lợi (1,5 điểm)

- Dân tộc ta có truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập tự do... Khi có Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo, cả dân tộc đã vùng lên cứu nước...
- Có đường lối chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn của Đảng và Hồ Chí Minh trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin được vận dụng phù hợp, sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam...
- Có quá trình chuẩn bị cách mạng lâu dài suốt 15 năm với những bài học kinh nghiệm quý báu từ các phong trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939, 1939 - 1945...

Câu hỏi: *Nêu những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đảng ta đã vận dụng những bài học đó trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ như thế nào?(2 điểm)*

(Đề thi vào Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Bình - Năm 2006).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Những bài học kinh nghiệm:

- Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc dân chủ, đưa nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai lên hàng đầu...
- Biết tổ chức tập hợp lực lượng, xây dựng khối công – nông liên minh, thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất, biết phân hóa cô lập kẻ thù...

- Nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin (bạo lực chính trị, bạo lực vũ trang, chiến tranh du kích, khởi nghĩa từng phần, chớp thời cơ...).
- . Đảng ta đã vận dụng những bài học đó trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ:
 - Thành lập Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.
 - Giải quyết tốt nhiệm vụ dân tộc dân chủ.
 - Từng bước cải cách ruộng đất.
 - Kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, ngoại giao,...

âu hỏi: Anh (chị) hãy phân tích những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám (1945).

(Đề thi ĐH khối C năm 2005).

áp án và hướng dẫn trả lời

- . Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp đúng đắn, sáng tạo nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đưa nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai lên hàng đầu, nhằm tập trung lực lượng để thực hiện cho kì được yêu cầu cấp bách của cách mạng là giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.
- . Đánh giá đúng và biết tập hợp, tổ chức lực lượng các giai cấp cách mạng, trong đó công nông là đội quân chủ lực. Trên cơ sở khối liên minh công nông, biết khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù rồi lên đánh bại chúng.
- . Nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng và khởi nghĩa vũ trang, kết hợp đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, kết hợp chiến tranh du kích, đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và đấu tranh chính trị và khởi nghĩa ở đô thị để khi có thời cơ thì phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền.

II. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN CỦA LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

- . *Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (từ sau ngày 02/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946)*
- . *Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám*
 - * *Khó khăn*
 - Chính trị:
 - + Quân đội các nước Đồng minh dưới danh nghĩa giải pháp quân Nhật đã lũ lượt kéo vào nước ta.

- + Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, 20 vạn quân Trung Hoa Quốc dân Đảng kéo về đóng ở Hà Nội và hầu hết các tỉnh. Chúng mang theo tay sai thuộc các chức phản động về nước hòng cướp chính quyền của ta.
 - + Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân đội Anh kéo vào, dọn đường cho thủ dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta.
 - Lợi dụng tình hình đó, bọn phản động trong nước ngóc đầu dậy làm tay sai cho Pháp và chống phá cách mạng.
 - Trên cả nước ta, có 6 vạn quân Nhật chờ giải pháp. Một bộ phận quân Nhật theo lệnh quân Anh đánh lại lực lượng vũ trang của ta, tạo điều kiện cho quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng.
 - Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, chưa được củng cố, lực lượng vũ trang còn non yếu.
 - Kinh tế:
 - + Nông nghiệp nước ta vốn đã lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, hậu quả của nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa khắc phục được. Tiếp đó là nạn lụt lớn, làm vỡ đê 9 tỉnh Bắc Bộ, rồi hạn hán kéo dài, khiến cho nửa tổng số ruộng đất không canh tác được.
 - + Nhiều xí nghiệp còn nằm trong tay tư bản Pháp.
 - + Các cơ sở công nghiệp của ta chưa kịp phục hồi sản xuất.
 - + Hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.
 - Tài chính:
 - + Ngân sách nhà nước lúc này hầu như trống rỗng, Kho bạc Nhà nước chỉ có hơn 1,2 triệu đồng.
 - + Chính quyền cách mạng chưa nắm được Ngân hàng Đông Dương.
 - + Quân Trung Hoa Quốc dân Đảng tung ra thị trường các loại tiền Trung Quốc đã mất giá, làm cho nền tài chính nước ta thêm rối loạn.
 - Văn hóa:
 - + Văn hóa lạc hậu do chế độ thực dân phong kiến để lại hết sức nặng nề, hơn 90% dân số không biết chữ.
- Đất nước đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.
- * Thuận lợi**
- Nhân dân ta đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng quyền lợi của chính quyền cách mạng đưa lại nên rất phấn khởi, gắn bó với chế độ.
 - Cách mạng nước ta có Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng suốt lãnh đạo.
 - Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành; phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc; phong trào đấu tranh hòa bình, dân chủ phát triển ở nhiều nước tư bản.

b. *Bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính*

Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị nhiều biện pháp nhằm tiến tới cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội, giải quyết trước mắt nạn đói, nạn dốt và những khó khăn về tài chính.

** Xây dựng chính quyền cách mạng*

- Chỉ một tuần sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Chính phủ Cách mạng lâm thời công bố Lệnh Tổng tuyển cử trong cả nước.

- Ngày 06/01/1946, vượt qua mọi hành động chống phá của kẻ thù, hơn 90% cử tri trong cả nước đi bỏ phiếu, bầu được 333 đại biểu khắp Bắc – Trung – Nam. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân ta được thực hiện quyền công dân.

- Các địa phương ở Bắc Bộ và Trung Bộ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (tỉnh, xã). Ủy ban hành chính các cấp được thành lập.

- Ngày 02/3/1946, tại kì họp đầu tiên ở Hà Nội, Quốc hội xác nhận thành tích của Chính phủ Cách mạng lâm thời trong những ngày đầu xây dựng chế độ mới, thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và lập ra Ban dự thảo Hiến pháp. Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Quốc hội thông qua ngày 09/11/1946.

- Lực lượng vũ trang được chú trọng xây dựng.

+ Việt Nam Giải phóng quân (thành lập tháng 5/1945) được chấn chỉnh và đổi thành Vệ quốc đoàn (09/1949). Ngày 22/5/1946, Vệ quốc đoàn được đổi thành Quân đội Quốc gia Việt Nam.

+ Cuối năm 1945, lực lượng dân quân, tự vệ đã tăng lên hàng chục vạn người, có mặt ở hầu hết các thôn, xã, đường phố, xí nghiệp trên khắp cả nước.

** Giải quyết nạn đói*

- Biện pháp trước mắt:

+ Tổ chức quyên góp, điều hòa thóc gạo giữa các địa phương trong cả nước, nghiêm trị những kẻ đầu cơ tích trữ gạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước “nhường cơm sẻ áo”.

+ Trên khắp cả nước, nhân dân ta lập “Hũ gạo cứu đói”, tổ chức “Ngày đồng tâm”, không dùng gạo, ngô, sắn... để nấu rượu.

- Biện pháp lâu dài:

+ Tăng gia sản xuất là biện pháp hàng đầu và có tính chất lâu dài.

+ Chính quyền cách mạng ra lệnh bãi bỏ thể thân và các thứ thuế vô lý kh của chế độ cũ, giảm tô 25%, giảm thuế ruộng đất 20%, tạm cấp ruộng đ bỏ hoang cho nông dân thiếu ruộng, chia lại ruộng đất công theo nguyên tắc công bằng, dân chủ.

+ Sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi, nạn đói bị đẩy lùi m bước.

** Giải quyết nạn đói*

- Ngày 08/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh thành lập Nha Bình đ học vụ - cơ quan chuyên trách về chống “giặc đói” và kêu gọi nhân dân nước tham gia phong trào xóa nạn mù chữ.

- Đến ngày 08/9/1946, trên toàn quốc đã tổ chức gần 76 nghìn lớp học, x mù chữ cho hơn 2,5 triệu người.

- Trường học các cấp phổ thông và đại học sớm được khai giảng. Nội dư và phương pháp giáo dục bước đầu được đổi mới theo tinh thần dân tộc dân chủ.

** Giải quyết khó khăn về tài chính*

- Chính phủ kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân cả nước vận động xây dựng “Quỹ độc lập”, phong trào “Tuần lễ vàng”.

- Kết quả là nhân dân đã tự nguyện đóng góp 370 kilôgam vàng, 20 tri đồng vào “Quỹ độc lập”, 40 triệu đồng vào “Quỹ đảm phụ quốc phòng”.

- Ngày 31/01/1946, Chính phủ ra Sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam và đ ngày 23/11/1946, Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong nước, thay cho tiền Đông Dương của Pháp trước đây.

c. Đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ chính quyền cách mạng

** Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam bộ*

- Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ

+ Với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, ngay sau khi Nhật đầu hà Đồng minh, Chính phủ Đờ Gôn đã quyết định thành lập một đạo quân viễn chi dưới quyền chỉ huy của tướng Lơ -ơ -léc, đồng thời cử Đô đốc Đắc Giăng-l sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương.

+ Ngày 02/9/1945, khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức mít tinh ch mừng “Ngày độc lập”, thực dân Pháp xả súng vào đám đông làm 47 ngi chết và nhiều người bị thương.

+ Đêm 22 rạng ngày 23/9/1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực d Pháp cho quân đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và Cơ quan tự thành phố Sài Gòn.

- Nhân dân Nam Bộ kháng chiến:

+ Nhân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược. Các chiến sĩ lực lượng vũ trang của ta đột nhập vào sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tàu Pháp, đánh phá kho tàng, phá nhà giam.

+ Nhân dân Sài Gòn – Chợ lớn đấu tranh phá nguồn tiếp tế của địch, không hợp tác với chúng, dựng chiến ngai vật và chiến lũy trên đường phố. Quân Pháp trong thành phố bị bao vây và luôn bị tiến công.

+ Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết tâm lãnh đạo kháng chiến, huy động lực lượng cả nước chi viện cho Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Hàng vạn thanh niên hăng hái gia nhập quân đội, xung vào các “đoàn quân Nam tiến”.

+ Nhân dân Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ còn thường xuyên tổ chức quyên góp tiền, gạo, áo quần, thuốc men... gửi ủng hộ nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến.

** Đấu tranh với Trung Hoa Quốc dân Đảng và bọn phản cách mạng ở miền Bắc*

- Chủ trương của ta: Tránh trường hợp phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc, từ đó Đảng ta chủ trương tạm thời hòa hoãn, tránh xung đột với quân Trung Hoa Quốc dân Đảng.

- Biện pháp:

+ Nhằm hạn chế sự phá hoại của quân Trung Hoa Quốc dân Đảng và tay sai, tại kì họp đầu tiên (02/3/1946), Quốc hội khoá I đồng ý nhường cho tay sai 70 ghế trong Quốc hội cùng với 4 ghế Bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp, cho Nguyễn Hải Thần (lãnh tụ Việt cách) giữ chức Phó Chủ tịch nước.

+ Nhân nhượng cho quân Trung Hoa Quốc dân Đảng một số quyền lợi kinh tế như: cung cấp một phần lương thực, thực phẩm, phương tiện giao thông, vận tải, nhận tiêu tiền Trung Quốc.

+ Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố “tự giải tán” (11/11/1945), nhưng sự thật là tạm thời rút vào hoạt động “bí mật”, tiếp tục lãnh đạo đất nước, lãnh đạo chính quyền cách mạng.

+ Đối với tay sai của Trung Hoa Quốc dân Đảng: chính quyền cách mạng dựa vào quần chúng, kiên quyết vạch trần âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại của chúng. Những kẻ phá hoại có đủ bằng chứng thì bị trừng trị theo pháp luật.

- Chính phủ còn ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng.

Việc thực hiện những biện pháp và sách lược trên đây đã hạn chế đến mức thấp nhất các hoạt động chống phá của quân Trung Hoa Quốc dân Đảng và tay sai, làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng.

* *Hòa hoãn với Pháp nhằm đẩy mạnh quân Trung Hoa Quốc dân Đảng ra khỏi nước ta*

- *Hiệp định Sơ bộ 06/3/1946*

Hoàn cảnh lịch sử:

+ Sau khi chiếm đóng các đô thị ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, thực dân Pháp đề ra kế hoạch tiến quân ra Bắc nhằm thôn tính cả nước ta.

+ Để tránh đụng độ với lực lượng kháng chiến của ta, thực dân Pháp điều đình với Chính phủ Trung Hoa Quốc dân Đảng bằng việc kí Hiệp ước Hoa - Pháp (28/02/1946).

Nội dung: Trung Hoa Quốc dân Đảng được Pháp trả lại các tô giới và nhượng địa vị của Pháp trên đất Trung Quốc và được vận chuyển hàng hóa qua cảng Hải Phòng vào cảng Hoa Nam không phải đóng thuế. Để đổi lại Pháp được quân ra Bắc thay Trung Hoa Quốc dân Đảng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.

+ Hiệp ước Hoa - Pháp đã đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn một trong hai con đường: hoặc cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp, không cho chúng đổ bộ lên miền Bắc; hoặc hoà hoãn, nhân nhượng Pháp để tránh tình trạng phải đối phó một lúc với nhiều kẻ thù.

+ Ngày 03/3/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, do Hồ Chí Minh chủ trì, đã chọn giải pháp "Hoà để tiến".

+ Chiều ngày 06/3/1946, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với G. Xanh-tơ-ni (đại diện Chính phủ Pháp) bản Hiệp ước Sơ bộ.

Nội dung cơ bản của Hiệp định:

+ Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, quân đội riêng, tài chính riêng và là thành viên của Liên bang Đông Dương, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

+ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thỏa thuận cho 15 000 quân Pháp ra Bắc thay quân Trung Hoa Quốc dân Đảng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ đóng tại những địa điểm quy định và rút dần trong thời hạn 5 năm.

+ Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở phía Nam và giữ nguyên quân đội của mình tại vị trí cũ, tạo không khí thuận lợi đi đến cuộc đàm phán chính thức bàn các vấn đề về ngoại giao của Việt Nam, chế độ tương lai của Đông Dương, quyền lợi kinh tế và văn hóa của người Pháp ở Việt Nam.

Ý nghĩa:

+ Kí Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 hoà hoãn với Pháp, ta đã tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc, đẩy 20 vạn quân Trung Hoa Quốc dân Đảng cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta.

+ Ta có thêm thời gian hoà bình để củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp về sau.

Tạm ước 14/9/1946

+ Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ, thực dân Pháp vẫn tiếp tục gây xung đột vũ trang ở Nam Bộ, lập Chính phủ Nam Kỳ tự trị, âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

+ Do ta đấu tranh kiên quyết, cuộc đàm phán chính thức giữa hai Chính phủ Việt Nam và Pháp được tổ chức ở Phông-ten-nơ-blô từ ngày 06/7/1946. Cuộc đàm phán thất bại vì Pháp ngoan cố không chịu công nhận độc lập và thống nhất của nước ta.

+ Tại Đông Dương, quân Pháp tăng cường những hoạt động khiêu khích. Quan hệ Việt – Pháp ngày càng căng thẳng, có nguy cơ nổ ra chiến tranh.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh, bấy giờ đang ở thăm nước Pháp với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, đã kí với Mu-tê (đại diện của Chính phủ Pháp) bản Tạm ước ngày 14/9/1946, tiếp tục nhân nhượng Pháp một số quyền lợi về kinh tế - văn hóa ở Việt Nam.

+ Ý nghĩa: Bản Tạm ước đã tạo điều kiện cho ta kéo dài thời gian hoà hoãn để xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp lâu dài.

2. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1954)

a. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ

*** Thực dân Pháp bội ước và tiến công nước ta**

- Mặc dù đã kí Hiệp định Sơ bộ 06/3/1946 và Tạm ước 19/4/1946, thực dân Pháp vẫn đẩy mạnh việc chuẩn bị chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa.

- Ngay sau ngày 06/3/1946, Pháp mở các cuộc hành quân tiến công ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

- Ở Bắc Bộ, hạ tuần tháng 11/1946, quân Pháp khiêu khích tiến công ở Hải Phòng và Lạng Sơn.

- Ở Hà Nội, quân Pháp bắn súng, ném lựu đạn vào nhiều nơi. Chúng đốt nhà Thông tin ở phố Tràng Tiền, chiếm đóng cơ quan Bộ Tài chính, gây ra vụ tàn sát đẫm máu ở phố Hàng Bún, ngõ Yên Ninh,...

- Ngày 18/12/1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu để cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội. Nếu yêu cầu đó không được chấp nhận, thì chậm nhất là sáng 20/12/1946, chúng sẽ hành động.

*** Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng**

- Trong hai ngày 18 và 19/12/1946, Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương mở rộng, họp tại Vạn Phúc (Hà Đông), đã quyết định phát động cả nước kháng chiến.
- Khoảng 20h00 ngày 19/12/1946, công nhân Nhà máy Điện Yên Phụ (Hà Nội) phá máy, đây cũng là tín hiệu tiến công, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi khắp cả nước.
- Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/12/1946), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946) và tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi (9/1947) của Tổng bí thư Trường Chinh là những văn kiện lịch sử quan trọng về đường lối kháng chiến, nêu rõ tính chất, mục đích, nội dung và phương châm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đó là kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

b. Cuộc chiến đấu ở các đô thị và việc chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài

*** Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16**

- Ở Hà Nội, khoảng 20h00 ngày 19/12/1946, cuộc chiến đấu bắt đầu. Sau hai tháng chiến đấu kiên cường, ngày 17/02/1947, quân ta rút khỏi vòng vây của địch, ra căn cứ an toàn.
- Ở các đô thị như Bắc Giang, Bắc Ninh, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng, quân dân ta bao vây, tiến công tiêu diệt nhiều tên địch.
- Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 đã tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài.

*** Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài**

- Sau khi rút khỏi Hà Nội, các cơ quan Đảng, Chính phủ, Mặt trận, các đoàn thể,... chuyển lên căn cứ địa Việt Bắc an toàn.
- Đảng, Chính phủ lãnh đạo và tổ chức nhân dân cả nước xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt:
 - + Về chính trị, các Ủy ban hành chính chuyển thành Ủy ban kháng chiến hành chính, thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc; mở rộng Mặt trận, thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt).
 - + Về kinh tế, Chính phủ đề ra những chính sách nhằm duy trì và phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực.
 - + Về quân sự, Chính phủ quy định mọi người dân từ 18 đến 45 tuổi được quyền chọn tham gia các lực lượng chiến đấu.
 - + Về văn hóa, phong trào bình dân học vụ được duy trì và phát triển. Trường phổ thông các cấp vẫn tiếp tục giảng dạy và học tập trong hoàn cảnh chiến tranh.

c. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947 và việc đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện

* Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947

- Diễn biến:

+ Thực dân Pháp huy động 12 000 quân và hầu hết máy bay ở Đông Dương, mở cuộc tiến công Việt Bắc từ ngày 07/10/1947.

+ Khi địch vừa tấn công Việt Bắc, Đảng ta đã có Chỉ thị “phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”.

+ Trên khắp các mặt trận, quân dân ta anh dũng chiến đấu, từng bước đẩy lùi cuộc tiến công của địch.

+ Ở Bắc Cạn, quân dân ta đã chủ động bao vây và tiến công địch ở Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã, Ngân Sơn, Bạch Thông,... buộc Pháp phải rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã cuối tháng 11/1947.

+ Ở mặt trận hướng đông, quân dân ta phục kích chặn đánh địch trên Đường số 4, tiêu biểu là mặt trận phục kích ở đèo Bông Lau (30/10/1947, đánh trúng đoàn xe cơ giới của địch, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng của địch.

+ Ở mặt trận hướng tây, quân dân ta phục kích đánh nhiều trận trên sông Lô, nổi bật là trận Đoan Hùng, Khe Lau đánh chìm nhiều tàu chiến, ca nô của địch.

+ Như vậy, hai gọng kìm đông và tây của Pháp bị bẻ gãy, không khép kín lại được.

+ Sau hơn hai tháng, cuộc chiến đấu giữa ta và địch đã kết thúc bằng cuộc rút chạy của đại bộ phận quân Pháp khỏi Việt Bắc ngày 19/12/1947.

- Kết quả:

+ Quân dân ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6000 địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến, ca nô, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

+ Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo toàn.

+ Bộ đội chủ lực càng trưởng thành qua thực tiễn chiến đấu.

- Ý nghĩa:

+ Với chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược chuyển sang giai đoạn mới.

+ Sau thất bại ở Việt Bắc, Pháp buộc thay đổi chiến lược chiến tranh ở Đông Dương, từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh lâu dài”, thực hiện chính sách “dùng người Việt trị người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

+ Phối hợp với cuộc chiến đấu ở Việt Bắc, quân dân ta trên các chiến trường toàn quốc hoạt động mạnh, kiểm chế, không cho địch tập trung lớn binh lực vào chiến trường chính.

** Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện*

- Đảng và Chính phủ ta chủ trương củng cố chính quyền dân chủ nhân dân từ trung ương đến cơ sở, tăng cường lực lượng vũ trang nhân dân, đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

- Trên mặt trận chính trị:

+ Đầu năm 1949, Chính phủ quyết định tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp.

+ Tháng 6/ 1949, Mặt trận Việt Minh và Liên Việt quyết định tiến tới thống nhất hai tổ chức.

- Trên mặt trận quân sự: trong những năm 1948 – 1949, bộ đội chủ lực phân tán, đi sâu vào vùng sau lưng địch, gây cơ sở kháng chiến, phát triển chiến tranh du kích.

- Trên mặt trận kinh tế: Chính phủ ra sắc lệnh: giảm tô 25% (07/1949), hoàn nợ, xóa nợ (05/1950), chia lại ruộng đất công và tạm cấp ruộng đất vắng chủ, ruộng đất lấy từ tay đế quốc, bọn phản động (7/1950),...

- Trên mặt trận văn hóa, giáo dục:

+ Tháng 7/1950, Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông, đặt nền móng cho nền giáo dục dân tộc, dân chủ Việt Nam (thay hệ thống giáo dục cũ bằng hệ thống giáo dục mới – 9 năm).

+ Hệ thống các trường đại học và trung học chuyên nghiệp cũng bắt đầu được xây dựng.

d. Hoàn cảnh lịch sử mới và chiến dịch Biên giới thu - đông 1950

** Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến*

- Từ sau chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947, cuộc kháng chiến của nhân dân ta có thêm những thuận lợi:

+ Ngày 01/10/1949, cách mạng Trung Quốc thành công. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời.

+ Ngày 14/01/1950, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, ngày 30/01/1950, Chính phủ Liên Xô và trong vòng một tháng sau, các nước trong phe xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Ngày 13/5/1949, với sự đồng ý của Mỹ, Chính phủ Pháp đề ra kế hoạch Ro-ve. Với kế hoạch này, Mỹ từng bước can thiệp sâu và “dính líu trực tiếp” vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

- Thực hiện kế hoạch Ro-ve, từ tháng 6/1949, Pháp tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4, thiết lập “hành lang Đông – Tây” (Hải Phòng – Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La). Trên cơ sở đó, Pháp chuẩn bị một kế hoạch quy mô lớn tiến công Việt Bắc lần thứ hai, mong giành thắng lợi để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

** Chiến dịch Biên giới Thu – Đông 1950*

Chủ trương của ta:

- Tháng 6/1950, Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm:
 - + Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.
 - + Mở đường thông sang Trung Quốc và thế giới.
 - + Mở rộng và ủng hộ và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, tạo đà thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mặt trận để cùng Bộ Chỉ huy chỉ đạo và động viên bộ đội chiến đấu.

Diễn biến:

- Sáng 16/9/1950, các đơn vị quân đội ta nổ súng mở đầu chiến dịch bằng trận đánh vào Đông Khê.
- Mất Đông Khê, quân địch ở Thất Khê lâm vào tình thế bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập.
- Trước nguy cơ bị tiêu diệt, quân Pháp buộc phải rút lui khỏi Cao Bằng theo Đường số 4.
- Để yểm trợ cho cuộc rút quân này, Pháp huy động quân từ Thất Khê tiến lên chiếm lại Đông Khê và đón cánh quân từ Cao Bằng rút về.
- Đoán trước được ý định của địch, quân ta chủ động mai phục, chặn đánh địch nhiều nơi trên Đường số 4 khiến cho hai cánh quân này không gặp được nhau.
- Đến lượt Thất Khê bị uy hiếp, quân Pháp buộc phải rút về Nà Sầm (08/10/1950), ngày 13/10/1950, chạy khỏi Nà Sầm về Lạng Sơn. Trong khi đó, cuộc hành quân của địch lên Thái Nguyên cũng bị quân ta chặn đánh.
- Quân Pháp trở nên hoảng loạn, phải rút chạy, Đường số 4 hoàn toàn được giải phóng ngày 22/10/1950.

Kết quả:

- Sau hơn một tháng chiến đấu, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8.000 tên địch, giải phóng dải biên giới Việt – Trung từ Cao Bằng với Đình Lập gồm có 35 vạn dân, chọc thủng “hành lang Đông – Tây” của Pháp.
- Thế bao vây cả trong lẫn ngoài đối với căn cứ địa Việt Bắc bị phá vỡ. Kế hoạch Ro-ve bị phá sản.

Ý nghĩa:

- Với chiến thắng Biên giới, con đường liên lạc của ta với các nước xã hội chủ nghĩa được khai thông.
- Quân đội ta đã trưởng thành, giành được thế chủ động trên khắp chiến trường chính (Bắc Bộ).
- Mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

3. Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953)

a. Thực dân Pháp đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương

*** Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh**

- Từ tháng 5/1949, Mỹ từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.
- Ngày 23/12/1950, Mỹ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương. Đây là Hiệp định viện trợ quân sự, kinh tế - tài chính của Mỹ cho Pháp và tay sai, qua đó, Mỹ từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.
- Tháng 9/1952, Mỹ kí với Bảo Đại, Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mỹ nhằm trực tiếp ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mỹ.

*** Kế hoạch Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi**

- Dựa vào viện trợ của Mỹ, cuối năm 1950, Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi, mong muốn kết thúc nhanh chiến tranh.
- Kế hoạch Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi đã đưa cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương lên quy mô lớn, làm cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta, nhất là ở vùng sau lưng địch, trở nên khó khăn, phức tạp.

b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (02/1951)

Từ ngày 11 đến ngày 19/02/1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Vinh Quang (Chiêm Hóa, Tuyên Quang).

*** Nội dung của Đại hội Đảng lần thứ II:**

- Đại hội đã thông qua hai bản báo cáo quan trọng:
 - + Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày đã tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của Đảng qua các chặng đường lịch sử đấu tranh oanh liệt kể từ ngày ra đời, khẳng định đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng.
 - + Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày, trong đó nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện "Người cày có ruộng", phát triển chế độ làm chủ nhân dân, gây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Đại hội quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia một Đảng Mác – Lê-nin riêng, có cương lĩnh phù hợp với đặc điểm của từng dân tộc.
- Ở Việt Nam, Đại hội quyết định thành lập Đảng Lao động Việt Nam và đưa Đảng ra hoạt động công khai, tiếp tục đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

- Đại hội thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới; quyết định xuất bản báo Nhân dân – cơ quan ngôn luận của Đảng.

- Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị. Hồ Chí Minh được bầu giữ chức Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Ý nghĩa:

Đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình trưởng thành và lãnh đạo cách mạng của Đảng ta, là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”.

3. *Hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt*

** Về chính trị:*

- Từ ngày 03 đến ngày 07/3/1951, Đại hội toàn quốc thống nhất hai Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp Việt Nam thành một mặt trận duy nhất, lấy tên là Mặt trận Liên hợp Quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt) do Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch, Hồ Chí Minh làm Chủ tịch danh dự.

- Ngày 11/3/1951, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Khome-ít-xa-rắc, Mặt trận Lào Ít-xa-la họp Hội nghị đại biểu để thành lập Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.

- Ngày 01/5/1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất đã tổng kết, tuyên dương phong trào thi đua ái quốc và chọn 7 anh hùng.

** Về kinh tế:*

- Năm 1952, Chính phủ mở cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm.

- Năm 1953, vùng tự do và vùng căn cứ du kích từ Liên khu IV trở ra đã sản xuất được 2 757 000 tấn thóc và hơn 650 000 tấn hoa màu.

- Sản xuất thủ công nghiệp và công nghiệp về cơ bản đáp ứng được những yêu cầu về công cụ sản xuất và những mặt hàng thiết yếu của đời sống.

Năm 1953, ta sản xuất được 3 500 tấn vũ khí đạn dược, cung cấp tạm đủ cho bộ đội về thuốc men, quân trang, quân dụng.

- Chính phủ còn đề ra những chính sách nhằm chấn chỉnh chế độ thuế khoá, xây dựng nền tài chính, ngân hàng, thương nghiệp.

- Từ năm 1953, Đảng và Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và thực hiện cải cách ruộng đất ở vùng tự do Thái Nguyên, Thanh Hóa.

Về văn hóa, giáo dục, y tế:

- Tiếp tục công cuộc cải cách giáo dục, thực hiện theo ba phương châm “phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất”; nhà trường gắn với đời sống xã hội.

- Văn nghệ sĩ hăng hái thâm nhập mọi mặt của cuộc sống, chiến đấu và sản xuất.
- Công tác vận động vệ sinh phòng bệnh, thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan ngày càng có tính chất quần chúng rộng lớn.
- Công tác chăm lo sức khỏe của nhân dân được coi trọng. Bệnh viện, bệnh xá, phòng y tế, trạm cứu thương được xây dựng.

d. Những chiến dịch tiến công giữ vững quyền chủ động trên chiến trường

** Các chiến dịch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ (cuối năm 1950 đến giữa năm 1951)*

- Từ cuối năm 1950, quân ta tiếp tục mở ba chiến dịch: Chiến dịch Trần Hưng Đạo (chiến dịch Trung du), chiến dịch Hoàng Hoa Thám (chiến dịch Đường số 18) và chiến dịch Quang Trung (chiến dịch Hà – Nam – Ninh).
- Với phương châm chiến lược “đánh chắc thắng” và phương châm chiến lược “tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu”, ta chủ trương mở những chiến dịch tiếp theo ở vùng rừng núi.

** Chiến dịch Hoà Bình đông – xuân 1951-1952*

- Hoà Bình là cửa ngõ nối liền vùng tự do với vùng đồng bằng Bắc Bộ, là mạch máu giao thông giữa Việt Bắc với Liên khu IV.
- Ngày 14/11/1951, Pháp tiến đánh Hòa Bình.
- Ta mở chiến dịch Hòa Bình nhằm tiêu diệt sinh lực của địch ở Hoà Bình, phá tan kế hoạch bình định của địch ở đồng bằng Bắc Bộ và đẩy mạnh chiến tranh du kích.
- Kết quả: sau hai tháng, ta giải phóng hoàn toàn khu vực Hoà Bình – Sông Đà rộng 2000 km² với 15 vạn dân, các căn cứ du kích của chúng ta được mở rộng.

** Chiến dịch Tây Bắc thu – đông 1952*

- Tây Bắc là vùng chiến lược quan trọng, địch đã chiếm đóng, từ đó uy hiếp căn cứ Việt Bắc của ta và che chở cho vùng Thượng Lào của chúng.
- Từ ngày 14/10/1952 đến ngày 10/12/1952, ta huy động một lực lượng lớn tiến công Mộc Châu, Thuận Châu, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái.
- Kết quả: Giải phóng 28 500 km² với 25 vạn dân gồm toàn tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La (trừ Nà Sản), bốn huyện ở Lai Châu, hai huyện ở Yên Bái, phá một phần âm mưu lập “xứ Thái tự trị” của địch.

** Chiến dịch Thượng Lào xuân – hè 1953*

- Thượng Lào là vùng chiến lược quan trọng, là hậu phương an toàn của địch.
- Đầu năm 1953, Trung ương Đảng và Chính phủ cùng Chính phủ Kháng chiến Lào chủ trương mở chiến dịch Thượng Lào nhằm tiêu diệt sinh lực của địch, giải phóng đất đai, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào.

- Từ ngày 08/4/1953, đến ngày 18/5/1953, ta huy động một lực lượng lớn cùng một đơn vị quân giải phóng Pa-thét Lào mở chiến dịch.
- Kết quả, giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa Lì với trên 30 vạn dân.
- Từ năm 1951 đến năm 1953, ở các chiến trường Trung Bộ và Nam Bộ, quân dân ta đã tận dụng các hình thức chiến tranh du kích, tiêu diệt nhiều sinh lực của địch, phá nhiều tổ chức tề ngụy.

4. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954)

a. Âm mưu mới của Pháp – Mỹ ở Đông Dương, kế hoạch Na-va

** Hoàn cảnh lịch sử:*

- Qua 8 năm chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp thiệt hại ngày càng lớn (loại khỏi vòng chiến đấu 39 vạn quân, tiêu tốn hơn 2000 tỉ phrăng), vùng Pháp chiếm đóng bị thu hẹp. Quân Pháp trên chiến trường ngày càng lâm vào thế phòng ngự bị động.
- Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương, tích cực chuẩn bị thay thế Pháp.
- Ngày 07/5/1953, với thỏa thuận của Mỹ, Chính phủ Pháp cử tướng Na-va làm Tổng chỉ huy Quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Na-va đề ra kế hoạch quân sự với hi vọng trong vòng 18 tháng sẽ giành lấy một phần thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

** Kế hoạch Na-va được chia thành hai bước:*

- Bước thứ nhất, trong thu – đông năm 1953 và xuân năm 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương, giành lấy nguồn nhân lực, vật lực; xóa bỏ vùng tự do Liên khu V, đồng thời ra sức mở rộng ngụy quân, tập trung binh lực, xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh.
- Bước thứ hai, từ thu – đông 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán với những điều kiện có lợi cho chúng nhằm kết thúc chiến tranh.

Để thực hiện kế hoạch, Na-va tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn quân cơ động (trong 84 tiểu đoàn toàn Đông Dương), tiến hành càn quét nhằm bình định vùng chiếm đóng; mở rộng hoạt động thổ phỉ, biệt kích ở biên giới phía Bắc, tấn công lớn vào Ninh Bình, Thanh Hóa (10/1953),...

b. Cuộc tiến công chiến lược đông – xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

** Cuộc tiến công chiến lược đông – xuân 1953-1954*

- Cuối tháng 9/1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Việt Bắc để bàn về kế hoạch quân sự trong đông – xuân 1953-1954.

- Phương hướng chiến lược của ta: “tập trung lực lượng, mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, do phải phân tán lực lượng tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực địch”.

- Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, trong đông xuân 1953-1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công ở hầu khắp các chiến trường Đông Dương:

+ Ngày 10/12/1953, một bộ phận quân chủ lực của ta tiến công thị xã Lai Châu, loại khỏi vòng chiến đấu 24 đại đội địch, giải phóng Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ).

Na-va tăng cường 6 tiểu đoàn cho Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung quân thứ hai của Pháp.

+ Đầu tháng 12/1953, liên quân Lào – Việt mở cuộc tiến công địch ở Trung Lào, tiêu diệt 3 tiểu đoàn Âu – Phi, giải phóng 4 vạn km² và thị xã Thà Kẹt, bao vây uy hiếp Xa-va-na-khét và căn cứ Xê-nô.

Na-va tăng cường lực lượng cho Xê-nô, Xê-nô trở thành nơi tập trung binh lực thứ ba của Pháp.

+ Cuối tháng 01/1954, liên quân Lào – Việt tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu, toàn tỉnh Phong Xa Li. Căn cứ kháng chiến của nhân dân Lào được mở rộng thêm gần 1 vạn km².

Na –va tăng cường cho Luông Pha-băng và Mường Sài. Luông Pha-băng và Mường Sài trở thành nơi tập trung quân thứ tư của Pháp.

+ Đầu tháng 02/1954, quân ta tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên, loại khỏi vòng chiến đấu 2 000 địch, giải phóng toàn tỉnh Kon Tum, một vùng rộng lớn với 20 vạn dân, bao vây uy hiếp Plây-cu.

Pháp tăng cường lực lượng cho Plây-cu. Plây-cu trở thành nơi tập trung quân thứ năm của Pháp.

- Phối hợp với mặt trận chính, ở vùng sau lưng địch, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh.

- Thắng lợi trong đông-xuân 1953-1954 đã chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho quân và dân ta mở cuộc tiến công quyết định vào Điện Biên Phủ.

* Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)

Ám mưu của địch:

- Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn nằm ở phía tây rừng núi Tây – Bắc, gần biên giới với Lào, có vị trí chiến lược then chốt ở Đông Dương và cả ở Đông Nam Á nên quân Pháp cố nắm giữ.

- Na-va xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Tổng số binh lực ở đây có tới 16 200 quân, được bố trí thành ba phân khu: phân khu Bắc, phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Tổng cộng cả ba phân khu có 49 cứ điểm.

- Pháp và Mỹ đều coi Điện Biên Phủ là “một tập đoàn cứ điểm đáng sợ”, “một pháo đài bất khả xâm phạm”.

** Chủ trương của ta:*

- Đầu tháng 12/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp, quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Mục tiêu của chiến dịch là tiêu diệt lực lượng địch ở đây, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

- Đầu tháng 3/1954, công tác chuẩn bị mọi mặt đã hoàn tất. Ngày 13/3/1954, quân ta nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Diễn biến:

- Chiến dịch Điện Biên Phủ được chia thành ba đợt:

+ Đợt 1 (từ ngày 13 đến ngày 17/3/1954): quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 2 000 tên địch.

+ Đợt 2 (từ ngày 30/3 đến 26/4/1954): quân ta tiến công các căn cứ phía đông khu Trung tâm Mường Thanh như E1, D1, C1, A1,... Ta chiếm phần lớn các căn cứ của địch. Mỹ khẩn cấp viện trợ cho Pháp và đe dọa ném bom nguyên tử ở Điện Biên Phủ.

+ Đợt 3 (từ ngày 01/5 đến ngày 07/5/1954): quân ta tiến công phân khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam. Chiều ngày 07/5, quân ta đánh vào Sở chỉ huy địch. 17h30 phút ngày 07/5/1954, Tướng Đờ Ca-xơ-ri cùng toàn bộ Ban Tham mưu của địch đầu hàng và bị bắt sống.

- Các chiến trường toàn quốc đã phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện cho Điện Biên Phủ giành thắng lợi.

Kết quả:

- Cuộc tiến công chiến lược đông – xuân 1953-1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ toàn thắng, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 128 200 quân địch, thu 19 000 súng các loại, phá 162 máy bay, 81 đại bác, giải phóng nhiều vùng rộng lớn trong cả nước.

- Riêng tại Điện Biên Phủ, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16 200 quân địch, trong đó có 1 thiếu tướng, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

* Ý nghĩa:

- Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược đông – xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

c. *Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương*

* *Hội nghị Giơ-ne-vơ*

- Tháng 01/1954, Hội nghị Ngoại trưởng bốn nước Liên Xô, Mỹ, Anh và Pháp họp ở Béc-lin thỏa thuận về việc triệu tập một hội nghị quốc tế ở Giơ-ne-vơ để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hoà bình ở Đông Dương.

- Ngày 08/5/1954, Hội nghị Giơ-ne-vơ bắt đầu thảo luận về vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương.

- Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

* *Hiệp định Giơ-ne-vơ*

Nội dung Hiệp định Giơ-ne-vơ:

- Các nước dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia; cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước.

- Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

- Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân chuyển giao khu vực.

+ Ở Việt Nam, quân đội Việt Nam và quân đội viễn chinh Pháp tập kết ở hai miền Bắc – Nam, lấy vĩ tuyến 17 (dọc theo sông Bến Hải – Quảng Trị) làm giới tuyến quân sự tạm thời cùng với một khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến.

+ Ở Lào, lực lượng kháng chiến tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phong Xa Li.

+ Ở Cam-pu-chia, lực lượng kháng chiến phục viên tại chỗ, không có vùng tập kết.

- Hiệp định cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương. Các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương. Các nước Đông Dương không được tham gia bất cứ khối liên minh quân sự nào và không để cho nước khác dùng lãnh thổ của mình vào việc gây chiến tranh hoặc phục vụ cho mục đích xâm lược.

- Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ được tổ chức vào tháng 7/1956 dưới sự kiểm soát và giám sát của Ủy ban quốc tế (gồm Ấn Độ làm Chủ tịch, hai ủy viên là Ba Lan và Ca-na-đa).

- Trách nhiệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ thuộc về những người kí kết Hiệp định và những người kế tục họ.

** Ý nghĩa:*

- Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương và được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng.
- Nó đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, song chưa trọn vẹn vì mới giải phóng được miền Bắc. Cuộc đấu tranh cách mạng vẫn phải tiếp tục nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
- Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước. Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hóa chiến tranh xâm lược Đông Dương.

d. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

** Ý nghĩa lịch sử*

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, đồng thời chấm dứt ách thống trị thực dân Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta.
- Miền Bắc nước ta được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để nhân dân ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất tổ quốc.
- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.
- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc các nước châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh.
- Tuy vậy, miền Nam nước ta chưa được giải phóng, nhân dân ta còn phải tiếp tục cuộc đấu tranh gian khổ chống đế quốc Mỹ nhằm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

** Nguyên nhân thắng lợi*

- Nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự và đường lối kháng chiến, sáng tạo.
- Toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, dũng cảm trong chiến đấu, cần cù trong lao động sản xuất.
- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược trong điều kiện có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng, có lực lượng vũ trang ba thứ quân sớm được xây dựng và không ngừng lớn mạnh, có hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.
- Sự liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung. Sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và của các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN 2008

Câu hỏi: *Trình bày những thuận lợi cơ bản của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945. Nhiệm vụ củng cố chính quyền dân chủ nhân dân được thực hiện như thế nào trong năm 1946?*

(Đề thi ĐH khối C năm 2006).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. *Những thuận lợi cơ bản của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám:*

- Có chính quyền cách mạng của nhân dân.
- Nhân dân làm chủ vận mệnh của mình, phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm bảo vệ chế độ mới.
- Có sự lãnh đạo sáng suốt, dày dặn kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh.
- Phong trào cách mạng trên thế giới phát triển mạnh.

2. *Nhiệm vụ củng cố chính quyền dân chủ nhân dân là nhiệm vụ cấp bách trước mắt:*

- Ngày 6-1-1946, Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, thành lập Chính phủ chính thức do Hồ Chí Minh đứng đầu, lập Ban dự thảo Hiến pháp.
- Các địa điểm bầu cử Hội đồng nhân dân, thành lập Ủy ban hành chính các cấp, bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân bước đầu được củng cố, kiện toàn.
- Tháng 11-1946, kì họp thứ hai của Quốc hội thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Xây dựng Tòa án cách mạng và lực lượng vũ trang cách mạng (dân quân tự vệ, bộ đội tập trung, chuyển Vệ quốc quân thành Quân đội Quốc gia Việt Nam 5-1946...), Chính phủ ra một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng.

Kết luận: Thực hiện nhiệm vụ củng cố chính quyền, nâng cao uy tín nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế, khơi dậy và phát huy tinh thần làm chủ, ý chí sắt đá của khối đoàn kết toàn dân, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu hỏi: *Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thực hiện những chủ trương gì để Việt Nam với tư cách là một nước độc lập đón tiếp quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật?*

(Đề thi ĐH khối C năm 2005).

áp án và hướng dẫn trả lời:

- Tổ chức Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương (từ 13 đến 15-8-1945), quyết định Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật; tổ chức Đại hội quốc dân (từ 16 đến 17-8-1945) thông qua lệnh Tổng khởi nghĩa, quyết định quốc kì, quốc ca, bầu Ủy ban Dân tộc giải phóng (tức Chính phủ lâm thời sau này) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Việt Minh đã lãnh đạo nhân dân giành chính quyền thắng lợi trên toàn quốc chỉ trong 15 ngày (từ 14 đến 28-8-1945).
- Cải tổ Ủy ban Dân tộc giải phóng thành Chính phủ lâm thời.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập và ngày 2-9-1945, thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước toàn dân và thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Hỏi: Bằng những sự kiện lịch sử trong thời kì từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, anh (chị) hãy:

- Đâu 1: Giải thích vì sao nói rằng: Ngay sau khi thành lập, nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”? (2 điểm)*
- Đâu 2: Trình bày đối sách của Đảng và Chính phủ nhằm chống thù trong giặc ngoài để bảo vệ chính quyền, giữ gìn độc lập dân tộc. (4,5 điểm)*
- Đâu 3: Nêu ý nghĩa thời kì lịch sử này đối với tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. (1,5 điểm)*

áp án và hướng dẫn trả lời:

Đâu 1: Giải thích vì sao nói rằng: Ngay sau khi thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”

- Vì ngay sau khi ra đời, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đang đứng trước tình thế hết sức hiểm nghèo, đối đầu với những khó khăn trên nhiều mặt...

Những khó khăn

- Về quân sự - chính trị

+ Ở miền Bắc: 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch kéo vào Hà Nội và hầu hết các tỉnh từ vĩ tuyến 16 trở ra. Quân Tưởng cùng bọn tay sai nằm trong Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội (Việt cách), nuôi dưỡng ý đồ tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương, lật đổ chính quyền cách mạng, gây hàng loạt hoạt động quấy rối, phá hoại.

+ Ở miền Nam: Quân Anh vào giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam và dọn đường cho Pháp xâm lược trở lại Đông Dương. Ngoài 6 vạn quân Nhật, còn có bọn phản cách mạng như Đại Việt, Tơ-rốt-xkit... ra sức chống phá cách mạng.

Câu 2: Trình bày đối sách của Đảng và Chính phủ ta nhằm chống thù trong, giặc ngoài để bảo vệ chính quyền, giữ gìn độc lập dân tộc. (4,5 điểm)

a. Đối sách chung

Kẻ thù của nhân dân ta, tập trung ở 2 khu vực: Miền Bắc Tưởng (đứng sau là Mỹ) và tay sai; miền Nam: Anh, Pháp và tay sai.

Ta tập trung giải quyết hoà với Tưởng rồi hoà với Pháp.

b. Thời kì hoà hoãn với Tưởng để tập trung đánh Pháp ở miền Nam (9/1945-3/1946)

* Âm mưu và hoạt động của của Tưởng Giới Thạch và tay sai

- Âm mưu: Lật đổ chính phủ ta, chiếm miền Bắc

- Hoạt động chống phá cụ thể:

+ Dùng bọn Việt quốc, Việt cách để phá ta từ bên trong, đòi ta phải cải tổ chính phủ, gạt những người cộng sản ra khỏi Chính phủ, để cho chúng một số ghế trong Quốc hội (không qua bầu cử), đòi giải tán Đảng Cộng sản...

+ Gây rối an ninh trật tự, bắt cóc, ám sát một số thành viên Chính phủ, dùng bạo lực vũ trang ở một số nơi (Lào Cai, Lạng Sơn, Cao Bằng...) nhằm gây sức ép chính trị.

- Đối sách của Đảng và chính phủ

+ Chủ trương: Hoà với Tưởng, tránh xung đột vũ trang vì 3 lí do: Tưởng vào miền Bắc với danh nghĩa Đồng minh, Pháp đã gây chiến ở Nam Bộ; Đảng và Chính phủ đang đối đầu với nhiều khó khăn...

+ Biện pháp: Để cho chúng 4 ghế trong Chính phủ liên hiệp chính thức, 70 ghế trong Quốc hội, Đảng tuyên bố "tự giải tán"..., cung cấp lương thực, thực phẩm, nhận tiêu tiền "Quan kim", "Quốc tệ" mất giá của Tưởng; trừng trị đích đáng bọn tay sai của Tưởng khi có bằng chứng...

+ Kết quả: Tưởng Giới Thạch không phá nổi chính quyền cách mạng; ta có được một thời gian hoà hoãn nhất định để chống Pháp ở miền Nam và kiến thiết đất nước.

c. Thời kì hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng ra khỏi nước ta (6/3/1946-12/1946)

Vì sao ta hoà với Pháp? Vì đầu năm 1946 ta có quá nhiều khó khăn:

- Ở miền Bắc: 20 vạn quân Tưởng tiếp tục chiếm đóng, gây cho ta nhiều khó khăn về chính trị, kinh tế, tài chính... lại là chỗ dựa của bọn phản cách mạng; Pháp và Tưởng kí Hiệp ước Hoa – Pháp (28/2/1946).

- Ở miền Nam: Pháp mở rộng chiến tranh... Ngược lại, Pháp cũng gặp những bất lợi khiến cả ta và Pháp chọn giải pháp chính trị hoà hoãn.

- Đối sách của Đảng

+ Chủ trương: Hoà với Pháp để tránh đối đầu với nhiều kẻ thù cùng một lúc; mượn Pháp để đuổi 20 vạn quân Tưởng ra khỏi nước ta và tiếp tục khắc phục khó khăn về kinh tế, tài chính, văn hoá...

+ Biện pháp:

* Kí Hiệp định Sơ bộ (ngày 6/3/1946). Pháp công nhận ta là một nước tự do, ta đồng ý để Pháp ra miền Bắc thay quân Tưởng trong 5 năm.

* Kí Tam ước (14/9) khi Hội nghị Phông-ten-nơ-blô tan vỡ, để tranh thủ thêm thời gian hoà hoãn quý báu. Đây là nhân nhượng cuối cùng.

- Kết quả: Tránh nổ ra một cuộc chiến tranh quá sớm, không cân sức, tạo điều kiện để chuẩn bị lực lượng...

Câu hỏi: Tại sao Pháp và Tưởng kí với nhau Hiệp ước Hoa – Pháp ngày 28-2-1946? Đảng và Chính phủ ta thực hiện sách lược gì trước tình thế do Hiệp định đó đặt ra?

(Đề thi ĐH khối C năm 2003)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Sau khi chiếm đóng các đô thị ở Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, thực dân Pháp chuẩn bị tiến công ra Bắc để thôn tính cả nước ta. Để thực hiện mục đích đó, chắc chắn Pháp sẽ vấp phải lực lượng kháng chiến của quân dân Việt Nam và cả sự có mặt của quân Tưởng ở miền Bắc. Vì thế, Pháp dùng thủ đoạn điều đình với chính phủ Tưởng để ra Bắc thay thế quân Tưởng giải giáp quân Nhật. Trong khi đó, Tưởng thấy cần phải rút quân về nước, tập trung đối phó với phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo.

Tưởng và Pháp đã thỏa hiệp với nhau, kí kết bản Hiệp ước Hoa – Pháp ngày 28-2-1946. Theo đó, Pháp được đưa quân ra Bắc thay thế quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật. Đổi lại, Tưởng được Pháp trả lại một số quyền lợi trên đất Trung Quốc, được vận chuyển hàng hóa qua cảng Hải Phòng vào Hoa Nam không phải đóng thuế.

Hiệp ước Hoa – Pháp buộc nhân dân ta phải chọn một trong hai con đường, hoặc là cầm vũ khí chống lại thực dân Pháp khi chúng ra miền Bắc, hoặc là cùng hòa hoãn với Pháp để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc, tranh thủ thời gian hòa hoãn, xây dựng đất nước, chuẩn bị lực lượng để đối phó với cuộc chiến tranh của Pháp về sau.

2. Trước tình thế mà Hiệp ước đó đặt ra, Đảng và Chính phủ ta đã thực hiện sách lược hòa với Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với Xanh-tơ-ni (Sainteny), đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946. Theo đó, Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp; Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc thay quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm; hai bên thực hiện ngừng bắn, tạo không khí thuận lợi cho việc mở cuộc đàm phán chính thức.

Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 có ý nghĩa rất lớn. Nó đã đập tan âm mưu kết giữa Pháp và Tưởng, loại bỏ được kẻ thù nguy hiểm là quân Tưởng v tay sai, tránh được một cuộc chiến tranh chống nhiều kẻ thù khi lực lượn của ta còn yếu, tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấ sau này.

Sau Hiệp định Sơ bộ, ta tiếp tục đấu tranh ngoại giao, đàm phán chính thức với Pháp tại Phông-ten-nơ-blô, nhưng do Pháp ngoan cố, cuối cùng hệ nghị thất bại. Để tiếp tục kéo dài thời gian hòa hoãn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với Chính phủ Pháp bản Tam ước 14-9-1946, nhân nhượng thêm ch Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hóa ở Việt Nam.

Tranh thủ thời gian hòa hoãn, chúng ta đã củng cố và xây dựng lực lượng về mọi mặt (về chính trị, kinh tế, quân sự...). Pháp cố ý gây chiến tranh (khiêu khích, tăng quân, đánh chiếm Lạng Sơn, Hải Phòng, gây xung đột ở Hà Nội), gửi tối hậu thư ngày 18-12-1946 đòi Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng thực chất là Pháp bắt ta đầu hàng. Ta không thể nhân nhượng được nữa cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu (19-12-1946).

Câu hỏi: Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc giải quyết mối quan hệ Việt – Pháp bằng con đường hòa bình từ ngày 6-3-1946 đến trước ngày 19-12-1946?

(Đề thi ĐH khối C năm 2006)

- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời mong muốn được công nhận quyền tự do độc lập. Pháp âm mưu chia cắt và thôn tính Việt Nam một lần nữa.
- Pháp kí Hiệp ước với Tưởng (28-2-1946) đặt Việt Nam trước một cuộc chiến tranh với Pháp trên quy mô cả nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh khai thác mọi khả năng, chủ động đàm phán để đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, tiếp tục phát triển thực lực cách mạng mọi mặt làm cơ sở cho đấu tranh ngoại giao.
- Ngày 6-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ. Theo đó Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do có chính phủ nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp; Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng; hai bên ngừng bắn, tạo không khí thuận lợi cho việc mở cuộc đàm phán chính thức ở Pa-ri.
- Tiếp tục hòa hoãn, Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu cử đoàn đại biểu tham gia đàm phán Việt – Pháp tại Phông-ten-nơ-blô, do Pháp ngoan cố nên đàm phán thất bại. Quan hệ Việt – Pháp trở nên căng thẳng chiến tranh có thể xảy ra.

- Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang ở thăm nước Pháp, đàm phán và kí với đại diện Chính phủ Pháp Tam ước 14-9-1946, tiếp tục nhân nhượng Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hóa nhằm kéo dài thời gian hòa hoãn.

- Sau khi kí kết các Hiệp định và Tam ước nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi, thậm chí chấp nhận tham gia khối Liên hiệp Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ tiếp tục lãnh đạo nhân dân kiên trì đấu tranh, tích cực chuẩn bị lực lượng, để phòng tình thế bất đắc dĩ do Pháp gây ra.

Kiên trì giải quyết quan hệ Việt – Pháp bằng biện pháp đàm phán, thương lượng của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện thiện chí hòa bình của Chính phủ và nhân dân Việt Nam, đẩy nhanh quân Tưởng về nước và phá tan âm mưu Pháp cấu kết với Tưởng chống lại nhân dân ta, kéo dài thời gian hòa bình để củng cố xây dựng lực lượng chuẩn bị cho cuộc kháng chiến mà ta biết trước là không thể nào tránh khỏi.

Câu 3: Nêu ý nghĩa thời kì lịch sử này đối với tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. (1,5 điểm)

(Trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang – Năm 2002).

Thời kì 1945-1946 tuy ngắn ngủi nhưng có ý nghĩa cực kì quan trọng vì những thành quả đạt được rất to lớn.

a. Trên lĩnh vực xây dựng đất nước

- Những thành tựu đạt được trên lĩnh vực kinh tế làm nổi bật tính ưu việt của chính quyền cách mạng, đặt nền móng cho chế độ mới; góp phần tăng thêm sức mạnh cho nhà nước ta trong cuộc đấu tranh nhằm đánh bại âm mưu của Tưởng Giới Thạch

- Chỉ viện tích cực cho Nam Bộ

- Chuẩn bị thực lực cho nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc

b. Trên lĩnh vực bảo vệ chính quyền, giữ gìn độc lập dân tộc

- Đưa nhân dân ta vượt qua thử thách hiểm nghèo, loại trừ nguy cơ trở lại kiếp sống nô lệ để bước vào kỉ nguyên độc lập tự do.

- Để lại cho cách mạng Việt Nam nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

c. Trên trường quốc tế

Góp phần vào sự lớn mạnh và thế tiến công của 3 dòng thác cách mạng trên thế giới cũng như làm phong phú kho tàng lí luận về vấn đề giữ chính quyền đối với phong trào cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc

Câu hỏi: Tại sao Đảng và Chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp vào ngày 19/12/1946? Nêu ngắn gọn đường lối kháng chiến do Đảng ta đề ra trong những năm 1946 – 1947?

(Đề thi ĐH khối C năm 2008).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Chính phủ ta kiên trì giải quyết mối quan hệ Việt - Pháp bằng con đường hoà bình, thương lượng, thể hiện qua việc kí kết và nghiêm chỉnh thực hiện Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946).
- Với âm mưu xâm chiếm lâu dài đất nước ta, sau khi tăng quân đến Đông Dương, Pháp chiếm Hải Phòng, gây xung đột ở Hà Nội... Ngày 18/12/1946, chúng gửi tối hậu thư đòi ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng. Nếu yêu cầu đó không được chấp nhận thì Pháp sẽ tấn công ta vào sáng ngày 19/12/1946.
- Tình thế khẩn cấp buộc Đảng và Chính phủ ta phải có những quyết định kịp thời trước vận nước lâm nguy. Ngày 18 và 19/12/1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định phát động toàn quốc kháng chiến. Ngay trong đêm 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ ra lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến.
- Đường lối kháng chiến thể hiện trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (12/1946), Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/1946) và tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của đồng chí Trường Chinh (1946).

Đường lối kháng chiến: Toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh.

Câu hỏi: *Từ kiến thức lịch sử về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954), hãy:*

- + *Trình bày bối cảnh ra đời Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946).*
- + *Phân tích đường lối kháng chiến do Đảng ta xây dựng trong những năm đầu của cuộc kháng chiến. (3 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam – Năm 2002).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Bối cảnh ra đời Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến
 - + Sau Hiệp định Sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9, chấp hành chủ trương của Chính phủ, nhân dân ta kiên trì đấu tranh giữ vững hoà bình, tranh thủ thời gian để chuẩn bị lực lượng, đề phòng khả năng bất trắc phải kháng chiến chống Pháp lâu dài.
 - + Thực dân Pháp bội ước, chúng đã tăng cường các hành động khiêu khích, ngày 27/11/1946, Pháp chiếm đóng Hải Phòng. Tại Hà Nội, ngày 17/12/1946, chúng cho quân bắn đại bác và súng cối vào phố Hàng Bún, chiếm trụ sở Bộ Tài chính. Ngày 18/12/1946, chúng láo xược gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

+ Trước hành động ngang ngược của thực dân Pháp, nhân dân ta chỉ còn có một con đường là cầm vũ khí kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ độc lập, tự do.

+ Trong hoàn cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngay trong đêm 19/12/1946. Lời kêu gọi là tiếng gọi của non sông, là mệnh lệnh tiến công cách mạng, giục giã, soi đường cho nhân dân ta đứng lên đánh giặc cứu nước.

- Phân tích đường lối kháng chiến do Đảng ta xây dựng...

Đường lối kháng chiến của Đảng thể hiện trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh, *Chỉ thị toàn dân kháng chiến* của Ban Thường vụ Trung ương đảng và được giải thích cụ thể trong cuốn *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Trường Chinh. Đó là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

* Kháng chiến toàn dân: Nghĩa là mọi người dân đều tham gia đánh giặc, không phân biệt già trẻ, trai gái, thành phần dân tộc... Mỗi người Việt Nam là một chiến sĩ... Bởi lúc đầu ta yếu hơn địch về quân sự, kinh tế nhưng ta chiến đấu vì chính nghĩa, mọi người dân đều có tinh thần yêu nước, căm thù giặc, ai cũng một lòng kháng chiến. Vì vậy, cần phải huy động toàn dân. Một khi toàn dân tham gia kháng chiến thì thực dân Pháp đặt chân đến đâu cũng đều bị dân ta đánh và chính nhân dân là nguồn cung cấp sức người, sức của dồi dào cho cuộc kháng chiến.

* Kháng chiến toàn diện: Nghĩa là kháng chiến về mọi mặt: Kinh tế, chính trị, quân sự văn hoá xã hội và ngoại giao. Bởi vì, địch đánh ta không chỉ về quân sự mà còn đánh ta trên nhiều lĩnh vực khác, như: Phá hoại kinh tế, tìm cách làm cho ta suy yếu về chính trị, dụ dỗ, ru ngủ dân ta, nhất là thanh thiếu niên quên đi nỗi nhục mất nước bằng cách truyền bá văn minh đồi trụy, tìm cách cô lập nước ta với quốc tế. Mặt khác, ta vừa phải kháng chiến, vừa kiến quốc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân.

* Kháng chiến lâu dài: Sở dĩ như vậy là vì, trên thực tế vào lúc mở đầu chiến tranh, địch mạnh hơn ta rất nhiều về quân sự. Chúng có cả đội quân xâm lược nhà nghề, trang bị hiện đại, vũ khí tối tân lại có các đế quốc khác giúp đỡ. Âm mưu của chúng là đánh nhanh, thắng nhanh để kết thúc chiến tranh. Ngược lại, quân đội ta còn non trẻ, vũ khí thô sơ. Ta đánh lâu dài để vừa đánh vừa tiêu hao lực lượng địch, phát triển lực lượng của ta, đợi đến khi mạnh hơn địch mới đánh bại được chúng.

* Kháng chiến dựa vào sức mình là chính: Nghĩa là, lấy chính sức người sức của của bản thân và của toàn dân tộc để phục vụ kháng chiến nhằm phát huy tiềm năng vốn có của cả dân tộc; tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế nhưng không ỷ lại vào sự giúp đỡ đó.

“Lấy sức ta mà giải phóng cho ta” là quan điểm xuyên suốt trong tiến trình cách mạng của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo. Đây là con đường duy nhất đúng để phát huy tiềm năng vốn có của dân tộc: Truyền thống yêu nước, tự lực tự cường... Sức mạnh nội sinh một khi được khơi dậy thì sự giúp đỡ bên ngoài mới được phát huy. Hơn nữa, chỉ khi biết dựa vào chính mình thì mới không trông chờ, ỷ lại.

Bốn mặt trên đây của đường lối kháng chiến là một thể thống nhất có liên quan mật thiết với nhau, hỗ trợ cho nhau. Đường lối kháng chiến đúng đắn đó được tiếp tục bổ sung trong suốt quá trình của cuộc kháng chiến, đã có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc cách mạng

Câu hỏi: *Phân tích nội dung đường lối kháng chiến của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ (1946-1954). (2 điểm)*

(Trường Cao đẳng Văn thư lưu trữ Trung ương 1- Năm 2006)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

Đường lối kháng chiến của Đảng ta được trình bày cụ thể qua *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chủ tịch (19/12/1946), *Chỉ thị Toàn dân kháng chiến* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (22/12/1946) và trong tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh

- Toàn dân: Vì lợi ích của nhân dân, do nhân dân tiến hành. Phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc trong mặt trận thống nhất.

- Toàn diện: Ta phải đánh địch trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao nhằm phát huy sức mạnh toàn dân.

- Lâu dài: Buổi đầu ta yếu, địch mạnh. Để khắc phục nhược điểm đó, ta phải đánh lâu dài để làm thất bại âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của địch. Đánh lâu dài sẽ khắc phục được nhược điểm tạm thời của ta về vật chất, kĩ thuật để phát huy ưu thế của ta về chính trị, tinh thần.

- Dựa vào sức mình là chính: Do đánh lâu dài nên trước hết phải tự lực cánh sinh. Tự lực cánh sinh nhằm phát huy tối đa sức mạnh toàn dân tộc. Tuy vậy, ta cần tận dụng khả năng giúp đỡ từ bên ngoài.

Câu hỏi: *Trong hoàn cảnh nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong cả nước (19/12/1946)?(1,5 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương – Năm 2006).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Đảng, Chính phủ và nhân dân ta muốn hoà bình, xây dựng đất nước nên đã nhân nhượng kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (19/12/1946)... song thực dân Pháp bội ước, từng bước lấn tới xâm lược, tấn công ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn, chiếm một số cơ quan của ta ở Hà Nội, gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún, gửi tối hậu thư cho Chính phủ ta yêu cầu phải giải tán lực lượng tự vệ, đòi quyền kiểm soát ở thủ đô Hà Nội...

Trước tình hình này, nhân dân ta có 2 con đường để lựa chọn: hoặc là đầu hàng, chịu trở lại làm nô lệ; hoặc là toàn dân cầm vũ khí đánh đuổi thực dân Pháp, giữ vững độc lập. Thực dân Pháp đã buộc nhân dân ta phải đứng lên chiến đấu để bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ độc lập tự do của tổ quốc. Đảng, Chính phủ và Hồ Chí Minh đã quyết định phát động cả nước đứng lên kháng chiến...

Câu hỏi: *Vì sao cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (12/1946)? (2 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm TP Hồ Chí Minh – Năm 2006).

- Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (19/12/1946), chấp hành chủ trương của Chính phủ, nhân dân ta kiên trì đấu tranh để giữ vững hoà bình, xây dựng đất nước, đồng thời tích cực chuẩn bị lực lượng về mọi mặt. Ta quyết tâm đấu tranh giành cho được một nước Việt Nam độc lập, thống nhất.

- Thực dân Pháp tăng cường các hoạt động khiêu khích, từng bước lấn tới, quyết tâm đẩy mạnh việc chuẩn bị trở lại xâm lược nước ta lần nữa.

+ Gây hấn ở Hải Phòng - Lạng Sơn (11/1946).

+ Tại Hà Nội, gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún, chiếm trụ sở Bộ Tài chính (12/1946).

+ Ngày 18/12/1946, chúng gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta phải giải tán lực lượng tự vệ, đòi quyền kiểm soát ở thủ đô Hà Nội cho chúng.

- Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân ta chỉ có một con đường là cầm vũ khí kháng chiến để bảo vệ độc lập tự do.

+ Ngày 18, 19/12/1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định phát động toàn quốc kháng chiến.

+ Đêm 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Vào lúc 20 giờ, ngày 19/12/1946, công nhân Nhà máy Điện Yên Phụ phá máy, đó là hiệu lệnh chiến đấu trong toàn thành phố Hà Nội. Sáng 20/12/1946, Lời kêu gọi được truyền đi khắp cả nước.

Câu hỏi: *Trình bày tóm tắt các giai đoạn phát triển chủ yếu của cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược từ 1946 đến năm 1954. (5 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Sơn La – Năm 2002)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

Đây là câu hỏi tổng hợp về các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1946 đến năm 1954, đòi hỏi học sinh chọn lọc, sử dụng các sự kiện lịch sử chủ yếu để làm nổi bật các giai đoạn phát triển cơ bản nhất của cuộc kháng chiến. Yêu cầu thí sinh trình bày được các nội dung cơ bản sau:

- a. Khái quát một số sự kiện chủ yếu của cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc từ 23/9/1945 đến 19/12/1946.
- b. Từ kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19/12/1946) đến chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947.

+ Cuộc chiến đấu ở thủ đô Hà Nội và các đô thị đã làm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và giam chân một lực lượng lớn của chúng, tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến.

+ Chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947 đã đập tan chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của giặc Pháp, đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta sang thời kì mới.

- Âm mưu của Pháp:

+ Sau 2 tháng mở chiến dịch, ngày 19/12/1947, đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc, đánh dấu thất bại về chiến lược đầu tiên trong chiến tranh xâm lược Đông Dương của chúng.

+ Kết quả: Ta tiêu diệt 16000 tên địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến và ca nô, hàng trăm xe bị phá, thu nhiều vũ khí, tinh thần binh lính hoang mang, dư luận nhân dân Pháp phẫn nộ, căn cứ địa Việt Bắc của ta được giữ vững, bộ đội ta trưởng thành, ảnh hưởng của Chính phủ kháng chiến lên cao.

+ Ý nghĩa: là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của ta trong kháng chiến chống Pháp, đánh bại hoàn toàn âm mưu muốn nhanh chóng kết thúc chiến tranh của địch, từ đây, so sánh lực lượng giữa ta và địch bắt đầu thay đổi có lợi cho ta.

- c. Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947 đến trước chiến cuộc đông – xuân 1953-1954.

- Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947 đến chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

+ Âm mưu của thực dân Pháp...

+ Chủ trương của ta: xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng trên các mặt trận, đẩy mạnh chiến tranh du kích...

+ Tháng 6/1950, Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng một phần biên giới, củng cố, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc. Thắng lợi của chiến dịch Biên giới đánh dấu bước phát triển nhảy vọt về sức chiến đấu của quân ta, về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng. Từ đây, ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc bộ.

- Từ sau đến chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 đến đông – xuân 1953-1954

- Thắng lợi trên các mặt trận Bình Trị Thiên, Tây Nguyên...

- Chiến dịch Trần Hưng Đạo (12/1950), chiến dịch Hoàng Hoa Thám (4/1951), chiến dịch Quang Trung (6/1951).

- Tháng 10/1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc, tháng 4/1953, ta phối hợp với quân Pathét Lào mở chiến dịch Thượng Lào thắng lợi

- d. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953-1954, chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ. Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến. (phần này thí sinh có thể nêu diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ nhưng không tính điểm)

Câu hỏi: Dựa vào ba sự kiện quan trọng sau đây: chiến thắng Việt Bắc (1947), chiến thắng Biên giới (1950) và chiến thắng Điện Biên Phủ (1954), anh (chị) hãy làm sáng tỏ các bước phát triển của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

(Đề thi ĐH khối C năm 2004)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Chiến thắng Việt Bắc (1947)

- a. Sau khi quân ta rút ra khỏi các đô thị, thực dân Pháp, tuy đã kiểm soát được nhiều địa bàn quan trọng, nhưng vẫn chưa thực hiện được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh. Cuộc chiến tranh có nguy cơ kéo dài. Thu – đông 1947, thực dân Pháp tiến công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến và phần lớn bộ đội chủ lực của ta, từ đó thúc đẩy việc thành lập chính quyền bù nhìn và nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- b. Từ ngày 7 tháng 10 năm 1947, địch huy động 12.000 quân chia thành nhiều hướng (đường thủy, đường bộ, nhảy dù) tiến công lên Việt Bắc.

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng “phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”, sau 75 ngày chiến (từ ngày 7-10-1947 đến ngày 19-12-1947), chiến dịch Việt Bắc toàn thắng. Đại bộ phận quân địch đã rút khỏi địa bàn này. Trong chiến dịch, ta đã tiêu diệt một lực lượng lớn quân địch và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh (hơn 6000 tên bị loại khỏi vòng chiến đấu, 16 máy bay bị bắn rơi, 11 tàu chiến, canon bị đánh chìm...).

- c. Với chiến thắng Việt Bắc, cơ quan đầu não kháng chiến của ta được bảo vệ an toàn.

Quân đội ta không những bị tiêu diệt mà đã trưởng thành và được trang bị thêm nhiều vũ khí. Sau chiến thắng, so sánh lực lượng giữa ta và địch bắt đầu thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ta.

Với chiến thắng Việt Bắc, quân dân ta đã đánh bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

2. Chiến thắng Biên giới (1950)

- a. Qua mấy năm kháng chiến, quân dân ta đã thu được nhiều thắng lợi to lớn trên tất cả các mặt trận. Từ cuối năm 1949 đến giữa năm 1950, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến quan trọng có lợi cho cuộc kháng chiến của ta. Để tranh thủ những điều kiện thuận lợi, phá thế bị bao vây bên trong và bên ngoài, đưa cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn phát triển mới, Trung ương Đảng chủ trương mở chiến dịch Biên giới nhằm khai thông biên giới Việt – Trung để mở rộng đường liên lạc với các nước xã hội chủ nghĩa, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

- b. Đây là chiến dịch lớn nhất của quân dân ta kể từ ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Gần 3 vạn bộ đội và hơn 12 vạn dân công tham gia chiến dịch.

Sau hơn 1 tháng chiến đấu (từ ngày 16-9-1950 đến ngày 22-10-1950), chiến dịch Biên giới đã giành được thắng lợi to lớn, diệt và bắt sống 8.300 tên địch, thu hàng ngàn tấn vũ khí, giải phóng tuyến biên giới dài 750 km với 35 vạn dân.

- c. Trong chiến dịch Biên giới, lần đầu tiên nhiều đơn vị bộ đội phối hợp tác chiến, đánh địch trên một chiến trường rộng, diệt gọn nhiều tiểu đoàn tinh nhuệ của địch.

Tuyến biên giới Việt – Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập được khai thông, “Hành lang Đông – Tây” của địch bị chọc thủng, thế bao vây của địch cả trong và ngoài đối với căn cứ địa Việt Bắc bị phá vỡ. Từ đó, cách mạng Việt Nam có điều kiện mở rộng liên lạc với quốc tế.

Với chiến thắng Biên giới, ta đã giành được quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ). Từ đó về sau, quân dân ta mở nhiều chiến dịch tiến công, đánh tiêu diệt địch với quy mô ngày càng lớn.

3. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954)

- a. Sau 8 năm chiến đấu, ta đã lớn mạnh về mọi mặt và có đủ điều kiện đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Ngược lại, Pháp đang sa lầy trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Cuộc chiến tranh lâu dài, tốn kém đã làm cho thực dân Pháp gặp nhiều khó khăn và ngày càng phụ thuộc vào

Mỹ. Trước tình hình đó, được sự thỏa thuận của Mỹ, Pháp đã đề ra kế hoạch Na-va với hi vọng “chuyển bại thành thắng” trong vòng 18 tháng.

Pháp xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một pháo đài “bất khả xâm phạm”, sẵn sàng “nghiên nát” bộ đội chủ lực của ta. Điện Biên Phủ trở thành tâm điểm của kế hoạch Na-va.

- b. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân ta khẩn trương vào chiến dịch với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”. Hầu hết các đại đoàn bộ đội chủ lực và hơn 26 vạn dân công đã được huy động cho chiến dịch.

Điện Biên Phủ là một chiến dịch tiến công địch liên tục gồm 3 đợt:

- Đợt 1 (từ ngày 13 đến ngày 17-3-1954): ta tiêu diệt cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu phía Bắc.
- Đợt 2 (từ ngày 30 tháng 3 đến ngày ngày 26-4-1954): ta tấn công các cứ điểm phía đông của phân khu Trung tâm, khép chặt vòng vây quanh khu trung tâm Mường Thanh.
- Đợt 3 (từ ngày 1 đến ngày 7-5-1954): ta đánh chiếm các cao điểm còn lại ở phía đông và tổng công kích vào khu Trung tâm. Bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm bị bắt, gần 1 vạn quân địch ra hàng.

- c. Sau 56 ngày đêm chiến đấu, ta đã giành được thắng lợi to lớn: tiêu diệt và bắt sống toàn bộ lực lượng địch ở tập đoàn cứ điểm gồm 16.200 tên, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan kế hoạch Na-va, nỗ lực cuối cùng của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa của thế kỉ XX.

Thắng lợi quân sự quyết định ở Điện Biên Phủ đã đưa phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến Hội nghị Giơ-ne-vơ với tư thế đại biểu cho một dân tộc thống nhất. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, các nước tham dự đã cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Chiến thắng Điện Biên Phủ cùng với Hiệp định Giơ-ne-vơ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương. Cách mạng Việt Nam bước sang thời kì mới, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, làm hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Câu hỏi: *Nêu diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. (4,5 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương – Năm 2004).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

* *Diễn biến*

- Điện Biên Phủ là điểm trung tâm của kế hoạch Na-va, là tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương của Pháp dưới sự giúp sức của Mỹ.
- Phân tích khoa học, khách quan diễn biến tình hình, Đảng, Chính phủ và Hồ Chí Minh hạ quyết tâm đánh Điện Biên Phủ, chấp nhận xem đây là điểm quyết chiến chiến lược.
- Để phục vụ chiến dịch, cả nước tập trung sức người, sức của cho chiến trường. Hàng chục vạn dân công cùng với hơn 10 triệu ngày công đã được huy động. Bộ đội ta kéo pháo vào trận địa...
- Chiến dịch diễn ra bằng 3 đợt: Đợt 1: (từ ngày 13 đến 17/3), ta tiến công Him Lam và các cứ điểm phía Bắc; đợt 2 (từ 30/3 đến 26/4) tiến công các cứ điểm phía đông (A1, D1, C1, C2...) và đào giao thông hào khép chặt vòng vây; đợt 3 (từ 1 đến 7/5), tiến công vào sở chỉ huy địch và các cứ điểm còn lại.

+ Kết quả

- 17 giờ 30 ngày 7/5/1954, toàn bộ quân địch còn lại bị bắt sống. Lá cờ cách mạng được cắm trên nóc hầm tướng Đờ Ca-xtơ-ri, báo hiệu chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.
- Ta tiêu diệt và bắt sống 16200 tên, trong đó có nhiều tướng tá, sỹ quan, hạ sỹ quan, bắn rơi 62 máy bay, đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

* *Ý nghĩa*

- Là kết quả và đỉnh cao của cuộc kháng chiến chống Pháp, góp phần quyết định vào việc kí Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam và Đông Dương.
- Thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng tuyệt vời của quân và dân ta, đi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa của thế kỷ XX.
- Có ảnh hưởng to lớn đến cách mạng thế giới.

Câu hỏi: *Anh (chị) hãy trình bày diễn biến chính của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ vào xuân – hè 1954. Ý nghĩa của chiến thắng này với việc kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954). (3 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh – Năm 2004)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

Thí sinh cần làm rõ những nội dung sau:

1. *Trình bày diễn biến chính của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ vào xuân - hè 1954*
 - a. Âm mưu của địch: Trong quá trình thực hiện, thực dân Pháp triển khai kế hoạch Na-va, cho xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh một "pháo đài không thể công phá" nhằm thu hút và tiêu diệt lực lượng chủ lực của ta, hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường...

- Chủ trương của ta: Đảng ta xác định chọn Điện Biên Phủ thành điểm quyết chiến chiến lược, quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm này, qua đó làm thất bại hoàn toàn kế hoạch Na-va. Vì vậy, đã tập trung sức người, sức của cho chiến dịch với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng".

b. Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ được chia làm 3 đợt:

- Đợt 1: (từ ngày 13 đến 17/3), ta tiến công Him Lam và các cứ điểm phía Bắc diệt 2000 tên, phá huỷ 26 máy bay.

- Đợt 2: (từ 30/3 đến 26/4) tiến công các cứ điểm phía đông (A1, D1, C1, C2...) và đào giao thông hào khép chặt vòng vây.

- Đợt 3: (từ 1 đến 7/5), tiến công vào Sở chỉ huy địch và các cứ điểm còn lại, bắt sống toàn bộ Ban tham mưu tập đoàn cứ điểm và lực lượng địch, kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ.

- Kết quả

Qua 56 ngày đêm chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt toàn bộ quân địch tại tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ gồm 16200 quân, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn có tầm chiến lược quan trọng, phá tan kế hoạch Na-va của Pháp và can thiệp Mỹ.

c. Ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ với việc kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954)

Thí sinh cần làm rõ những ý sau:

- Trong cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp giành độc lập dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ta luôn kết hợp giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, trong đó coi những thắng lợi quân sự là cơ sở, nền tảng của đấu tranh ngoại giao để củng cố những thắng lợi quân sự. Trên cơ sở thắng lợi quân sự góp phần hỗ trợ cho thắng lợi ngoại giao.

- Chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng có ý nghĩa chiến lược bởi đã đánh bại ý chí xâm lược của thực dân Pháp, buộc chúng phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954).

- Chiến thắng Điện Biên Phủ đã tạo thực lực và có ý nghĩa quyết định trực tiếp tới việc kí Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954) về Đông Dương.

âu hỏi: *Tại sao ta quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ? Tóm tắt diễn biến của chiến dịch đó. (4 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội – Năm 2007).

áp án và hướng dẫn trả lời:

a. Tại sao ta quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ?

- Trong khi kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản, Pháp được sự giúp đỡ của Mỹ đã tập trung xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh, chấp nhận cuộc quyết chiến chiến lược tại đây, sẵn sàng nghiền nát bộ đội chủ lực của ta.

- Pháp xây dựng ở Điện Biên Phủ hệ thống phòng ngự gồm 49 cứ điểm, chia làm 3 phân khu, tập trung 16200 quân...
- Đầu tháng 12/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp thông qua kế hoạch tác chiến và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Thuận lợi và quyết tâm của ta: Quân đội ta trưởng thành, hậu phương được củng cố vững chắc. Toàn quân và toàn dân ta gấp rút chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ như: mở đường, vận chuyển trang thiết bị, vật chất.

2. Diễn biến, kết quả

- Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ được chia làm 3 đợt:
 - + Đợt 1: (từ ngày 13 đến 17/3), ta tiến công Him Lam và các cứ điểm phía Bắc diệt 2000 tên, phá huỷ 26 máy bay.
 - + Đợt 2 (từ 30/3 đến 26/4) tiến công các cứ điểm phía đông của phân khu Trung tâm (A1, D1, C1, C2...) và đào giao thông Hoà khép chặt vòng vây phân khu Trung tâm, địch lâm vào tình trạng nguy khốn..
 - + Đợt 3 (từ 1 đến 7/5), ta tiến công tiêu diệt khu Trung tâm Mường Thanh 17 giờ 30 phút, tướng Đờ Catxtori và toàn bộ Ban tham mưu tập đoàn cứ điểm và lực lượng địch, kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ.
- *Kết quả*

Qua 56 ngày đêm chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt toàn bộ quân địch tại tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ gồm 16200 quân, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn có tầm chiến lược quan trọng, phá tan kế hoạch Na-va của Pháp và can thiệp Mỹ.

Câu hỏi: Hoàn cảnh kí kết, nội dung và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương ngày 21-7-1954?

(Đề thi ĐH khối C năm 2006)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Hoàn cảnh kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ

- Lập trường trước sau như một của ta sẵn sàng thương lượng để giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
- Đến cuối năm 1953 đầu năm 1954, do thất bại nặng nề trên chiến trường và gặp nhiều khó khăn, Pháp mới thay đổi thái độ, chấp nhận đàm phán với ta.
- Tháng 1 – 1954, Hội nghị ngoại trưởng các nước Liên Xô, Anh, Mỹ, Pháp thỏa thuận mở Hội nghị tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) để giải quyết tình hình bán đảo Triều Tiên, lập lại hòa bình ở Đông Dương.
- Ngày 26-4-1954, giữa lúc đang chuẩn bị mở tấn công đợt 3 ở Điện Biên Phủ Hội nghị Giơ-ne-vơ khai mạc. Ngày 8-5-1954, Hội nghị bàn về Đông Dương phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu tham gia Hội nghị. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

2. Nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, không ai can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước đó.
- Ngưng bắn và chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình. Ở Việt Nam lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời chuyển quân tập kết... Các nước Đông Dương không tham gia bất cứ liên minh quân sự nào và các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương.
- Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất đất nước bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7-1956.
- Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí kết và những người kế tiếp nhiệm vụ của họ.

3. Ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơ-ne-vơ

- Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
- Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ kết thúc cuộc kháng chiến, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp có Mỹ giúp sức ở Đông Dương.
- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, đi lên chủ nghĩa xã hội, làm hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam.

Đầu hỏi: *Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương được kí trong hoàn cảnh nào? Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định này. (4 điểm)*

(Trường Cao đẳng Văn hoá TP. Hồ Chí Minh – Năm 2004).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Bối cảnh lịch sử đưa đến việc kí kết Hiệp định:
 - + Từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ lập trường trước sau như một của nhân dân ta là sẵn sàng thương lượng để giải quyết hoà bình vấn đề Việt Nam trên cơ sở độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nhưng thực dân Pháp vẫn ngoan cố tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược.
 - + Đến cuối năm 1953 đầu 1954, do bị thất bại nặng nề và gặp nhiều khó khăn, thực dân Pháp mới chịu thay đổi thái độ. Tháng 1/1954, Hội nghị ngoại trưởng 4 nước (Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp) tại Béc-lin đã thoả thuận triệu tập Hội nghị quốc tế tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hoà bình ở Đông Dương.

+ Ngày 26/4/1954, trong lúc quân ta chuẩn bị mở đợt tấn công thứ 3 để quyết định số phận quân Pháp ở Điện Biên Phủ thì Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc. Ngày 8/5/1954, phái đoàn chính phủ ta do Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn bước vào bàn Hội nghị với tư thế đại biểu cho một dân tộc chiến thắng.

- Nội dung cơ bản của Hiệp định:

Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

+ Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam Lào và Cam-pu-chia; không can thiệp vào công việc nội bộ của 3 nước.

+ Để chấm dứt chiến tranh và lập lại hoà bình ở Việt Nam, 2 bên cùng thực hiện ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực; lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời cùng với một khu quân sự ở 2 bên giới tuyến; cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương; các nước Đông Dương không được gia nhập những khối liên minh quân sự và không được để các nước khác dùng lãnh thổ của mình để gây chiến tranh hoặc phục vụ mục đích xâm lược.

+ Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, dự kiến sẽ tổ chức vào tháng 7/1956 dưới sự kiểm soát của 1 Ủy ban quốc tế do Ấn Độ làm chủ tịch.

+ Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí hiệp định và những người kế tục nhiệm vụ của họ.

- Ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơ-ne-vơ

+ Hiệp định Giơ-ne-vơ cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ đã chấm dứt chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp có Mỹ giúp sức ở Đông Dương Pháp phải rút hết quân viễn chinh về nước.

+ Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu hỏi: *Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có ý nghĩa như thế nào? (2 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn – Năm 2002)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

Trong 9 năm tiến hành chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp được Mỹ ra sức giúp đỡ đã tung vào chiến trường Đông Dương mọi lực lượng và phương tiện chiến tranh có thể huy động được. Ở vào thời điểm huy động lớn nhất (3/1954), thực dân Pháp đã sử dụng 191 tiểu đoàn, 550 máy bay, 26 tiểu đoàn pháp binh, 10 trung đoàn xe tăng và xe bọc thép, 390 tàu chiến và càn nô, tiêu phí gần 300 tỉ phrăng (tương đương 7 tỉ đôla).

Song cuộc chiến tranh xâm lược của chúng đã bị cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Việt Nam đánh bại.

- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta thắng lợi đã buộc thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương. Âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương của đế quốc Pháp - Mỹ bị thất bại hoàn toàn.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã bảo vệ và phát triển những thành quả của Cách mạng tháng Tám, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ; đồng thời tạo điều kiện hoàn thành triệt để cách mạng ruộng đất, xoá bỏ vĩnh viễn chế độ bóc lột của giai cấp phong kiến.

- Tiếp theo cách mạng tháng Tám, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi là một đòn giáng mạnh mẽ vào hệ thống thực dân, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ; đồng thời đập tan âm mưu của đế quốc Mỹ muốn thay chân Pháp nô dịch nhân dân các nước trên bán đảo Đông Dương; ngăn chặn sự phát triển của phong trào cách mạng ở Đông Nam Á. Thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới mà trước hết là ở châu Á, châu Phi, góp phần thu hẹp trận địa của chủ nghĩa đế quốc. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ, xã hội chủ nghĩa trên thế giới”.

- Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp làm sáng tỏ một chân lí: Trong điều kiện thế giới hiện nay, một dân tộc đất không rộng, người không đông, nếu quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do, có đường lối chính trị và quan sự đúng đắn, được sự ủng hộ của quốc tế thì hoàn toàn có khả năng đánh bại một thế lực đế quốc hung bạo

IV. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN CỦA LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954-1965)

1. Tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương

- Ngày 10/10/1954, quân ta tiếp quản Hà Nội.

- Ngày 01/01/1955, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Thủ Đô.

- Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà ngày 16/5/1955. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

- Ngay sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ liền thay chân Pháp và đưa tay sai, đứng đầu là Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự ở Đông Dương và Đông Nam Á.

- Nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước chưa hoàn thành, nhân dân ta vừa phải hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

b. *Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo sản xuất (1954-1960)*

* *Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954-1960)*

- *Hoàn thành cải cách ruộng đất:*

+ Trong 2 năm (1954-1956) miền Bắc tiến hành tiếp 6 đợt giảm tô và 4 đợt cải cách ruộng đất ở 3 314 xã thuộc 22 tỉnh đồng bằng và trung du.

+ Kết quả: đã tịch thu 81 vạn héc-ta ruộng đất, 10 vạn trâu bò và 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ đem chia cho 2 triệu hộ nông dân. Khẩu hiệu “người cày có ruộng” đã trở thành hiện thực.

+ *Hạn chế:*

Chúng ta phạm một số sai lầm như đấu tố tràn lan, thô bạo, đấu tố cả những địa chủ kháng chiến, những người thuộc tầng lớp trên có công với cách mạng, quy nhảm một số nông dân, cán bộ, đảng viên thành địa chủ.

Công tác sửa sai tiến hành trong cả năm 1957.

+ Sau cải cách ruộng đất, bộ mặt nông thôn miền Bắc có nhiều thay đổi, khối liên minh được công – nông củng cố.

- *Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh:*

+ Công cuộc khôi phục kinh tế được toàn dân tích cực hưởng ứng và triển khai trên tất cả các mặt.

+ Nông nghiệp: Khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, tăng thêm đoàn trâu bò sắm thêm nông cụ. Nhiều đập nước được sửa chữa. Nhiều công trình thủy lợi mới được xây dựng.

+ Công nghiệp: Khôi phục và mở rộng hầu hết các nhà máy, xí nghiệp bị phá hỏng, xây dựng thêm một số nhà máy mới. Đến cuối năm 1957, miền Bắc có thêm 97 nhà máy, xí nghiệp lớn do nhà nước quản lý.

+ Thủ công nghiệp, thương nghiệp: bảo đảm cung cấp nhiều mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân. Đến cuối năm 1957, miền Bắc đã đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

+ Giao thông vận tải: đã khôi phục 700 km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn ki-lô-mét đường ô-tô. Xây dựng lại và mở rộng thêm nhiều bến cảng như Hải Phòng, Hòn Gai, Cẩm Phả, Bến Thủy. Đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

+ Văn hóa, giáo dục: được đẩy mạnh. Một số trường đại học được thành lập. Xóa mù chữ cho hơn 1 triệu người.

+ Y tế: hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được Nhà nước quan tâm xây dựng. Nếp sống lành mạnh, giữ gìn vệ sinh được vận động thực hiện ở khắp mọi nơi.

+ Đảng và Nhà nước còn có nhiều chủ trương biện pháp để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất và quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới.

** Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội (1958-1960)*

- Trong ba năm (1958-1960), miền Bắc tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh, khâu chính là hợp tác hóa nông nghiệp.

- Đối với tư sản dân tộc, Đảng và Nhà nước chủ trương cải tạo bằng phương pháp hoà bình. Đến cuối năm 1960, có hơn 95% số hộ tư sản vào công ti hợp doanh.

- Nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là phát triển thành phần kinh tế quốc doanh. Đến năm 1960, có 172 xí nghiệp lớn do Trung ương quản lý và trên 500 xí nghiệp do địa phương quản lý.

- Văn hóa, giáo dục, y tế phát triển. Năm 1960, số học sinh tăng 80% so với năm 1957, số sinh viên tăng gấp đôi so với năm 1957. Các cơ sở y tế năm 1960 tăng 11 lần so với năm 1955.

c. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới "Đồng khởi" (1954-1960)

** Đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954-1960)*

- Cách mạng miền Nam từ giữa năm 1954 chuyển từ đấu tranh vũ trang chống Pháp sang đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, bảo vệ hòa bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

- Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước, đòi quyền tự do, dân sinh, dân chủ, chống khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch

“tổ cộng, diệt cộng”, chống trò hề “trung cầu dân ý”, “bầu cử Quốc hội” của Ngô Đình Diệm.

- Phong trào đã lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia, hình thành mặt trận chống Mỹ - Diệm. Phong trào từ đấu tranh chính trị, hòa bình chuyển sang dùng bạo lực, tiến hành đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

** Phong trào “Đồng khởi” (1959-1960)*

- Hoàn cảnh lịch sử:

+ Trong những năm 1957-1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn, tổn thất.

+ Tháng 5/1957, Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật. Với Luật 10-59 (đề ra tháng 5/1959) máy chém đã lê khắp miền Nam, giết hại hàng vạn cán bộ, đảng viên; hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đày.

+ Tháng 01/1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Hội nghị nhấn mạnh: Ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác. Phương hướng của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang đánh đổ ách thống trị của Mỹ - Diệm.

- Diễn biến:

+ Phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương như cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh – Bình Định, ở Bắc Ái – Ninh Thuận (02/1959), ở Trà Bồng – Quảng Ngãi (8/1959), lan ra khỏi miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu là cuộc “Đồng khởi” ở Bến Tre.

+ Ngày 17/01/1960, cuộc “Đồng khởi” nổ ra ở ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày (Bến Tre), rồi nhanh chóng lan ra toàn huyện Mỏ Cày và các huyện Giồng Trôm, Thạnh Phú, Ba Tri, Châu Thành, Bình Đại.

+ Quần chúng nổi dậy giải tán chính quyền địch, thành lập Ủy ban nhân dân tự quản, thành lập lực lượng vũ trang, tịch thu ruộng đất của địa chủ, cường hào chia cho dân cày nghèo.

- Kết quả:

Phong trào đồng khởi lan ra các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở vùng Trung Trung Bộ. Tính đến cuối năm 1960, ta làm chủ 600/1298 xã ở Nam Bộ, 904/3829 thôn ở đồng bằng ven biển Trung Bộ, 3200/5721 thôn ở Tây Nguyên.

- Ý nghĩa:

+ Phong trào Đồng khởi giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

+ Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

+ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20/12/1960) do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch. Mặt trận chủ trương đoàn kết toàn dân, đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền Ngô Đình Diệm, thành lập chính quyền cách mạng dưới hình thức những Ủy ban nhân dân tự quản.

d. *Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961-1965)*

* *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)*

- Đại hội họp từ ngày 5 đến ngày 10/9/1960 tại Hà Nội, đã đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền; chỉ rõ vị trí, vai trò của cách mạng từng miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền:

+ Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc có vai trò quyết định đối với sự phát triển của cách mạng.

+ Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

+ Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết, gắn bó, tác động lẫn nhau.

- Đại hội khẳng định đưa miền Bắc tiến lên nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

- Đại hội thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

- Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bầu Bộ Chính trị. Hồ Chí Minh đã được bầu làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn được bầu Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

* *Miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất*

- Nhiệm vụ: ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động, củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự và an ninh xã hội.

- Thành tựu:

+ Công nghiệp được ưu tiên đầu tư xây dựng. Giá trị sản lượng ngành công nghiệp nặng năm 1965 tăng 3 lần so với năm 1960.

+ Nông nghiệp, các địa phương thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác sản xuất nông nghiệp bậc cao. Nông dân áp dụng khoa học – kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Hệ thống thủy nông phát triển. Nhiều hợp tác xã đạt và vượt năng suất 5 tấn thóc trên 1 héc-ta gieo trồng.

+ Thương nghiệp quốc doanh chiếm lĩnh được thị trường, góp phần vào phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

+ Giao thông đường bộ, đường sắt, đường liên tỉnh, liên huyện, đường sông, đường hàng không được củng cố.

+ Hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển nhanh.

+ Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe được đầu tư phát triển, khoảng 6000 cơ sở y tế được xây dựng.

** Miền Bắc chỉ viện cho miền Nam*

- Trong 5 năm (1961 – 1965), một khối lượng lớn vũ khí, đạn được chuyển vào chiến trường.

- Nhiều cán bộ bộ, chiến sĩ trong các lĩnh vực quân sự, chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế được huấn luyện và đưa vào chiến trường tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu và xây dựng vùng giải phóng.

- Ngày 07/02/1965, Mỹ chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc. Miền Bắc phải chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện chiến tranh.

e. *Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1961-1965)*

** Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam*

Từ cuối năm 1960, hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai độc tài Ngô Đình Diệm bị thất bại, đế quốc Mỹ phải chuyển sang thực hiện chiến lược Chiến tranh đặc biệt.

- *Âm mưu:*

Chiến tranh đặc biệt là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống “cố vấn” Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Âm mưu cơ bản của chiến lược Chiến tranh đặc biệt là “dùng người Việt đánh người Việt”.

- *Thủ đoạn:*

+ Mỹ đề ra “Kế hoạch Xta-lây Tay-lo” mà nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

+ Tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm.

+ Đưa vào miền Nam nhiều cố vấn quân sự, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.

+ Tiến hành đồn dân lập “ấp chiến lược”.

+ Trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại, sử dụng phổ biến các chiến thuật mới như “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.

- Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam (MACV) được thành lập để trực tiếp chỉ đạo quân đội Sài Gòn.
- Quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.
- Tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương miền Bắc cho chiến trường miền Nam.

** Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ*

- Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc Giải phóng do Đảng lãnh đạo, quân dân miền Nam kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng và đô thị), tiến công địch bằng cả ba mũi (chính trị, quân sự, binh vận).
- Trong những năm 1961-1962, quân giải phóng đã đẩy lùi nhiều cuộc tiến công của địch, tiêu diệt nhiều đồn bốt lẻ của chúng.
- Cuộc chiến tranh chống và phá "ấp chiến lược" diễn ra gay go, quyết liệt giữa ta và địch, có hàng chục triệu lượt người tham gia phá "ấp chiến lược" đi đôi với xây dựng làng chiến đấu.
- Trên mặt trận quân sự, quân dân ta giành thắng lợi mở đầu vang dội trong trận Ấp Bắc (Mỹ Tho) ngày 02/01/1963, đánh bại cuộc hành quân càn quét của hơn 2000 lính Sài Gòn có cố vấn Mỹ chỉ huy, được pháo binh, máy bay, xe tăng, xe bọc thép yểm trợ.
- Phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân trong các đô thị, ở cả những đô thị lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng,... nổi bật là cuộc đấu tranh của "đội quân tóc dài", của các tín đồ Phật giáo chống lại chính quyền Diệm.
- Sau khi lên làm Tổng thống, Giôn-xon quyết định đẩy mạnh hơn nữa Chiến tranh đặc biệt. Kế hoạch Giôn-xon Mắc Na-ma-ra thay thế kế hoạch Xta-lây Tay-lo, nhằm bình định miền Nam có trọng điểm trong 2 năm (1964-1965).
- Đông – xuân 1964-1965, quân dân ta mở chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ với trận càn mở màn đánh vào ấp Bình Giã (02/12/1964) giành thắng lợi lớn: Loại khỏi vòng chiến trên 1700 tên địch, phá hủy hàng chục máy bay và xe bọc thép, đánh bại các chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận".
- Quân ta giành thắng lợi ở An Lão (Bình Định), Ba Giã (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hòa), làm phá sản hoàn toàn chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

2. Hai miền đất nước trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược. Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965-1973)

a. Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam (1965-1968)

* Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam

Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ chuyển sang “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại ở miền Bắc.

- Âm mưu

“Chiến tranh cục bộ” bắt đầu từ giữa năm 1965, là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân Mỹ, quân một số nước đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn. Quân số lúc cao nhất (vào năm 1969) lên đến gần 1,5 triệu tên, trong đó quân Mỹ chiếm hơn nửa triệu.

- Thủ đoạn:

+ Dựa vào ưu thế quân sự với quân số đông, vũ khí hiện đại, quân Mỹ vừa mới vào miền Nam đã mở ngay cuộc hành quân “tìm diệt” vào căn cứ của quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi).

+ Tiếp đó, Mỹ mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (đông – xuân 1965-1966 và 1966-1967) bằng hàng loạt cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào vùng “Đất thánh Việt cộng”.

* Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ

- Thắng lợi ở Vạn Tường:

+ Mờ sáng ngày 18/8/1965, Mỹ huy động 9 000 quân, 105 xe tăng và xe bọc thép, 100 máy bay lên thẳng và 70 máy bay phản lực chiến đấu, 6 tàu chiến, mở cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường nhằm tiêu diệt một đơn vị chủ lực của ta.

+ Sau một ngày chiến đấu, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên địch, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay.

+ Vạn Tường được coi là “Áp Bắc” đối với quân Mỹ, mở đầu cao trào “tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt” trên khắp miền Nam.

- Mùa khô thứ nhất (đông – xuân 1965-1966)

+ Với 72 vạn quân (trong đó có 22 vạn quân Mỹ và đồng minh), địch mở phản công với 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn nhằm vào hai hướng chiến lược chính là Đông Nam Bộ và Liên khu V với mục tiêu đánh bại chủ lực quân giải phóng.

+ Ta loại khỏi vòng chiến đấu 104 000 quân địch (trong đó có 42 000 quân Mỹ và đồng minh), bắn rơi 1430 máy bay.

- *Mùa khô thứ hai* (đông – xuân 1966-1967):

+ Với lực lượng hơn 98 vạn quân (trong đó quân Mỹ và đồng minh chiếm hơn 44 vạn). Mỹ mở cuộc phản công với 895 cuộc hành quân, trong đó có ba cuộc hành quân lớn “tìm diệt”, “bình định”. Lớn nhất là cuộc hành quân Gian-xon Xi-ti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

+ Ta loại khỏi vòng chiến đấu 151 000 (trong đó có 68 000 quân Mỹ và 5 500 quân đồng minh), bắn rơi 1231 máy bay.

+ Ở hầu khắp các vùng nông thôn, quần chúng được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang đã đứng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng “ấp chiến lược”.

+ Trong các thành thị, các tầng lớp nhân dân đấu tranh đòi Mỹ rút về nước, đòi tự do, dân chủ.

+ Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968*

- *Hoàn cảnh lịch sử:*

Bước vào mùa xuân 1968, nhận định từ so sánh lực lượng đã thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô, đồng thời lợi dụng mâu thuẫn ở Mỹ trong năm bầu cử của tổng thống (1968), ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là các đô thị, nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mỹ, quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài Gòn, giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mỹ phải đàm phán và rút quân về nước.

- *Diễn biến:*

+ Mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu hết khắp các đô thị miền Nam trong đêm 30 rạng sáng 31/01/1968 (đêm giao thừa Tết Mậu Thân).

+ Diễn ra ba đợt: từ ngày 30/01 đến ngày 25/02; tháng 5 và tháng 6; tháng 8 và tháng 9.

+ Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công các vị trí đầu não của địch như tòa Đại sứ Mỹ, Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Biệt khu Thủ đô, Tổng Nha Cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất. Trong đợt 1, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 147 000 tên địch, trong đó có 43 000 lính Mỹ, phá một khối lớn vật chất và phương tiện chiến tranh.

+ Tổ chức Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình ở Sài Gòn, Huế và toàn miền Nam, đại diện cho các tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc tiến bộ ở các thành thị được thành lập.

+ Trong đợt 2 và đợt 3, lực lượng của chúng ta gặp không ít khó khăn và tổn thất vì địch còn đông, cơ sở ở thành thị mạnh.

- *Ý nghĩa:*

+ Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh (tức là thừa nhận sự thất bại của “Chiến tranh cục bộ”), chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đến đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

+ Mở bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

b. *Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, vừa sản xuất và làm nhiệm vụ hậu phương (1965-1968)*

* *Mỹ tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc*

- Ngày 05/8/1964, sau khi dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, Mỹ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi ở miền Bắc như cửa sông Gianh (Quảng Bình), Vinh – Bến Thủy (Nghệ An), Lạch Trường (Thanh Hóa), thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh).

- Ngày 07/02/1965, Mỹ cho máy bay ném bom bắn phá thị xã Đồng Hới, đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị)... chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).

- Mục tiêu chiến tranh phá hoại: Mỹ âm mưu phá tiềm lực kinh tế quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam; uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mỹ của nhân dân hai miền đất nước.

* *Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương*

- *Miền Bắc vừa sản xuất vừa chiến đấu:*

+ Miền Bắc đã kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, thực hiện quân sự hóa toàn dân, đào đắp công sự chiến đấu, hầm hào phòng tránh, triệt để sơ tán, phân tán những nơi đông dân để tránh thiệt hại về người và của.

+ Các lực lượng phòng không, không quân, hải quân với vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại, của cả lực lượng tự vệ, dân quân và toàn dân với vũ khí thông thường.

+ Trong chiến đấu và sản xuất, trên miền Bắc dấy lên phong trào thi đua chống Mỹ cứu nước.

Nông nghiệp: Diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên, nhiều hợp tác xã, nhiều địa phương đạt “ba mục tiêu”.

Công nghiệp: Năng lực sản xuất ở một số ngành được giữ vững, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của chiến đấu, sản xuất và đời sống. Công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng đều phát triển.

Giao thông vận tải: một trong những trọng điểm bắn phá của địch, được bảo đảm thường xuyên thông suốt.

- *Miền Bắc chi viện cho miền Nam:*

+ Vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc phấn đấu “mỗi người làm việc bằng hai”. Vì tiền tuyến kêu gọi, hậu phương sẵn sàng đáp lại “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.

+ Đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển (bắt đầu khai thông từ tháng 5/1959) dài hàng nghìn ki-lô-mét, đã nối liền hậu phương với tiền tuyến.

+ Trong 4 năm (1965-1968), miền Bắc đã đưa hơn 30 vạn cán bộ, bộ đội vào Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hóa tại các vùng giải phóng và gửi vào Nam hàng chục vạn tấn vũ khí, thuốc men và nhiều vật dụng khác.

Tính chung sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào miền Nam trong 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kì trước.

c. *Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hoá chiến tranh” của Mỹ*

* *Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ*

Sau thất bại của Chiến tranh cục bộ, Mỹ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện “Đông Dương hoá chiến tranh”.

- *Âm mưu:*

+ Việt Nam hóa chiến tranh được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần Mỹ và vẫn do Mỹ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn. Thực chất là tiếp tục thực hiện âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”.

- *Thủ đoạn:*

+ Quân đội Sài Gòn được Mỹ sử dụng như lực lượng xung kích ở Đông Dương trong các cuộc hành quân, mở rộng xâm lược Cam-pu-chia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971), thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

+ Mỹ còn dùng thủ đoạn ngoại giao xảo quyệt, như lợi dụng mâu thuẫn Trung – Xô thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước đó đối với nhân dân ta.

* *Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ*

- *Trên mặt trận chính trị*

+ Ngày 06/6/1969, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập. Đó là Chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam.

Vừa ra đời, Chính phủ Cách mạng lâm thời đã được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

+ Ngày 02/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, đó là tổn thất vô cùng to lớn đối với dân tộc ta, đối với cách mạng nước ta.

+ Ngày 24 và 25/4/1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia họp. Hội nghị đã biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mỹ.

+ Ở khắp các thành thị, phong trào của các tầng lớp nhân dân nổ ra liên tục. Đặc biệt là ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, phong trào học sinh, sinh viên phát triển.

+ Khắp các vùng nông thôn đều có phong trào của quần chúng nổi dậy chống “bình định”, phá “ấp chiến lược” của địch. Đến đầu năm 1971, cách mạng giành quyền làm chủ thêm 3 600 ấp với 3 triệu dân. Chính quyền cách mạng cũng đã cấp cho nông dân trên 1,6 triệu héc-ta ruộng đất.

- *Trên mặt trận quân sự:*

+ Từ ngày 30/4 đến ngày 30/6/1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Cam-pu-chia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn quân Mỹ và quân Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17 000 tên địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn với 4,5 triệu dân.

+ Từ ngày 12/02 đến ngày 23/3/1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã đập tan cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn – 719” của 4,5 vạn quân Mỹ và quân Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 22 000 tên địch, đuổi hết quân Mỹ và quân Sài Gòn khỏi Đường 9 – Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

* *Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972*

- Ngày 30/3/1972, quân ta mở cuộc Tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng khắp chiến trường miền Nam, kéo dài suốt năm 1972.

- Kết quả: đến cuối tháng 06/1972, quân ta đã chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn quân Sài Gòn, giải phóng những vùng đất đai rộng lớn và đông dân.

- Ý nghĩa: Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh”).

d. Miền Bắc khắc phục và phát triển kinh tế - xã hội, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ và làm nghĩa vụ hậu phương (1969-1973)

** Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội*

- Nông nghiệp: Chính phủ đề ra một số chủ trương khuyến khích sản xuất. Chăn nuôi được đưa lên thành ngành chính. Các hợp tác xã tích cực áp dụng tiến bộ khoa học – kĩ thuật với nhiều biện pháp thâm canh, tăng vụ,... Nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn thóc trên 1 héc-ta, một số đạt từ 6 đến 7 tấn. Sản lượng lương thực năm 1970 tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968.

- Công nghiệp: nhiều cơ sở công nghiệp trung ương và địa phương bị tàn phá được khôi phục nhanh chóng. Nhà máy thủy điện Thác Bà phát điện từ tháng 10/1971. Một số ngành công nghiệp quan trọng như điện, than, cơ khí, vật liệu xây dựng... đều có bước phát triển. Giá trị sản lượng công nghiệp năm 1971 tăng 142% so với năm 1968.

- Giao thông vận tải: nhất là các tuyến giao thông chiến lược, bị phá hoại nặng nề được khẩn trương khôi phục.

- Văn hóa, giáo dục, y tế cũng nhanh chóng được phục hồi và phát triển.

Một số khó khăn do sai lầm, khuyết điểm của ta trong chỉ đạo, quản lí kinh tế - xã hội bước đầu được khắc phục.

** Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương*

- Ngày 06/4/1972, Mỹ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi thuộc Khu IV cũ.

- Ngày 16/4/1972, Ních-xon tuyên bố chính thức tiến hành cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai).

- Ngày 09/5/1972, tuyên bố phong tỏa cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

- Nhờ được chuẩn bị trước và với tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu, miền Bắc đã chủ động, kịp thời chống trả địch ngay từ trận đầu.

- Ngày 14/12/1972, Ních-xon phê chuẩn kế hoạch mở rộng cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm liên tục, bắt đầu từ tối 18 đến hết ngày 29/12/1972, nhằm giành một thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta kí một hiệp định có lợi cho Mỹ.

- *Kết quả:*

+ Quân dân ta ở miền Bắc đập tan cuộc tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ. Thắng lợi này được coi như trận “Điện Biên Phủ trên không”.

+ Quân dân ta đã bắn rơi 81 máy bay (trong đó có 34 máy bay B52 và 5 máy bay F111), bắt sống 43 phi công.

- Trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, miền Bắc đã bắn rơi 735 máy bay Mỹ (trong đó có 61 máy bay B52, 10 máy bay F111), bắn chìm 125 tàu chiến, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm phi công Mỹ.

- “Điện Biên Phủ trên không” là trận thắng quyết định của ta, đã buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc (15/01/1973) và kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27/01/1973).

- Cả trong chiến tranh phá hoại, miền Bắc vẫn đảm bảo tiếp nhận hàng viện trợ từ bên ngoài, chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam và cho cả chiến trường Lào, Cam-pu-chia.

- Ngày 31/3/1968, Giôn-xon tuyên bố ngừng ném bom phá hoại miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và bắt đầu nói đến thương lượng với Việt Nam.

- Ngày 13/5/1968, cuộc thương lượng chính thức diễn ra tại Pa-ri giữa hai bên đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đại diện Chính phủ Hoa Kỳ.

- Từ ngày 25/01/1969, Hội nghị giữa bốn bên là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (sau đó là Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam), Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa (Chính quyền Sài Gòn).

- Lập trường của phái Việt Nam là đòi rút hết quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ khỏi miền Nam, đòi họ tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

- Lập trường của phía Mỹ thì ngược lại nhất là vấn đề rút quân. Mỹ đòi quân đội miền Bắc cũng phải rút khỏi miền Nam và từ chối kí dự thảo Hiệp định đã được hai bên thỏa thuận (10/1972) để rồi mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội – Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 với ý đồ buộc phía Việt Nam kí dự thảo Hiệp định do Mỹ đưa ra.

- Quân ta đã làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri do Việt Nam đưa ra trước đó.

- Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí chính thức ngày 27/01/1973 tại Pa-ri giữa 4 ngoại trưởng.

** Nội dung Hiệp định:*

+ Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

+ Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào lúc 24 giờ ngày 27/01/1973 và Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.

+ Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

+ Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có can thiệp của nước ngoài.

+ Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị (lực lượng cách mạng, lực lượng hòa bình trung lập và lực lượng chế độ Sài Gòn).

+ Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

+ Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với Việt Nam.

- *Ý nghĩa:*

+ Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (được Hội nghị 12 nước họp ngày 02/3/1973 tại Pa-ri công nhận về mặt pháp lý quốc tế) là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, là kết quả cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước.

+ Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

+ Với Hiệp định Pa-ri, Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước.

+ Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

1. *Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975)*

1. *Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam*

* *Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội*

- Sau Hiệp định Pa-ri năm 1973, miền Bắc trở lại hoà bình, vừa tiến hành khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, vừa tiếp tục chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

- Đến cuối tháng 06/1973, miền Bắc căn bản hoàn thành việc tháo gỡ thủy lôi, bom mìn do Mỹ thả trên biển, trên sông, đảm bảo đi lại bình thường.

- Sau hai năm (1973-1974) về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thủy nông, mạng lưới giao thông, công trình văn hóa, giáo dục, y tế. Kinh tế có bước phát triển.

- Đến cuối năm 1974, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mặt quan trọng đã đạt và vượt mức năm 1964 và năm 1971 (là hai năm đạt mức cao nhất trong 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc). Đời sống nhân dân được ổn định.

** Miền Bắc chi viện cho miền Nam:*

- Trong hai năm 1973-1974, miền Bắc đưa vào chiến trường miền Nam, Campuchia, Lào gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, nhân viên kĩ thuật.

- Đợt xuất trong 2 tháng đầu tiên năm 1975, miền Bắc gấp rút đưa vào miền Nam 57 000 bộ đội (trong tổng số 108 000 bộ đội của kế hoạch động viên năm 1975).

- Về vật chất – kĩ thuật, miền Bắc đã có những nỗ lực phi thường, đảm bảo đầy đủ và kịp thời nhu cầu to lớn và cấp bách của cuộc Tổng tiến công chiến lược.

b. Miền Nam đấu tranh chống địch “bình định – lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn

- Ngày 29/3/1973, toàn lính Mỹ cuối cùng rút khỏi nước ta. Mỹ vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự, lập ra Bộ Chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

- Được cố vấn Mỹ chỉ huy, chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri. Chúng tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, liên tiếp mở những cuộc hành quân “bình định – lấn chiếm” vùng giải phóng của ta. Thực chất là hành động tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Ních-xon.

- Việc kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và việc quân đội xâm lược Mỹ rút khỏi nước ta đã tạo nên sự thay đổi trong so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng, có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam chống âm mưu, hành động mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

- Trong cuộc đấu tranh chống “bình định – lấn chiếm”, chống âm mưu “tràn ngập lãnh thổ” của chúng vào những tháng đầu sau khi Hiệp định, quân dân ta đã đạt được một số kết quả nhất định. Nhưng do không đánh giá hết âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, do quá nhấn mạnh đến hoà bình, hào hiệp dân tộc,... nên tại một số địa bàn quan trọng, chúng ta bị mất đất, mất dân.

- Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối năm 1973 quân dân ta ở miền Nam không những đã kiên quyết đánh trả địch, bảo vệ vùng giải phóng, mà còn chủ động mở những cuộc tiến công địch tại những căn cứ xuất phát các cuộc hành quân của chúng, mở rộng vùng giải phóng.

- Cuối năm 1974 – đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự vào hướng Nam Bộ, trọng tâm là đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch đánh Đường 14 – Phước Long.

Trong chiến dịch ngày (từ ngày 12/12/1974 đến ngày 06/01/1975), ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 3 000 tên địch, giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long với 50 000 dân.

- Chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh và đưa quân đến hòng chiếm lại, nhưng đã thất bại. Mỹ chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực từ xa đe dọa.

- Phối hợp với đấu tranh quân sự, nhân dân ta ở miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao nhằm tố cáo hành động của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định, phá hoại hòa bình, hòa hợp dân tộc; nêu cao tính chất chính nghĩa cuộc chiến đấu của nhân dân ta, đòi lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, thực hiện các quyền tự do dân chủ.

- Tại các vùng giải phóng, đồng thời với cuộc đấu tranh bảo vệ quê hương, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, tăng nguồn dự trữ chiến lược cho cuộc chiến đấu giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Các ngành sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, các mặt hoạt động văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế cũng được đẩy mạnh.

c. *Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc*

* *Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam*

- Cuối năm 1974 – đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975-1976.

- Những Bộ Chính trị nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ” và chỉ rõ “nếu thời cơ đến vào đầu năm hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”. Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa,... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

* *Cuộc tiến công và nổi dậy Xuân 1975*

- *Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 04/3 đến ngày 24/3/1975)*

- + Tây nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, cả ta và địch đều cố nắm giữ. Nhưng do nhận định sai hướng tiến công của quan ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng sơ hở. Căn cứ vào đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975.

- + Thực hiện kế hoạch, ta tập trung chủ lực mạnh với vũ khí kĩ thuật hiện đại, mở chiến dịch với quy mô lớn ở Tây Nguyên.

- + Trận then chốt mở màn ở Buôn Ma Thuột ngày 10/3/1975 đã giành thắng lợi (trước đó, ngày 04/3 quân ta đánh nghi binh ở Plây-cu và Kon Tum nhằm thu hút quân địch vào hướng đó).

+ Ngày 12/3/1975, địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột, nhưng không thành.

+ Sau hai đòn đau ở Buôn Ma Thuột (ngày 10 và 12/3), hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, quân địch mất tinh thần, hàng ngũ chúng rối loạn.

+ Ngày 14/3/1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải miền Trung. Trên đường rút chạy, chúng bị quân ta truy kích tiêu diệt.

+ Đến ngày 24/3/1975, Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân hoàn toàn được giải phóng.

+ Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công tiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

- *Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ ngày 21/3 đến ngày 29/3/1975)*

+ Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh, hết sức thuận lợi ngay khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn. Bộ Chính trị có quyết định kịp thời kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, trước hết tiến hành chiến dịch giải phóng Huế- Đà Nẵng.

+ Phát hiện địch co cụm ở Huế, ngày 21/3, quân ta đánh thẳng vào căn cứ địch, chặn các đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vây chúng trong thành phố.

+ Đúng 10 giờ 30 phút ngày 25/3, quân ta tiến vào cố đô Huế, đến hôm sau (26/3) thì giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên.

+ Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai ở miền Nam, căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mỹ và quân đội Sài Gòn rơi vào thế cô lập. Hơn 10 vạn địch bị dồn về đây trở nên hỗn loạn, mất hết khả năng chiến đấu.

+ Sáng 29/3, quân ta từ ba phía bắc, tây, nam tiến thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chiều thì chiếm toàn bộ Đà Nẵng.

+ Từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 4, nhân dân các tỉnh còn lại ở ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh ở Nam Bộ, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương và quân chủ lực, đã nổi dậy đánh địch giành quyền làm chủ. Các đảo, biển miền Trung cũng lần lượt được giải phóng.

* *Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26/4 đến 30/4/1975)*

- Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhận định: "Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam", từ đó đi đến quyết định: "Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng 5/1975)". Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được Bộ Chính trị quyết định mang tên "Chiến dịch Hồ Chí Minh".

- Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn, quân ta tiến công Xuân Lộc và Phan Rang – những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía đông.

- 17 giờ ngày 26/4, quân ta được lệnh nổ súng mở đầu chiến dịch, 5 cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch để tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

- 10 giờ 45 phút ngày 30/4, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn. Dương Văn Minh vừa lên giữ chức Tổng thống ngày 28/4, đã phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc lập, đánh dấu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

- Đến ngày 02/5, Châu Đốc là tỉnh cuối cùng được giải phóng.

d. *Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1945-1975)*

** Ý nghĩa lịch sử*

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

- Mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của nhân dân ta đã tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng trong quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

** Nguyên nhân thắng lợi*

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ; đường lối tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam là đúng đắn, sáng tạo với phương pháp đấu tranh linh hoạt, kết hợp đấu tranh quân sự - chính trị - ngoại giao.

- Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

- Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.
- Nhờ có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương; sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác; phong trào nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ.

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN 2008

Câu hỏi: Bằng những sự kiện lịch sử, hãy chứng minh phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

(Đề thi ĐH khối C năm 2006).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Mỹ xâm lược miền Nam Việt Nam, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Thực hiện chính sách “tố cộng”, “diệt cộng”, Luật 10-59, “cải cách điền địa”, lập “khu dinh điền”, “khu trù mật”, Mỹ – Diệm đã kìm kẹp, bóc lột và đàn áp khốc liệt, phong trào cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề.

Cách mạng miền Nam chuyển từ cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp sang đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm để củng cố hòa bình, giữ gìn lực lượng các mạng. Phong trào đấu tranh của quần chúng chống “tố cộng”, “diệt cộng”, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hòa bình, dân chủ..., đã đi từ đấu tranh chính trị đến kết hợp với đấu tranh vũ trang tự vệ.

2. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang.

- Phong trào “Đồng khởi” rộng lớn, tiêu biểu là khởi nghĩa Trà Bồng và nổi dậy ở Bến Tre. Đến năm 1960, ở hàng trăm xã, thôn, chính quyền địch tan rã, chính quyền cách mạng được hình thành.

- Phong trào “Đồng khởi” đã đưa tới sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960), thành lập Trung ương Cục miền Nam, Quân Giải phóng miền Nam. “Đồng khởi” đã làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm và giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ.

- Như vậy, cách mạng miền Nam đã từ đấu tranh chính trị giữ gìn lực lượng tiến dần lên đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa giành chính quyền làm chủ, phát triển chiến tranh cách mạng.

Hỏi: *Những thắng lợi to lớn của quân dân miền Nam trong cuộc đấu tranh chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ từ năm 1961 đến năm 1965.*

(Đề thi ĐH khối C năm 2005).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Sau thắng lợi của phong trào Đồng khởi, cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công.
- Từ năm 1961, Mỹ triển khai chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam. Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam do Đảng lãnh đạo, Quân Giải phóng miền Nam cùng với nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chống Mỹ và tay sai, kết hợp đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược, tiến công địch bằng cả ba mũi: chính trị, quân sự và binh vận.
- Năm 1962, quân dân miền Nam đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch vào chiến khu D, các căn cứ U Minh, Tây Ninh...
- Ngày 2-1-1963, quân dân miền Nam giành thắng lợi vang dội trong trận Ấp Bắc, đánh bại cuộc hành quân càn quét quy mô lớn của Mỹ - ngụy.

Chiến thắng Ấp Bắc chứng minh khả năng quân dân miền Nam có thể đánh bại hoàn toàn “Chiến tranh đặc biệt”. Ngay sau đó, trên khắp miền Nam dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”...

Cũng trong năm 1963, phong trào đấu tranh chính trị diễn ra mạnh mẽ, nhất là phong trào Phật giáo ở các đô thị lớn như Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, làm rung chuyển chế độ ngụy. Ngày 1-11-1963, Mỹ giật dây làm đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Phong trào tiếp tục dâng cao ở các đô thị lớn chống chính quyền Nguyễn Khánh, làm rối loạn thêm hậu phương của địch.

- Cuộc đấu tranh chống phá bình định diễn ra dai dẳng, quyết liệt. Trong năm 1964 và đầu năm 1965, từng mảng lớn “ấp chiến lược” do Mỹ - ngụy lập nên bị phá vỡ, nhiều ấp chiến lược của địch sau đó trở thành làng chiến đấu của ta. Vùng giải phóng ngày càng mở rộng, trở thành hậu phương vững chắc của cách mạng.
- Từ cuối năm 1964 đến giữa năm 1965, Quân giải phóng mở chiến dịch tiến công và giành thắng lợi to lớn ở Bình Giả, Ba Gia, An Lão, Đồng Xoài...

Những thắng lợi to lớn của quân dân miền Nam đã làm cho chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ đứng trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn.

Câu hỏi: *Âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965). Quân và dân miền Nam đã chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ như thế nào? (3 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam – Năm 2002).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

(Nội dung câu này thuộc bài 13, SGK Lịch sử lớp 12, tập 2, Nxb Giáo dục, 2001, tr.37).

** Âm mưu, thủ đoạn:*

Để đối phó với tình hình cách mạng đang lên ở Việt Nam và trên thế giới, Tổng thống Ken-nơ-đi đề ra chiến lược toàn cầu “phản ứng linh hoạt”. Miền Nam Việt Nam được Mỹ chọn làm nơi thí điểm tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

- “Chiến tranh đặc biệt” là hình thức chiến tranh xâm lược của Mỹ, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ nhằm chống lại phong trào cách mạng của nhân dân ta.

- Để thực hiện âm mưu đó, Mỹ đề ra kế hoạch Xta-lây – Tay-lo nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng bằng các biện pháp: Bắt lính, tiến hành càn quét đồn dân, lập ấp chiến lược, tăng viện trợ quân sự, cố vấn quân sự, ... sau đó, được bổ sung bằng kế hoạch Giôn-xon - Mác Na-ma-ra, bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng 2 năm.

** Cuộc chiến đấu của quân và dân miền Nam*

- Đáp ứng yêu cầu cách mạng, ngày 15/2/1961, các lực lượng vũ trang cách mạng đã thống nhất thành Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã phát triển rộng rãi và có cơ sở khắp các địa phương.

- Dưới ngọn cờ đoàn kết của Mặt trận Dân tộc Giải phóng do Đảng lãnh đạo quân và dân miền Nam đã đẩy mạnh đấu tranh chống Mỹ và tay sai, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả 3 vùng chiến lược, tiến công địch bằng 3 mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận.

- Trên mặt trận quân sự:

+ Ngày 2/1/1963, quân ta giành thắng lợi vang dội trong trận Ấp Bắc (Mỹ Tho)... làm phá sản bước đầu chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận” của địch...

+ Tiếp theo, trong đông – xuân 1964-1965, quân dân miền Đông Nam Bộ đã mở cuộc tấn công vào Bình Giả (2/12/1964). Với chiến thắng Bình Giả, quân và dân miền Nam đã làm phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

- Trên mặt trận chống bình định, từ cuối năm 1964 đến 1965, ta đã phá từng mảng lớn hệ thống ấp chiến lược.

- Phong trào đấu tranh chính trị lên cao ở khắp các đô thị và nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Đặc biệt là Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng. Ở Huế, phong trào của Phật tử phát triển mạnh và lan nhanh khắp các vùng. Tại Sài Gòn, ngày 11/6/1963, Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối Diệm. Ngày 16/6/1963, một cuộc biểu tình lớn của 70 vạn đồng bào Sài Gòn làm rung chuyển chế độ ngụy; ngày 1/11/1963, xảy ra vụ ám sát Diệm – Nhu...

Đến đầu năm 1965, trước sự thất bại của “Chiến tranh đặc biệt” buộc Mỹ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Câu hỏi: Diễn biến và ý nghĩa lịch sử cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân chúng miền Nam Tết Mậu Thân (1968).

(Đề thi ĐH khối C năm 2002).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. *Diễn biến:*

Sau hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967, tương quan lực lượng trên chiến trường miền Nam thay đổi có lợi cho ta, đồng thời lợi dụng năm bầu cử tổng thống Mỹ (1968), ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, chủ yếu vào các đô thị, nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân Mỹ, đánh sập ngụy quân, ngụy quyền và buộc Mỹ phải đàm phán, rút quân về nước.

Quân ta đã tập kích chiến lược vào hầu hết các đô thị trong đêm 30 rạng ngày 31-1-1968 (giao thừa Tết Mậu Thân). Qua ba đợt (đợt 1 trong tháng 1 và tháng 2, đợt 2 trong tháng 5 và tháng 6, đợt 3 trong tháng 8 và tháng 9 năm 1968), ta đã tiến công và nổi dậy ở 37 trong số 44 thị xã, 5 trên 6 thành phố, hàng trăm thị trấn, quận lỵ và nhiều vùng nông thôn, ở Sài Gòn, ta đã đánh thắng vào nhiều vị trí trung tâm đầu não của đối phương.

Trong đợt thứ nhất, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 150.000 tên địch (trong đó có 43.000 tên Mỹ), phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Nhưng do lực lượng địch vẫn còn đông, cơ sở của chúng ở thành thị còn mạnh nên chúng đã nhanh chóng phản công ở cả thành thị và nông thôn.

2. Ý nghĩa:

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) đã mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, đã đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh ở miền Nam, ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (8-1968) và trên toàn bộ miền Bắc (11-1968).
- Cùng với thắng lợi của quân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) đã buộc Mỹ phải đàm phán với ta ở Pa-ri (5-1968) để bàn việc chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

Câu hỏi: Hoàn cảnh lịch sử dẫn đến việc kí kết Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định đó.

(Đề thi ĐH khối C năm 2002)

Đáp án và hướng dẫn trả lời

1. Hoàn cảnh:

- Bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc, Mỹ buộc phải đàm phán với ta ở Hội nghị Pa-ri từ 13-5-1968 để bàn về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Đến 25-1-1969, bắt đầu Hội nghị bốn bên (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hoa Kỳ, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Việt Nam Cộng hòa).
- Hội nghị Pa-ri diễn ra trong bối cảnh Mỹ liên tiếp thất bại trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đặc biệt là trong cuộc tiến công chiến lược của ta mùa hè 1972. Ta cũng đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại trở lại của Mỹ ở miền Bắc. Phong trào đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mỹ tiếp tục diễn ra trên thế giới và cả ở Mỹ.
- Tháng 10 – 1972, khi nước Mỹ chuẩn bị bước vào cuộc bầu cử tổng thống, bản dự thảo Hiệp định Pa-ri được hoàn tất và hai bên đã thỏa thuận ngày kí chính thức. Mỹ trở mặt, gây sức ép buộc ta phải nhân nhượng bằng cách mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 vào Hà Nội và Hải Phòng cuối năm 1972. Nhưng chúng đã bị đánh bại, buộc phải kí Hiệp định Pa-ri.

2. Nội dung cơ bản của Hiệp định Pa-ri:

- Mỹ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- Mỹ phải rút hết quân Mỹ và quân của các nước thân Mỹ, phá hết các căn cứ quân sự, cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Các bên đề cho nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai của mình thông qua Tổng tuyển cử tự do.
- Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.
- Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

3. Ý nghĩa của Hiệp định:

Hiệp định Pa-ri đã ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, Mỹ và các nước khác không được dính líu quân sự hoặc can thiệp vào nội bộ của Việt Nam.

Hiệp định Pa-ri mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Quân Mỹ và quân đội nước ngoài phải rút toàn bộ ra khỏi miền Nam, tạo điều kiện để tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Hỏi: Quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được ghi nhận như thế nào trong Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Hiệp định Giơ-ne-vơ (21-7-1954) và Hiệp định Pa-ri (27-1-1973)? Khái quát quá trình đấu tranh của nhân dân ta để từng bước giành các quyền dân tộc cơ bản sau mỗi hiệp định trên.

(Đề thi ĐH khối C năm 2007).

Đáp án và hướng dẫn trả lời

- Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ là quyền dân tộc cơ bản của mỗi quốc gia dân tộc. Trong Tuyên ngôn Độc lập (2-9-1945), Hồ Chí Minh khẳng định Việt Nam đã là một quốc gia tự do, độc lập và toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

- Trước những khó khăn của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám, nhất là âm mưu thôn tính của thực dân Pháp, để đẩy nhanh quân đội Trung Hoa Quốc dân Đảng về nước, ngăn chặn một cuộc chiến tranh quá sớm và tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng cho một cuộc kháng chiến lâu dài, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946). Theo đó, Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

Như vậy, Hiệp định này mới chỉ công nhận tính thống nhất (là một quốc gia) nhưng chưa công nhận nền độc lập. Việt Nam còn bị ràng buộc vào nước Pháp.

- Hiệp định trên không được thực dân Pháp tôn trọng. Họ lập ra Chính phủ Nam Kỳ tự trị, âm mưu tách Nam Kỳ khỏi Việt Nam (phá vỡ sự thống nhất nước Việt Nam mà họ đã công nhận). Mặt khác, họ tiếp tục bám giữ chính quyền thực dân, nuôi hi vọng giành thắng lợi bằng quân sự, xóa bỏ nền độc lập mà nhân dân ta mới giành được.

- Nhân dân Việt Nam tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh, giành thắng lợi trong các chiến dịch Việt Bắc 1947, Biên giới 1950..., kết thúc bằng cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, đưa đến việc kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.

- Với Hiệp định Giơ-ne-vơ (21-7-1954), thực dân Pháp buộc phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Nếu như trong Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Pháp chỉ mới thừa nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, thì đến Hiệp định Giơ-ne-vơ, lần đầu tiên một hiệp định quốc tế với sự tham gia của các nước lớn, phải công nhận đầy đủ các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

- Sau hai năm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, nước Việt Nam không được thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử, mà bị chia cắt thành hai miền. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng ở miền Nam, Mỹ thay thế Pháp, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta.

- Nhân dân Việt Nam phải tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng, từ phong trào “Đồng khởi”, tiến lên làm thất bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

- Hiệp định Pa-ri (27-1-1973) ghi rõ: Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Hoa Kỳ rút hết quân viễn chinh ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta. Ta “đánh cho Mỹ cút”, làm so sánh lực lượng trên chiến trường thay đổi có lợi để tiếp tục tiến lên “đánh cho ngụy nhào”, giải phóng miền Nam.

- Mặc dù cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam và rút quân viễn chinh về nước, nhưng Mỹ chưa từ bỏ chính sách thực dân mới ở miền Nam, cùng chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pa-ri, tiếp tục chia cắt đất nước ta.

- Nhân dân Việt Nam phải đấu tranh chống địch phá hoại Hiệp định Pa-ri, tạo thế, tạo lực, mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam hoàn thành sự nghiệp thống nhất Tổ quốc.

- Qua 30 năm chiến tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới (1945-1975), giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, nhân dân ta đã giành được độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được thực hiện trọn vẹn.

Câu hỏi: *Khái quát tình hình hai miền Bắc, Nam Việt Nam từ khi Hiệp định Pa-ri được kí kết (1-1973) đến trước cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975?*

(Đề thi ĐH khối C năm 2006)

Đáp án và hướng dẫn trả lời

1. *Miền Bắc:*

- Trở lại hòa bình, khắc phục hậu quả chiến tranh (khẩn trương tháo gỡ bom, mìn thủy lôi, khai thông các tuyến giao thông chiến lược).
- Tập trung khôi phục và phát triển kinh tế: cuối năm 1973-1974 đưa vào các chiến trường 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cùng hàng vạn tấn vật chất...

2. *Miền Nam:*

- Mỹ, ngụy phá hoại Hiệp định Pa-ri. Mỹ rút quân nhưng vẫn để lại cố vấn và toàn bộ thiết bị chiến tranh, viện trợ cho chính quyền Thiệu, tiếp tục thực hiện "Việt Nam hóa chiến tranh"...
- Quân dân ta đấu tranh chống địch "bình định lấn chiếm", nhưng do không đánh giá hết âm mưu phá hoại Hiệp định nên một số nơi mất đất, mất dân.
- Từ cuối năm 1973, thực hiện Nghị quyết 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quân dân miền Nam đẩy mạnh đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, giành thắng lợi to lớn (chiến dịch Đường 14 - Phước Long).
- Tình hình thay đổi mau lẹ, so sánh lực lượng ngày càng chuyển biến có lợi cho ta. Trên cơ sở đó, Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam.

Câu hỏi: *Cuối năm 1974 – mùa xuân 1975, sau mỗi thắng lợi trên chiến trường, Đảng ta có những chủ trương, quyết định nào sẽ sớm hoàn toàn giải phóng miền Nam?*

(Đề thi ĐH khối C năm 2008).

Đáp án và hướng dẫn trả lời

Cuối năm 1974 - đầu năm 1975, ta mở hoạt động quân sự đông xuân vào hướng Nam Bộ; quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long. Quân đội Sài Gòn phản công, nhưng thất bại. Mỹ phản ứng yếu ớt. Tình hình đó khẳng định rõ thêm nhận định của Đảng ta về sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của ta...

Bộ Chính trị đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976; nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975; quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên.

Chiến thắng Buôn Ma Thuột đã làm hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn, dẫn đến sai lầm về mặt chiến lược. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút khỏi Tây Nguyên.

Nhận thấy thời cơ chiến lược đến rất nhanh, hết sức thuận lợi, ngay khi chiến dịch Tây Nguyên còn tiếp diễn, Bộ Chính trị có quyết định kịp thời và kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam, trước mắt là mở chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng.

Sau khi chiến dịch Tây Nguyên kết thúc, cùng với thắng lợi trong chiến dịch Huế - Đà Nẵng, ta đã tiêu diệt và làm tan rã một lực lượng quan trọng của địch, làm cho chúng tiếp tục hoang mang rối loạn, mở ra thời cơ mới cho cách mạng miền Nam.

Bộ Chính trị nhận định thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam... Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất, giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975 (trước tháng 5/1975). Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Những chủ trương và quyết định cuối năm 1974 – mùa Xuân năm 1975 đã thể hiện sự chỉ đạo kịp thời linh hoạt của Đảng trong việc giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Câu hỏi: *Tại sao nói thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước (1954-1975) là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử dân tộc, đồng thời là một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc. (3 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi – Năm 2002)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

- Là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử dân tộc, bởi vì:*
 - Đây là cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc tiêu biểu của nhân dân ta, dài hơn bất cứ cuộc chiến tranh nào trong lịch sử và phải chống lại một đế quốc lớn mạnh là đế quốc Mỹ.
 - Kết thúc 21 năm chống Mỹ, đồng thời kết thúc quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, bảo vệ và phát triển những thành tựu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xoá bỏ những chương ngại trên con đường thực hiện thống nhất nước nhà.
 - Mở ra kỉ nguyên mới của cách mạng Việt Nam: kỉ nguyên đất nước độc lập thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Đồng thời là sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc*
 - Đập tan cuộc phản kích lớn nhất vào các lực lượng cách mạng sau Chiến tranh thế giới thứ hai của tên đế quốc đầu sỏ, phá vỡ phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á của đế quốc Mỹ, góp phần làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng, đẩy chúng vào tình thế khó khăn.

- Thu hẹp và làm suy yếu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba dân tộc Đông Dương, tăng cường các lực lượng cách mạng, dân chủ và hoà bình trên thế giới.
- Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng thế giới, các dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

âu hỏi: Tình hình cách mạng miền Bắc nước ta từ sau Hiệp định Pa-ri (1/1973) đến trước cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. (3 điểm)

(Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội – Năm 2003).

áp án và hướng dẫn trả lời:

- Khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất
 - Cuối tháng 6/1973, miền Bắc căn bản hoàn thành việc tháo gỡ thủy lôi, bom mìn trên sông, trên biển, đảm bảo việc đi lại bình thường.
 - Sau 2 năm (1973-1974), về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, hệ thống thủy nông, mạng lưới giao thông, công trình văn hoá, giáo dục, y tế.
 - Kinh tế có bước phát triển: Đến cuối năm 1974, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mặt đã đạt và vượt mức năm 1964 và năm 1971 (mức cao nhất trong 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc). Đời sống nhân dân được ổn định.
- Thực hiện nghĩa vụ hậu phương, ra sức chi viện cho tiền tuyến
 - Trong 2 năm 1973-1974, đã đưa vào chiến trường miền Nam, Lào, Cam-pu-chia 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, nhân viên kĩ thuật.
 - Đột xuất trong 2 tháng đầu năm 1975; gấp rút đưa vào miền Nam 57000 bộ đội (trong tổng số 108000 quân của kế hoạch động viên năm 1975)
 - Đã đưa vào chiến trường hàng chục vạn tấn vật chất gồm vũ khí, đạn dược, thuốc men, xăng dầu, quân trang, quân dụng...
 - Sự chi viện cho miền Nam, ngoài yêu cầu phục vụ chiến đấu với trọng tâm là tiến tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, còn phục vụ yêu cầu xây dựng vùng giải phóng trên tất cả các mặt quốc phòng, kinh tế, giao thông vận tải... và chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp quản vùng giải phóng sau khi chiến tranh kết thúc.
 - Mở rộng, nâng cấp tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam:
 - + Đầu năm 1975, Tuyến đường dài 16000km, gồm 6 đường trục dọc theo sườn Đông, Tây Trường Sơn; 25 đường trục vắt ngang qua núi toả ra các chiến trường.
 - + Xây dựng hệ thống đường ống dẫn dầu dài 5000km vươn tới Lộc Ninh và đường thông tin liên lạc hữu tuyến đến các chiến trường.

Câu hỏi: *Trình bày và phân tích mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng của miền Nam và miền Bắc sau khi kí Hiệp định Giơ-ne-vơ. Vì sao có mối quan hệ đó? (3 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum (Khối C) – Năm 2001)

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

a. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam và miền Bắc.

Trong tình hình đất nước tạm thời bị chia cắt làm 2 miền (theo điều khoản trong hiệp định Giơ-ne-vơ), Đảng và Chính phủ đã đề ra cho các miền những nhiệm vụ chiến lược phù hợp với đặc điểm tình hình và yêu cầu cách mạng từng miền nhằm chấm dứt tình trạng đất nước chia cắt.

- Ở Miền Bắc: Sau khi kháng chiến chống Pháp kết thúc, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân căn bản hoàn thành, Đảng chủ trương làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, đồng thời xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng của cả nước và hậu phương của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc.

- Ở miền Nam: Do vẫn còn nằm dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai nên Đảng và Chính phủ chủ trương tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trực tiếp đánh Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà.

b. Mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng

- Miền Bắc là hậu phương và căn cứ địa cách mạng của cả nước nên có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển toàn bộ cách mạng Việt Nam, đồng thời với sự nghiệp thống nhất đất nước.

- Miền Nam là tiền tuyến nên có vai trò quyết định trực tiếp trong việc đánh đổ đế quốc Mỹ và tay sai giải phóng miền Nam, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước.

c. Nguyên nhân có mối quan hệ trên

- Mặc dù tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng cùng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Cùng có chung mục đích là hoà bình, độc lập và thống nhất đất nước.

- Được tiến hành bằng sức mạnh và truyền thống hàng nghìn năm của lịch sử dân tộc.

Câu hỏi: *Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam như thế nào? (2,5 điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum (Khối C) – Năm 2001)

áp án và hướng dẫn trả lời:

. Nội dung cơ bản của Hiệp định (1,5 điểm)

Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết ngày 27/1/1973 với các nội dung:

- Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ nước ta.
- Hoa Kỳ rút hết quân viễn chinh và chư hầu, phá hết các căn cứ quân sự Mỹ, cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.
- Các bên để cho nhân dân Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.
- Các bên công nhận thực tế ở miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát, 3 lực lượng chính trị.
- Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

. Ý nghĩa (1 điểm)

- Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân 2 miền Nam - Bắc, mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân ta từ chỗ đánh cho Mỹ cút, tiến lên đánh cho ngụy nhào.

âu hỏi: *Mỹ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (1964-1968) nhằm mục đích gì? Quân và dân miền Bắc đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ như thế nào? Ý nghĩa của thắng lợi đó? (3. điểm)*

(Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội – Năm 2004).

áp án và hướng dẫn trả lời:

. Mục đích

Thất bại trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc bằng không quân và hải quân nhằm:

- Phá hoại kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc...
- Ngăn chặn sự chi viện bên ngoài vào miền Bắc và miền Bắc đối với cách mạng miền Nam.
- Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mỹ của nhân dân ta ở cả hai miền.

. Quân và dân miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại như thế nào?

- Miền Bắc chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến: sơ tán, đào hầm, hào phòng tránh bom, quân sự hóa kinh tế...

- Triển khai cuộc chiến tranh nhân dân, đánh địch bằng mọi thứ vũ khí triển khai đơn vị phòng không. Cả miền Bắc diễn ra phong trào thi đua sôi nổi...

- Miền Bắc vừa sản xuất vừa chiến đấu, đường giao thông vẫn thông suốt chỉ viện đặc lực cho tiền tuyến miền Nam. Từ 1965 đến 1968: hơn 30 vạn bộ đội vào Nam chiến đấu, chi viện hàng vạn tấn vật chất, vũ khí, đạn dược xăng dầu cho cách mạng miền Nam.

- Trong 4 năm (từ 05/8/1964 đến 01/01/1968), quân và dân miền Bắc bắn rơi 3243 máy bay (6 chiếc B52, 3 chiếc F111), bắt sống và tiêu diệt hàng ngàn giặc lái, bắn cháy và bị thương 143 tàu chiến...

3. Ý nghĩa của thắng lợi

- Miền Bắc vẫn đứng vững, vừa sản xuất vừa chiến đấu, làm thất bại âm mưu Mỹ.

- Góp phần to lớn đánh bại chiến tranh cục bộ miền Nam.

- Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt hoàn toàn chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Hội nghị Pa-ri.

Câu hỏi: *Kế hoạch 2 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam đã được Đảng ta xác định dựa vào điều kiện lịch sử nào? Nội dung của kế hoạch đó. (3 điểm)*

Trường Cao đẳng Văn hoá TP. Hồ Chí Minh – Năm 200

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

1. Điều kiện lịch sử

- Cuối năm 1974, đầu năm 1975, tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam thay đổi nhanh chóng có lợi có cách mạng. Trước tình hình đó Đảng ta họp Hội nghị Bộ Chính trị (từ 30/9 đến 07/10/1974) và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (từ 18/12/1974 đến 08/01/1975) để bàn kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đang họp bàn thì nhận được tin quân dân ta giải phóng Đường 14 và toàn tỉnh Phước Long (06/01/1975).

Thắng lợi Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long giúp Bộ Chính trị củng cố thêm quyết tâm chiến lược, bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch năm (1975-1976) hoàn thành giải phóng miền Nam đề ra từ Hội nghị tháng 10/1974.

2. Nội dung kế hoạch

- Năm 1975, tranh thủ thời cơ bất ngờ tiến công địch trên quy mô lớn, rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích – tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Tuy Bộ Chính trị đề ra kế hoạch 2 năm, nhưng lại nhận định cả năm 1975 là thời cơ và chỉ rõ: “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”. Đồng thời, Bộ Chính trị cũng nhấn

manh sự cần thiết phải tranh thủ thời cơ thực hiện cuộc tổng công kích – tổng khởi nghĩa, phải đánh nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

Hỏi: Trình bày nội dung cơ bản của phong trào “Đồng khởi” (1959-1960). (3 điểm)
(Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum – Năm 2005).

Đáp án và hướng dẫn trả lời:

I. Bối cảnh lịch sử

- Chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm liên tiếp đứng trước sự khủng hoảng về chính trị, ngày càng bị cô lập, chứng tỏ ngày càng suy yếu.
- Mặc dù bị đàn áp hết dã man với chính sách “tố cộng, diệt cộng” nhưng quần chúng cách mạng miền Nam vẫn tiếp tục đứng dậy đấu tranh. Hàng triệu lượt người liên tiếp đấu tranh trở thành lực lượng mạnh mẽ đánh bại những thủ đoạn của Mỹ - Diệm.
- Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959) đã kịp thời chỉ đạo cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang. Hội nghị đã tác động trực tiếp đến phong trào Đồng khởi.

II. Diễn biến

- Phong trào nổi dậy của quần chúng từ chỗ lẻ tẻ từng địa phương đã nhanh chóng lan rộng khắp miền Nam thành cao trào Đồng khởi mà mở đầu là khởi nghĩa Trà Bồng (tháng 8/1959).
- Đồng khởi ở Bến Tre (17/01/1960) mở đầu ở huyện Mỏ Cày sau đó lan rộng ra toàn tỉnh. Đồng khởi đã đập tan từng mảng hệ thống chính quyền của địch ở nông thôn, nhiều thôn xã đã thiết lập được chính quyền cách mạng, lực lượng vũ trang nhân dân hình thành.
- Từ Bến Tre, “Đồng khởi” nhanh chóng lan rộng ra toàn miền Nam. Hàng nghìn thôn xã được giải phóng.

III. Kết quả và ý nghĩa

- “Đồng khởi” đã phá sản hoàn toàn chiến lược chiến tranh một phía của Mỹ - Diệm, làm cho chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ đang đứng trước nguy cơ bị phá sản. Hệ thống chính quyền của địch ở nông thôn bị tan rã từng mảng, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
- “Đồng khởi” đã làm thay đổi hẳn tương quan lực lượng giữa ta và Mỹ - Diệm. Ta từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công, Mỹ - Diệm từ thế ổn định tạm thời chuyển sang thế yếu, thế bị động đối phó. Vì vậy, “Đồng khởi” là bước ngoặt của cách mạng miền Nam.
- Từ phong trào “Đồng khởi”, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, Mặt trận là người đại diện chân chính cho nhân dân miền Nam. Chính sách mười điểm của Mặt trận tạo ra động lực mới, mạnh mẽ cho cách mạng miền Nam tiến tới đánh bại những chiến lược của Mỹ - nguy.

V. VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

1. Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước năm 1975

a. Tình hình hai miền Bắc – Nam sau năm 1975

* Miền Bắc:

Trải qua hơn 20 năm (1954-1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, đã xây dựng được những cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Nhưng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ hết sức ác liệt đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.

* Miền Nam:

- Đã hoàn toàn giải phóng, cuộc chiến tranh của Mỹ đã gây ra hậu quả nặng nề. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá. Nửa triệu héc-ta ruộng đất bị bỏ hoang. Một triệu héc-ta rừng bị chất độc hóa học và bom đạn cày xới. Vô số bom mìn bị vùi lấp. Đội ngũ thất nghiệp lên tới hàng triệu người. Số người mù chữ chiếm tỉ lệ lớn trong dân cư.

- Miền Nam có nền kinh tế chừng mực nhất định phát triển theo hướng tư bản, song cơ bản vẫn mang tính chất của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu sản xuất nhỏ và phân tán phổ biến, phát triển mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài.

b. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở hai miền đất nước.

* Ở miền Bắc:

- Đến giữa năm 1976, miền Bắc mới căn bản hoàn thành nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế.

- Miền Bắc còn làm nghĩa vụ của căn cứ địa cách mạng cả nước và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, Cam-pu-chia trong thời kì mới.

* Ở miền Nam:

- Công việc tiếp quản vùng mới giải phóng được tiến hành khẩn trương.

- Việc thành lập chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp nhanh chóng được thực hiện.

- Tại các thành phố lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng,... chính quyền cách mạng tuyên bố thành lập ngay sau khi được giải phóng hoàn toàn.

- Được sự hướng dẫn và giúp đỡ của Nhà nước, trong thời gian chiến tranh hàng triệu đồng bào ta bị dồn vào các "ấp chiến lược" hay bỏ chạy vào các thành phố không có việc làm, được hồi hương, chuyển về nông thôn tham gia sản xuất hoặc đi xây dựng vùng kinh tế mới.

- Chính quyền cách mạng tịch thu toàn bộ tài sản và ruộng đất của bọn phản động trốn chạy ra nước ngoài, tuyên bố xóa bỏ quan hệ bóc lột phong kiến, tiến hành điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân, quốc hữu hóa ngân hàng, thay đổi tiền cũ bằng tiền mới của cách mạng.

- Chính quyền cách mạng chú trọng khôi phục sản xuất nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu cấp bách và lâu dài của nhân dân về lương thực. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp, cả những cơ sở bị gián đoạn quan hệ với nước ngoài đều trở lại hoạt động.

- Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế... được tiến hành khẩn trương từ những ngày đầu mới giải phóng.

Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975-1976)

- Sau đại thắng mùa xuân 1975, Tổ quốc Việt Nam được thống nhất về mặt lãnh thổ, song ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

- Đáp lại nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước, đồng thời cũng phù hợp với thực tế lịch sử dân tộc – nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một – Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (09/1975) đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- Từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn. Hai đoàn đại biểu đại diện cho hai miền tham dự. Hội nghị nhất trí hoàn toàn các vấn đề về chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước. Hơn 23 triệu cử tri (chiếm 98,8% tổng số cử tri) đi bỏ phiếu và bầu ra 492 đại biểu.

- Từ ngày 24/6 đến ngày 03/7/1976, Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

- Quốc hội thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của Nhà nước Việt Nam thống nhất, quyết định tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ ngày 02/7/1976), quyết định Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca, thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quốc hội bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu Ban dự thảo Hiến pháp.

- Với kết quả của kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI, công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành. Từ đây, việc tiếp tục hoàn thành thống nhất trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội sẽ gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước.

- Ý nghĩa:

+ Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

+ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa thành lập (02/7/1976) đã có 94 nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao (đến cuối năm 1980 có 106 nước). Nước ta là thành viên của hơn 20 tổ chức quốc tế khác (vào cuối năm 1989) và trở thành hội viên thứ 149 của Liên hợp quốc ngày 20/9/1977.

2. Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1986)

a. Đất nước bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội (1976-1986)

*** Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới**

- Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, nước ta chuyển sang giai đoạn đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Độc lập và thống nhất là điều kiện tiên quyết để đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tiến lên chủ nghĩa xã hội sẽ đảm bảo cho nền độc lập và thống nhất đất nước thêm bền vững.

- Độc lập và thống nhất đất nước không những gắn với nhau mà còn gắn với chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường phát triển hợp quy luật của cách mạng nước ta.

*** Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980)**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (họp từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976). Đại hội đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước, quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980).

- Nhiệm vụ: xây dựng một bước cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công – nông nghiệp và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

- Thành tựu:

+ Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải bị địch đánh phá về cơ bản đã được khôi phục và bước đầu phát triển.

+ Nông nghiệp: Diện tích gieo trồng tăng thêm gần 2 triệu héc-ta. Trang bị thêm 18 nghìn máy kéo các loại.

+ Công nghiệp: Nhiều nhà máy được gấp rút xây dựng như nhà máy điện, cơ khí, xi măng,...

+ Giao thông, vận tải được khôi phục và xây dựng mới 1 700 km đường sắt, 3 800 km đường bộ, 30 000m cầu, 4 000m bến cảng. Tuyến đường sắt thống nhất từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh đã hoạt động trở lại.

+ Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam: giai cấp tư sản mại bản bị xóa bỏ. 1 500 xí nghiệp tư bản hạng lớn và vừa được cải tạo chuyển thành xí nghiệp quốc doanh hoặc công tư hợp doanh. Đại bộ phận nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, thủ công nghiệp và thương nghiệp được sắp xếp và tổ chức lại.

+ Văn hóa, giáo dục: bỏ những biểu hiện văn hóa phản động của chế độ thực dân phong kiến, xây dựng nền văn hoá mới cách mạng. số người đi học trong cả nước năm học 1979-1980 là 15 triệu.

- Khó khăn, yếu kém:

+ Nền kinh tế của nước ta còn mất cân đối.

+ Kinh tế quốc doanh và tập thể luôn bị thua lỗ, không phát huy được tác dụng.

+ Kinh tế tư nhân và cá thể bị ngăn cấm, không thể phát triển.

+ Sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất cây trồng thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

+ Trong xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực.

** Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1981-1985)*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (họp từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982). Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981-1985).

- Nhiệm vụ:

Sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân, nhằm cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nhẹ những mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế.

- Thành tựu:

+ Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp: đã chặn được đà giảm sút của 5 năm trước (1976-1980) và có bước phát triển: sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm là 4,9% sản xuất lương thực tăng bình quân từ 13,4 triệu tấn lên 17 triệu tấn; sản xuất công nghiệp tăng bình quân 9,5%; thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4%.

+ Việc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật: ta hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn, hàng nghìn công trình vừa và nhỏ. Dầu mỏ bắt đầu được khai thác, công trình thủy điện sông Đà, thủy điện Trị An được khẩn trương xây dựng, chuẩn bị đi vào hoạt động.

+ Các hoạt động khoa học - kĩ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Khó khăn:

Yếu kém của 5 năm trước vẫn chưa được khắc phục, thậm chí có phần trầm trọng hơn, mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình kinh tế - xã hội vẫn chưa thực hiện được.

b. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975-1979)

- Bảo vệ biên giới Tây Nam:

+ Do có âm mưu từ trước, tập đoàn Khơ - me đỏ ở Cam-pu-chia do Pôn Pốt cầm đầu đã quay súng bắn vào nhân dân ta.

+ Chúng mở những cuộc hành quân khiêu khích, xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ nước ta từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Đầu tháng 5/1975, chúng cho quân đổ bộ đánh chiếm đảo Phú Quốc, sau đó chiếm đảo Thổ Chu.

+ Ngày 22/12/1978, chúng huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng với nhiều đơn vị pháp binh, xe tăng tiến đánh Tây Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Ninh nước ta.

+ Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân ta tổ chức cuộc phản công và tiến công tiêu diệt quân xâm lược khi chúng vừa đặt chân vào nước ta. Toàn bộ quân xâm lược Pôn Pốt bị quét khỏi nước ta, hòa bình được lập lại trên toàn tuyến biên giới.

+ Theo yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân đội Việt Nam cùng với lực lượng cách mạng Cam-pu-chia tiến công chế độ diệt chủng Pôn Pốt. Ngày 07/01/1979, Thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng.

- Bảo vệ biên giới phía Bắc:

+ Hành động thù địch chống Việt Nam của tập đoàn Pôn Pốt được một số lãnh đạo Trung Quốc lúc đó đồng tình ủng hộ. Họ còn có những hành động làm tổn hại đến tình hình hữu nghị của nhân dân hai nước như cho quân khiêu khích dọc biên giới, cắt viện trợ, rút chuyên gia.

+ Nghiêm trọng hơn, sáng 17/02/1979, quân đội Trung Quốc huy động 32 sư đoàn mở cuộc tiến công nước ta dọc biên giới từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

+ Để bảo vệ lãnh thổ tổ quốc, quân dân ta, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía bắc đã đứng lên chiến đấu. Đến ngày 18/3/1979, quân Trung Quốc rút khỏi nước ta.

1. Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000)

a. Đường lối đổi mới đất nước của Đảng

* Hoàn cảnh lịch sử

- Trong hơn một thập niên thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1985), ta đạt được những thành tựu và ưu điểm đáng kể, song cũng gặp không ít khó khăn. Khó khăn của ta ngày càng lớn, đã đưa đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế - xã hội.
- Một trong những nguyên nhân cơ bản của khó khăn, yếu kém là do ta mắc phải "sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện".
- Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng và đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên, Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.
- Những thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước do tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật trở thành xu thế thế giới, do cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

* Đường lối đổi mới của Đảng

- Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra lần đầu tiên tại Đại hội VI (tháng 12/1986), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển tại Đại hội VII (tháng 6/1991), Đại hội VIII (tháng 6/1996), Đại hội IX (tháng 4/2001).
- Đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu của xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
- Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hóa. Đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.
- + Về đổi mới kinh tế: Đảng chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường; xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, trình độ, công nghệ; phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần định hướng chủ nghĩa xã hội; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.
- + Về đổi mới chính trị: Đảng chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân; thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

b. Quá trình đất nước thực hiện đường lối đổi mới (1986-2000)

** Thực hiện kế hoạch 5 năm (1986-1990)*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (họp từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986) xác định nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng trong thời kỳ đổi mới.

Thực hiện kế hoạch 5 năm (1986-1990), đạt được những thành tựu:

- Công cuộc đổi mới bước đầu đạt được thành tựu trong việc thực hiện các mục tiêu của Ba chương trình kinh tế về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

+ Về lương thực thực phẩm: Từ chỗ thiếu ăn triền miên, đến năm 1989 đã đáp ứng được nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu.

+ Hàng hóa trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng, có tiến bộ về mẫu mã, chất lượng. Phần bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.

+ Kinh tế đối ngoại: mở rộng về quy mô và hình thức. Từ năm 1989, tăng thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô, nhập khẩu giảm đáng kể.

- Kiểm chế được một bước đà lạm phát. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng trên thị trường năm 1989 là 20% thì năm 1990 là 4,4%.

- Ở nước ta bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Bộ máy nhà nước các cấp ở trung ương và địa phương được sắp xếp lại. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử.

** Thực hiện kế hoạch 5 năm (1991-1995)*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (họp từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991) đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện đường lối đổi mới của Đảng từ Đại hội VI; đề ra chủ trương, nhiệm vụ, điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới để tiếp tục đưa đất nước tiến lên.

Thực hiện kế hoạch 5 năm (1991-1995), đạt được những thành tựu:

- Nền kinh tế tăng trưởng nhanh, GDP tăng bình quân hàng năm là 8,2%; công nghiệp tăng bình quân hàng năm 13,3%; nông nghiệp là 4,5%.

- Trên lĩnh vực tài chính, tiền tệ: nạn lạm phát ở mức cao từng bước bị đẩy lùi, từ mức 67,1% năm 1991, xuống mức 12,7% năm 1995. Tỷ lệ thiếu hụt ngân sách được kiểm chế.

- Xuất khẩu đạt 17 tỉ USD, tăng số mặt hàng có khối xuất khẩu lớn, như dầu thô, gạo, cà phê, hải sản, may mặc; nhập khẩu trên 21 tỉ USD. Quan hệ mậu dịch mở rộng với trên 100 nước và tiếp cận với nhiều thị trường mới.

- Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong 5 năm tăng nhanh, bình quân hàng năm là 50%. Đến cuối năm 1995, tổng số vốn đăng kí cho các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt trên 19 tỉ USD, trong đó có khoảng 1/3 đã được thực hiện.
- Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường. Công tác giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới sau một số năm giảm sút.
- Thu nhập và đời sống của các tầng lớp nhân dân ở các vùng đều được cải thiện với mức độ khác nhau. Mỗi năm giải quyết được việc làm cho hơn 1 triệu lao động.
- Tình hình chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được củng cố.
- Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, tham gia tích cực vào các hoạt động của các cộng đồng quốc tế. Đến năm 1995, nước ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Các công ti của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào nước ta. Ngày 01/7/1995, Việt Nam và Hoa Kỳ thiết lập quan hệ ngoại giao. Ngày 28/7/1995, Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).
- Sau 5 năm thực hiện kế hoạch, bên cạnh thành tựu và tiến bộ, còn nhiều khó khăn và hạn chế chưa được giải quyết.

** Thực hiện kế hoạch 5 năm (1996-2000)*

Đại hội VIII (tháng 6/1996) đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

Những thành tựu đạt được sau khi thực hiện kế hoạch 5 năm (1996-2000)

- GDP tăng bình quân hàng năm là 7%; công nghiệp là 13,5%, nông nghiệp là 5,7%. Lương thực bình quân đầu người tăng từ 360 kg (1995) lên 444 kg năm 2000.
- Nông nghiệp phát triển liên tục, góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung và giữ vững ổn định kinh tế - xã hội.
- Cơ cấu các ngành kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.
- Hoạt động xuất khẩu không ngừng tăng lên: xuất khẩu đạt 51,6 tỉ USD với ba mặt hàng chủ lực là gạo (đứng thứ hai thế giới), cà phê (đứng thứ ba thế giới) và thủy sản.
- Tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt khoảng 10 tỉ USD, gấp 1,5 lần so với 5 năm trước.
- Các doanh nghiệp Việt Nam từng bước mở rộng đầu tư ra nước ngoài. Đến năm 2000 đã có trên 40 dự án đầu tư vào 12 nước và vùng lãnh thổ.
- Đến hết năm 2000 có 100% tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ; một số tỉnh, thành phố bắt đầu thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở.

- Đến năm 2000, nước ta có quan hệ với hơn 140 nước, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ.

Ý nghĩa:

- Tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

- Đảng họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (tháng 4/2001) đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001-2005) đầu thế kỉ nhằm “đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại hóa”.

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2002 ĐẾN 2008

Câu hỏi: Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam được thực hiện như thế nào? Ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

(Đề thi ĐH khối C năm 2007).

Đáp án và hướng dẫn trả lời

- Với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kết thúc thắng lợi. Tổ quốc Việt Nam thống nhất về mặt lãnh thổ, tạo điều kiện cho việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 24 (8-1975) đề ra chủ trương hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, đại biểu hai miền Bắc – Nam họp Hội nghị Hiệp thương tại Sài Gòn đã hoàn toàn nhất trí với chủ trương của Đảng hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- Ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trong cả nước (Quốc hội khóa VI).

- Cuối tháng 6, đầu tháng 7-1976, kì họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI quyết định tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam..., bầu ra các cơ quan lãnh đạo và chức vụ lãnh đạo cao nhất của đất nước. Với thắng lợi của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI, quá trình thống nhất đất nước đã hoàn thành.

- Ý nghĩa: Đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước, phù hợp quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”, tạo điều kiện tiếp tục hoàn thành thống nhất đất nước trên các mặt còn lại (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...), tạo điều kiện phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước để tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, tăng cường khả năng quốc phòng, an ninh và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

Câu hỏi: Trình bày những thành tựu và hạn chế trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta từ năm 1986 đến năm 1991.

(Đề thi ĐH khối C năm 2007).

Đáp án và hướng dẫn trả lời

1. Thành tựu

- Thực hiện đường lối đổi mới, nhân dân đã đạt được nhiều thành tựu, trước hết là trong việc thực hiện Ba chương trình kinh tế.
- Về lương thực thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, năm 1988 còn phải nhập gạo (hơn 45 vạn tấn) đến năm 1990 ta đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân và thay đổi cán cân xuất - nhập khẩu.
- Hàng hóa, nhất là hàng tiêu dùng trên thị trường dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, tiến bộ về mẫu mã và chất lượng. Các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường.
- Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức và góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức cân bằng giữa xuất và nhập.
- Bước đầu kiềm chế được đà lạm phát. Chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng trên thị trường năm 1986 là 20%, đến năm 1991 là 4,4%. Các cơ sở kinh tế có điều kiện thuận lợi hơn để hạch toán kinh doanh. Đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn.
- Thắng lợi cơ bản có ý nghĩa chiến lược lâu dài là bước đầu khẳng định chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Điều đó đã đi vào cuộc sống, phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của quần chúng để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, tăng sản phẩm cho xã hội.

Những thành tựu và ưu điểm nói trên là rất quan trọng. Nó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp.

2. Hạn chế

- Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm tăng, hiệu quả kinh tế thấp, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.
- Chế độ tiền lương bất hợp lý, đời sống của người dân làm công ăn lương và một bộ phận nông dân giảm sút, tỉ lệ tăng dân số còn cao.
- Sự nghiệp văn hóa có những mặt tiếp tục xuống cấp, tình trạng tham nhũng, mất dân chủ, bất công xã hội, vi phạm pháp luật, nhiều hiện tượng tiêu cực khác còn nặng nề và phổ biến.
- Thành tựu và ưu điểm là rất quan trọng, nhưng khó khăn, yếu kém là rất lớn. Đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

B. MỘT SỐ CÂU HỎI TỔNG HỢP

Câu hỏi: Hãy phân tích những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam từ sau Thế chiến thứ nhất.

Hướng dẫn làm bài:

Sau Thế chiến thứ nhất, kinh tế Việt Nam bị Pháp kìm hãm nặng nề.

Do phương thức bóc lột phong kiến vẫn còn được duy trì nên nền kinh tế Việt Nam mang tính tư sản thực dân và phong kiến.

Các mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam đều do tính chất đó chi phối.

Mâu thuẫn vốn có trong lòng xã hội phong kiến Việt Nam là mâu thuẫn giữa nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến không mất đi, vẫn tiếp tục tồn tại (mâu thuẫn giai cấp).

Bên cạnh mâu thuẫn này, xuất hiện một mâu thuẫn mới, bao trùm lên tất cả, đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với thực dân Pháp xâm lược (mâu thuẫn dân tộc).

Hai mâu thuẫn giai cấp và dân tộc vừa là nguồn gốc, vừa là động lực làm nảy sinh và thúc đẩy các phong trào yêu nước chống Pháp và phong kiến ở nước ta.

Mâu thuẫn dân tộc ngày càng mở rộng và gay gắt thêm. Mâu thuẫn dân tộc vừa là mâu thuẫn cơ bản đồng thời là mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam – một xã hội thuộc địa của Pháp.

Nông dân, công nhân, tiểu tư sản và cả một bộ phận trong giai cấp địa chủ mâu thuẫn sâu sắc với bọn Pháp cướp nước.

Giai cấp công nhân có sứ mạng lịch sử nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.

Cách mạng Việt Nam phải thực hiện hai nhiệm vụ: đánh đổ thực dân Pháp giành độc lập dân tộc và đánh đuổi giai cấp địa chủ phong kiến, giành lại ruộng đất cho nông dân, song trước hết phải đánh đuổi thực dân Pháp và tay sai phản động để giành độc lập tự do, coi đó là nhiệm vụ chủ yếu hàng đầu của cách mạng.

Âu hỏi: Từ sau Thế chiến thứ nhất đến đầu năm 1930, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân tộc dân chủ tư sản ở nước ta đã diễn ra như thế nào? Tại sao các phong trào đó đều lần lượt thất bại?

Lương dẫn làm bài:

1. *Tình hình giai cấp tư sản và tiểu tư sản Việt Nam từ sau Thế chiến thứ nhất đến năm 1930*

Hai giai cấp tư sản và tiểu tư sản ra đời gần như cùng một lúc trên vũ đài chính trị chính trị Việt Nam trong đợt khai thác thuộc địa sau Thế chiến thứ nhất (1914-1918) của Pháp.

1. *Giai cấp tư sản*

- Sau chiến tranh, tư sản Việt Nam cũng muốn nhân đà phát triển trong 4 năm chiến tranh mà vươn lên. Nhưng họ đã vấp phải sức cạnh tranh, kìm hãm của tư sản Pháp.

- Tư sản Việt Nam lần lượt có mặt ở nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác nhau. Một số đông công ti, hãng buôn, xí nghiệp của tư sản Việt Nam được thành lập và hoạt động khá mạnh. Phần lớn là các ngành dịch vụ (sửa chữa ô tô, buôn tơ lụa, thực phẩm...), chế biến nông sản (xay sát lúa gạo, nấu đường, nấu rượu...), công nghiệp nhẹ (dệt, xà phòng, chiếu, thuốc da, nhuộm,...).

Nhìn chung, giai cấp tư sản Việt Nam ra đời sau chiến tranh vẫn là giai cấp nhỏ yếu (vốn liếng chỉ bằng 5% vốn của tư bản nước ngoài), không ít trường hợp bị tư bản Pháp cạnh tranh ác liệt làm cho phá sản như Bạch Thái Bưởi.

- Giai cấp tư sản Việt Nam phát triển tới một trình độ nào đó thì phân hóa thành hai bộ phận:

+ Tư sản mại bản gắn liền với quyền lợi đế quốc và là một thế lực phản cách mạng ở nước ta.

+ Tư sản dân tộc có khuynh hướng kinh doanh độc lập, ít nhiều có khuynh hướng dân tộc dân chủ chống đế quốc và phong kiến.

2. *Giai cấp tiểu tư sản*

- Sau chiến tranh, trong đợt khai thác lần hai của Pháp ở Việt Nam, giai cấp tiểu tư sản Việt Nam có điều kiện ra đời.

- Số lượng phát triển rất nhanh, tập trung ở các thành thị lớn như Hà Nội, Sài Gòn – Chợ Lớn, Nam Định, Huế, Đà Nẵng, Vinh,... bao gồm nhiều tầng lớp khác nhau (giáo viên, học sinh, sinh viên, viên chức, dân nghèo thành thị, tiểu thương, tiểu chủ, những người làm nghề tự do).

- Họ cũng bị tư sản Pháp chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ, đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản, thất nghiệp.

- Phần đông giai cấp tiểu tư sản – đặc biệt là tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên nhạy cảm với thời cuộc và rất hăng hái tham gia cách mạng trở thành một bộ phận quan trọng trong lực lượng cách mạng Việt Nam.

2. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân tộc dân chủ tư sản ở nước ta từ sau Thế chiến thứ nhất đến đầu năm 1930.

Từ sau Thế chiến thứ nhất (1914-1918), phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh mẽ, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia ngày càng đông với nhiều hình thức đấu tranh sôi nổi và phong phú.

- Trước hết phải kể đến những hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

- Cũng trong giai đoạn này, giai cấp tư sản dân tộc và tiểu tư sản đã lãnh đạo phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

Nhằm mục đích chống lại sự chèn ép, kìm hãm của tư sản Pháp, tư sản Việt Nam đã tổ chức những phong trào chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa (1919), đấu tranh chống độc quyền thương cảng Sài Gòn, chống độc quyền xuất bản lúa gạo Nam Kỳ của tư sản Pháp (1923),...

- Phong trào báo chí của tư sản cũng phát triển để bênh vực quyền lợi của mình.

Đảng Lập Hiến (đại biểu là Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long) ra đời ở Nam Kỳ tập hợp lực lượng của tư sản và địa chủ, đã đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do dân chủ để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của quần chúng, nhưng khi Pháp nhượng bộ cho một số quyền lợi thì họ sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp; nhóm Nam Phong của Phạm Quỳnh; nhóm Trung Bắc tân văn của Nguyễn Văn Vĩnh.

Các hoạt động trên của giai cấp tư sản chỉ mang tính chất cải lương nên nhanh chóng bị phong trào quần chúng vượt qua.

- Tầng lớp tiểu tư sản trí thức được tập hợp trong các tổ chức chính trị như Việt Nam Nghĩa đoàn, Phục Việt, Hưng Nam, Đảng Thanh niên, Tâm tâm xã...

Họ đã có nhiều hoạt động sôi nổi: mít tinh, biểu tình, bãi khóa, bãi thị, ra báo (Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê, Tiếng dân), lập các nhà xuất bản tiến bộ (Nam Đồng thư xã, Cường học thư xã)... để cổ động tinh thần yêu nước, đòi các quyền tự do dân chủ.

- Một số sự kiện có tiếng vang lớn là:

+ Tháng 06/1924, tiếng bom Phạm Hồng Thái nổ ra ở Sa Diện (Quảng Châu, Trung Quốc) đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào yêu nước.

+ Đấu tranh đòi Pháp phải thả nhà yêu nước Phan Bội Châu (11/1925).

+ Lễ đưa tang và truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh (3/1926).

+ Cuộc đấu tranh đòi Pháp phải thả Nguyễn An Ninh (3/1926).

- Song song và kế tiếp phong trào đấu tranh chính trị là phong trào văn hóa tiến bộ tuyên truyền tư tưởng dân tộc dân chủ.

- Trong phong trào yêu nước dân chủ của những năm 1925 – 1928 đã ra đời tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng (25/12/1927).

Đây là một đảng cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản, đại diện quyền lợi của tư sản dân tộc, tiểu tư sản lớp trên. Việt Nam Quốc dân Đảng sớm bị thực dân Pháp khủng bố.

Tháng 02/1930, khởi nghĩa Yên Bái nổ ra nhưng nhanh chóng bị dập tắt, kéo theo sự tan rã của Việt Nam Quốc dân Đảng.

Cuộc khởi nghĩa đó tuy thất bại, song nó đã góp phần cổ vũ lòng yêu nước đồng thời cũng biểu lộ tính chất non yếu, không vững chắc của phong trào dân tộc dân chủ của tư sản dân tộc Việt Nam.

Nguyên nhân thất bại

Các phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng dân tộc dân chủ tư sản ở Việt Nam, tiêu biểu nhất là hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng đã phát triển mạnh từ sau Thế chiến thứ nhất, đều lần lượt đi đến thất bại vì không thể đáp ứng yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta:

- Giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam rất non yếu về kinh tế, què quặt về chính trị.
- Thiếu cơ sở vững chắc trong mọi tầng lớp nhân dân.
- Tổ chức kém.
- Nền phong trào không đủ sức chống đỡ trước mọi thủ đoạn khủng bố của kẻ thù để tồn tại và phát triển.

Sự thất bại của phong trào dân tộc theo khuynh hướng tư sản bắt nguồn sâu xa từ cơ sở kinh tế và giai cấp xã hội của Việt Nam sau Thế chiến thứ nhất.

Phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc tuy thể hiện lòng yêu nước nhưng mang tính cải lương, bông bột và nhất thời, dễ thỏa hiệp nên ngày càng xa rời quần chúng.

Hoạt động đấu tranh của tiểu tư sản tuy mạnh mẽ, chứa đựng nhiều yếu tố tiến bộ hơn (thể hiện lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, chống Pháp), được quần chúng ủng hộ nhưng cũng không thể đưa cuộc đấu tranh đi đến thắng lợi do thiếu đường lối chính trị đúng đắn nên không tập hợp được đông đảo nhân dân, không đủ sức chống lại sự đàn áp của thực dân Pháp để giành độc lập. Phong trào dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã thể hiện tính chất non yếu, không vững chắc.

Tóm lại: Vào lúc này, phong trào cách mạng Việt Nam đang thời kì khủng hoảng giai cấp lãnh đạo.

Sự khủng hoảng giai cấp lãnh đạo thể hiện qua việc các chính đảng tư sản và tiểu tư sản đều không đề ra được đường lối cách mạng đúng đắn, tiêu biểu là:

- Không nhận rõ kẻ thù là đế quốc và phong kiến.
- Không nhận rõ được lực lượng cơ bản của cách mạng là công nông.

- Không có phương pháp cách mạng đúng đắn và những biện pháp tổ chức khoa học.
- Không nhận thức được xu thế phát triển của thời đại mới.

Vì vậy, chỉ có giai cấp công nhân Việt Nam, với những phẩm chất tốt đẹp cùng những đặc điểm riêng biệt độc đáo, mới thực sự là người đại biểu đầy đủ và trọn vẹn nhất cho lợi ích của toàn dân tộc mới là giai cấp có khả năng lãnh đạo và đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn.

Nhưng để trở thành người lãnh đạo cách mạng, giai cấp công nhân phải tự tổ chức thành chính đảng cách mạng, bằng cách tiếp thu và giác ngộ chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

Câu hỏi: *Hoàn cảnh lịch sử, quá trình tìm đường cứu nước và đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.*

Hướng dẫn làm bài:

Nguyễn Ái Quốc sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm lược và thống trị. Các cuộc vùng dậy đấu tranh của nhân dân ta đều thất bại. Vì vậy, cứu nước, giải phóng dân tộc đã trở thành yêu cầu bức thiết nhất của toàn thể dân tộc.

Người ra đời trong một gia đình nhà nho yêu nước, ở một quê hương có truyền thống đấu tranh.

Tất cả hoàn cảnh khách quan và chủ quan đó là những điều kiện để người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước.

Rút kinh nghiệm thất bại của các sĩ phu yêu nước đương thời hướng con đường cứu nước về phía Nhật Bản, Nguyễn Ái Quốc đã đi sang phương Tây với một nhận thức là muốn đánh đuổi kẻ thù thì phải biết rõ kẻ thù. Điều này có tầm quan trọng to lớn để Nguyễn Ái Quốc đi đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin sau này.

Trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã đi đến nhiều nơi ở châu Á, châu Mỹ, châu Âu, làm nhiều nghề lao động khác nhau vừa để kiếm sống, vừa để hoạt động.

Với phương thức hoạt động như thế, Người có điều kiện để tiếp xúc và lăn lộn trong phong trào quần chúng, từ đó rút ra bài học quan trọng đầu tiên là: phân biệt rõ bạn và thù – ở đâu cũng chỉ có hai loại người là thiểu số đi áp bức bóc lột, còn đại đa số quần chúng lao động là những người bị áp bức bóc lột. Đây cũng chính là cơ sở thực tiễn để Nguyễn Ái Quốc tiếp thu và dang chủ nghĩa Mác – Lê-nin sau này.

Năm 1917, Nguyễn Ái Quốc từ Anh trở về Pháp, sau đó, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp.

Sau Thế chiến thứ nhất, các nước thắng trận họp Hội nghị để phân chia lại thế giới tại Véc-sai (1919).

Thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc đã đưa đến Hội nghị Bản yêu sách của nhân dân An Nam gồm 8 điểm đòi quyền lợi của các dân tộc Đông Dương. Tất nhiên, bọn đế quốc không thừa nhận, nhưng bản yêu sách đó đã gây tiếng vang lớn trong dư luận và trong giới Việt kiều Pháp. Cũng từ đó, Người rút ra bài học quan trọng là: Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình.

Cuộc Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại (1917), sự ra đời Quốc tế III của Lê-nin (1919) là những sự kiện trọng đại có tác động mạnh mẽ tới Nguyễn Ái Quốc.

Đặc biệt, bản Luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin đã có tác động mạnh mẽ tới nhận thức và chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (12/1920), Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Bằng hành động đó, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên và là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước nhảy vọt trong quá trình chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Từ một người yêu nước chân chính, Người đã trở thành một người cộng sản.

Người đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc đúng đắn cho nhân dân Việt Nam: con đường giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” (Hồ Chí Minh).

Từ năm 1921 – 1930 là giai đoạn Nguyễn Ái Quốc vận dụng chủ nghĩa Mác – Lê-nin để xây dựng đường lối cứu nước và tích cực chuẩn bị những điều kiện cần thiết để thành lập ở Việt Nam một chính đảng vô sản kiểu mới.

Giai đoạn này được đánh dấu bằng những mốc thời gian quan trọng sau:

- 1921-1923: thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sáng lập báo “Người cùng khổ”, viết “Bản án chế độ thực dân Pháp” và nhiều bài cho các báo “Việt Nam hôn”, Nhân đạo”, tạp chí “Thư tín quốc tế”, bắt đầu truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam và một số thuộc địa của Pháp.
- 1923-1924: sang Liên Xô, hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, tham dự các Đại hội quốc tế và nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin.
- 1924-1927: về Trung Quốc thành lập Việt Nam Cách mạng Thanh niên hội, sáng lập báo “Thanh niên” và viết nhiều tài liệu, bài giảng để huấn luyện cán bộ.

- Các bài giảng này được tập hợp lại in thành cuốn “Đường cách mệnh”, trình bày những quan điểm cơ bản trong đường lối cứu nước.
- Tích cực đào tạo cán bộ cách mạng, đưa lực lượng này về nước truyền bá công nghiệp Mác – Lê-nin một cách sâu rộng, trực tiếp và có hệ thống vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, đưa tới sự chuyển biến căn bản của phát triển giải phóng dân tộc và sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản.
- Tháng 02/1930, nhận thức đúng yêu cầu của phát triển cách mạng là sự lãnh đạo tập trung và được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Người triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bằng nỗ lực phi thường và những hoạt động xuất sắc của mình, qua 20 năm phấn đấu không mệt mỏi, Nguyễn Ái Quốc đã có nhiều cống hiến quan trọng cho cách mạng nước ta:

- Tìm ra chân lý cứu nước đúng đắn cho dân tộc.
- Tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- Dày công đào tạo đội ngũ cán bộ cách mạng.
- Chuẩn bị chu đáo những điều kiện về tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản và là người sáng lập Đảng.
- Vạch ra những vấn đề cốt tử trong đường lối cứu nước, đặt nền móng tư tưởng để Đảng Cộng sản xây dựng đường lối chiến lược cách mạng.
- Xây đắp mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng Pháp và cách mạng thế giới.

Như vậy, Nguyễn Ái Quốc chính là người đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn và chuẩn bị những điều kiện cần thiết để dìu dắt cả dân tộc đi theo con đường đó, tiến hành giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Câu hỏi: *Trình bày hoàn cảnh lịch sử và nội dung của Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (từ 6/1/1930). Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng.*

Hướng dẫn làm bài:

1. Hoàn cảnh lịch sử

Do tác động của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phong trào công nhân đã phát triển mạnh mẽ, ý thức giai cấp, ý thức chính trị ngày càng rõ rệt, kết thành một làn sóng cách mạng dân tộc dân chủ mạnh mẽ, trong đó giai cấp công nhân đã trở thành lực lượng tiên phong, nhưng còn rời rạc, thiếu phương hướng chung, thống nhất.

Cụ thể là ở Việt Nam lại có đến 3 tổ chức cộng sản hoạt động riêng rẽ công kích lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng của nhau, gây trở ngại cho phong trào cách mạng.

Thực tiễn đòi hỏi phải có một chính đảng duy nhất của giai cấp công nhân để lãnh đạo phong trào cách mạng.

Quốc tế Cộng sản đã chỉ thị cho những người cộng sản Việt Nam thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng.

Được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, họp ở Cửu Long (Hương Cảng - Trung Quốc) từ ngày 6/1/1930.

1. Nội dung Hội nghị

Nguyễn Ái Quốc phân tích tình hình thế giới và trong nước, phê bình những hành động thiếu thống nhất của các tổ chức cộng sản, đề nghị các tổ chức cộng sản đoàn kết thống nhất lại thành một đảng duy nhất.

Các đại biểu đã nhất trí bỏ mọi thành kiến, xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt, Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng) do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, gồm có nội dung cơ bản sau đây:

- Tính chất: Tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản.
- Nhiệm vụ: đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng.
- Mục tiêu:
 - + Làm cho Việt Nam độc lập, thành lập chính phủ và quân đội công nông.
 - + Tịch thu xí nghiệp, ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản cách mạng chia cho dân nghèo, “chuẩn bị cách mạng thổ địa”.
- Lực lượng cách mạng: công nông là gốc cách mạng, lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin làm nền tảng tư tưởng
- Lãnh đạo: Đảng Cộng sản Việt Nam lao động cách mạng, lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin làm nền tảng tư tưởng.
- Quan hệ quốc tế: cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, đoàn kết với các dân tộc thuộc địa và giai cấp công nhân trên thế giới.

2. Ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng

Ngày 24/02/1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn đã được chấp nhận gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị hợp nhất có ý nghĩa, giá trị như một Đại hội thành lập Đảng vì đã thông qua được đường lối cách mạng Việt Nam.

Đó là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc ở Việt Nam, là bước ngoặt vĩ đại của giai cấp công nhân, chấm dứt thời kì khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo và đường lối giải phóng dân tộc.

4. Nguyên nhân thành công của Hội nghị
- Giữa đại biểu các tổ chức cộng sản không có mâu thuẫn về ý thức hệ, đều có xu hướng vô sản, đều tuân theo điều lệ của Quốc tế Cộng sản.
 - Đáp ứng đúng yêu cầu thực tiễn của cách mạng lúc đó.
 - Do sự quan tâm của Quốc tế Cộng sản và uy tín cao của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.
5. Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Nguyễn Ái Quốc là người lựa chọn, đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản, xây dựng lý luận giải phóng dân tộc.
 - Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin về Việt Nam, chuẩn bị tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - Thành lập Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hội, tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam (6/1925).
 - Nguyễn Ái Quốc đã huấn luyện và đào tạo được một đội ngũ cán bộ trở thành những hạt nhân để thành lập Đảng.
 - Thống nhất các tổ chức cộng sản (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) thành một đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930, lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin làm nền tảng tư tưởng.
 - Soạn thảo Cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (được Hội nghị thành lập Đảng thông qua), đã thể hiện sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo của chủ nghĩa Mác – Lê-nin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.
 - Đây là sự nghiệp lớn lao và gian khổ, độc đáo và sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc.

Câu hỏi: *Tại sao nói sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu của lịch sử?*

Hướng dẫn làm bài:

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời không phải do ý muốn chủ quan của một cá nhân, một nhóm người mà là kết quả của cả một quá trình kết hợp, tác động, chuyển hoá lẫn nhau giữa ba yếu tố: chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta.

Quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam đã diễn ra trong suốt khoảng thời gian từ sau Thế chiến thứ nhất đến đầu năm 1930 với sự kết hợp ngày càng chặt chẽ giữa ba yếu tố: chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam

- Từ năm 1919 – 1925: Chủ nghĩa Mác – Lê-nin do Nguyễn Ái Quốc truyền bá đã bắt đầu thâm nhập vào một bộ phận tiên tiến trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước, đưa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta phát triển lên một bước mới.

- Ngược lại, sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã tạo ra những cơ sở xã hội và tư tưởng để chủ nghĩa Mác – Lê-nin có thể ăn sâu bám rễ vào mảnh đất Việt Nam.

- Từ năm 1926 trở đi, với sự ra đời và những hoạt động tích cực Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã được truyền bá trực tiếp, sâu rộng, có hệ thống vào Việt Nam, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ và đưa tới sự chuyển hoá sâu sắc trong phong trào yêu nước những năm 1928-1929.

Sự tiến triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã làm nảy sinh nhu cầu phải có sự lãnh đạo hiệu quả của một tổ chức chính trị cao hơn về chất lượng so với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Trước yêu cầu khách quan đó, 3 tổ chức cộng sản đã ra đời trong năm 1929 tạo điều kiện để chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước kết hợp với nhau đến độ chín muồi, đưa tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự nỗ lực phấn đấu của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các chiến sĩ cách mạng tiên bối, trong đó công lao vĩ đại nhất thuộc về lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - người dày công chuẩn bị điều kiện để thành lập Đảng và là người sáng lập Đảng.

Câu hỏi: *Tại sao nói Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam?*

Hướng dẫn làm bài:

- Đảng ra đời là kết quả giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân ta vào những năm 20 của thế kỉ XX. Đó là một tất yếu lịch sử.

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đến lượt nó, lại trở thành một nhân tố vô cùng quan trọng tạo ra bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, có tác động rất lớn đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. (Bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam).

- Đảng ra đời báo hiệu từ nay giai cấp công nhân Việt Nam đã có một bộ tham mưu của giai cấp và dân tộc để lãnh đạo cách mạng, đánh dấu sự chiến thắng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin đối với các trào lưu tư tưởng phi vô sản khác ở nước ta. Nó chứng tỏ giai cấp vô sản Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

+ Đảng ra đời đã chấm dứt thời kì khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo và đường lối của cách mạng Việt Nam. Trước năm 1930, phong trào yêu nước của nhân dân ta diễn ra liên tục, sôi nổi và quyết liệt song đều thất bại vì khủng hoảng về đường lối. Đảng ra đời đã vạch ra được đường lối cách mạng đúng đắn là: trước làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân rồi sau tiến lên chủ nghĩa xã hội.

+ Kể từ khi Đảng ra đời, cách mạng Việt Nam đã thuộc quyền lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản. Đảng đã xây dựng được lực lượng mới cho cách mạng, chủ yếu là liên minh công nông, lôi cuốn được đông đảo nông dân đi theo cách mạng, xây dựng được khối liên minh công – nông, nhân tố cơ bản tạo nên thắng lợi cho cách mạng.

÷ Đảng ra đời đã vạch được phương pháp cách mạng đúng đắn. Đó là phương pháp đấu tranh cách mạng bằng bạo lực của quần chúng theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin (điều mà các nhà cách mạng tiền bối trước năm 1930 chưa nhận thức được). Nhờ đó, Đảng ta biết xây dựng và sử dụng hai lực lượng chính trị và vũ trang để tiến hành khởi nghĩa.

- Kể từ khi Đảng ra đời, cách mạng Việt Nam thực sự trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Trước năm 1930, nhiều nhà cách mạng Việt Nam ra nước ngoài tìm đường cứu nước, nhưng chưa đề cập đến vấn đề đoàn kết với lực lượng cách mạng thế giới. Cách mạng Việt Nam tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới. Cách mạng Việt Nam cũng góp phần vào sự thắng lợi của phong trào cách mạng thế giới.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam.

+ Sau 15 năm, Đảng lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

+ Sau 9 năm lại làm nên chiến thắng Điện Biên (1954) làm chấn động toàn cầu.

+ 21 năm sau (1975) đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc và lãnh đạo nhân dân ta xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, Đảng ra đời trở thành một nhân tố quyết định nhất trong mọi nhân tố thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu hỏi: *Chúng mình Xô viết Nghệ Tĩnh là một chính quyền của dân, do dân và vì dân.*

Hướng dẫn làm bài:

1. Hoàn cảnh lịch sử

Ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 và chính sách bóc lột, đàn áp khủng bố của Pháp làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp thêm sâu sắc.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã trực tiếp tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng từ tháng 02/1930.

Lực lượng quần chúng tham gia ngày càng rộng lớn, nhất là công nhân và nông dân.

Phong trào phát triển mạnh từ tháng 5/1930. Riêng tháng 3/1930, cả nước có 16 cuộc đấu tranh của công nhân, 30 cuộc đấu tranh của nông dân, 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

Mở đầu là cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 01/5/1930.

Phong trào đấu tranh ở Nghệ Tĩnh nổ ra mạnh mẽ và quyết liệt nhất vì đã có sự liên kết rộng lớn giữa thành phố và nông thôn, giữa công nhân và nông dân...

Từ tháng 8/1930, nhiều cuộc đấu tranh có quy mô lớn đã nổ ra ở Vinh – Bến Thủy (01/8/1930), bắt đầu một thời kì đấu tranh quyết liệt.

Tháng 9/1930, phong trào đấu tranh dâng cao, nhất là ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Ở nông thôn, nhiều cuộc đấu tranh có quy mô đã nổ ra ở dưới hình thức biểu tình thị uy, biểu tình có vũ trang tự vệ... đã nổ ra ở Nam Đàn (30/8), Can Lộc (07/9), Thanh Chương (21/9).

Bộ máy thống trị của đế quốc ở nông thôn đã mất hiệu lực và tan rã trong nhiều vùng rộng lớn. Trước tình hình đó, các tổ chức Đảng ở địa phương đã đứng ra thực hiện quyền làm chủ thôn xóm.

2. Xô viết Nghệ Tĩnh là chính quyền của dân, do dân và vì dân

Tại Nghệ An, chính quyền Xô viết ra đời ở các xã thuộc huyện Thanh Chương, Nam Đàn, một số huyện Anh Sơn, Nghi Lộc... tại Hà Tĩnh cũng ra đời ở một số huyện như Can Lộc, Nghi Xuân, Hương Khê...

Xô viết Nghệ Tĩnh, đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931, đảm nhiệm chức năng của chính quyền cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Nhưng đây là hình thái sơ khai của chính quyền công nông vì chưa lập được bộ máy chính quyền hoàn chỉnh.

Chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh là chính quyền của dân, do dân và vì dân vì do nhân dân thành lập, làm chủ và đem lại nhiều lợi ích căn bản cho nhân dân:

- Về chính trị: Chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh ban bố và thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân. Quần chúng được tự do hội họp và tham gia hoạt động đoàn thể như Nông hội, Công hội, Đội tự vệ...

- Về kinh tế: chính quyền chia lại ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, xóa nợ, bãi bỏ các loại thuế chợ, thuế thân, tu sửa cầu cống, đê điều, tổ chức giúp nhau sản xuất.

- Về văn hóa – xã hội: Khuyến khích nhân dân học chữ Quốc ngữ, xóa bỏ những phong tục tập quán lạc hậu, giữ vững trật tự an ninh, tổ chức đời sống mới.

- Về quân sự: các đội tự vệ được thành lập để bảo vệ quần chúng trong đấu tranh, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, trấn áp bọn phản động cách mạng.

3. Ý nghĩa ra đời của Xô viết Nghệ Tĩnh

Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng Cộng sản Pháp nhiệt liệt ủng hộ chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh.

Ngày 11/4/1931, Quốc tế Cộng sản đã công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là một phân bộ độc lập thuộc Quốc tế Cộng sản.

Tuy chỉ tồn tại được 4 – 5 tháng nhưng Xô viết Nghệ Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng và tính ưu việt của nó:

- Là một sáng tạo của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- Đã khẳng định sự đúng đắn của đường lối cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra.
- Tỏ rõ bản chất cách mạng và năng lực lãnh đạo của giai cấp công nhân.
- Chứng tỏ sức mạnh to lớn của khối liên minh công nông có khả năng lật đổ nền thống trị của đế quốc và phong kiến, xây dựng một cuộc sống mới.

Xô viết Nghệ Tĩnh thất bại nhưng đã chuẩn bị lực lượng cho cuộc Cách mạng tháng Tám sau này.

Câu hỏi: *Chứng minh phong trào cách mạng 1930 – 1931 là một phong trào cách mạng có tính chất rộng lớn, quyết liệt và triệt để.*

Hướng dẫn làm bài:

1. Đây là một phong trào có tính chất rộng lớn
 - Phong trào cách mạng 1930-1931 đã:
 - + Phát triển trên quy mô cả nước.
 - + Kéo dài liên tục suốt hai năm (từ đầu năm 1930 đến cuối năm 1931).
 - + Được sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng.
 - + Đã thu hút sự tham gia đông đảo của quần chúng công nông, với hàng trăm cuộc đấu tranh lớn nhỏ, tiêu biểu là:
 - * Cuộc đấu tranh của gần 5000 công nhân và nông dân Vinh – Bến Thủy vào ngày 01/5/1930.
 - * Cuộc biểu tình của hơn 2 vạn nông dân huyện Thanh Chương ngày 01/9/1930.
 - * Cuộc biểu tình tuần hành của 8000 nông dân huyện Hưng Nguyên ngày 12/9/1930...
2. Đây là một phong trào có tính chất quyết liệt
 - Quần chúng đã sử dụng các hình thức đấu tranh từ thấp đến cao, từ mít tinh biểu tình đến đột phá huyện đường, phá nhà lao, kết hợp biểu tình thị uy với hoạt động nửa vũ trang để tiến công địch, buộc bọn thống trị phải chấp nhận yêu sách của mình.
 - Trong phong trào này, các hình thức sơ khai của khởi nghĩa từng phần đã được sử dụng nhằm chống lại chính quyền địch và duy trì, bảo vệ các Xô viết, giữ vững thành quả cách mạng.
3. Đây là phong trào có tính chất triệt để
 - Nó nhằm vào cả hai kẻ thù cơ bản của nhân dân ta là bọn đế quốc và bè lũ phong kiến tay sai.

- Tại một số nơi thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, hệ thống chính quyền địch tan rã từng mảng, bọn quan lại và cường hào bỏ trốn, chính quyền địch đã bị thủ tiêu, chính quyền Xô viết đã được thành lập.

Phong trào cách mạng 1930-1931 là phong trào cách mạng rộng lớn đầu tiên của quần chúng công nông ở nước ta do chính đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Tính chất rộng lớn, quyết liệt và triệt để của phong trào đã chứng minh bước phát triển nhảy vọt về chất của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta một khi có Đảng lãnh đạo.

Câu hỏi: Chứng minh cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là một cuộc vận động quần chúng hết sức rộng rãi với những hình thức đấu tranh rất phong phú.

Hướng dẫn làm bài:

1. Cuộc vận động quần chúng hết sức rộng rãi

Có nhiều cuộc đấu tranh tiêu biểu, thu hút rất đông đảo quần chúng đủ mọi giai cấp, tầng lớp, ngành nghề, cá nhân có xu hướng dân chủ tham gia.

Tiêu biểu như phong trào Đông Dương Đại hội, các cuộc “đón rước” Gô-đa, Brêviê sang Đông Dương, mít tinh ngày 01/5/1938 tại Đấu Xảo, Hà Nội.

a. Phong trào công nhân

- Hàng năm có hàng trăm cuộc đấu tranh của công nhân, bao gồm từ những công nhân đồn điền đến những người lao động bình thường, đòi quyền tự do dân chủ như tăng lương, giảm giờ làm, đòi lập nghiệp đoàn,...

- Từ những cuộc đấu tranh lẻ tẻ đến những cuộc đấu tranh quy mô lớn, ảnh hưởng vang dội như đấu tranh của công nhân Hòn Gai- Cẩm Phả (11/1963), của công nhân xe lửa Trường Thi, công nhân đường sắt toàn Đông Dương (1937),...

b. Phong trào nông dân

Hàng năm cũng có hàng trăm cuộc, đặc biệt cuộc đấu tranh của nông dân Nam Kỳ đòi các quyền tự do dân chủ, chống đói.

c. Các tầng lớp lao động khác

Tiểu thương, viên chức, học sinh, sinh viên cũng tham gia rất đông, thậm chí cả một bộ phận tầng lớp trên và một số người Pháp có xu hướng dân chủ tham gia.

2. Hình thức đấu tranh phong phú

- Các đoàn thể quần chúng (hội thể thao, đọc sách, cứu tế,...) mọc lên khắp nơi.

- Biểu tình, mít tinh, hội thảo, “đón rước”, bãi công, bãi thị, bãi khóa, hoạt động bí mật, công khai hợp pháp...

- Các hình thức đấu tranh nghị trường và tư tưởng văn hóa cũng được Đảng ta sử dụng triệt để. Trong các cuộc bầu cử vào “nghị viện”, người của Mặt trận đều giành được thắng lợi lớn.
- Thông qua hoạt động này, Đảng đã phát động được phong trào đấu tranh sôi nổi của quần chúng.
- Sách báo tiến bộ bằng tiếng Việt và tiếng Pháp được phổ biến rộng rãi như báo Tin tức, Dân chúng, Lao động,... cuốn “Vấn đề dân cày” (của Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp),...
- Các sách báo này đã vạch trần tội ác của giặc, bệnh vực, cổ vũ quần chúng, tuyên truyền giác ngộ quần chúng, có tác dụng rất to lớn.

Câu hỏi: *Hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng 8/5/1941 đề ra chủ trương chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang như thế nào?*

Hướng dẫn làm bài:

Hội nghị Trung ương Đảng 8 họp từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941 tại Pắc Pó (Cao Bằng), do Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, đã đề ra chủ trương chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang:

- Xúc tiến việc chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới khởi nghĩa vũ trang, coi việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng toàn dân.
- Khởi nghĩa vũ trang muốn thắng lợi phải nổ ra đúng thời cơ, “phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù”, tức là phải có đủ điều kiện khách quan và chủ quan.
- Trong những điều kiện thuận lợi nhất định như khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ hoặc khi cách mạng Trung Quốc phát triển, “thì lúc đó, với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho công cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”.
- Hội nghị Trung ương 8 đề ra chủ trương tiến hành chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ địa, khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận tiến lên tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.
- Đây là một chủ trương sáng tạo của Đảng và Hồ Chí Minh.

Câu hỏi: *Quá trình xây dựng, phát triển và vai trò của lực lượng chính trị trong Cách mạng tháng Tám.*

Hướng dẫn làm bài:

Ngay từ khi ra đời, Đảng ta sớm xác định đúng vai trò quyết định của lực lượng chính trị và thường xuyên chăm lo xây dựng lực lượng quần chúng.

Trong cao trào cứu nước, giải phóng dân tộc, đặc biệt là từ sau Hội nghị Trung ương 8, Đảng đã đẩy mạnh công cuộc xây dựng lực lượng chính trị song song với việc phát triển lực lượng vũ trang.

Bộ phận nòng cốt của lực lượng chính trị là Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh).

Theo đề nghị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Mặt trận Việt Minh chính thức được thành lập ngày 19/5/1941.

Cơ sở Việt Minh bắt đầu xuất hiện từ Cao Bằng rồi lan nhanh ra khu Việt Bắc và toàn quốc. Các đoàn thể cứu quốc phát triển khắp nơi, mạnh nhất là các vùng nông thôn và căn cứ địa.

Đầu năm 1943, công tác chuẩn bị lực lượng chính trị càng được đẩy mạnh hơn.

Mặt trận Việt Minh được mở rộng và phát triển đến tất cả các giai cấp tiến bộ, theo một hệ thống từ trên xuống dưới.

Để mở rộng hơn nữa lực lượng cách mạng, Đảng đề ra Đề cương Văn hóa Việt Nam, đồng thời đẩy mạnh công tác vận động trí thức, học sinh, tư sản yêu nước, binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp và ngoại kiều ở các thành thị.

Đảng thành lập Hội Văn hóa Cứu quốc để tập hợp các văn nghệ sĩ, đồng thời giúp một số trí thức lập Đảng Dân chủ.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, Đảng phát động cao trào kháng Nhật cứu nước trong toàn quốc. Trong thời kì này, công tác xây dựng lực lượng chính trị được đẩy lên một bước mới.

Ở nông thôn, ta tổ chức phong trào phá kho thóc của Nhật, giải quyết nạn đói, qua đó tiến hành tập hợp và rèn luyện quần chúng, hình thành một đạo quân chính trị rộng lớn trong toàn quốc.

Tại các vùng đô thị, Mặt trận Việt Minh liên tiếp tổ chức mít tinh, biểu tình khắp nơi nhằm vạch mặt bọn Nhật, động viên quần chúng hăng hái đứng lên chống Nhật, giành chính quyền.

Dựa trên đội quân chính trị quần chúng hùng hậu, tháng 08/1945, khi thời cơ đến, Đảng đã phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám diễn ra bằng sức mạnh của cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang trong đó lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị đóng vai trò chủ yếu, quyết định. Còn lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang có tác dụng hỗ trợ mở đường cho quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

Câu hỏi: *Quá trình ra đời, phát triển và vai trò của lực lượng vũ trang trong Cách mạng tháng Tám 1945.*

Hướng dẫn làm bài:

Nắm vững tư tưởng bạo lực cách mạng, trên cơ sở lực lượng chính trị, Đảng ta từng bước xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng.

Bộ phận nòng cốt ban đầu của lực lượng vũ trang cách mạng là đội du kích Bắc Sơn, được thành lập sau khi khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại. Về sau, đội du kích này đã phát triển thành 3 Trung đội Cứu quốc quân.

Để chống lại âm mưu tiêu diệt của địch, Cứu quốc quân đã tiến hành 8 tháng chiến tranh du kích (07/1941 – 02/1942) ở Đình Cả, Trảng Xá. Sau đó, một bộ phận rút lên biên giới Việt – Trung củng cố lực lượng, một bộ phận ở lại xây dựng và phát triển cơ sở tiếp tục tiến xuống, mở rộng phạm vi hoạt động ra khắp Thái Nguyên, Tuyên Quang.

Ở căn cứ địa Cao Bằng, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ thị thành lập đội du kích thoát ly và các đội tự vệ chiến đấu, tiến tới thành lập các đội vũ trang thoát ly của tổng huyện.

Từ giữa năm 1944, tình hình chuyển biến mau lẹ, có lợi cho lực lượng cách mạng. Trước tình hình đó, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị “sửa soạn khởi nghĩa” (07/5/1944). Đến tháng 8/1944, Đảng ra Lời kêu gọi “sấm sủa vũ khí, đuổi thù chung”. Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi nổi khắp nơi. Nhân dân hăng hái mua sắm vũ khí, xây dựng các đội tự vệ, ra sức luyện tập quân sự. Đúng lúc đó, lãnh tụ Hồ Chí Minh sau một thời gian bị Chính phủ Tưởng Giới Thạch giam cầm ở Trung Quốc, đã trở về nước, tiếp tục lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

Ngày 22/12/1994, Người ra chỉ thị thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với phương châm: chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến.

Sau khi thành lập, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã thành lập chiến công đầu, lần lượt hạ hai đồn Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng) làm nức lòng nhân dân cả nước.

Ngoài lực lượng vũ trang trung ương, Đảng còn tích cực xây dựng, phát triển các đội quân vũ trang địa phương ở huyện tỉnh, lập các đội diệt ác, tuyên truyền vũ trang.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, lực lượng vũ trang đã có một bước tiến mới. Ở căn cứ Việt Bắc, lực lượng vũ trang đã tiến hành chiến tranh du kích cục bộ, tiến công các đồn bốt của địch, tạo điều kiện để quần chúng nổi dậy khởi nghĩa từng phần, giành quyền làm chủ. Ở các địa phương cũng xuất hiện thêm nhiều đội vũ trang mới, tiêu biểu là du kích Ba Tơ (Quảng Ngãi), du kích Bắc Giang, Hưng Yên...

Trước sự phát triển của lực lượng cách mạng, tháng 4/1945, Hội nghị Quân sự Bắc Kỳ đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên hết. Hội nghị chủ trương mở rộng, phát triển chiến tranh du kích, kiện toàn các căn cứ địa trong cả nước.

Theo tinh thần của Hội nghị, đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân đã được thống nhất lại thành Việt Nam Giải phóng quân (5/1945).

Tháng 6/1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập. Tiếp đó, các chiến khu Hòa – Ninh – Thanh (Quang Trung – 5/1945), Phú Thọ - Yên Bái (6/1945), Đông Triều – Quảng Yên (Trần Hưng Đạo – 6/1945)... được xây dựng và củng cố. Hệ thống an toàn khu Trung ương xung quanh Hà Nội cũng được kiện toàn. Các đội tự vệ chiến đấu, ra đời ngày càng nhiều.

Trên cơ sở lực lượng vũ trang đã được chuẩn bị chu đáo, Đảng đã đón thời cơ thuận lợi phát động cuộc Tổng khởi nghĩa toàn quốc.

Trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, lực lượng vũ trang đóng vai trò nòng cốt.

Trong những đòn quyết định đánh vào đầu não địch ở Hà Nội và các đô thị, lực lượng vũ trang đã nhanh chóng hỗ trợ cho lực lượng chính trị nổi dậy đè bẹp sức phản kháng của kẻ thù, giành quyền làm chủ, đưa lại thắng lợi trọn vẹn về tay nhân dân.

Hỏi: Điều kiện lịch sử nào đã đòi hỏi cách mạng Việt Nam trong thời kì 1939 – 1945 phải đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?

Hướng dẫn làm bài:

Do những điều kiện lịch sử đặt ra một cách cấp bách, vấn đề giải phóng dân tộc đến thời kì 1939 – 1945 trở thành vấn đề nổi lên hàng đầu trong chủ trương chỉ đạo chiến lược mới của Đảng (đề ra từ trong Hội nghị Trung ương lần thứ 6 tháng 11/1939 và đến Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tháng 5/1941 thì hoàn chỉnh).

Những điều kiện đó là:

- Thế chiến II (1939 – 1945) bùng nổ. Phát xít Đức tấn công xâm lược nhiều nước ở châu Âu, tấn công Liên Xô tháng 6/1941.
- Nhân dân Liên Xô, bắt đầu từ cuối tháng 6/1941, tiến hành cuộc kháng chiến chống phát xít, bảo vệ Tổ quốc, liên tiếp giành được thắng lợi, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc đấu tranh giải phóng khỏi ách đế quốc, giải phóng dân tộc.
- Nước Pháp tham gia chiến tranh chống phát xít, nhưng chẳng bao lâu bọn phản động lên cầm quyền ở Pháp đã đầu hàng.
- Thực dân Pháp ở Việt Nam thừa dịp đó tấn công cách mạng, nhưng khi Nhật vào Việt Nam thì đầu hàng Nhật.

- Tất cả những sự kiện trên đã bộc lộ bản chất của thực dân Pháp: vừa phát động, vừa hèn nhát.
- Ở Việt Nam, Pháp và Nhật cấu kết nhau thống trị nhân dân Việt Nam, đặt nhân dân ta trong tình cảnh "một cổ hai tròng": Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp Nhật trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Tình hình đó tạo ra những khả năng mới để tập hợp lực lượng tiến tới đánh đổ đế quốc, giành độc lập dân tộc.
- Vì vậy, Đảng đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu: trước hết phải làm sao giải phóng cho dân tộc Việt Nam ra khỏi ách thống trị của phát xít Pháp – Nhật.
- Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất. Chỉ đề ra khẩu hiệu giảm tô giảm tức, tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng đem chia cho nông dân nghèo.

Câu hỏi: *Hãy trình bày sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ý nghĩa lịch sử của sự kiện này?*

Hướng dẫn làm bài:

1. Sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
 - Trong cao trào kháng Nhật cứu nước, khu giải phóng Việt Bắc đã được thành lập (Cao – Bắc – Lạng – Hà – Tuyên – Thái).
 - Ủy ban lâm thời khu giải phóng đã thi hành 10 chính sách lớn của Việt Minh nhằm đưa lại quyền lợi cho nhân dân.
 - Đó chính là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau này.
 - Trong vòng 15 ngày (14/8/1945 – 28/8/1945), cách mạng đã thành công trong cả nước một cách nhanh chóng và ít đổ máu.
 - Ngày 02/9/1945, Chính phủ Trung ương lâm thời ra mắt quốc dân ở Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
2. Ý nghĩa lịch sử
 - a. Trong nước
 - Đánh dấu sự thắng lợi của thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, chấm dứt thời kì 80 năm bị đế quốc thống trị, đưa nhân dân ta từ địa vị nô lệ lên địa vị làm chủ nước nhà.
 - Lật đổ chế độ phong kiến đã đè nặng trên đầu nhân dân ta hàng chục thế kỉ qua, thiết lập chế độ dân chủ trên đất nước ta.
 - Mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: kỉ nguyên độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
 - Là thắng lợi của tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh, đường lối giải phóng dân tộc của Đảng.

1. Thế giới

- Thắng lợi đầu tiên của một nước thuộc địa đã tự đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân giành độc lập, tự do.
- Là sự cổ vũ đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới.
- Thành lập được nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á.

Yêu cầu: *Hãy phân tích bản “Tuyên ngôn Độc lập” ngày 02/9/1945.*

Hướng dẫn làm bài:

Cách mạng tháng Tám thành công đã đưa đến sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người trực tiếp soạn thảo bản “Tuyên ngôn độc lập” và thông qua Chính phủ lâm thời.

Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chủ tịch đã lấy ngay hai ý cơ bản trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp 1789: “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng”.

Tiếp đó, Người đã nghiêm khắc lên án tội ác của thực dân Pháp: “Thế mà hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái để cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta”.

Từ những sự việc cụ thể, Người đã nêu lên tội ác của thực dân Pháp gây ra đối với đồng bào ta.

Người tố cáo mạnh mẽ sự đón hèn của thực dân Pháp đã đầu hàng nhục nhã giặc Nhật.

Người lên án hai tầng lớp áp bức nặng nề của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Chính sách đàn áp, bóc lột nặng nề ấy đã làm cho hơn hai triệu đồng bào miền Bắc chết đói trong năm 1945.

Hồ Chủ tịch đã khẳng định rằng: từ đau thương tàn khốc, dân tộc Việt Nam anh dũng đứng dậy chống xâm lược.

Người tuyên bố: “một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc ấy phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”.

Sau đó, Người đã chỉ rõ: dân tộc Việt Nam đã đứng lên tự giải phóng mình, giành lại độc lập, tự do từ tay Nhật. Người khẳng định Việt Nam không còn là thuộc địa của Pháp, thực dân Pháp không còn quyền lợi gì ở Việt Nam bởi Pháp đã dâng Việt Nam cho Nhật từ tháng 4/1940.

Người tuyên bố trước toàn thế giới quyền hưởng tự do và độc lập của dân tộc Việt Nam. Người tin rằng nhân dân thế giới, chính phủ và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới sẽ công nhận quyền độc lập tự do của nước Việt Nam.

Cuối cùng, “Tuyên ngôn Độc lập” đã nêu lên ý chí sắt đá, lòng quyết tâm bảo vệ tự do, độc lập của dân tộc ta: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết tâm đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”.

Bản “Tuyên ngôn Độc lập” là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Độc lập tự do là tư tưởng trung tâm của bản “Tuyên ngôn Độc lập” của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó là lí tưởng, là mục tiêu trên hết của Hồ Chủ tịch, của Đảng và của dân tộc Việt Nam, cũng như của mọi dân tộc trên thế giới.

Câu hỏi: *Phân tích bài học thời cơ của Cách mạng tháng Tám 1945.*

Hướng dẫn làm bài:

Giữa lúc tiếng súng đảo chính của Nhật bắt đầu nổ, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và xác định rõ: sự biến ngày 09/3/1945 tạo ra cơ hội tốt cho các điều kiện khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

Điều kiện có thể thực hiện Tổng khởi nghĩa là: khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật. Khi quân Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản quân Đồng minh phía sau chúng sơ hở. Ta không được ỷ lại và không được tự bó tay mình, phải tích cực chủ động, dựa vào sức mình là chính.

Giữa tháng 8/1945, cách mạng đã có ưu thế cả ở nông thôn và đô thị.

Chính phủ Nhật đầu hàng. Tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện: quân Nhật ở Việt Nam tê liệt và chính quyền Trần Trọng Kim tan rã, lung lay tận gốc. Quân Đồng minh chưa kịp vào Đông Dương tước khí giới quân Nhật.

Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào từ ngày 14 đến ngày 15/8/1945 khẳng định cơ hội tốt cho ta giành độc lập đã đến.

Tình thế vô cùng khẩn cấp đòi hỏi phải chiếm lấy ngay những căn cứ chính (cả các đô thị) trước khi quân Đồng minh vào, thành lập ngay các Ủy ban nhân dân ở những nơi giành được chính quyền. Thời cơ “ngàn năm có một” xuất hiện. Nhân dân cả nước kiên quyết giành cho được độc lập.

Đảng đã nắm chắc thời cơ này, lãnh đạo toàn dân đứng lên Tổng khởi nghĩa. Cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945 của nhân dân là một điển hình thành công về nghệ thuật chuẩn bị lâu dài về lực lượng và nắm vững thời cơ. Muốn giành thắng lợi phải chuẩn bị lực lượng chu đáo và lâu dài.

Công cuộc chuẩn bị lực lượng để tiến lên Tổng khởi nghĩa của nhân dân ta kéo dài trong 15 năm, qua các phong trào cách mạng, mỗi phong trào là một cuộc diễn tập. Tích cực chuẩn bị chu đáo lực lượng là một nguyên tắc của đường lối khởi nghĩa vũ trang.

Trên cơ sở chuẩn bị lực lượng chu đáo phải biết dự kiến chiều hướng phát triển của tình hình, dự kiến các điều kiện thời cơ của khởi nghĩa, bắt đúng mạch tình hình, chớp thời cơ, dũng cảm phát động khởi nghĩa, giành chính quyền.

âu hỏi: Cách mạng tháng Tám đã để lại những bài học kinh nghiệm gì? Từ đó hãy phân tích bài học kinh nghiệm về bạo lực cách mạng và khởi nghĩa vũ trang.

ướng dẫn làm bài:

Bài học kinh nghiệm

- Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, kết hợp đúng đắn, sáng tạo nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.
- Đánh giá đúng và biết tập hợp lực lượng yêu nước một cách rộng rãi với nòng cốt là liên minh công nông.
- Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ địch, tập trung mũi nhọn cách mạng vào kẻ thù cụ thể trước mắt.
- Vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng (kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị), kết hợp khởi nghĩa ở nông thôn với nổi dậy của nhân dân ở thành thị để giành chính quyền.

Phân tích bài học kinh nghiệm bạo lực cách mạng

- Kiên quyết đi theo con đường bạo lực cách mạng của quần chúng bằng cách kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với một số cuộc tấn công quân sự của lực lượng vũ trang, tạo thành sức mạnh tổng hợp, đè bẹp bộ máy chính quyền địch, giành thắng lợi cho cách mạng.
- Kết hợp xây dựng cơ sở cách mạng ở cả nông thôn và đô thị với việc xây dựng lực lượng vũ trang, lập căn cứ địa cách mạng.
- Kết hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào quần chúng ở đô thị.
- Tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn giành chính quyền bộ phận, tiến lên khởi nghĩa ở cả nông thôn và đô thị trong đó có đòn quyết định là khởi nghĩa ở đô thị đập tan các cơ quan đầu não của địch, kết thúc thắng lợi dứt khoát cuộc khởi nghĩa.
- Chuẩn bị chu đáo về lực lượng, nắm vững và chớp đúng thời cơ, tập trung lực lượng, kiên quyết và dũng cảm, kịp thời phát động khởi nghĩa.

*** Kết luận:**

- Cách mạng tháng Tám là một điển hình sáng tạo về khoa học và nghệ thuật khởi nghĩa vũ trang, góp phần làm phong phú lí luận chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

- Những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám 1945 được tiếp tục kế thừa và phát triển lên một trình độ mới trong điều kiện của kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ về sau.

Câu hỏi: *Hãy phân tích nội dung, ý nghĩa Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch.*

Hướng dẫn làm bài:

1. Nội dung của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến

Trước việc Pháp từng bước bội ước sau khi kí Hiệp định Sơ bộ, Tam ước và có những hành động khiêu khích ta, trong 2 ngày 18 và 19/12/1946 tại làng Vạn Phúc (Hà Đông), Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định phát động toàn quốc kháng chiến. Ngay đêm 19/12/1946, Hồ Chủ tịch ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" với nội dung:

Mở đầu người nêu rõ vì sao nhân dân ta phải đứng lên kháng chiến "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!"

Người nêu lên quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của dân tộc:

"Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

"Giờ cứu nước đã đến! Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước".

Người kêu gọi nhân dân ta vùng dậy đánh giặc bằng mọi phương tiện có trong tay:

"Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già hay trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên chống thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước".

Người khẳng định niềm tin tất thắng của kháng chiến:

"Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh thắng lợi nhất định về ta".

2. Ý nghĩa lịch sử

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch nói lên:

- Chân lí thiêng liêng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do".
- Là biểu hiện tinh thần bất khuất, quyết tâm sắt đá của dân tộc ta.
- Là lời hịch cứu nước, có tác dụng động viên, thôi thúc, cổ vũ nhân dân vùng dậy chống giặc cứu nước.

Lời kêu gọi đó đã phác họa ra những nét cơ bản về đường lối chiến nhân dân và được Đảng ta phát triển hoàn chỉnh thành đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh.

Câu hỏi: Hãy phân tích đường lối chiến tranh nhân dân được Đảng ta đề ra từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp?

Hướng dẫn làm bài: Đêm 19/12/1946, đồng bào cả nước đã nhất tề đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc.

1. Hoàn cảnh lịch sử

Ngay từ đầu kháng chiến, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời đề ra đường lối kháng chiến để lãnh đạo cuộc chiến đấu của quân dân ta. Đường lối đó được vạch ra trong các văn kiện lịch sử và tác phẩm sau đây:

- “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Hồ Chí Minh (19/12/1946): khẳng định quyết tâm kháng chiến và nêu lên tư tưởng cơ bản về chiến tranh nhân dân, chiến tranh toàn dân.

- Bản Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/12/1946): vạch rõ mục đích, tính chất, phương châm cơ bản và chương trình của kháng chiến.

- Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Trường Chinh (9/1947): giải thích rõ đường lối kháng chiến của Đảng và Hồ Chí Minh.

2. Phân tích đường lối kháng chiến của Đảng

Cuộc kháng chiến của ta là cuộc chiến tranh nhân dân vì độc lập, tự do và hòa bình thế giới.

Đường lối cơ bản của cuộc kháng chiến là đường lối chiến tranh nhân dân:

- Toàn dân: vì lợi ích của toàn dân và do toàn dân tiến hành.

- Toàn diện: đánh địch về mọi mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao.

- Trường kì: áp dụng chiến lược đánh lâu dài dựa vào sức mạnh của mình là chính, với ưu thế tuyệt đối của ta về chính trị và tinh thần để khắc phục dần những nhược điểm về vật chất kĩ thuật khiến cho ta càng đánh càng mạnh, địch càng đánh càng suy yếu dần dần, làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch, cuối cùng đánh bại chúng.

- Tự lực cánh sinh: chủ yếu là dựa vào sức mạnh của nhân dân, đồng thời tranh thủ viện trợ quốc tế. Muốn đánh lâu dài, phải dựa vào sức mình là chính.

Tư tưởng chiến tranh nhân dân của đường lối đó thể hiện sâu sắc qua mục đích của cuộc chiến tranh, vai trò của nhân dân trong cuộc chiến tranh, phương thức xây dựng lực lượng, chiến thuật, chiến lược.

Đường lối đó đã thể hiện một cách sinh động và phong phú trong thực tiễn kháng chiến của quân dân ta trên tất cả mọi mặt hoạt động kháng chiến (mục đích chiến tranh, vai trò của nhân dân, phương thức xây dựng lực lượng, chiến lược, chiến thuật).

Đường lối kháng chiến của Đảng và Hồ Chí Minh ngày càng phát triển hoàn chỉnh hơn trong quá trình kháng chiến, nhất là qua Đại hội lần thứ II của Đảng năm 1951 và qua các Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong những năm cuối kháng chiến.

3. Ý nghĩa

Chính nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, nhờ có quyết tâm cao của toàn dân mà chúng ta giành thắng lợi cuối cùng.

Đường lối kháng chiến của Đảng thấm nhuần tư tưởng chiến tranh nhân dân sâu sắc, mang tính chính nghĩa, nên được nhân dân ủng hộ.

Đường lối kháng chiến đúng đắn là ngọn cờ đoàn kết, động viên toàn dân đánh thắng kẻ thù xâm lược.

Câu hỏi: *Hãy trình bày diễn biến, nội dung chủ yếu, ý nghĩa và hạn chế của Hiệp định Giơ-ne-vơ.*

Nội dung nào trong Hiệp định thể hiện thắng lợi lớn nhất của ta?

Hướng dẫn làm bài:

1. Diễn biến của Hội nghị Giơ-ne-vơ

Lập trường của ta từ đầu kháng chiến là sẵn sàng thương lượng để giải quyết vấn đề Việt Nam. Ngày 26/11/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố “Nếu thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì nhân dân Việt Nam tiếp tục cuộc chiến tranh ái quốc đến thắng lợi cuối cùng... muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng thương lượng... thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng tiếp ý muốn đó”.

Từ năm 1953, vì thất bại trên chiến trường nên Pháp thay đổi thái độ, chịu đàm phán với ta.

Tháng 1/1954, Hội nghị Ngoại trưởng bốn nước Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp họp ở Béc-lin đã thoả thuận về việc triệu tập Hội nghị quốc tế ở Giơ-ne-vơ nhằm giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hoà bình ở Đông Dương.

Hội nghị Giơ-ne-vơ bắt đầu họp ngày 26/4/1954, khi các trận đánh ở Điện Biên Phủ bước vào thời kì cuối cùng, đang hết sức quyết liệt.

7/5/1954, ta tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ thì ngày 8/5/1954 Hội nghị Giơ-ne-vơ bắt đầu thảo luận vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương. Phái đoàn Chính phủ ta do Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu chính thức được mời họp.

Trong quá trình đấu tranh trên bàn Hội nghị, ta cương quyết giữ vững lập trường: độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Do Pháp ngày càng lún sâu trên chiến trường Đông Dương và phong trào phản chiến của nhân dân Pháp lên của Pháp nên Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương đã được kí kết vào ngày 21/7/1954 (trải qua 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp họp – Riêng Mỹ ra tuyên bố riêng cam kết tôn trọng Hiệp định nhưng không chịu sự ràng buộc của Hiệp định).

Thắng lợi của việc kí Hiệp định là sự phối hợp hoàn hảo của 2 mặt trận: đấu tranh vũ trang và đấu tranh ngoại giao.

Với Hiệp định Gio-ne-vơ, lần đầu tiên trong lịch sử, các nước đế quốc buộc phải công nhận về mặt pháp lí quyền độc lập của một nước thuộc địa đã trải qua con đường dùng bạo lực giành lấy cuộc sống tự do độc lập.

Đó là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và phong trào giải phóng dân tộc thế giới

2. *Nội dung chủ yếu*

Ngày 21/7/1954, Hiệp định Gio-ne-vơ được kí kết bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
- Không can thiệp vào Gio-ne-vơ công việc nội bộ của 3 nước đó.
- Để chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, hai bên cùng thực hiện ngừng bắn, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực.
- Lấy vĩ tuyến 17 dọc sông Bến Hải làm giới tuyến quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương.
- Các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương.
- Các nước Đông Dương không được gia nhập những khối liên minh quân sự.
- Không để các nước khác dùng lãnh thổ của mình để gây lại chiến tranh hoặc để phục vụ mục đích xâm lược.
- Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, cuộc tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 7/1956 dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế.
- Trách nhiệm thi hành Hiệp định Gio-ne-vơ thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục nhiệm vụ của họ.

3. *Hạn chế*

- Việt Nam mới được giải phóng nửa nước (từ vĩ tuyến 17 ra Bắc).
- Lào chỉ có 2 tỉnh (Sầm Nưa và Phong Xa Li) được giải phóng.
- Ở Cam-pu-chia, lực lượng kháng chiến không có vùng tập kết nên phải giải ngũ.

4. *Nội dung thể hiện thắng lợi*

Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia, không can thiệp vào công việc nội bộ của 3 nước đó, thể hiện thắng lợi lớn nhất của ta.

5. *Ý nghĩa*

- Cùng với thắng lợi của Điện Biên Phủ, Hiệp định Gio-ne-vơ đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của nhân dân Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung, mở ra một thời kì mới cho dân tộc: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám.
- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.
- Là thắng lợi của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, nhất là nhân dân Pháp.
- Cổ vũ cuộc đấu tranh của các dân tộc đang đấu tranh cho độc lập dân tộc.
- Hiệp định Giơ-ne-vơ đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam sau này. Đặc biệt là bài học kinh nghiệm về đấu tranh quân sự song song với đấu tranh vũ trang.

Câu hỏi: Đảng ta đã xây dựng hậu phương trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) như thế nào?

Hãy phân tích tác dụng của vấn đề xây dựng hậu phương đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Hướng dẫn làm bài:

1. Tầm quan trọng của công cuộc xây dựng hậu phương

Hậu phương bao gồm vùng tự do và vùng du kích nằm sâu trong lòng hậu địch. Trong chiến tranh, hậu phương vững chắc cho phép giải quyết:

- + Vấn đề nhân lực.
- + Tiếp tế hậu cần.
- + Nguồn động viên chiến tranh cho quân đội.
- + Đẩy mạnh được sản xuất đáp ứng nhu cầu sinh hoạt chung của toàn dân.
- + Bảo đảm giữ vững và không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng.
- + Xây dựng hậu phương vững mạnh để cung cấp nhân tài, vật lực cho tiền tuyến.

Nhận thức rõ tầm quan trọng ấy của hậu phương, Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch đã quan tâm xây dựng hậu phương vững mạnh về các mặt trong kháng chiến chống Pháp.

Sức mạnh của hậu phương là sức mạnh của tất cả các yếu tố: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội liên quan chặt chẽ với nhau và hợp thành một hoàn chỉnh.

Đây cũng là biểu hiện cho đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng ta.

2. Công cuộc xây dựng hậu phương.

a. Chính trị

- Xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa chung của cả nước.
- Xây dựng, củng cố và phát triển chính quyền cách mạng: bầu Quốc hội (1946), thành lập Chính phủ liên hiệp, Hội đồng nhân dân các cấp.
- Vận động đồng bào các dân tộc, công giáo, ngụy binh, bà con Việt kiều... ủng hộ kháng chiến.

- Thắng lợi quân sự của ta cũng góp phần phá âm mưu chính trị của địch, củng cố khối đoàn kết toàn dân: chiến thắng Hòa Bình, Tây Bắc phá tan âm mưu lập xứ Mường và xứ Thái tự trị.
- Cuộc kháng chiến chống Pháp của ta là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới:
 - + Năm 1950: Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân.
 - + Ta chủ trương mở chiến dịch Biên giới và bắt tay với các nước anh em.
 - + Tiếng nói của dân tộc Việt Nam cũng từ đó vang dội trong các Hội nghị quốc tế.
 - + Ta luôn luôn tranh thủ sự giúp đỡ của nhân dân yêu chuộng hòa bình và tự do trên thế giới và ở ngay nước Pháp.
- Phong trào đấu tranh chính trị phát triển tại các đô thị: Phong trào Trần Văn Ôn (9/1/1950), phong trào chống Mỹ (19/3/1950)... ở Sài Gòn.
- Năm 1951, có 3 sự kiện chính trị lớn:
 - + Đại hội Đảng lần II (11/2/1951 tại Tuyên Quang): đây là Đại hội “kháng chiến kiến quốc”. Đảng đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam, Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng.
 - + 3/3/1951, thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt.
 - + Tháng 3/1951, thành lập Liên minh Việt – Miên – Lào.
- 1948, phát động phong trào thi đua ái quốc.
- Phong trào thi đua yêu nước ngày càng lan rộng làm nảy nở nhiều đơn vị và cá nhân ưu tú, có tác dụng to lớn, đẩy mạnh toàn diện cuộc kháng chiến.
- 1/5/1952, tổ chức Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc, chọn được 7 anh hùng: Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh.
- Đại hội đánh dấu bước trưởng thành của cuộc kháng chiến, cổ vũ quân dân cả nước tiến lên giành nhiều thắng lợi mới.
- Ý nghĩa: khối đoàn kết chính trị bên trong và bên ngoài của ta càng mở rộng thì càng tạo điều kiện cho kháng chiến thắng lợi.

b. Kinh tế

*** Chính sách kinh tế: vừa kháng chiến vừa kiến quốc.**

- Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, vấn đề đặt ra là nếu tổ chức được nền kinh tế kháng chiến thì mới có điều kiện kháng chiến.
- Chính sách kinh tế kháng chiến của ta lúc ấy bao gồm 2 mặt: xây dựng kinh tế của ta và phá hoại kinh tế của địch.
- Quan trọng nhất là phải xây dựng được nền kinh tế tự cung tự cấp để phục vụ kháng chiến, ổn định đời sống nhân dân.

- Phát triển nông nghiệp được coi là nhiệm vụ hàng đầu nhằm đẩy mạnh sản xuất để thỏa mãn nhu cầu kháng chiến và đủ sức tự cung tự cấp về mọi mặt.
- 1952, Đảng phát động cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm.

** Phát triển nông nghiệp (bồi dưỡng sức dân)*

- Đảng coi trọng và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.
- Những quan hệ bóc lột phong kiến bị xóa bỏ, thiết thực bồi dưỡng nông dân.
- 11/1945: giảm tô 25%, tạm cấp ruộng công, chia ruộng để quốc Việt gian cho dân.
- Phong trào nông dân lập tổ đổi công, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong phong trào nông nghiệp phát triển ruộng.
- 1950: ban hành quy chế lĩnh canh để bảo vệ quyền lợi tá điền.
- 1953: triệt để giảm tô, giảm tức.
- 12/1953: Quốc hội thông qua Luật cải cách ruộng đất.
- Kết quả: Quân khu IV trở ra, sản lượng lúa đạt 27000000 tấn và hơn 650000 tấn hoa màu (1953).

** Phát triển công nghiệp*

- Xây dựng nhiều xí nghiệp quốc phòng vừa và nhỏ ở vùng tự do (SKZ, cối 81 li, 120 li).
- Đến 1953, sản xuất được hơn 3500 tấn vũ khí, đạn dược.
- Các ngành tiểu thủ công nghiệp thiết yếu (vải, giấy, xà phòng, muối, diêm, thuốc y tế) cũng được phát triển.

** Tài chính.*

- 1945: bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí.
- 1951: ban hành thuế nông nghiệp.
- 1951: mậu dịch quốc doanh ra đời góp phần ổn định vật giá, mở rộng trao đổi (cả ở vùng địch tạm chiếm), tạo điều kiện cho sản xuất ở vùng tự do phát triển và cung cấp được nhiều vật phẩm cần thiết cho kháng chiến.
- 6/1951, thành lập Ngân hàng Quốc gia.

** Ý nghĩa*

- Nhờ tổ chức được nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp kháng chiến nên ta đã có đủ khả năng tự cung tự cấp cho những nhu cầu thiết yếu nhất của kháng chiến.

c. Văn hóa – giáo dục – y tế.

- Những khẩu hiệu “Chống giặc dốt như chống lại giặc ngoại xâm”, “Đi học là kháng chiến” đã gắn liền với việc thanh toán nạn mù chữ với việc đẩy mạnh cuộc kháng chiến.
- Năm 1948, Đại hội Văn nghệ toàn quốc đã vạch ra đường lối văn nghệ mới phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến, xuất bản quyển “Chú nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam”.

- Phong trào xóa nạn mù chữ phát triển mạnh (8/9/1945, Hồ Chủ tịch thành lập cơ quan Bình dân học vụ).
- Năm 1949, 10 triệu người thoát nạn mù chữ.
- Hệ thống giáo dục phổ thông và chuyên nghiệp cũng được cải tổ (theo phương châm: dân tộc, khoa học, đại chúng) để phục vụ yêu cầu của kháng chiến.
- 1950: cải cách giáo dục theo tinh thần dân tộc dân chủ.
- 1952: từ Khu IV trở ra đã có 1 triệu học sinh phổ thông; Bình dân học vụ đã xóa mù cho hơn 14 triệu người.
- Vận động đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan. Phong trào vệ sinh phòng bệnh phát triển mạnh.

d. Tác dụng của hậu phương.

- Hậu phương và tiền tuyến có mối liên hệ vô cùng mật thiết.
- Hậu phương mạnh thì tiền tuyến mạnh:
 - + Tiền tuyến đánh thắng sẽ bảo vệ được hậu phương, động viên được hậu phương tạo điều kiện thuận lợi để hậu phương củng cố và xây dựng.
 - + Ngược lại việc xây dựng hậu phương vững mạnh có tác dụng quyết định đến thắng lợi ở tiền tuyến.
- Hậu phương cung cấp cho tiền tuyến: nhân lực, vũ khí, trang bị, lương thực, thực phẩm, thuốc men, thương xuyên bổ sung lực lượng cho tiền tuyến và khích lệ tiền tuyến chiến đấu.
- Hậu phương chăm lo cứu chữa thương binh, đón tiếp các chiến sĩ ốm đau bệnh tật trở về.
- Hậu phương còn là chỗ “dừng chân” của các lực lượng vũ trang sau từng chiến dịch để học tập rút kinh nghiệm tác chiến, bồi dưỡng sức lực.

Sự đúng đắn của đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng thể hiện rõ trong việc xây dựng hậu phương, một yếu tố quan trọng đảm bảo cho thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống Pháp.

Câu hỏi: Hãy trình bày tóm tắt các sự kiện chính trong giai đoạn 1946 – 1954 theo thứ tự sau: thời gian, chủ trương, hoạt động của ta, âm mưu, biện pháp của Pháp.

Hướng dẫn làm bài:

Thời gian	Việt Nam	Pháp
19/12/1946 đến thu đông 1947	- Ghìm chân, tiêu hao sinh lực địch, xây dựng các mặt. - Xây dựng căn cứ và lực lượng kháng chiến. - Tiến hành chiến tranh nhân dân chuẩn bị kháng chiến lâu dài. - Chiến thắng Việt Bắc.	- Đánh nhanh thắng nhanh, giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường. - Sau 1947, bắt đầu lúng túng về chiến lược đánh nhanh thắng nhanh.

Thu - đông 1947 đến thu - đông 1950	- Tiến hành chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, xây dựng hậu phương lớn mạnh. - Đặt quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa. - Chủ động mở chiến dịch Biên giới.	- Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt, đẩy mạnh hành quân càn quét, mở rộng vùng chiếm đóng. - Khóa chặt biên giới.
Thu - đông 1950 đến thu - đông 1953	- Giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính. - Đại hội Đảng II (1951) kháng chiến kiến quốc, xây dựng tiền đề cho chủ nghĩa xã hội. - Mở nhiều chiến dịch thắng lợi: Thượng Lào, Hòa Bình, Tây Bắc.	- Chuyển sang thế phòng ngự bị động. - Tiếp tục bị đẩy vào thế bị động. - Mỹ can thiệp sâu hơn vào Đông Dương.
Đông-xuân 1953-1954 đến 7/1954	- Tổng phản công, giữ vững quyền chủ động chiến lược phân tán lực lượng địch. - Dồn nỗ lực quyết tâm vào trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ. - Hiệp định Giơ-ne-vơ: miền Bắc được giải phóng.	- Kế hoạch Na-va: kéo dài, mở rộng chiến tranh, cố gắng giành lại quyền chủ động. - Kế hoạch Na-va bị phá sản. - Công nhận Việt Nam độc lập và rút quân.

Câu hỏi:

1. *Hãy trình bày quá trình tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc từ năm 1954 đến 1965.*
2. *Miền Bắc trong hơn 10 năm (1954 - 1965) được củng cố có tác động như thế nào đến cuộc đấu tranh ở miền Nam?*

Hướng dẫn làm bài:

1. *Tình hình đất nước sau khi hoà bình lập lại và nhiệm vụ cách mạng mới*

a. *Tình hình đất nước*

- Nước ta tạm thời chia làm hai miền:
- + Miền Bắc được giải phóng hoàn toàn.
- + Miền Nam còn tạm thời ở dưới ách thống trị của Mỹ và tay sai.

b. *Nhiệm vụ chiến lược mới của cách mạng Việt Nam*

- Miền Bắc vừa tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, vừa thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Miền Nam tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền tay sai.

- Nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước:

+ Đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai tiến tới thực hiện một nước Việt Nam thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

+ Tích cực góp phần vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

2. *Quá trình tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc từ năm 1954 đến 1965*

a. *Tình hình kinh tế miền Bắc sau khi hoà bình lập lại*

Kinh tế lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề:

- Vùng nông thôn mới giải phóng:

+ 1/7 ruộng đất bị bỏ hoang.

+ Kỹ thuật canh tác lạc hậu.

+ Đời sống nhân dân thấp kém.

- Thành thị chỉ là nơi buôn bán và tiêu thụ, sản xuất rất ít, nạn thất nghiệp lan tràn.

- Vùng tự do cũ trong kháng chiến tuy nông nghiệp và công nghiệp có phát triển, nhưng quy mô nhỏ bé, kỹ thuật lạc hậu.

- Cải cách ruộng đất trong kháng chiến chỉ mới tiến hành ở một số địa phương.

b. *Chủ trương của Đảng và Chính phủ*

- Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

- Hoàn thành cải cách ruộng đất, tạo điều kiện đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà.

c. *Hoàn thành cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế (1955 - 1957)*

- Hoàn thành thắng lợi cải cách ruộng đất:

+ Trong hai năm 1954 – 1956 đã tiến hành 6 đợt giảm tô và 4 đợt cải cách ruộng đất (ở 3314 xã thuộc 22 tỉnh đồng bằng và trung du): trưng thu trên 81 vạn ha ruộng đất, 10 vạn trâu bò và 1,8 triệu nông cụ chia cho 2 triệu hộ nông dân lao động.

+ Chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến đã căn bản bị xoá bỏ, hàng triệu nông dân lao động được hoàn toàn giải phóng, khối liên minh công nông càng thêm củng cố.

- Thực hiện thắng lợi kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế:

+ Nông nghiệp: nhanh chóng khôi phục ruộng đất bị bỏ hoang, sửa chữa các hệ thống nông giang, đê điều, đưa tổng sản lượng nông nghiệp lên gần 4 triệu tấn (năm 1957).

+ Công nghiệp: khôi phục, mở rộng hầu hết những xí nghiệp quan trọng, xây dựng thêm một số nhà máy mới. Đến cuối năm 1957, đã có 97 xí nghiệp do Nhà nước quản lí, tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp nói chung đã đạt mức trước chiến tranh.

+ Giao thông vận tải cũng được khôi phục (700km đường sắt, hàng ngàn ki-lô-mét đường ô tô....)

+ Nền thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bước đầu phát triển.

+ Ngoại thương dần dần tập trung vào nhà nước. Đến cuối năm 1957, miền Bắc đã đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

- Kết quả:

+ Kinh tế được khôi phục ngang mức chiến tranh.

+ Quan hệ sản xuất có những biến đổi quan trọng: chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến bị xoá bỏ, thành phần kinh tế quốc doanh được củng cố và lớn mạnh.

d. Kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá (1958 - 1960)

- Sau 3 năm thực hiện, kế hoạch khôi phục kinh tế đã thu được những thắng lợi lớn.

- Tuy nhiên, về căn bản, kinh tế miền Bắc vẫn là kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp nhỏ bé, thành phần kinh tế cá thể còn phổ biến và thành phần kinh tế tư bản tư doanh chỉ mới hạn chế bước đầu.

- Trước tình hình đó, Đảng ta đã đề ra kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, phát triển văn hoá (1958 - 1960).

Kết quả thực hiện:

- Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã căn bản hoàn thành vào cuối năm 1960:

+ Về hợp tác hoá nông nghiệp, 85% tổng số nông hộ và 70% ruộng đất đã được hợp tác hoá.

+ 87% thợ thủ công vào hợp tác xã.

+ Đối với giai cấp tư sản dân tộc, ta chủ trương cải tạo bằng phương pháp hoà bình. Đến giữa năm 1960, 95% tổng số hộ tư sản đã vào công tư hợp doanh.

- Thành phần kinh tế quốc doanh được đặc biệt coi trọng:

+ Xây dựng được một số nông trường quốc doanh và đến năm 1960 có 172 xí nghiệp quốc doanh do Trung ương quản lí cùng với 500 cơ sở công nghiệp quốc doanh địa phương.

- Kinh tế, văn hoá bước đầu phát triển:

+ Đời sống của nhân dân dần dần được cải thiện.

+ Văn hoá, giáo dục phát triển mạnh (số học sinh năm 1960 tăng 80% so với năm 1957). Số sinh viên tăng gấp đôi.

- Cơ cấu kinh tế, xã hội miền Bắc đã thay đổi căn bản: chế độ người bóc lột người căn bản bị xoá bỏ, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và nửa xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế trong nền kinh tế quốc doanh.

- Những thành tựu trên được phản ánh và khẳng định trong Hiến pháp thứ hai của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1/1/1960).

e. *Đại hội lần III của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ ngày 5 đến 10/ 9/1960).*

- Đại hội thông qua phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

- Kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm lần 1: từ 1960, trên toàn miền Bắc đã dấy lên một cao trào thi đua sôi nổi thực hiện kế hoạch 5 năm lần một mà điển hình là phong trào “Ba nhất”, “Đại phong”, “Duyên hải”, “Thành công”, “Bắc lí” và phong trào thi đua đạt danh hiệu tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa.

- Những thành tựu đạt được rất đáng phấn khởi:

+ Nông nghiệp có những tiến bộ rõ rệt. Từ năm 1961, các địa phương thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã bậc cao, ứng dụng khoa học - kĩ thuật vào sản xuất, nhiều công trình thuỷ nông được xây dựng như: Bắc – Hưng - Hải, nhiều hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn/ha.

- Công nghiệp đạt được tốc độ phát triển nhanh (giá trị sản lượng công nghiệp nặng năm 1965 tăng 3 lần so với năm 1960). Công nghiệp nhẹ cùng với tiểu thủ công nghiệp giải quyết được 80% nhu cầu thiết yếu cho nhân dân.

+ Xây dựng nhiều khu công nghiệp quan trọng: Hơn 100 công trình mới được xây dựng (từ 1961 đến 1965) ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Nguyên, Việt Trì.

+ Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa tiếp tục thu được những thắng lợi lớn.

+ Về giáo dục, năm học 1964 – 1965 có trên 2,6 triệu học sinh phổ thông, có 18 trường đại học, trình độ văn hoá của cán bộ và nhân dân được nâng lên rõ rệt, có khoảng 6000 cơ sở y tế được xây dựng.

Tháng 2/1965, đế quốc Mỹ phát động chiến tranh phá hoại chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Từ đó, miền Bắc thực hiện một sự chuyển hướng toàn diện trong việc phát triển kinh tế và văn hoá, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến đấu chống đế quốc Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3. Miền Bắc trong hơn 10 năm (1954 - 1965) được củng cố có tác động như thế nào đến cuộc đấu tranh ở miền Nam?
- Cách mạng đã đem lại một đời sống ngày càng tốt đẹp cho nhân dân miền Bắc, thể hiện rõ tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, làm cho nhân dân gắn bó với chế độ và ra sức bảo vệ chế độ.
 - Tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng, đảm bảo đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc. Miền Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng cả nước.
 - Chi viện sức người, sức của cho cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, làm trọn nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.
 - Làm trọn nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Cam-pu-chia.

Câu hỏi: *Giải thích vì sao “Đồng khởi” (1959 - 1960) thắng lợi đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam nước ta?*

Hướng dẫn làm bài:

Phong trào Đồng khởi là mốc đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam nước ta vì:

- Đồng khởi thắng lợi đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền Diệm.
- Vùng giải phóng ở miền Nam nước ta ra đời. Hàng ngàn xã, thôn, ấp được giải phóng. Nhân dân giành được quyền làm chủ.
- Thành quả lớn nhất của phong trào Đồng khởi được đánh dấu bằng sự kiện Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngày 20/12/1960.
- Mặt trận chủ trương:
 - + Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai Ngô Đình Diệm.
 - + Thành lập chính quyền liên minh dân tộc dân chủ nhân dân rộng rãi ở miền Nam.
 - + Thực hiện độc lập dân tộc, dân chủ rộng rãi.
 - + Cải thiện dân sinh.
 - + Giữ vững hoà bình, thi hành chính sách trung lập.
 - + Tiến tới hoà bình, thống nhất Tổ quốc.
- Thắng lợi của phong trào Đồng khởi dẫn đến sự ra đời của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam (15/12/1961).
- Hai lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang đều lớn mạnh.
- Cách mạng miền Nam đi từ thế giữ gìn lực lượng sang thời kì tiến công, đánh đổ chế độ thống trị Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Câu hỏi: *Hãy trình bày nội dung cơ bản của Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam? Thắng lợi lớn nhất trong Hiệp định Pa-ri là gì? Ý nghĩa lịch sử của sự kiện trọng đại này?*

Hướng dẫn làm bài:

Từ 1965-1972, quân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi về quân sự, chính trị, ngoại giao ở hai miền Nam Bắc, đánh bại chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ ở miền Bắc, đặc biệt là trận “Điện Biên Phủ trên không” (Hà Nội, Hải Phòng...) trong 12 ngày đêm cuối 1972, dẫn đến việc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (27/1/1973).

2/3/1973, một Hội nghị quốc tế đã được tổ chức ở Pa-ri gồm các đại biểu của Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp, 4 bên tham gia kí Hiệp định, 4 nước trong Ủy ban giám sát và kiểm soát quốc tế và Tổng Thư kí Liên hợp quốc để ghi nhận và bảo đảm Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được thi hành nghiêm chính.

1. Nội dung

- Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.
- Các bên để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.
- Hoa Kỳ rút quân viễn chinh và quân các nước thân Mỹ, xóa bỏ căn cứ quân sự Mỹ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.
- Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát, 3 lực lượng chính trị (lực lượng cách mạng, lực lượng hoà bình trung lập và lực lượng chính quyền Sài Gòn).
- Các bên ngừng bắn ở miền Nam vào lúc 24 giờ ngày 27/1/1973 và Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam, hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.
- Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với Việt Nam.

2. Thắng lợi quan trọng nhất.

- Thắng lợi lớn nhất của Hiệp định Pa-ri là chúng ta đã đạt được 2 điều cơ bản nhất:
 - + Mỹ phải rút quân khỏi miền Nam trong vòng 2 tháng.
 - + Quyền tự quyết của nhân dân miền Nam được tôn trọng.

3. Ý nghĩa

- Đây là thắng lợi lịch sử vĩ đại của dân tộc ta sau 18 năm đấu tranh kiên cường bất khuất, buộc Mỹ phải thừa nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta.

- Mở ra bước ngoặt mới: là cơ sở pháp lý cho nhân dân miền Nam tiếp tục đấu tranh, miền Bắc khôi phục kinh tế, đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội, chi viện ào ạt cho miền Nam.
- Mỹ đã cắt, quân đội Sài Gòn đã mất chỗ dựa nên suy yếu hẳn, so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng Việt Nam đã xuất hiện tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- Thắng lợi này đã nâng dân tộc ta lên ngang tầm một dân tộc đi tiên phong trên thế giới trong việc chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân.
- Góp phần thuận lợi cho nhân dân Lào và Cam-pu-chia giải phóng hoàn toàn đất nước.

Câu hỏi: *Phân tích sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?*

Hướng dẫn làm bài:

1. Chỉ đạo quân sự tài tình

a. Chớp đúng thời cơ, đề ra chủ trương chính xác kịp thời

- Khi đế quốc Mỹ phá hoại trắng trợn, toàn diện và có hệ thống Hiệp định Pa-ri thì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 (7/1973) đã nhận định kẻ thù chính vẫn là đế quốc Mỹ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu...; nêu nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn hiện tại là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và nhấn mạnh bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường cách mạng bạo lực...
- Biết chớp thời cơ và đề ra chủ trương chính xác kịp thời: cuối năm 1974 sau khi theo dõi tình hình, cân nhắc cẩn thận, Đảng ta thấy thời cơ đã có nên đề kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm (1975 - 1976) đồng thời cũng dự kiến một phương án táo bạo là nếu thời cơ thuận lợi sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975.
- Tới cuối tháng 3/1975, khi thời cơ đã chín muồi, cuộc tiến công đang diễn ra thuận lợi, Bộ Chính trị quyết định dứt khoát, táo bạo và dũng cảm là phải giải phóng miền Nam thật nhanh trước mùa mưa 1975.

Nếu nói nghệ thuật chỉ đạo cách mạng là nghệ thuật “chớp thời cơ” thì có thể nói ở đây Đảng ta đã nắm và vận dụng nghệ thuật ấy một cách rất tài tình, đề ra được những quyết định và sự kiện chính xác, đem lại hiệu quả to lớn.

b. Phối hợp tổ chức tiến công với nổi dậy

- Ở Huế, Đà Nẵng: khi quân ta mở cuộc tiến công từ ngoài vào, quần chúng bên trong đã nổi dậy để phối hợp.
- Ở Sài Gòn: các lực lượng biệt động, tự vệ và quần chúng đã chiếm các cầu và một số mục tiêu quan trọng trước để phối hợp với các binh đoàn chủ lực của ta tiến vào thành phố.

- Sau khi Sài Gòn giải phóng, các tỉnh còn lại ở Nam Bộ cũng như một số đảo ngoài khơi, quần chúng đã nổi dậy kết hợp với các cuộc tiến công của chủ lực quân, giải phóng quê hương.
- Sự phối hợp tài tình giữa tiến công và nổi dậy cũng là một nét điển hình của cuộc Tổng tiến công này.

c. *Phối hợp giữa chiến trường chính với chiến trường phụ*

- Khi ta chuẩn bị đánh Tây Nguyên tất cả các chiến trường miền Nam đều hoạt động đánh địch mạnh để chuẩn bị phối hợp.
- Khi Tây Nguyên nổ súng, các lực lượng vũ trang nhân dân địa phương và quần chúng ở các tỉnh Trị - Thiên – Huế, Quảng – Đà, đã đẩy mạnh hoạt động ở địa phương, kiềm chân nguy không cho chúng kéo về ứng cứu Tây Nguyên, đánh bại chúng, giải phóng Quảng Trị, đồng thời tạo thế bao vây và cô lập Huế, Đà Nẵng...

Kết hợp tiến công và nổi dậy, chiến trường chính với chiến trường phụ, đánh địch cả trước mặt lẫn sau lưng, chính là đỉnh cao của nghệ thuật phối hợp chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực với chiến tranh nhân dân ở địa phương của Đảng ta.

2. *Chỉ đạo tác chiến tài giỏi.*

a. *Chọn điểm tấn công*

Trận mở đầu đánh Buôn Ma thuật là ta đã điểm trúng huyết quản thù vì đây là một vị trí chiến lược rất quan trọng và có nhiều yếu tố giúp ta nhanh chóng thắng lợi.

- Thắng lợi của ta ở trận Buôn Ma Thuật đã làm cho địch suy sụp về tinh thần, tan rã về tổ chức, rối loạn về chiến lược, rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng ngự của chúng, tạo điều kiện cho cuộc tiến công của ta nhanh chóng phát triển thành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường miền Nam.

b. *Nghi binh, bí mật, bất ngờ*

- Khi ta chuẩn bị đánh Tây Nguyên, địch vẫn cho là ta chưa có khả năng đánh lớn, đó là bất ngờ lớn nhất.
- Khi ta chuẩn bị tiến công Buôn Ma Thuật, ta nghi binh làm cho địch tưởng lầm ta sẽ tấn công Kon Tum – Plây-cu, càng làm cho địch nhận định sai lầm hướng tiến công của quân ta nên lực lượng địch chốt giữ ở Tây Nguyên chốt mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở. Đó là bất ngờ thứ hai của địch.
- Khi ta chuẩn bị tấn công Đà Nẵng, địch lại cho rằng ta muốn tấn công Đà Nẵng thì ít nhất cũng phải mất 1 tháng chuẩn bị. Đó là đòn bất ngờ thứ ba của địch.
- Khi ta chuẩn bị mở chiến dịch Hồ Chí Minh, địch vẫn cho rằng phải mất 1 tháng nữa ta mới đủ sức tiến công tiếp được Sài Gòn... Từ bất ngờ này tới bất ngờ khác liên tiếp diễn ra, dẫn địch đi từ thất bại này đến thất bại khác.

- Muốn tạo được yếu tố bất ngờ phải giữ bí mật tốt và đánh lừa địch giỏi. Bí mật, bất ngờ là những yếu tố quan trọng để giành thắng lợi trong quân sự.

c. Chia cắt địch, không cho chúng phối hợp, ứng cứu nhau.

- Tiến công Tây Nguyên thắng lợi, ta liền giải phóng luôn một số tỉnh đồng bằng ven biển miền Nam Trung Bộ: Phú Yên, Khánh Hòa... chia cắt địch ra làm 2 bộ phận Bắc và Nam.

- Trong quá trình tiến triển của cuộc Tổng tiến công, ta lần lượt cô lập địch ở Huế, Đà Nẵng để tiêu diệt.

- Trong chiến dịch Hồ Chí Minh ta lần lượt cô lập địch ở Xuân Lộc, bao vây quân địch ở tuyến phòng thủ quanh Sài Gòn mà đánh. Cứ như thế, từng mảng quân địch tan rã và đi đến thất bại hoàn toàn.

d. Linh hoạt trong cách tổ chức chiến dịch

- Ta đánh Buôn Ma Thuật với phương châm táo bạo, thọc sâu, đánh đúng những mục tiêu quan trọng trước mới toả ra tiêu diệt ở vòng ngoài.

- Ngược lại, trong chiến dịch Hồ Chí Minh, ta bao vây cô lập, chia cắt tiêu diệt địch ở vòng ngoài. Với chiến thuật này, ta đã khoá chân tay địch không cho chúng có lực lượng đông mà đánh bó tay, không ứng cứu được cho nhau.

- Sự linh hoạt trong chiến đấu là một trong những nghệ thuật tác chiến trở thành truyền thống của quân đội ta.

e. Ý chí quyết chiến quyết thắng của quân dân ta

- Ngoài những điểm trên, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy lần này còn làm nổi bật tinh thần chiến đấu vô cùng anh dũng, trí thông minh, sáng tạo của quân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Vậy thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là đỉnh cao của nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo quân sự của Đảng ta. Đó cũng là nhân tố tạo nên sức mạnh thần kì của cách mạng Việt Nam.

Câu hỏi: Phân tích nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta (1954 - 1975).

Hướng dẫn làm bài:

1. Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta

- Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng:

+ Thể hiện trong việc đề ra đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, sáng tạo: Tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược – cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

+ Thể hiện trong việc đề ra phương pháp cách mạng sáng tạo:

- * Đánh địch trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.
- * Đánh địch bằng ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận) trên cả ba vùng chiến lược (nông thôn, đồng bằng rừng núi, thành thị).
- * Thực hành chiến tranh cách mạng, tổng công kích, tổng khởi nghĩa...
- Nhân dân có truyền thống yêu nước nồng nàn, truyền thống đấu tranh chống giặc kiên cường, bất khuất. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, truyền thống đó được phát huy cao độ, tạo nên sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân đánh thắng kẻ thù.
- Miền Bắc xã hội chủ nghĩa được xây dựng vững mạnh, là hậu phương lớn đáp ứng được nhu cầu về sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam:
 - + Trải qua 20 năm vừa chiến đấu vừa xây dựng, miền Bắc được bảo vệ vững chắc và tăng lên không ngừng về tiềm lực kinh tế, quốc phòng.
 - + Miền Bắc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hậu phương lớn, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu chi viện cho miền Nam, hoàn thành nhiệm vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Cam-pu-chia.
- Mối quan hệ gắn bó liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương đã tạo nên sức mạnh to lớn cho cách mạng Đông Dương và cách mạng từng nước.
- Được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc, các lực lượng dân chủ hòa bình trên thế giới, đặc biệt là nhân dân Mỹ.

2. Nguyên nhân quan trọng nhất

- Trong những nguyên nhân trên thì sự lãnh đạo của Đảng là nguyên nhân quan trọng nhất quyết định sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Bởi vì nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng, mới phát huy được các nhân tố còn lại (lòng yêu nước của nhân dân, vai trò hậu phương, sức mạnh đoàn kết quốc tế...), phát huy và kết hợp được sức mạnh dân tộc và sức mạnh của thời đại để tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn chiến thắng kẻ thù.

Câu hỏi: *Hãy phân tích ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta.*

Hướng dẫn làm bài:

1. Đối với trong nước

- Kháng chiến chống Mỹ cứu nước là cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc tiêu biểu của nhân dân ta, kéo dài hơn 2 thập kỉ (7/1954 – 4/1975), dài hơn bất cứ một cuộc chiến tranh nào trong lịch sử, phải chống lại một đế quốc lớn mạnh nhất – đế quốc Mỹ.

- Tuy nhiên, nhân dân ta vẫn giành được thắng lợi cuối cùng, thực hiện trọn vẹn mục tiêu giải phóng hoàn toàn miền Nam, bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, thống nhất đất nước.
- Là thắng lợi vĩ đại nhất trong mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc vì đã mở ra kỉ nguyên mới của cách mạng Việt Nam: kỉ nguyên độc lập hòa bình, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Chấm dứt 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ Cách mạng tháng Tám, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của đế quốc và phong kiến ở nước ta.
- Trên cơ sở đó hoàn thành về cơ bản cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, bảo vệ và phát triển những thành tựu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xóa bỏ mọi chướng ngại vật trên con đường thực hiện thống nhất đất nước.
- Chấm dứt 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ cách mạng tháng Tám 1945, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của đế quốc và phong kiến ở nước ta.
- Trên cơ sở đó, hoàn thành về cơ bản cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, bảo vệ và phát triển những thành tựu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xóa bỏ chướng ngại trên con đường thực hiện thống nhất đất nước.

2. Đối với thế giới

- Là thắng lợi có tính chất thời đại, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng thế giới phát triển.
- Đập tan cuộc phản công lớn nhất của đế quốc Mỹ vào lực lượng cách mạng thế giới kể từ sau Thế chiến II.
- Làm phá sản học thuyết Ních-xon.
- Phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của đế quốc Mỹ ở Đông Nam Á, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- Tạo điều kiện thuận lợi để cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của nhân dân Lào và Cam-pu-chia giành thắng lợi quyết định.
- Đây là một cống hiến quan trọng của nhân dân ta vào cuộc đấu tranh cách mạng của các dân tộc bị áp bức trên thế giới và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX.
- Cống hiến vào kho tàng lí luận quân sự thế giới một mẫu mực về tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân tiêu biểu, đánh bại thế lực đế quốc Mỹ.

Thắng lợi này “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

u hỏi: *Quá trình hoàn thành thống nhất nước ta về mặt nhà nước đã diễn ra như thế nào từ sau Đại thắng Xuân 1975? Ý nghĩa của sự kiện lịch sử này?*

róng dẫn làm bài:

Tình hình Việt Nam sau đại thắng Xuân 1975

Với Đại thắng Xuân 1975, Tổ quốc Việt Nam đã được thống nhất về mặt lãnh thổ nhưng về thể chế chính trị vẫn chưa có một Nhà nước chung cho cả đất nước, do nhân dân cả nước bầu ra thông qua phổ thông đầu phiếu.

Cùng với nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định tình hình chính trị - xã hội miền Nam, yêu cầu thống nhất đất nước về mặt Nhà nước là một bước quan trọng.

Quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- Từ ngày 15 đến 21/11/1975, đại biểu hai miền Nam – Bắc đã họp Hội nghị Chính trị hiệp thương tại Sài Gòn, hoàn toàn nhất trí với chủ trương của Đảng tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 24 (9/1975), hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước.

- Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trong cả nước.

- Hơn 23 triệu cử tri, chiếm 98,8 % tổng số cử tri đã đi bầu.

- 24/6 đến 3/7/1976, tại Hà Nội, Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất họp với 492 đại biểu đã quyết định:

+ Lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/7/1976).

+ Chọn Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam thống nhất, quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng 5 cánh, quốc ca là bài Tiến quân ca.

+ Đổi tên thành phố Sài Gòn – Gia Định thành thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bầu các cơ quan và người lãnh đạo cao nhất của Nhà nước: Tôn Đức Thắng được bầu làm Chủ tịch nước, Trường Chinh làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ.

- Quốc hội bầu Ủy ban Dự thảo Hiến pháp và quyết định khi chưa có Hiến pháp mới thì vẫn hoạt động trên cơ sở của Hiến pháp 1960.

- Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa thành lập đã có 94 nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Ngày 20/9/1977, Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

- 18/12/1980, Hiến pháp của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua.

- Đây là Hiến pháp đầu tiên của thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.

3. Ý nghĩa

- Với kết quả của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI, công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành.
- Trên cơ sở đó, việc thống nhất trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế văn hóa đã hoàn thành và sẽ gắn liền với nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước, tạo nên sự phát triển, sức mạnh toàn diện củ đất nước để mở rộng quan hệ với thế giới trong giai đoạn lịch sử mới.
- Thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã thể chế hóa việc thống nhất v mặt lãnh thổ.
- Đây là yêu cầu tất yếu, khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam.
- Kết quả này thể hiện lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam độc lập và thống nhất của nhân dân.

Câu hỏi: Từ 1930 – 1975, đường lối bạo lực cách mạng của Đảng đã thể hiện nh thế nào?

Hướng dẫn làm bài:

Trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta luôn tận dụng những điều kiện thuận lợi để tiến hành cách mạng bằng phương pháp hòa bình, đồng thời nhận thức sâu sắc tính tất yếu phải sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để đập tan bộ máy đàn áp và các hành động chống đối của kẻ thù.

- Từ 1930 – 1945, trên cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng, Đảng ta từng bước xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng, lãnh đạo quần chúng tiến hành khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Cách mạng tháng Tám là cuộc cách mạng bạo lực tiến hành bằng sự mạnh của lực lượng chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang, trong đó lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị đóng vai trò quyết định, lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang đóng vai trò hỗ trợ quan trọng.

- Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, để đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của một đội quân viễn chinh nhà nghề, Đảng đã phát động một cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện.

Thực chất đây là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, trong đó sức mạnh kết hợp của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

Lực lượng vũ trang đóng vai trò nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, đấu tranh vũ trang đóng vai trò quyết định thành bại trên chiến trường, còn lực lượng chính trị là chỗ dựa, phối hợp và là nguồn bổ sung quan trọng cho lực lượng vũ trang.

- Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, đường lối bạo lực cách mạng của Đảng đã được hoàn thiện và cụ thể hóa trở thành một khoa học – nghệ thuật quân sự tài giỏi.

- Trong thời kì này, lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều được phát huy đến mức cao nhất, có sự phối hợp chặt chẽ với nhau thành 3 mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận) tiến công địch liên tục, từ thấp đến cao trên cả 3 vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị.

- Một nét độc đáo trong nghệ thuật chỉ đạo quân sự thời kì này là sự kết hợp chặt chẽ hình thức khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng.

Sau cuộc khởi nghĩa từng phần (“Đồng khởi” 1960), vì lực lượng vũ trang của địch mạnh, Đảng chủ trương chuyển sang cuộc chiến tranh cách mạng để đối phó với chiến tranh xâm lược của Mỹ - nguy.

Từ 1961 – 1975, khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng, tiến công và nổi dậy đã được tiến hành đồng thời, đan xen, hỗ trợ nhau, đưa đến những thắng lợi quyết định mà điển hình nhất là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Hỏi: Từ năm 1930 – 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã thực hiện thắng lợi mục tiêu: độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội như thế nào?

Ước dẫn làm bài:

Ngay từ khi ra đời, trong Cương lĩnh của mình, Đảng ta đã nêu rõ ràng, cách mạng nước ta phải phát triển qua hai giai đoạn: từ cách mạng tư sản dân quyền chuyển ngay sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó chính là phương hướng chiến lược của cách mạng nước ta, mà sợi chỉ đỏ là sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Từ 1930 – 1945, Đảng xác định rõ cách mạng nước ta lúc này là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân với hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

- Qua các phong trào 1930 – 1931, 1936 – 1939 và cao trào 1939 – 1945, Đảng đã lãnh đạo nhân dân cả nước giải quyết có hiệu quả mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược đó.

- Thực chất việc thực hiện nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến là giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu độc lập dân tộc và mục tiêu dân chủ. Nhưng trong giai đoạn đầu nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ chủ yếu.

- Trong thời kì 1945 – 1954, mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội được triển khai thực hiện với mức độ cao hơn.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong khi tập trung lực lượng đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp xâm lược với khẩu hiệu: “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”, chúng ta đã từng bước mở rộng cuộc cách mạng ruộng đất, thực hiện cải cách ruộng đất, thực hiện cải cách ruộng đất giải quyết khâu căn bản trong mục tiêu dân chủ.

Tư tưởng chỉ đạo của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần II của Đảng: giữ hai giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa không có sự gián đoạn nào.

Trong giai đoạn thứ nhất, cần thiết và có thể chuẩn bị điều kiện cho giai đoạn thứ hai, nhân dân ta vừa đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến vừa coi trọng sự nghiệp kiến quốc, tích cực chuẩn bị những tiền đề chính trị, tổ chức và vật chất cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Từ năm 1954 – 1975, mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội đã được hiện thực hóa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc và sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Hai nhiệm vụ chiến lược đó (và cũng là hai mục tiêu cơ bản) có quan hệ khăng khít và thường xuyên tác động lẫn nhau, tạo ra sức mạnh tổng hợp để nhân dân ta đã thực hiện trọn vẹn mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội hòa hợp làm một với một chất lượng mới.

Quá trình thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, đã góp phần chứng minh chân lí lớn nhất của thời đại: độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội không tách rời nhau.

Câu hỏi: Hãy khái quát những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử vĩ đại và có tính thời đại của nhân dân ta trong tiến trình cách mạng từ 1930 – 1975.

Hướng dẫn làm bài:

Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã trở thành nền tảng cho mọi chiến lược và sách lược cách mạng của Đảng.

1. Cách mạng tháng Tám 1945

Từ 1930 đến 1945 là 15 năm đấu tranh chống ách thống trị của thực dân, phát xít và phong kiến, đã dẫn lên 3 phong trào cách mạng lớn: 1930 – 1931, 1936 – 1939, 1939 – 1945, dẫn đến Cách mạng tháng Tám thắng lợi.

Cách mạng tháng Tám là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiêu biểu do giai cấp công nhân dân lãnh đạo thắng lợi ở một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Nó đã đập tan xiềng xích gần 100 năm của thực dân Pháp và lật nhào chế độ phong kiến tồn tại hàng chục thế kỉ trên đất nước ta, dựng lên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước độc lập và dân chủ của nhân dân ta, mở ra một kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng tháng Tám đã chọc thủng hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở khâu yếu nhất, báo hiệu sự vùng dậy không gì ngăn cản nổi của các dân tộc bị áp bức, góp phần thúc đẩy sự tan rã của chủ nghĩa thực dân trên thế giới...

Chiến thắng Điện Biên Phủ

Từ 1946 đến 1954, nhân dân cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược với ý chí “thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, với đường lối kháng chiến “Toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh”.

Cuộc kháng chiến đã từng bước phát triển từ thấp đến cao và kết thúc bằng cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ oanh liệt.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va lập lại hòa bình ở Đông Dương, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, mở đường đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, chấm dứt sự thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ trên đất nước ta.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc thuộc địa vùng dậy đấu tranh giành độc lập tự do.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

1954-1975: nhân dân ta vừa đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vừa đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Miền Bắc đã đạt được những thành tựu rất cơ bản trên các lĩnh vực cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tính ưu việt và sức mạnh của chủ nghĩa xã hội là sự đảm bảo cho miền Bắc phát huy vai trò quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của cả nước.

Ở miền Nam, nhân dân ta lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh khác nhau của đế quốc Mỹ, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đi đến thắng lợi bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh.

Với thắng lợi này, chúng ta đập tan bộ máy chính quyền và quân đội Sài Gòn. Chế độ thực dân mới của Mỹ xây dựng ở miền Nam sụp đổ hoàn toàn.

Cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc kéo dài 30 năm đã kết thúc:

- Chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỉ của bọn đế quốc.
- Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
- Bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- Thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi đó có ý nghĩa:

- Giáng một đòn nghiêm trọng vào chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- Báo hiệu sự phá sản không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.
- Làm tăng thêm sức mạnh của các lực lượng cách mạng của thời đại.

Câu hỏi: Hoàn cảnh ra đời và vai trò của các Mặt trận dân tộc thống nhất đối với các mạng Việt Nam trong cách mạng từ 1930 đến 1975.

Hướng dẫn làm bài:

Một trong những nhân tố rất quan trọng quyết định thành công của cách mạng Việt Nam là không ngừng củng cố và tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Đoàn kết là truyền thống lịch sử quý báu của dân tộc trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, được Đảng ta kế thừa và phát huy lên đỉnh cao mới và là một trong những bài học kinh nghiệm của cách mạng nước ta.

Trên cơ sở khối liên minh công – nông, Đảng mở rộng đội ngũ các mạng đến các giai cấp và tầng lớp khác có xu hướng dân tộc và dân chủ thực hiện chính sách mặt trận dân tộc thống nhất – chính sách đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh – một vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong cách mạng nước ta suốt từ năm 1930 – 1975.

1. Thời kì 1930 – 1931

Trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa phong kiến với nông dân và mâu thuẫn giữa nhân dân với đế quốc Pháp.

Cuối năm 1930, khi phong trào cách mạng 1930 – 1931 trở nên quy liệt, Đảng ra chỉ thị về vấn đề “Hội phản đế đồng minh” trong đó nêu lên đường lối chiến lược đúng đắn: đoàn kết toàn dân lại thành một tổ chức có lực lượng tham gia thật rộng rãi, lấy công nông làm hai động lực chính, là điều kiện quyết định thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc.

Hội đã bắt đầu đã phát huy được vai trò tổ chức, tập hợp quần chúng dưới các hình thức như Hội tương tế, Nông hội đỏ, Công hội đỏ, Hội phụ nữ giải phóng, Đoàn thanh niên phản đế, Hội học sinh, Hội cứu tế đỏ... góp phần tích cực vào thành quả của phong trào chống đế quốc, chống phong kiến.

Thời kì 1936 – 1939

Tình hình quốc tế

Đại hội VII Quốc tế Cộng sản chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.

Mặt trận Nhân dân Pháp lên cầm quyền ở Pháp (6/1936), ban hành nhiều chính sách có lợi cho thuộc địa.

Trong nước

- Khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đã tác động tới mọi tầng lớp nhân dân.
- Bọn thực dân Pháp ở Đông Dương đã tăng cường bóc lột, vơ vét, khủng bố.
- Do chính sách của Mặt trận nhân dân Pháp, một số tù chính trị ở Việt Nam được thả và đã nhanh chóng tìm cách hoạt động trở lại.
- Đảng thành lập “Mặt trận thống nhất Nhân dân phản đế Đông Dương” rộng rãi bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau đấu tranh đòi tự do, cơm áo, hòa bình.
- Năm 1937, cả nước có tới 400 cuộc bãi công của công nhân, 150 cuộc đấu tranh của nông dân, nhiều cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở Hà Nội, Sài Gòn.
- Tháng 3/1938, Đảng đổi tên “Mặt trận Nhân dân Phản đế Đông Dương” thành “Mặt trận Thống nhất Dân chủ Đông Dương” với các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt nhằm động viên hàng triệu quần chúng vào trận tuyến đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, chuẩn bị đưa quần chúng tiến lên những trận chiến đấu cao hơn.
- Sự hình thành, mở rộng và những hoạt động tích cực của Mặt trận Dân chủ Đông Dương là một trong những nhân tố quan trọng góp phần tạo nên phong trào các mạng sâu rộng, phong phú trong những năm 1936 – 1939 và xây dựng một “đội quân chính trị quần chúng” đông hàng triệu người.
- Mặt trận Thống nhất Dân chủ Đông Dương đã góp phần tuyên truyền, phổ biến tư tưởng Mác – Lênin, nâng cao uy tín và ảnh hưởng của Đảng, nâng cao trình độ chính trị và khả năng tổ chức của cán bộ, đảng viên.

Thời kì 1939 – 1945.

- Thế chiến II bùng nổ, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương. Thực dân Pháp điên cuồng, bắt bớ, đàn áp cách mạng.
- Hội nghị Trung ương 6 (11/1939) chủ trương thành lập “Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương” thay cho “Mặt trận Thống nhất Dân chủ Đông Dương” vì nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách của cách mạng dân tộc Đông Dương là giải phóng dân tộc.

Do đó, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ đề ra khẩu hiệu: tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc.

Khẩu hiệu thành lập chính quyền Xô viết công, nông, binh được thành lập bằng khẩu hiệu lập chính quyền dân chủ cộng hòa.

- Tháng 5/ 1941, Hội nghị Trung ương VIII nhận định: vì quyền lợi sinh tồn của cả dân tộc, Đảng phải nêu cao ngọn cờ dân tộc, khơi dậy mạnh mẽ khí chí cách mạng, tinh thần yêu nước trong mọi tầng lớp nhân dân, tập trung mọi lực lượng dân tộc, thể hiện cho được nhiệm vụ cốt yếu là giải phóng dân tộc, cứu tổ quốc.

Mặt trận “Việt Nam độc lập đồng minh” (Việt Minh) ra đời. Mặt trận Việt Minh đã hoàn thiện chương trình hành động, hình thức tổ chức và nội dung hoạt động.

- Các giới quần chúng được tổ chức và tập hợp trong các hội cứu quốc Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc...

- Đảng và Việt Minh phải hết sức giúp đỡ các dân tộc Miên, Lào tổ chức ra Cao Miên độc lập đồng minh, Ai Lao độc lập đồng minh, để sau đó lập thành Đông Dương độc lập đồng minh. Việt Minh đã thiết lập các tổ chức khắp nông thôn, thành thị, có hệ thống từ trung ương đến cơ sở.

- Một số tổ chức chính trị yêu nước ra đời và tham gia làm thành viên Mặt trận Việt Minh như Đảng Dân chủ Việt Nam (6/1944).

Lực lượng chính trị quần chúng ngày càng đông đảo và được rèn luyện trong đấu tranh chống Pháp, Nhật theo khẩu hiệu của Việt Minh.

Mặt trận Việt Minh đã trở thành trung tâm đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước và tiến bộ.

Việt Minh đã có đóng góp to lớn vào quá trình xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng tập hợp và hướng dẫn quần chúng tiến vào cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

4. Thời kì 1945 – 1954

Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh của cả dân tộc chống thực dân Pháp xâm lược đã bùng nổ.

- Ngày 29/5/1946 theo sáng kiến của Hồ Chủ tịch, Hội Liên hợp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập nhằm đoàn kết rộng rãi thêm các tổ chức, các đảng phái, tôn giáo và cá nhân chưa tham gia Mặt trận Việt Minh.

- Các tổ chức quần chúng được củng cố và mở rộng thêm: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam lần lượt ra đời với sự trợ giúp của Đảng ta, Đảng Xã hội Việt Nam được thành lập nhằm đoàn kết những người trí thức yêu nước Việt Nam.

- Trên cơ sở đó, Đảng và Chính phủ đã tập trung củng cố thêm một bước bộ máy nhà nước, chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Ngày 3/3/1951, Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam đã quyết định thành lập một mặt trận duy nhất là Mặt trận Liên Việt.

Khối đoàn kết thống nhất của toàn dân tộc được củng cố, tăng cường thêm một bước, làm chỗ dựa cho chính quyền dân chủ nhân dân, cung cấp sức mạnh để tổ chức và động viên toàn dân tham gia kháng chiến.

Mặt trận Liên Việt được hình thành và phát triển không chỉ ở vùng tự do mà cả ở vùng sau lưng địch.

Do đó, chúng ta đã phá tan được âm mưu chia rẽ dân tộc, chia rẽ lương giáo, chia rẽ Nam Bắc, làm phá sản kế hoạch “dùng người Việt đánh người Việt” của chúng.

Mặt trận cũng có những đóng góp thiết thực trong việc tổ chức lực lượng quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh trên mọi lĩnh vực ở khắp mọi miền, đưa sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi.

5. Thời kì 1954 – 1975

Đất nước tạm thời chia làm hai miền, mỗi miền có một nhiệm vụ cách mạng riêng. Vì vậy, Đảng chủ trương thành lập các hình thức mặt trận thống nhất phù hợp với điều kiện và nhiệm vụ cách mạng ở mỗi miền.

- Ngày 5/9/1955, Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất toàn quốc đã quyết định thành lập “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” và Cương lĩnh của Mặt trận thể hiện tinh thần đại đoàn kết toàn dân để hoàn thành sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh.

- Năm 1960, “Đồng khởi” thắng lợi đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Phong trào chống Mỹ - Diệm tăng lên nhanh chóng.

- Trong khi thế đó, ngày 20/12/1960, tại Tân Lập - Châu Thành – Tây Ninh, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn giáo và nhân sĩ yêu nước, không phân biệt xu thế chính trị, để đấu tranh đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn Ngô Đình Diệm, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập tiến tới thống nhất đất nước.

- Năm 1968, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình Việt Nam được thành lập.

Thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn liền với sự nghiệp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình Việt Nam.

6. Thời kì 1975 đến nay

Sau khi đất nước được thống nhất, ngày 31/1/1977, Đại hội đại biểu các mặt trận dân tộc ở cả hai miền Nam – Bắc đã họp tại thành phố Hồ Chí Minh để thống nhất thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ngày nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đoàn kết rộng rãi dân tộc trong cả nước, tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong vấn đề đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

7. Kết luận

Thực tiễn lịch sử từ khi Đảng ra đời cho đến nay đã cho thấy rõ sự cần thiết phải thành lập, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, thấy rõ chính sách mặt trận đúng đắn của Đảng ta.

Đảng ta đã có một đường lối cách mạng đúng đắn, Đảng đã xây dựng khối đoàn kết dân tộc thống nhất rộng lớn với các hình thức mặt trận và các tổ chức quần chúng thích hợp tạo thành lực lượng chính trị quần chúng vĩ đại trong chiến đấu và xây dựng. Mặt trận luôn luôn lấy khối liên minh công nông trí làm nền tảng.

Trong từng thời kì cách mạng, Mặt trận dân tộc thống nhất đều có sự thay đổi để phù hợp tình hình cách mạng thực tiễn. Vì thế mặt trận luôn luôn góp phần tạo nên sức mạnh quyết định cho sự tồn tại và lớn mạnh của toàn dân tộc. Chúng ta phải không ngừng củng cố và đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Câu hỏi: *Hãy phân tích vai trò to lớn của Mặt trận Việt Minh trong quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam.*

Hướng dẫn làm bài:

- Đối với Cách mạng tháng Tám 1945, tập hợp được đông đảo quần chúng, hình thành lực lượng chính trị hùng hậu để xây dựng khối đoàn kết toàn dân nên đã phân hóa và cô lập được kẻ thù.
- Có công lớn trong việc:
 - + Xây dựng và phát triển lực lượng chính trị, vũ trang.
 - + Chỉ đạo cao trào kháng Nhật cứu nước, tạo tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thắng lợi.
 - + Triệu tập và tiến hành thành công Quốc dân Đại hội ở Tân Trào (16/8/1945).
 - + Huy động nhân dân tham gia Tổng khởi nghĩa tháng Tám - 1945.
- Trong những ngày Tổng khởi nghĩa, Việt Minh đã nhanh chóng trở thành trung tâm đoàn kết toàn dân, đứng lên cứu nước.
- Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi, Mặt trận Việt Minh tiếp tục củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận, lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ chính quyền mới, bảo vệ cho toàn cuộc kháng chiến.

- Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Mặt trận Việt Minh đã cùng với Hội Liên Việt tập hợp lực lượng của nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh trường kì, gian khổ và tất thắng.
- Ngày 3/3/1951, Mặt trận Việt Minh thống nhất với Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt làm cho khối đoàn kết dân tộc ngày càng thêm củng cố.
- Tồn tại trong vòng 10 năm (1941 - 1951), Mặt trận Việt Minh đã hoàn thành nhiệm vụ, vai trò lịch sử của mình và đóng góp to lớn trong việc xây dựng khối đoàn kết dân tộc.
- Mặt trận Việt Minh có chức năng là một chính quyền cách mạng, là một sáng tạo độc đáo của Đảng và Hồ Chí Minh, là một điển hình thành công trong công tác mặt trận của Đảng ta, chính là nhân tố quyết định, đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng.

Câu hỏi: Phân tích vai trò của miền Bắc Việt Nam đối với thắng lợi của cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975).

Hướng dẫn làm bài:

Sau 1954, Đảng ta xác định cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này có hai chiến lược khác nhau, tiến hành đồng thời ở mỗi miền:

Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước.

Hai là, tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Trong hai chiến lược cách mạng khác nhau, mỗi chiến lược có vị trí quan trọng quyết định của nó và nhằm giải quyết yêu cầu cụ thể riêng của từng miền.

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến hành ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cuộc cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ một vị trí rất quan trọng. Nó có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Cả hai miền đều hướng về mục tiêu chung trước mắt của cả nước là thực hiện nhiệm vụ thống nhất Tổ quốc.

Trong từng thời kì, ta đều thấy rõ vai trò của miền Bắc Việt Nam đối với thắng lợi của cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước.

1. Thời kì 1954 – 1960.

- Tháng 1/1959, Hội nghị lần 15 của Trung ương Đảng đã thông qua Nghị quyết về đường lối cách mạng miền Nam.

Hội nghị xác định con đường phát triển của cách mạng ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

Có nghị quyết của Đảng soi sáng nhiều cuộc nổi dậy của quần chúng đã lan ra khắp miền Nam.

- Trong chống Mỹ, miền Bắc là hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ (theo dãy Trường Sơn) và trên biển (dọc bờ biển Việt Nam) dài hàng nghìn km đã nối liền hậu phương với tiền tuyến.

2. Thời kì 1961 – 1965.

So sánh lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam từ sau ngày “Đồng khởi”, Bộ Chính trị đã đề ra chủ trương đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả 3 vùng chiến lược đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn rừng núi...

Thắng lợi của quân dân miền Bắc giành được trong chiến đấu và sản xuất đã có tác dụng to lớn cổ vũ đồng bào miền Nam. Nguồn lực chi viện sức người và sức của đã góp phần quyết định vào thắng lợi của miền Nam trong cuộc chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt”.

3. Thời kì 1965 – 1968

Cả nước trực tiếp kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, xây dựng chủ nghĩa xã hội và tăng cường chi viện cho miền Nam.

- Một khối lượng lớn vật chất bao gồm vũ khí, đạn dược, thuốc men được chuyển vào chiến trường.

- Ngày càng có nhiều đơn vị vũ trang, cán bộ quân sự và các ngành được lần lượt đưa vào chiến trường tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu và xây dựng vùng giải phóng.

- Trong 4 năm (1965 - 1968), miền Bắc đã đưa vào miền Nam hơn ba chục vạn người và hàng chục vạn tấn vật chất, tăng gấp 10 lần so với thời kì trước.

Miền Nam, sau trận Vạn Tường, một cao trào đánh Mỹ, diệt ngụy dấy lên mạnh mẽ khắp chiến trường miền Nam.

Cuối năm 1967, cuộc “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ lên đến đỉnh cao, quân viễn chinh đổ vào miền Nam lên tới 48 vạn.

Đêm 30 rạng ngày 31/1/1968, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân đã giáng cho địch một đòn bất ngờ, làm chúng hoang mang, dao động mạnh. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ thất bại. Thế chiến lược của Mỹ bị đảo lộn, buộc chúng phải thay đổi chiến lược quân sự ở miền Nam.

1. Thời kì 1969 – 1975.

- Tại Hội nghị Pa-ri, ta đấu tranh đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược miền Nam, rút hết quân về nước.

Hiệp định Pa-ri buộc “Mỹ cút” là thắng lợi lịch sử quan trọng tạo ra thuận lợi mới để nhân dân ta dồn sức giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Miền Bắc đưa vào chiến trường hàng chục tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu ...

Miền Bắc còn chi viện nhằm xây dựng vùng giải phóng trên tất cả các mặt (quốc phòng, kinh tế, giao thông vận tải, văn hóa, giáo dục, y tế) và chuẩn bị tiếp quản sau khi chiến tranh kết thúc.

- Ngày 10/3/1975, quân dân ta đã tiến công Buôn Ma Thuột, mở màn cuộc Tổng tiến công.

Ngày 30/4/1975, quân dân ta đã tiêu diệt và làm tan rã hơn một triệu quân ngụy, xóa bỏ hoàn toàn bộ máy chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, đưa sự nghiệp chống Mỹ cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

- Trong 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc đã đạt nhiều thành tựu rất có ý nghĩa mặc dù vấp phải những khó khăn trở ngại chồng chất, phải đối đầu nhiều năm với chiến tranh phá hoại ác liệt.

Thử thách cực kì nghiêm trọng của chiến tranh đã làm sáng tỏ sức mạnh và tính ưu việt của thời kì quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, chính điều này đã làm cho ta thấy miền Bắc đã phát huy mạnh mẽ vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của cả nước trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.

Miền Bắc đã thực hiện đầy đủ và xuất sắc vai trò hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

âu hỏi: Hãy trình bày quá trình ra đời, phát triển và trưởng thành của quân đội nhân dân Việt Nam.

lương dẫn làm bài:

Các Hội nghị Trung ương Đảng 6, 7 và đặc biệt là lần thứ 8 đã nhấn mạnh phải chuẩn bị mọi mặt để tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong toàn quốc. Do đó, Đảng ta từng bước xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng.

1. *Đội du kích Bắc Sơn*

- Đây là lực lượng vũ trang đầu tiên của Đảng được thành lập sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (1940).
- Về sau, đội du kích Bắc Sơn đã phát triển thành Cứu Quốc quân (Trung đội Cứu quốc quân I -14/2/1941; Trung đội Cứu quốc quân II -15/9/1941; Trung đội Cứu quốc quân III – 25/2/1944), mở rộng phạm vi hoạt động ra khắp Thái Nguyên, Tuyên Quang.

2. *Các lực lượng tự vệ vũ trang khác*

Ở căn cứ địa Cao Bằng, Hồ Chí Minh đã trực tiếp thành lập đội du kích, tự vệ chiến đấu.

3. *Sự ra đời của Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.*

- Tháng 11/1944, trong không khí sôi sục cách mạng và do sự thôi thúc của quần chúng, liên tỉnh ủy Cao – Bắc – Lạng sắp phát động một cuộc khởi nghĩa vũ trang. Rất may, Hồ Chí Minh từ Trung Quốc về đã quyết định hoãn khởi nghĩa vì thời cơ chưa đến.

Ngay sau đó, Hồ Chí Minh đề ra chủ trương thích hợp để đẩy mạnh công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang bằng cách ra Chỉ thị lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với phương châm: chính trị quan trọng hơn quân sự, tuyên truyền quan trọng hơn tác chiến.

Bản Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân của Hồ Chí Minh được coi như là Cương lĩnh quân sự đầu tiên của Đảng ta.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân gồm 34 người do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, đã ra đời tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Ngay sau khi thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã đánh thắng hai trận đầu tiên ở Phay Khắt (25/12/1944) và Nà Ngần (26/12/1944), cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vũ trang và mở đầu cho những thắng lợi tiếp theo.

Chỉ một tuần lễ sau khi thành lập, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã phát triển thành một đại đội.

Phát huy thắng lợi, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố căn cứ địa Cao – Bắc – Lạng.

4. *Việt Nam Giải phóng quân ra đời*

- Sau khi Nhật đảo chính Pháp, lực lượng vũ trang đã có một bước tiến mới.

Ở các địa phương cũng xuất hiện thêm nhiều đội vũ trang mới, tiêu biểu là đội du kích Ba Tơ (Quảng Ngãi).

Lực lượng vũ trang đã tiến hành chiến tranh du kích cục bộ, tạo điều kiện để quần chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương.

- Trước sự phát triển của lực lượng vũ trang, Hội nghị Quân sự Bắc kì (4/1945) đã quyết định:

+ Thống nhất các Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân (5/1945).

+ Phát triển chiến tranh du kích.

+ Kiện toàn các căn cứ địa trong cả nước.

+ Phát triển các đội tự vệ chiến đấu, tự vệ vũ trang

Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, lực lượng vũ trang đóng vai trò nòng cốt, xung kích, hỗ trợ cho các lực lượng chính trị nổi dậy đè bẹp sức phản kháng của kẻ thù, giành quyền làm chủ, đưa thắng lợi trọn vẹn về tay nhân dân.

5. Sự thành lập Quân đội Quốc gia Việt Nam

- Ngay từ sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng và nhân dân ta khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang trên khắp cả nước.

Giải phóng quân và các đội tự vệ đã trở thành công cụ chuyên chính của chính quyền cách mạng Trung ương và các địa phương.

Tháng 9/1945, Hồ Chủ tịch chỉ thị mở rộng Giải phóng quân Việt Nam và đổi tên là Vệ quốc đoàn.

Đến 22/5/1946, Vệ quốc đoàn được tổ chức và phát triển thành Quân đội quốc gia Việt Nam.

Lực lượng vũ trang của ta trong những năm 1945 – 1946 đã góp phần quyết định làm thất bại một bước âm mưu của Pháp đánh chiếm Nam Bộ.

- Sau khi toàn quốc kháng chiến bùng nổ, quân đội là lực lượng trụ cột trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đã được rèn luyện và trưởng thành về mọi mặt.

Dân quân du kích, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực là ba thứ quân được hình thành và phối hợp chặt chẽ trong các cuộc chiến đấu tiêu diệt địch.

Từ những đội quân du kích nhỏ trong những ngày đầu kháng chiến, quân đội ta đã lớn mạnh, trở thành một đội quân chính quy.

Từ một quân đội đơn thuần bộ binh phát triển dần thành một quân đội hiện đại, từ hoạt động phân tán, đánh du kích là chính tiến lên hoạt động tập trung tác chiến theo phương thức chính quy, kết hợp tác chiến chính quy với tác chiến du kích, đưa kháng chiến đến toàn thắng.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT (04) 9715013; (04) 7685236. Fax: (04) 9714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc **PHÙNG QUỐC BẢO**
Tổng biên tập **NGUYỄN BÁ THÀNH**

Biên tập nội dung
VÕ TỐ OANH

Sửa bài

LÊ HOÀ

Chế bản

CÔNG TI ANPHA

Trình bày bìa

SƠN KỲ

Đối tác liên kết xuất bản

CÔNG TI ANPHA

SÁCH LIÊN KẾT

**HƯỚNG DẪN GIẢI CÁC DẠNG BÀI TẬP TỪ CÁC ĐỀ THI QUỐC GIA
MÔN LỊCH SỬ**

Mã số: 2L-17DH2009

In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Công ty TNHH in Song Nguyên

Số xuất bản: 1068-2008/CXB/11-177/DHQGHN, ngày 25/11/2008

Quyết định xuất bản số: 17LK-TN/XB

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2009.